

LỜI NÓI ĐẦU

Năm 1990, Nhà xuất bản Thanh Niên xuất bản Hồi ký “**Con đường theo Bác**”, Hoàng Quốc Việt kể, Đức Vương ghi.

Đồng chí Hoàng Quốc Việt, nguyên Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam (Đảng Cộng sản Việt Nam), một nhà hoạt động cách mạng kiên cường, bản lĩnh, một người học trò trung thành và xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Cuốn sách đã được dư luận xã hội đánh giá cao bởi tính trung thực lịch sử, phản ánh sinh động về hoạt động cách mạng của Bác Hồ và những người theo sự nghiệp của Bác nhằm giải phóng dân tộc Việt Nam thoát khỏi ách nô lệ, giành lại độc lập, tự do cho Tổ quốc, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chính vì vậy, theo yêu cầu của đông đảo bạn đọc, năm 2003, Nhà xuất bản Thanh Niên tái bản cuốn sách này. Lần này, theo đề nghị của các vị lão thành cách mạng và đông đảo bạn đọc trong cả nước, Nhà xuất bản Thanh Niên lại tái bản lần thứ hai cuốn sách này với tên mới: “**Đường Bác Hồ chúng ta đi**”.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Hà Nội, tháng 9 năm 2007

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

Chương I - Nguyễn Ái Quốc trong trái tim tôi

Tôi không may mắn như nhiều đồng chí khác, vì đến tận năm 1941, mới được gặp Bác Hồ. Tuy nhiên, tên của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, tác giả "Bản án chế độ thực dân Pháp" và "Đường cách mệnh", đã thâm nhập trí óc, ăn sâu vào trái tim của tôi ngay từ năm 1928, khi tôi gia nhập "Hội Việt Nam cách mạng thanh niên" (Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội - gọi tắt là "Thanh Niên").

Lúc bấy giờ ở Việt Nam xuất hiện nhiều tổ chức chính trị với những đảng phái khác nhau, mà tiêu biểu là "Việt Nam Quốc dân Đảng", "Tân Việt cách mạng Đảng", "Hội Việt Nam cách mạng thanh niên". Việt Nam Quốc dân Đảng ra đời vào năm 1927, do Phạm Tuấn Tài khởi xướng và Nguyễn Thái Học sáng lập. Công bằng mà nói, sau khi ra đời, Việt Nam Quốc dân Đảng làm được nhiều việc, khơi dậy một truyền thống yêu nước trong nhân dân, nhằm đánh đổ đế quốc Pháp ở Đông Dương. Với nghĩa khí "anh hùng hảo hán", "dọc ngang trời đất trên đầu biết ai", "không thành công thì thành nhân", những ấy "hiệp sĩ mặc com lê" (từ ngữ mà chúng tôi hồi ấy thường dùng để gọi các đảng viên Quốc dân Đảng một cách khôi hài), đã làm nên nhiều công trạng. Hình ảnh Đoàn Trần Nghiệp (tức Ký Con) tung hoành dọc ngang trời đất, "vua ám sát", làm cho lớp thanh niên chúng tôi thần phục, làm cho thực dân Pháp mỗi khi nhắc đến tên anh, phải run sợ, và trong chúng tôi có người đã coi anh như một thần tượng. Việc Ký Con ám sát Nguyễn Văn Kính ở trại Bách thú, ám sát giáo Du và giết hụt viên thanh tra mật thám Dương, con Du,... đã làm cho nhiều trái tim người dân trong kinh thành và các vùng chung quanh đập thình thịch. Tên Pátxkiê (Pasquier), Toàn quyền Đông Dương lúc ấy đã phải sững sốt trước tên tuổi lừng danh của Ký Con. Trong hàng Việt Nam Quốc dân Đảng có anh Trần Xuân Độ, một người cùng làm việc với tôi ở nhà máy Công, Hải Phòng, có nhiều lý lẽ, thuyết phục tôi gia nhập Việt Nam Quốc dân Đảng. Anh bảo tôi: "Mẹ đang ốm liệt giường đấy. Anh nào có thuốc hãy xin cứ ra công cứu

chữa". Trái tim của anh mang bầu nhiệt huyết cách mạng. Khi chưa bắt gặp chủ nghĩa Mác-Lênin, anh coi Việt Nam Quốc dân Đảng là lý tưởng của đời anh. Nhiều cán bộ, đảng viên của Việt Nam Quốc dân Đảng hành động rất quyết liệt, mặc dù hành động đó phảng phất hình ảnh kiểu "Lỗ Trí Thâm" Vì không tập hợp được lực lượng nhân dân, lại tôn thờ chủ nghĩa dân tộc cách mạng hẹp hòi, Việt Nam Quốc dân Đảng sớm chấm dứt vai trò lịch sử. Nhất là sau vụ khởi nghĩa Yên Bái (đầu năm 1930) thất bại, báo hiệu sự cáo chung của một lý tưởng "Quốc gia vàng", Vụ xử án Việt Nam Quốc dân Đảng, ngày 2-7-1929, là một bằng chứng về sự đối phó của thực dân Pháp với Quốc dân Đảng Việt Nam. Hôm ấy, các ngã đường chung quanh toà án đều có lính sen đầm, lính cảnh sát, lính khố xanh cùng các viên mật thám tây, ta đứng giữ trật tự để "bảo vệ quan toà". Đúng 8 giờ sáng, tiếng chuông rung lên, người xem tràn vào đông nghìn nghịt. Bridơ (Bride), giám đốc các viện chính trị và hành chính ở Bắc Kỳ làm Chánh hội đồng, thông thả bước ra. Theo sau y là Đenson (Delsalle), đốc lý thành phố Hà Nội; biện lý Nicôlai (Nicolas); đại úy Ghét và mục sự Ácnu (Arnoux) cùng Hoàng Hữu Phương thông ngôn. Hơn 70 đảng viên Việt Nam Quốc dân Đảng ngồi ghế bị cáo trước mặt bàn các viên trạng sư Măngđrétto (Mes Mandrette), Pátxcan (Pascalis), Bôna (Bona) và Măngsong (Mansohn). Mở đầu phiên toà, Bridơ đọc bản kết tội Việt Nam Quốc dân Đảng: "Đảng Việt Nam quốc dân họp tại nhà số 9, đường 96, là nhà riêng của Phạm Tuấn Tài, giáo học, Lúc buổi đầu lập Đảng, Tài có anh là Phạm Quế Lâm, tức Dật Công và một người bạn thân là Hoàng Phạm Trân, tức Nhượng Tống, giúp việc. Mục đích của Đảng là in sách báo để chuộng. Buổi họp hội tháng 5-1927, xét ra Nhượng Tống là người mẫn cán hơn cả, Đảng liền cử đi giao thiệp với Nam Kỳ để bày tỏ mục đích, những việc dự định làm, lập các chi bộ, in sách báo...

Rồi tới tháng 7 năm ấy, Đảng lại họp ở Nam Đồng thư xã, do Nguyễn Thái Học chủ toạ. Kỳ họp tháng 9-1927 do Phạm Tuấn Tài chủ toạ. Tài là giáo học ở Tuyên

Quang, người khởi xướng chương trình hành động bài Pháp. Sau cuộc họp này, Đảng cử Nguyễn Thế Nghiệp sang Trung Quốc, trong khi đó, Phạm Tuấn Tài cổ động phong trào bài Pháp ở Tuyên Quang. Ngày 11-11-1929, là ngày hội chiến thắng của Đảng. Trong các ngày 24, 25, 26-11-1927, mấy yếu nhân là Hoàng Phạm Trân, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Thế Nghiệp, Nguyễn Ngọc Sơn tức Thái Sơn cùng họp ở nhà Nguyễn Thái Học bàn việc thành lập Việt Nam Quốc dân Đảng. Đến tháng 12 năm ấy, Nguyễn Thế Nghiệp vào Nam Kỳ để nghiên cứu tình hình chính trị. Khi qua Thanh Hoá, Nghiệp ghé vào tìm Hoàng Văn Tùng, yêu cầu Tùng tham gia tổ chức và cổ động cho việc thành lập Đảng. Nhưng Tống xuống Thái Bình vận động người vào Đảng, trong lúc Phạm Tuấn Tài vẫn xây dựng lực lượng ở Tuyên Quang. Ban trị sự lâm thời của Đảng được lập ra, do Nguyễn Thái Học làm Hội trưởng. Hệ thống tổ chức của Tổng bộ được chia làm 6 ban: Ban cổ động, Ban chiến tranh, Ban trinh thám, Ban kinh tế, Ban ám sát, Ban ngoại giao. Dưới Tổng bộ là các tỉnh bộ và chi bộ. Mỗi người khi gia nhập Đảng, phải ký tên vào một tờ giấy đại ý như sau: Trước giang sơn Việt Nam, trước anh em đồng chí, tôi là... xin gia nhập Việt Nam Quốc dân Đảng, thề hy sinh cả tính mệnh, tài sản, nếu sai lệnh sẽ phải tử hình. Ngày 1-7-1928, Đảng họp tại Nam Đồng thư xã, cử Nguyễn Thái Học làm Đảng trưởng, thông qua Điều lệ bổ sung. Ngay sau đó, Đảng thực hiện chương trình hành động: Cử các đại biểu đi xây dựng lực lượng tại các tỉnh biên thùỵ. Cử đại biểu vào yết kiến cụ Phan Bội Châu. Mở một nhà khách sạn, để lấy lợi tức sung vào công quỹ. Lập một tờ báo bằng chữ quốc ngữ và xuất bản các sách. Bắt buộc các đảng viên trẻ tuổi trong Đảng phải vào lính để tiến tới việc thành lập quân đội. Tóm lại, mọi hoạt động của Đảng đều nhằm vào việc phá hoại, kiến thiết, bình trị. Việc phá hoại có thể chia ra ba thời kỳ: phôi thai, dự bị và thực hành. Nghiên cứu bản kết tội Việt Nam Quốc dân Đảng, do Bridơ đọc thấy rõ bọn thực dân bám sát phong trào cách mạng Việt Nam đến chừng nào. Chúng lo sợ Việt Nam Quốc dân Đảng và sau này, chúng càng lo sợ hơn Việt Nam cộng sản.

Sự lo sợ của thực dân Pháp báo hiệu phong trào cách mạng ở Việt Nam đã bắt đầu nổi lửa. Mối lo của thực dân Pháp dẫn tới sự khủng bố dã man những người anh em Việt Nam Quốc dân Đảng. Cuộc tấn công của thực dân Pháp vào Việt Nam Quốc dân Đảng dẫn tới 800 cuộc bắt bớ, tra tấn và phá hoại. Hầu hết đảng viên Việt Nam Quốc dân Đảng bị sa vào lưới Pháp. Đứng trước một tình thế "lòng chân đứng" buộc Việt Nam Quốc dân Đảng phải "dốc túi". Đó là vụ bạo động vũ trang ở Yên Bái, ngày 10-2-1930. Sau vụ bạo động non này thực dân Pháp đàn áp rất khốc liệt. Sau trận đàn áp đó, Đảng này rất khó phục hồi.

Qua thất bại của Việt Nam Quốc dân Đảng, Phạm Tuấn Tài rút ra bài học xác đáng: "Do những điều kinh nghiệm về cách mệnh, tôi nhận thấy rằng: Muốn phá hoại một xã hội cũ và kiến thiết một xã hội mới, lực lượng cách mệnh chỉ có thể công vào các giai cấp nào trong xã hội bị bóc lột hơn hết và bị áp bức hơn hết. Và muốn đánh đổ chế độ hiện thời, những phần tử cách mệnh ở các dân tộc bị áp bức phải liên kết với công nông và quần chúng lao khổ ở các nước tư bản mà lập thành một trận tuyến chung. Chủ nghĩa quốc gia hiện đã trái mùa. Cả đến chủ nghĩa xã hội dân chủ hay chủ nghĩa tân dân cũng chỉ là những cái lương dờ dang không công hiệu. Nói rõ hơn, chỉ có chủ nghĩa Mác-Lênin mới có thể đánh đổ được chế độ đế quốc mà giải phóng cho các dân tộc yếu hèn; chỉ có chủ nghĩa Mác-Lênin mới có thể phá tan được xã hội giai cấp mà dẫn nhân loại tới thế giới đại đồng".

Còn Tân Việt cách mạng Đảng mà tiền thân của nó từ Hội Phục Việt, chủ trương đoàn kết mọi lực lượng trong và ngoài nước. Trong khi lãnh đạo công nông binh, ngoài thì liên lạc mới các dân tộc bị áp bức nhằm đánh đổ chủ nghĩa đế quốc, xây dựng một xã hội bình đẳng, bác ái mới. Tân Việt cũng ra sức phát triển tổ chức, giáo dục huấn luyện đảng viên, có cơ sở ở Hà Nội, Hải Phòng, vùng mỏ, Nam Định, Sài Gòn, Chợ Lớn, Tân An, Mỹ Tho, Cần Thơ, Biên Hoà,... Nhưng lực lượng phát triển mạnh nhất là Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh và các tỉnh ven biển

miền Trung. Theo gương Thanh Niên, Tân Việt cũng cho đảng viên của mình đi "vô sản hoá". Qua "vô sản hoá", nhiều đảng viên đã gặp gỡ cán bộ của Thanh Niên, được họ truyền bá cho chủ nghĩa Mác-Lênin, và thấm nhuần đường lối cách mạng Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc đề xướng. Song, một số người trong Ban lãnh đạo Tân Việt lại chịu ảnh hưởng nặng nề của chủ nghĩa quốc gia tư sản, trong khi đó, nhiều đảng viên ngày càng thấm nhuần chủ nghĩa yêu nước mang chất mới Mác-Lênin của Nguyễn Ái Quốc, đã làm cho số đảng viên này ngày càng xa lạ với Ban lãnh đạo của họ, đi về phía Thanh Niên. Hàng Hàng loạt đảng viên của Tân Việt như Trần Phú, Lê Duẩn,... dần dần thoát ly Đảng mình để gia nhập Thanh Niên.

Lúc bấy giờ, chúng tôi, lớp thanh niên tràn đầy lòng yêu nước đứng trước một sự lựa chọn không tiền lệ: Theo Việt Nam Quốc dân Đảng của Nguyễn Thái Học và Phạm Tuấn Tài, hay ngả theo Tân Việt. Trong lúc đang còn chới với giữa đôi dòng nước, may mắn làm sao, người học trò kiệt xuất của Nguyễn Ái Quốc là Nguyễn Đức Cảnh đã kết nạp tôi vào Thanh Niên. Anh Cảnh người bé con, nhưng tư tưởng lại lớn lao, đã bỏ ra nhiều thì giờ để huấn thị cho tôi về chủ nghĩa cộng sản. Anh nói rằng, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã đúc kết những tinh hoa của chủ nghĩa Mác-Lênin thành bốn nguyên lý cơ bản: Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng Công nông là gốc cách mạng; Cách mạng muốn thắng lợi triệt để phải do giai cấp công nhân và đội tiên phong của nó thấm nhuần chủ nghĩa Mác-Lênin lãnh đạo; Cách mạng Việt Nam phải có mối liên hệ với cách mạng thế giới. Ngày nay, ngồi xem lại bốn nguyên lý mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đúc kết, thấy nó bình thường. Nhưng nếu ở vào giai đoạn trước năm 1930, chúng tôi thấy giá trị như một chân lý vĩ đại, một sự khai phá lý luận trước khi đưa cả dân tộc bước vào trận mới.

Đã có người kể cho tôi nghe câu chuyện thú vị: Sau khi tìm ra châu Mỹ, C.Côlôm (Christophe Colomb) tổ chức tiệc chiêu đãi linh đình. Trong bữa tiệc, ông mang ra một quả trứng đặt trên bàn và bảo ai có tài hãy để quả trứng đứng dọc mà không đổ

vỡ. Các ông hoàng, bà chúa thi nhau làm, nhưng chẳng ai làm được theo đúng đề nghị của Côlôm. Mọi người đành chịu. Lúc bấy giờ, Cô lôm mới mang ra một chiếc giá để đỡ quả trứng đứng dọc lên. Mọi người trông thấy dè bủ: "Trưởng thế nào chứ như thế ai cũng làm được". Côlôm cười nói: "Khi tôi chưa tìm ra châu Mỹ, ai cũng bảo tôi là phiêu lưu, thậm chí có người còn cho tôi là điên rồ. Nhưng đến khi tôi tìm ra châu Mỹ rồi, họ lại hùa nhau nói rằng: Cũng dễ thôi, cứ giong buồm đi mài sẽ đến, khó gì". Qua câu chuyện Cô lôm, tôi muốn nói, khi Bác Hồ chưa đúc kết được bốn nguyên lý trên, người Việt Nam ta nào ai đã biết. Nhưng đến khi Bác nêu lên rồi, lại bảo bốn nguyên lý đó cũng "dễ thôi". Vì thế, tôi muốn nói với các bạn trẻ chớ có coi thường lý luận mà cha ông ta đã đúc kết nên. Phải trân trọng lời dạy của Bác Hồ, vận dụng lời Bác vào trong cuộc sống phong phú của chúng ta.

Lớp thanh niên của những năm 80, thế kỷ XX như chúng tôi vô cùng háo hức mỗi khi được đọc một cuốn sách, thậm chí một bài báo của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I. Lênin, Nguyễn Ái Quốc, báo "Thanh Niên" do Bác sáng lập và viết nhiều bài, mỗi lần mang về nước là chúng tôi chuyền tay nhau đọc đến nhàu nát, rồi chép đi chép lại đến thuộc lòng. Lúc này, tuy chưa được gặp Bác, nhưng qua sách, báo của Bác, chúng tôi đã học được ở Bác rất nhiều. Học Bác về lý tưởng cách mạng và cách làm cách mạng. Học Bác về cách tổ chức một đoàn thể, Học Bác về chủ nghĩa yêu nước thương dân, ghét bọn ăn bám, bóc lột Bác yêu từ mỗi con người để rồi yêu cả loài người. Và khi yêu cả loài người, Bác không bao giờ quên mỗi con người. Tình yêu của Bác đặc sắc lắm, Bài học đầu tiên mà Bác dạy cho chúng tôi là bài học "tư tưởng người cách mạng". Ai không có tư cách hoặc không đủ tư cách không thể làm cách mạng, làm cán bộ. Kẻ tuy mẫn tiệp, nhưng ích kỷ nhỏ nhen, hoặc kẻ hào phóng, nhưng đầu óc u tối, đều không thể đứng trong đội ngũ tiên phong. Tư cách người cách mạng mà Bác dạy cho chúng tôi bao gồm những phẩm chất và năng lực, lòng vị tha và tình bác ái. Bác là lá cờ đại nghĩa về đoàn kết. Mục đích đoàn

kết là làm cho nhiều dân tộc, nhiều tiếng nói gắn bó với nhau trong cộng đồng loài người. Bác đoàn kết với từng người, để rồi đoàn kết với cả loài người cần lao và đau thương. Làm sao cho dân tộc này có thể đoàn kết với dân tộc kia. Muốn thế, các dân tộc hãy chung sống hoà bình. Nhưng muốn có chung sống hoà bình, trước hết phải tống cổ bọn đế quốc và bọn ăn bám xuống đáy sâu đại dương. Đó là quy luật tiến hoá của xã hội loài người, nhưng cũng là lẽ ở đời. Có bao giờ chúng ta được sống sung sướng trong sự ái ân, chiều chuộng của đế quốc đâu? Không! Từ bao đời đều không có chuyện đó. Vậy thì muốn sống tự do trong hoà bình, chúng ta phải đánh đổ cái gì phá hoại tự do. Đó là quan điểm sống và đấu tranh của Bác mà chúng tôi đã hấp thụ được. Dựa vào quan điểm này, Bác đã đưa dân tộc bước vào trận mới để xoá đi cái cách đè nặng trên vai ông cha ta, để xoá đi ngọn roi của kẻ ăn trên ngồi thóc vút vào đầu ông cha ta, để xoá đi cái cảnh kẻ oằn lưng kéo xe và kẻ chễm chệ ngồi trên xe, để xoá đi cái gì ta phải xoá. Làm được như thế, chúng ta hoàn thành được phận sự lớn lao đối với quê hương, đất nước. Rõ ràng, Bác đã trao cho chúng ta vũ khí để làm người, và chúng ta được làm người nhờ có vũ khí của Bác. Vũ khí của Bác rạng ngời chiến công và cùng chúng ta đi suốt cuộc trường chinh dân tộc. Trong đêm tối vây bủa mịt mù, có Bác, tự nhiên đất trời bừng sáng. Loài lang sói hay ăn thịt người, loài quạ hay rĩa rói thịt người. Chúng đồng nghĩa với loài đế quốc, vì vậy, phải đánh đổ nó. Chúng ta khác nhau về tên gọi, phong cách, nhưng lại có nét chung giống nhau, đó là lòng trung với nước, hiếu với dân, như lời thiêng liêng Bác đã dạy. Chúng ta không tiếc máu xương, hãy vì sự nghiệp nước mạnh, dân giàu, độc lập, tự do, hạnh phúc của dân tộc chúng ta. Đó là lẽ sống thiêng liêng nhất, kỳ diệu nhất của một dân tộc từ ngàn xưa bao giờ cũng cố kết cùng nhau. Hãy theo Bác làm cách mạng!

Hồi ấy, tuy chưa một lần gặp Bác, nhưng tôi hiểu rằng Bác đã biết đến tôi. Ngày 19-2-1931, trong báo cáo gửi Bộ Phương Đông của Quốc tế Cộng sản lúc ấy đóng

ở Thượng Hải, Bác đã nhắc đến tên tôi và những câu trả lời của tôi trước toà án thực dân. Vào đầu năm 1930, sau chuyến đi sang Pháp để lấy tài liệu, vũ khí mang về Sài Gòn, tôi được anh Ngô Gia Tự, Bí thư Xứ uỷ Nam Kỳ Đảng Cộng sản Việt Nam, cử ra Bắc Kỳ, chuẩn bị lên đường sang Hương Cảng (Hồng Kông) dự Hội nghị Trung ương Đảng. Từ Sài Gòn, tôi đi tàu thuỷ ra Hải Phòng. Đến Hải Phòng, tôi được bố trí ở nhà chị Tư Già (Nguyễn Thị Thuận). Chồng chị là anh Tư Già (Nguyễn Bá Biên). Anh chị đều là "cặp uyên ương cách mạng", sống với nhau rất hạnh phúc, đồng thời cả hai người đều hăng say hoạt động cách mạng. Khi tôi đến, chị Tư Già đang có mang. Mặc dù bụng mang, dạ chứa, tôi thấy chị vẫn hăng hái đi rải truyền đơn, in tài liệu. Đêm đêm, chị ngồi khâu cò. Một ngọn đèn dầu, một tấm lòng cách mạng, chị Tư Già thức tới khuya để làm việc cho Đảng. Trong hoàn cảnh lúc ấy, những phụ nữ hoạt động như chị, quả không nhiều. Tôi ở nhà chị được ít ngày thì mật thám ập đến bắt. Trong tình thế hiểm nghèo, tôi thấy chị Tư Già vẫn bình tĩnh dặn tôi:

- Anh cứ nhận là chồng tôi. Nếu chúng biết tôi là vợ anh Tư Già, tôi sẽ nói anh Tư Già đã chết. Tôi mới lấy anh. Đứa con trong bụng là con chồng cũ. Cứ thế, cứ thế.

Tiếng đập phá cửa mỗi lúc một dữ dội. Chị Tư Già lần xuống cầu thang và mở cửa:

- Chào các ông! Có việc gì thế

- Rồi mày sẽ biết! - Bọn chúng trả lời cục cằn.

Sau khi lục soát, chúng bắt tất những người có mặt trong nhà: chị Tư Già, cô Lý, cháu Lan, con gái lớn của chị Tư Già, và tôi lên xe. Tới Sở Cảnh sát, chúng đẩy tôi vào nhà giam, rồi ngay tối hôm đó bắt đầu cuộc tra tấn tôi theo "luật thú rừng". Chúng đánh tôi hàng chục đêm liền. Nhưng càng đánh, tôi càng gan lì. Hồi nhỏ đi học, có lần cha tôi bảo: "Gan lì tướng quân". Nay tôi đang ở trong tình trạng tra khảo, nghĩ mình phải gan lì, mới có cơ trở thành "tướng quân". Sau những trận đòn

mà bầy lang sói giáng vào đầu tôi tôi đã như người tàn phế: đầu óc choáng váng, không chảy máu mà lấy tay ấn thấy lõm lõm. Máu dồn xuống hai mắt sưng híp Mặt sưng to, vêu vao, đen nhám từng mảng. Chân bị đánh què mà cho đến nay cũng vẫn còn "tập tễnh". Hàng chục đồng chí cũng bị đánh đau như tôi chỉ vì một đồng đội đã phản bội và khai báo với địch.

Ba tháng sau, chúng giải tôi sang giam ở nhà lao Hải Phòng. Tại đây, tôi đã gặp anh Lương Khánh Thiện, người đồng chí thân thiết đã cùng làm việc với tôi ở nhà máy Chuông, rồi chị Bích Hợp, vợ anh Thiện cùng chị Tư Già bị giam ở bên nhà giam nữ. Gặp nhau, giọt lệ đọng trong khoé mắt. Ai nấy chỉ nói với nhau một câu: "Hãy giữ chủ nghĩa cho vững!". Ngày 21-1-1931, chúng giải 191 người tù cộng sản và Việt Nam Quốc dân Đảng ra xử tại Hội đồng đề hình, tổ chức ở Kiến An. Tôi nằm trong số 191 người này. Hôm ấy, tôi thấy lính Tây, ta đứng lối nhỏ vòng trong, vòng ngoài, canh phòng rất cẩn mật. Trong trại lính khố đỏ, ở dưới chân núi, chúng đặt trạm vô tuyến điện để có thể đánh điện về Hà Nội và các nơi vào bất cứ lúc nào. Đúng 8 giờ sáng, chuông rung báo hiệu giờ xử án đã đến. Bọn quan toà lúc nhúc kéo ra: Pulo Ôsiơ (Poullét Osier), ghê chánh án, cùng các tên M.M, Xuđơvơ (MM. Sourdeval), công sứ tỉnh Kiến An; Đuphilơ (Duffilho), biện lý ở Hải Phòng; đại úy Ghilomanh (Guillaumin) là những uỷ viên Hội đồng cùng viên lục sự N. Xtantơ (N. Stalter) và M. Đuyvinliơ (M. Duvillier) làm thông ngôn. Tôi là người thứ 105 bị gọi ra xử. Trước toà, tôi khẳng khái nói thẳng mình là người cách mạng. Báo "Đông Pháp" số 1299, ra ngày 28-1-1931, đăng tường thuật như sau: "Hạ Bá Cang tức Ban, nhận là người cách mạng. Bỏn phận y phải làm. Y không hề chối, vì theo y, làm cách mạng để đánh đổ giai cấp bóc lột ở đời, chống chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc". Sự kỳ lạ của vụ án này là không xử từng người theo "tội trạng" chúng quy kết, mà xử "mớ" như một trò gian dân chính trị. Sau khi chúng trả lời qua loa, cũng là trả lời "mớ" 780 câu hỏi của chúng tôi, chúng tuyên án, ném

chung 110 người vào "rọ" phát lưu không kỳ hạn, 33 người chống án lên Hội đồng bảo hộ. Số người còn lại xét xử sau.

Tháng 2-1931, Bác Hồ đang ở Hương Cảng. Một hôm, Bác nhận được báo cáo từ trong nước gửi ra, nói về sự khủng bố của thực dân Pháp, trong đó có vụ xử tại Hội đồng đề hình Kiến An. Đọc báo cáo, Bác khóc thầm, rất thương chúng tôi. Bác liền báo cho Bộ Phương Đông của Quốc tế Cộng sản biết việc này. Trong báo cáo, Bác thống kê rất tỉ mỉ về những án tù cộng sản, phân ra từng loại, què quán, số người tù, tuổi tác của họ... Bác viết: "Khủng bố trắng không thể làm giảm sút được tinh thần cách mạng của các chiến sĩ. Những câu trả lời của anh chị em tù trước toà án đã chứng tỏ điều đó, mặc dù anh chị em không được phép nói nhiều".

Rồi Bác dẫn ra một số câu trả lời của chúng tôi trước phiên toà Kiến An:

Nguyễn Văn Bôn (*chính là Nguyễn Văn Đôn, tức Đoàn Sáu*):

- Tôi theo những người cộng sản tháng 10-1930 vì tôi thấy xã hội hiện nay rất thối nát.

Nguyễn Trọng Tuệ:

- Phải, tôi là đảng viên Đảng Cộng sản. Vì thiếu cơm ăn, áo mặc, tôi phải làm cách mạng!

Nguyễn Văn Ung (*chính là Nguyễn Văn Ứng*)

- Tôi vào Đảng Cộng sản để đánh đuổi người Pháp ra khỏi đất nước. Không chỉ có mình tôi, ai cũng biết cầm bát cơm ăn cũng phải làm cách mạng.

Phạm Thị Hội (*chính là Phạm Thị Hợi, tức Hai Liên*):

- Phải, tôi theo Đảng Cộng sản vì trong xã hội này có nhiều bất công.

Hà Bá Cang (*chính là Hạ Bá Cang*):

- Tôi không cần từ chối gì về hoạt động cách mạng của tôi vì đó là bổn phận của tôi phải đóng góp sức cứu vớt 20 triệu đồng bào là đánh đổ giai cấp tư bản đế quốc.

Nguyễn Huy San (*chính là Nguyễn Huy Sán, tức Tháo, tức Huguste*):

- Tôi là công nhân, tôi theo Đảng để bênh vực quyền lợi cho vô sản.

Nguyễn Thị Hợi (*tức Bích Hợp, vợ anh Lương Khánh Thiện*): Khi toà án nói với chị: "Cô là giáo học, để làm cách mạng cô đã bỏ việc đi làm phu ở nhà máy dệt Nam Định". Chị trả lời: "Phải, tôi vào Đảng Cộng sản vì chủ nghĩa cộng sản là một chủ nghĩa đúng đắn. Ông cũng thế, nếu ông là vô sản, nhất định ông cũng sẽ vào Đảng".

Đoàn Văn Nghiêm (*tức Ninh*):

- Tôi vào Đảng Cộng sản để đánh đổ đế quốc, tư bản và phong kiến, Pháp.

Bùi Đắc Thành: (*bị cáo treo cờ đỏ và rải truyền đơn*):

- Tôi có gan theo Đảng Cộng sản thì tôi cũng có gan dám chịu lấy trách nhiệm. Chúng tôi không xem cách mạng như một trò trẻ con.

Tất cả 72 đảng viên cộng sản đều trả lời với một tinh thần như vậy...".

Qua báo cáo của Bác, thấy Bác tuy ở xa Tổ quốc, nhưng nắm tình hình trong nước rất chắc.

Chúng tôi có cảm tưởng mỗi bước đi của cách mạng Việt Nam đều có con mắt của Bác chiếu rọi vào. Hồi ấy, Bác thường nhận ở Hương Cảng những báo cáo của các Xứ uỷ và Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương gửi từ Việt Nam sang. Báo cáo đó, Bác lại chuyển cho Bộ Phương Đông của Quốc tế Cộng sản. Xem báo cáo, chỗ nào thấy cần uốn nắn, nhắc nhở, Bác lại viết thư gửi cho các đồng chí ở Trung ương, Xứ uỷ biết để rút kinh nghiệm. Không những chỉ nghiên cứu qua báo cáo, Bác còn "sẵn đón" những cán bộ từ Việt Nam sang để Bác trực tiếp hỏi tình hình

diễn biến ở trong nước. Thông qua Bác, Quốc tế Cộng sản đã nắm được tình hình Đông Dương. Vì vậy, có thể nói, công lao của Bác trong Quốc tế Cộng sản đâu có phải nhỏ.

Đúng như lời đồng chí Nôxaca Xandô, Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Nhật Bản nói: “Mọi người đều biết rõ, từ khi còn trẻ, đồng chí (tức Chủ tịch Hồ Chí Minh) đã hoạt động ở nước ngoài để tìm con đường giải phóng Tổ quốc và nhân dân khỏi ách thống trị thực dân tàn khốc. Đồng chí đã từng được tôi luyện trong bao phen tù đày, đã cống hiến cuộc đời cho sự nghiệp độc lập dân tộc và sự phát triển của phong trào cộng sản quốc tế”.

Chương II - Gặp Bác tại núi non Cao Bằng

Xử án xong, nhà cầm quyền Pháp đưa chúng tôi về giam tại nhà tù Hỏa Lò, Hà Nội. Đến cuối mùa hè năm 1931, chúng lại đem chúng tôi xuống Hải Phòng để đưa xuống tàu chở ra giam tại nhà tù Côn Đảo. Cuộc hành trình trong xích xiềng không khỏi làm cho một số người xao xuyến. Ngồi trên tàu, nhìn trời, thấy những đám mây trôi nhanh, chúng tôi nghĩ đất nước sẽ thay đổi nhanh hơn. Trong cuộc xoay vần, chưa chắc những kẻ có thể lực cứ ngồi trên ghế mà không đổ sập. Bọn thực dân đang còn hùng hù hỏ hỏ, chưa chắc chúng đã yên bình lâu dài trên cỏi Đông Dương. Lời tiên đoán của Bác đã trở thành niềm hy vọng của chúng tôi. Chúng tôi ra đến đảo Côn Lôn vào giữa đêm mờ mịt chẳng có trăng, sao. Lên đảo, ngỡ mình đang lạc vào cỏi âm ty, vì chung quanh thấy toàn cỏ xanh rậm rì hoang sơ. Chim chóc bay xào xạc sau những trận gió rung, cây chuyển. Vào khu vực ban, qua cánh cửa tôn dày han gỉ, mỗi lần mở ra, đóng vào, lại kẹt kẹt, nghe ớn lạnh làm sao. Khi bọn gác ngục đã tống chúng tôi vào ban, thấy chung quanh tối đen như mực. Tiếng gió núi cùng tiếng mưa ngàn làm chúng tôi thấy ngày trở về còn mênh mông quá. Tôi lại nhớ đến bài thơ "Cám cảnh Côn Lôn" của cụ Phan Tây Hồ:

Tang thương đời đổi mấy thu đông

Cụm núi Côn Lôn đứng vững trông,

Bốn mặt giày vò oai sóng gió,

Một mình che chở tội non sông.

Cỏ hoa đầy nẩy cây trăm thức,

Rồng cá trời riêng biển một vùng,

Nước thẳm non xanh thiêng chẳng nhẽ

Gian nan xin hộ bước anh hùng.

Ở Côn Lôn, tuy hàng ngày chống chọi với loài thú dữ thực dân, song bên cạnh đó, chúng tôi vẫn còn tình đồng chí, đồng đội. Một trong những đồng chí của tôi, anh Lương Khánh Thiện cũng ra Côn Lôn trong chuyến này. Một con người lúc nào cũng muốn "xông lên trước" như anh Thiện, đã làm cho tôi yên tâm chờ thời để cũng "xông lên trước". Chung sống ở Côn Lôn còn có các anh Ngô Gia Tự, Tôn Đức Thắng... cũng thuộc bậc "gan lì tướng quân". Tất cả chúng tôi đều nung chí lớn, chờ thời. "Chờ thời" cũng là nghệ thuật sống ở đời, là sự mai phục của người cách mạng. Sự chịu đựng đến nghiệt ngã đã đưa chúng tôi đến thành công: Cuối năm 1936, tôi và một số đồng chí được trả lại tự do. Có được cái may mắn này là nhờ phong trào đấu tranh quyết liệt của nhân dân ta đòi thả tù chính trị, lại được sự ủng hộ của Mặt trận nhân dân Pháp. Vào tù, đầu xanh; ra tù, tóc đã điểm sương. *"Việc lớn chưa xong đầu đã bạc. Ngón ngang trăm việc ắt ra tay"*.

Trở về đất liền, tôi tiếp tục lao vào cuộc đấu tranh, hoạt động trong Mặt trận dân chủ, thuộc nhóm nửa công khai cùng với anh Trường Chinh và một số đồng chí khác. Rồi tham gia Xứ uỷ Bắc Kỳ, dự Hội nghị Trung ương Đảng, tháng 11-1940, tại làng Đình Bảng, thuộc huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Khoảng cuối năm 1940, đầu năm 1941, tôi cùng anh Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ... lên đường đi Cao Bằng, dự Hội nghị Trung ương Đảng. Chuyến đi từ Bắc Ninh lên Cao Bằng là một trong những chuyến đi vất vả nhất của đời tôi. Sự nghiệt ngã của thiên nhiên đối với chúng tôi trong chuyến đi này làm cho một số đồng chí bị "xuống cấp" sức khoẻ. Anh Trần Đăng Ninh bị sốt li bì, buộc phải bỏ dở chuyến đi mà quay trở về. Từ đồng bằng sông Hồng, chúng tôi phải đi vòng qua đất Trung Quốc, rồi mới vòng về Cao Bằng. Mặc dù trăm bề vất vả, nhưng trong lòng chúng tôi bùng cháy ngọn lửa hy vọng: sẽ được gặp Bác Hồ. Niềm hy vọng ấy đã xua tan đi tất cả sự vất vả, nỗi nhọc nhằn. Gió núi và mưa ngàn cũng phải bất lực trước niềm hy vọng đó của chúng tôi. Thú rừng và những tên lính tuần phòng nơi biên cương đã không

cản được bước chân chúng tôi đang đến với Bác. Đi mấy tháng trời ròng rã, chúng tôi mới đến được "nước non Cao Bằng".

Ai có lên Cao Bằng mới thấy được thế hiếm của miền sơn cước, bên cạnh là những "nét thơ xanh". Những đêm trăng sao vàng vạc, chiếu xuống những mỏm núi cao như Phía Đa, Phiabisóc nằm trên cánh cung sông Gâm, Phiaúác nằm trên cánh cung Ngân Sơn, không gì thi vị bằng. Chiều chiều, mây trắng như bông vờn quanh núi, lại được bóng vàng chiếu vào, chao ôi, nhìn mà sững mắt. Sông suối đan dệt uốn éo, rồi hồ Thang Hen, thác Bản Giốc, những kỳ quan nổi tiếng đã làm nhiều người mê hồn, chân bước đi, mắt vẫn còn ngoảnh lại. Thành quách ngập chìm dưới bóng cổ thụ cùng chùa chiền, miếu mạo cheo leo vách núi, tạo nên vẻ vừa tôn nghiêm, vừa trang nhã. Chiều chiều, trai gái làng bản vang khúc ca, điệu khăn, tiếng đàn, tiếng địch, tiếng chuông, tiếng cồng cùng những khuôn mặt các cô gái đẹp như gấm hoa, làm tâm hồn ta lâng lâng, thôn thức, cứ muốn ở mãi nơi đây mà không muốn về. Câu thơ: *"Nàng về nuôi cái cùng con, để anh trẩy hội nước non Cao Bằng"* mang ý nghĩa của một sự tích.

Tới Cao Bằng, các đồng chí trong Tỉnh uỷ ra đón chúng tôi. Tay bắt mặt mừng, tình đời, tình người nồng nàn, đầm ấm. Bà con khắp bản trên, xóm dưới nghe tin anh Lý (bí danh của đồng chí Hoàng Văn Thụ) đã về, hồi hả chạy lại vây quanh anh. Cụ già nắm cổ tay, các em nhỏ nắm vạt áo anh, còn các cô gái bản nhìn anh mà tròn mắt đỏ hoe. Chúng tôi đã chứng kiến cảnh thân tình đầm ấm giữa anh Lý với bà con dân bản. Anh có biệt tài làm công tác dân vận. Khi còn ở Bắc Ninh, nhân dân địa phương cũng mến anh da diết. Giờ đây, anh đang đứng giữa nơi núi non Cao Bằng, đồng bào càng mến yêu anh gấp bội. Anh giới thiệu anh Trường Chinh, tôi và các đồng chí khác với bà con dân bản. Qua anh, bà con bắt đầu có thiện cảm với chúng tôi. Một đồng chí Tỉnh uỷ nói: "Ông Ké đã biết tin, đang đợi các đồng chí". Một đồng chí liên lạc đưa chúng tôi lần theo đường rừng, lên lên

xuống xuống những đám ruộng bậc thang, men theo bờ suối vòng vèo, bước trên bãi sỏi sột soạt, "nhảy cóc" trên những phiến đá nhấp nhô. Một con đường đất đỏ, lượn quanh khuất nẻo, con đường dẫn đến hang Cốc Bó, nơi Bác Hồ đang ở. Một ông già mặc áo chàm, vai vắt khăn, cao cao, gầy gầy, vàng trán cao, đôi mắt sáng, chòm râu thưa, đang đi lại phía chúng tôi. Anh Lý nói nhỏ với mọi người: “Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đấy!”. Trong số anh em chúng tôi từ miền xuôi lên, chỉ có anh Lý biết Bác, vì trước đó mấy tháng, anh đã sang Trung Quốc gặp Bác. Còn tôi, anh Trường Chinh... lần đầu tiên được gặp Bác, sao mà hồi hộp vậy. Tôi liếc mắt nhìn sang anh Trường Chinh, thấy nét mặt anh rạng rỡ. Bác bắt tay chúng tôi. Giây phút đầu tiên gặp Bác, tôi hơi lúng túng trong cách xưng hô. Tự nhiên bật lên câu: “Chào đồng chí ạ!”. Bác cười. Sau này, ở núi rừng Việt Bắc, trong cuộc kháng chiến chống Pháp, đôi lần gặp nhau, Bác còn nhắc lại chuyện cũ: “Chú Việt lúc ấy chào mình bằng câu: Đồng chí ạ!”. Anh Lý giới thiệu với Bác từng đồng chí trong đoàn. Khi biết rõ họ và tên tôi là Hà Bá Cang, Bác nhớ ngay đến hồi đầu năm 1931, khi ấy Bác nhận được bản báo cáo từ trong nước gửi sang, nói về vụ xử án Kiến An, trong đó có tôi. Nhìn tôi trong giây lát, Bác cười nói "Hồi ấy báo cáo gửi sang bản đánh máy lại không có dấu, cho nên tôi đoán là Hà Bá Cang". Bác có nhấn mạnh chữ "Hà Bá" mà lướt nhẹ chữ "Cang" làm cho mọi người đứng đấy cười ầm lên, phá tan cái không khí trang nghiêm, do dự lúc ban đầu. Sau câu “pha trò” của Bác làm chúng tôi rất vui, phấn chấn tinh thần, xoắn xuýt bên Bác. Bác thật giản dị và rất tâm lý. Tới cửa hang, chúng tôi ngồi quây quần chung quanh Bác trên một phiến đá to, phẳng. Trong giao tiếp ban đầu, chúng tôi, người gọi Bác là "Cụ", người xưng hô là "Đồng chí". Sau thấy anh Trường Chinh và anh Hoàng Văn Thụ dùng tiếng "Bác", chúng tôi dùng theo. Trong chúng tôi, người cao tuổi nhất là anh Phùng Chí Kiên cũng kém Bác 11 tuổi. Tiếng "Bác" sao mà thân thương, đầm thắm, hợp với lòng mình thế, đã đi vào lòng nhân dân ta và nhân dân thế giới, đi vào tình cảm của mỗi người đối với Bác, đi vào “lịch sử của tâm hồn”. Bác bảo

chúng tôi nghỉ ngơi cho lại sức rồi sau đó sẽ bàn việc nước, việc Đảng. Chúng tôi ở chung trong một chiếc lán thuộc khu vực Khui Nậm. Còn Bác, lúc đầu, ở hang Cốc Bó, thuộc thôn Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, sau chuyển sang ở khu vực Khui Nậm, gần chỗ chúng tôi ở. Cốc Bó là một cái hang sâu kín. Muốn vào phải lách qua một khe đá, rồi từ khe đá, trèo lên cao là chỗ cửa hang. Lòng hang rộng như một căn buồng, trong có nhũ đá. Nền hang gồ ghề với những tảng đá nhấp nhô. Trước đầu hang Cốc Bó có ngọn núi mây trắng bồng bênh, đứng xa trông gần giống như một ông già râu dài, tóc trắng. Dân bản quen gọi là núi Nà Tàng. Khi về đây, Bác đổi tên núi Nà Tàng thành núi "Các Mác". Dưới chân núi Các Mác là con suối Giàng, được Bác đặt cho tên mới: suối Lênin. Còn ở khu vực Khui Nậm có thể nói rộng hơn khu vực hang Cốc Bó. Ở đây có bầu trời, cỏ cây, non, nước, sơn thủy hữu tình. Đây là bãi phẳng do Bác tạo ra để tập thể dục. Kia là bãi Còi Rạc, nơi Bác huấn luyện chính trị. Rồi hang Ngườm Vừ, hang Si Điêng đều là những nơi cao ráo, kín đáo để cất giấu tài liệu và hội họp. Đây, "đại bản doanh" của Bác đơn sơ, gần gũi với thiên nhiên là như vậy. Sự tịch mịch của chốn núi rừng làm con người thấy ung dung, thư thái. Trong những ngày sống nơi đây, tôi nhìn thấy Bác thường mặc quần áo chàm đã bạc, đội nón rộng vành, khăn mặt vắt vai, trông giống hệt người địa phương. Một trong những nét đặc sắc về sinh hoạt của Bác: sống tại địa phương nào là "ăn nhập" ngay với địa phương đó, từ phong tục, tập quán, thậm chí cả tiếng nói, Bác đều am hiểu sau ít ngày Bác đến. Nhờ có cách này mà bọn địch nhiều khi không lần ra tung tích của Bác, trong lúc nhân dân địa phương lại đùm bọc, chở che cho Bác. Những ngày sống tại Cốc Bó, rồi Khui Nậm, Bác thường đi bộ tới các hang, bản để thăm hỏi và tuyên truyền cách mạng cho nhân dân địa phương. Có những tối ngồi chung quanh nồi ngô bung, Bác kể cho dân bản nghe nhiều chuyện, rồi Bác mang "Truyện Kiều" và "Chinh phụ ngâm" ra đọc. Bác là người am hiểu sâu sắc nền văn học nước nhà, song thích hơn cả vẫn là "Truyện Kiều" và "Chinh phụ ngâm".

Từ Cốc Bó, Bác đến xóm Bó Bẫm, vào nhà cụ Dương Văn Đình. Xóm Bó Bẫm ở sát ngay chân núi. Muốn tới đó phải đi qua một thung lũng, qua nhịp cầu nho nhỏ bắc ngang suối Giàng là đến nơi. Bác đã kết bạn với cụ Đình, hai người rất ý hợp tâm đầu. Cụ Đình nay đã khuất núi. Các con của cụ được Bác dìu dắt ngay từ buổi ban đầu, có người trở thành đại tá quân đội nhân dân, có người đảm nhiệm công việc quan trọng ở tỉnh, huyện. Khi đến Pác Bó dự Hội nghị Trung ương, tôi được bà con dân bản nói rằng, chị Vương Thị Hú, con dâu cụ Đình, được Bác đặt cho tên mới xinh đẹp làm sao: Vương Kim Liên. Chị Hú suốt đời tự hào với cái tên "Kim Liên". Đội ơn Bác, chị lấy số tiền dành dụm bấy lâu mua biểu Bác bộ quần áo chàm mới. Bác cảm ơn chị và gửi lại bộ quần áo đó biểu cụ Đình. Những ngày ở Pác Bó, Bác còn tranh thủ dạy văn hoá cho bà con dân bản. Anh Dương Đại Lâm con cụ Đình, và là chồng chị Kim Liên, cùng các anh chồng và trai bản thường lui tới chỗ Bác để Bác dạy cho "cái chữ" và dạy cách làm cách mạng. Bác rất quý trẻ em Pác Bó. Thường những lúc rỗi rãi, Bác tập trung các em lại để giáo dục lòng yêu nước, yêu bản, yêu nhà, hướng dẫn các em trồng cây và dạy các em "cái chữ". Bác coi Pác Bó là quê hương thứ hai của mình. Năm 1961, khi Bác về Pác Bó, bà con ra đón Bác rất đông. Gặp bà con, Bác nói: "Tôi về thăm nhà, sao bà con ra đón?". Ân tình của Bác đối với bà con lớn lắm. Hình ảnh của Bác mãi mãi như một cuốn phim dài chiếu mãi mãi trong lòng bà con. Tôi được biết hôm tang lễ Bác, bà con Pác Bó mặc quần áo trắng kéo lên nguồn suối Lênin. Mỗi người đều vục tay uống lượt ngụm nước để tỏ lòng biết ơn công đức của Bác.

Hồi còn ở Pác Bó, tôi thấy sáng nào Bác cũng dậy sớm để tập "nhu quyền" với những động tác co giãn, mềm mại, khoan thai làm tinh thần sảng khoái, đầu óc minh mẫn. Ngoài nhu quyền, Bác còn "tập tạ". Quả tạ là hai chiếc chày gỗ do Bác tự đẽo gọt. Đôi lúc Bác còn tập leo núi. Sau giờ tập, Bác tắm nước lạnh. Mùa đông, Bác tắm nước ấm. Xin thú thực, chúng tôi lúc ấy tuy đang còn thanh niên, nhưng

có phần ngại tập thể dục buổi sáng. Bác động viên và gọi chúng tôi dậy tập. Trước ngại sau quen. Từ đấy, trong những ngày ở Pác Bó, sáng sáng, chúng tôi dậy sớm tập thể dục đều đặn. Bác sống giản dị, đặc biệt là rất tiết kiệm. Bác thường dặn các anh Lê Quảng Ba, Thế An, Đặng Văn Cáp và nhất là anh Lộc, những người giúp Bác, việc ăn uống tuyệt đối không được thừa thãi. Bác ăn ngày hai bữa, vào lúc 10 giờ sáng và 5 giờ chiều. Bác thường ăn chung với anh em. Bữa cơm đạm bạc, phần lớn là rau, măng. Đôi khi có ít thịt thú rừng kho mặn, ăn dè. Bác nuôi một đàn gà và trồng một luống rau để tự cảm thiện. Bác rất thích ăn cá do anh Lộc đem về. Cuộc sống đơn sơ, đạm bạc nhưng tấm lòng của Bác bao dung. Vì vậy, tuy thiếu thốn về vật chất, nhưng chúng tôi không hề nao núng tinh thần.

Trong những ngày chờ họp, Bác tranh thủ gặp từng người trong chúng tôi để trao đổi. Khi anh Trường Chinh trình Bác bản dự thảo báo cáo mà anh sẽ trình bày tại Hội nghị Trung ương, Bác khen viết như vậy là có hệ thống, vạch ra được những phương hướng cơ bản của đường lối cách mạng dân tộc dân chủ ở Việt Nam. Nhưng Bác phê bình anh viết còn dài. Bác nói: "Mình thì không biết viết dài. Chú hay viết dài. Mình hay viết ngắn. Ngắn thì quần chúng dễ đọc, dễ nhớ". Sau này anh Trường Chinh kể lại: "Bác nói thật dễ hiểu. Tôi nhìn thấy bản báo cáo có nhiều chỗ gạch đỏ. Bác bảo tôi: Đừng viết một chữ thừa. Các chú hay viết dài. Bác dạy cách viết văn ngay từ đây". Với anh Hoàng Văn Thụ, Bác hỏi kinh nghiệm xây dựng cơ sở cách mạng ở miền núi nên như thế nào thì tốt. Anh Thụ thưa với Bác là nên lấy cụm dân cư làm cơ sở. Xây dựng đến đâu ăn chắc đến đâu. Dựa vào thế hiểm của núi rừng, nhiều hang động, cần tích trữ lương thực, vũ khí, để chờ thời cơ xông ra khởi nghĩa, tiếp sức cho miền xuôi cùng chiến đấu. Bác khen anh Thụ nói nhiều ý trùng với suy nghĩ của Bác. Còn tôi, Bác hỏi tình hình phong trào cách mạng ở Bắc Kỳ, ưu điểm, khuyết điểm và biện pháp khắc phục. Tôi thưa với Bác: Sau trận khùng bố của địch hồi năm 1930 - 1931, chúng tôi rút ra bài học xương

máu là phải rất thận trọng trong việc tuyển lựa người vào trong hàng ngũ cách mạng. Sự phản bội của những người như Nghiêm Thượng Biền, Dương Hạc Đỉnh (Hoàng Hạc), Nguyễn Tuân (Kim Tôn),... thật sự nguy hiểm, vì qua lời khai của chúng mà địch đã phát hiện ra hàng loạt cán bộ cùng nhiều đảng viên của ta. Vấn đề cần bám chắc vào dân cũng là bài học quý. Không có dân che chở, đùm bọc sẽ tạo nên khoảng trống, mà khoảng trống địch dễ chui vào phá hoại. Tôi báo cáo với Bác về phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân các tỉnh Nam Định, Thái Bình, Hà Nội, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hải Phòng, khu mỏ Hồng Quảng... Chỗ mạnh, chỗ yếu của từng địa phương.

Tôi còn báo cáo với Bác về tình cảnh điêu đứng của đồng bào ta do chính sách vơ vét thóc lúa của Pháp và chính sách cướp bóc tôì sản của nhân dân do phát xít Nhật gây nên. Tôi kể cho Bác nghe chuyện một cụ già bị lính Nhật nghi là ăn cắp, đem buộc cụ vào ngựa, rồi thúc ngựa phi, thịt da cụ róc ra từng mảng, vài phút sau thì chết. Nghe tôi nói, Bác xúc động ứa nước mắt, làm tôi cũng bùi ngùi.

Bác rất tình cảm, hỏi tôi đã lấy vợ chưa? Tôi thưa với Bác vì mới ra tù được vào năm, chưa có điều kiện xây dựng gia đình riêng. Bác gật đầu và góp ý kiến với tôi về kinh nghiệm hoạt động, đặc biệt là vấn đề cán bộ. Bác nói đại ý, muốn biết ai tốt, ai xấu, ai thiện, ai ác, điều cơ bản phải xem thái độ của họ đối với nhân dân lao động. Phải thử thách họ bằng cách giao nhiệm vụ cụ thể cho họ, kiểm tra họ. Qua hoạt động thực tế sẽ lòi ra cái hay, cái dở của từng người. Bài học về công tác cán bộ mà Bác dạy cho tôi, sau này tôi áp dụng vào thực tế rất có kết quả.

Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 họp từ ngày 10 đến ngày 19-5-1941, trong rừng Khui Nậm. Bác đã chuẩn bị cho Hội nghị này ngay từ khi còn ở Tĩnh Tây. Một căn nhà sàn nhỏ. Trước nhà là một khóm hoa vàng rực. Trong nhà kê một chiếc chõng tre và những khúc gỗ để ngồi. Đó là tất cả "cơ ngơi" vật chất để họp. Bác và chúng tôi ngồi trên chõng tre và trên những khúc gỗ. Đơn sơ là thế, vậy mà

đấy lại là nơi tạo bước ngoặt lịch sử cho cách mạng Việt Nam. Mở đầu cuộc họp, Bác nêu chương trình làm việc, rồi Bác nhận định ngay tình hình thế giới và trong nước, rằng phát xít Đức sẽ tiến công Liên Xô. Chiến tranh Thái Bình Dương do phát xít Nhật khởi xướng cũng sẽ bùng nổ. Thế giới loài người sẽ phải nung nấu trong lò lửa sát sinh. Thành phố, làng mạc sẽ bị tàn phá một cách ghê gớm. Nhưng bọn phát xít sẽ làm cho cả loài người căm phẫn chúng, đồng lòng chống lại chúng, phong trào cách mạng sẽ phát triển mau chóng. Phe phát xít nhất định sẽ thất bại. Bác nói: Chiến tranh thế giới thứ nhất đẻ ra Liên Xô, chiến tranh thế giới lần này chắc chắn sẽ đẻ ra nhiều nước xã hội chủ nghĩa. Cách mạng giải phóng dân tộc sẽ thành công ở nhiều nước thuộc địa. Nhưng muốn giành thắng lợi, mỗi nước phải tự nỗ lực rất cao. Riêng đối với Đông Dương, phải đặt nó trong hoàn cảnh "nước sôi lửa nóng", phải tập trung, huy động mọi lực lượng vào giải phóng dân tộc, đánh đuổi Nhật-Pháp, lập Mặt trận dân tộc thống nhất trong cả nước, hướng công tác cách mạng vào nhiệm vụ trung tâm: cứu quốc. Tên của Mặt trận dân tộc thống nhất là gì? Đây là vấn đề được nhiều người thảo luận nhất. Trong chúng tôi, có đồng chí đề nghị lấy tên Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương mà Hội nghị Trung ương tháng 7-1936 đã đề ra. Bàn đi, tính lại mãi, anh em thấy hai chữ "phản đế" hơi hẹp và chưa toát lên khả năng tập hợp lực lượng. Cũng có ý kiến đề nghị dùng chữ "phục quốc". Nhưng Bác nói rằng, bọn Việt gian thân Nhật đã lạm dụng thuật ngữ này để chống lại cách mạng. Vì vậy, đã làm mất nghĩa tốt đẹp của nó. Cuối cùng, Bác nêu ý kiến: "Lúc này chúng ta phải mở rộng khối đoàn kết, phải tìm bạn đồng minh cần thiết và ta có thể cô lập những người có thể không hợp với mình. Các chú phải chú ý chính sách mặt trận của ta. Tôi đề nghị lấy tên mặt trận là Việt Nam độc lập đồng minh, gọi tắt là Việt Minh. Đảng ta và Việt Minh phải hết sức giúp đỡ các dân tộc Miên - Lào, tổ chức ra Cao Miên độc lập đồng minh, Ai Lao độc lập đồng minh...".

Từ giờ phút thiêng liêng này, hai chữ "Việt Minh" đã vang lên mạnh mẽ trong lòng dân tộc, suốt cuộc trường chinh chống đế quốc. Nó vang lên trong tâm trí mọi người với niềm kiêu hãnh. Nó lưu danh muôn thuở trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Việt Minh Việt Minh! Tên Người, chói lọi vàng son, là nguồn cổ vũ thu hút hết thảy các lực lượng yêu nước vào cuộc. Ngay tại cuộc họp, Bác soạn thảo ra 10 điều chính sách Việt Minh, định tên nước: "Chính phủ nhân dân của Việt Nam dân chủ cộng hoà". Khi bàn về cờ Tổ quốc, chúng tôi báo cáo với Bác: Trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940, các đồng chí ở Mỹ Tho đã giương cao lá cờ đỏ sao vàng năm cánh trên mái đình Long Hưng, nơi ra đời chính quyền cách mạng đầu tiên của tỉnh. Đề nghị Bác chọn lá cờ này. Chúng tôi có mang theo lá cờ đỏ sao vàng do phụ nữ Hà Nội thêu. Nhìn cờ, Bác rất vui lòng. Năm 1942, trong lúc bị giam giữ ở nhà tù của Tưởng Giới Thạch, Bác có làm câu thơ: "*Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh!*", có lẽ Bác nhớ tới lá cờ mà chúng tôi trình Bác tại Hội nghị Pác Bó. Theo ý kiến chỉ đạo của Bác, sau khi cùng nhau bàn bạc cặn kẽ, Hội nghị giao cho anh Trường Chinh dự thảo nghị quyết. Bản nghị quyết này đã đi vào lịch sử. Khi bàn về công tác tổ chức, chúng tôi đề nghị Bác tham gia Ban chấp hành Trung ương và đảm nhiệm cho chức vụ cao nhất trong Đảng: Tổng Bí thư. Bác trả lời: "Tôi đang làm nhiệm vụ do Quốc tế Cộng sản giao cho. Quốc tế Cộng sản có thể điều động tôi đi làm những nhiệm vụ ở nơi khác, do đó, tôi không thể làm nhiệm vụ Tổng Bí thư của Đảng ta được". Hội nghị tiến hành bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bác giới thiệu anh Trường Chinh làm Tổng Bí thư, Ban thường vụ Trung ương gồm các đồng chí: Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt. Ý kiến của Bác được Hội nghị tán thành. Sau cùng, Bác nói sẽ viết thư kêu gọi đồng bào. Bức thư của Bác gửi đồng bào cả nước đề ngày 6-6-1941, nhan đề: "Kính cáo đồng bào", ký: Nguyễn Ái Quốc, được in và phát hành rộng khắp Bắc, Trung, Nam, có tiếng vang và sức lay động lòng người rất mạnh. Bác kêu gọi: "Hỡi đồng bào yêu quý! Việc cứu quốc là việc chung, ai là người Việt Nam đều phải kê vai gánh vác

một phần trách nhiệm: người có tiền góp tiền, người có của góp của, người có sức góp sức, người có tài năng góp tài năng. Riêng phần tôi, xin đem hết tâm lực đi cùng các bạn, vì đồng bào mưu giành tự do độc lập, đâu phải hy sinh tính mệnh cũng không nề".

“Hỡi các chiến sĩ cách mệnh! Giờ giải phóng đã đến. Hãy phát cao cờ độc lập, lãnh đạo toàn dân đánh tan thù chung. Tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc đang vang dội bên tai các đồng chí? Máu nóng của các bậc anh hùng đang sục sôi trong lòng các đồng chí! Chí phấn đấu của quốc dân đang chờ đợi sự lãnh đạo của các đồng chí!

Chúng ta hãy tiến lên! Toàn thể đồng bào hãy tiến lên!

Đoàn kết thống nhất đánh đuổi Pháp, Nhật!

Việt Nam cách mệnh thành công muôn năm!

Thế giới cách mệnh thành công muôn năm!".

Hội nghị kết thúc, Bác nắm chặt tay từng người như muốn gửi gắm niềm tin tưởng. Bác nói vui: "Hội nghị Trung ương tám kết thúc, nhưng công việc của tôi ở đây vẫn còn. Tôi đang làm hai việc cùng một lúc. Các chú lên đây choán hết nhiều thì giờ của anh em học viên của tôi. Tôi đang có lớp giảng về sơ giải tóm tắt chủ nghĩa cộng sản và về Đảng. Tôi đang nhận trách nhiệm về việc dạy. Tôi không muốn bỏ học trò của tôi. Làm việc với các chú hết cả thì giờ". Sức hấp dẫn của Bác không chỉ ở cử chỉ thân mật, mà còn thể hiện ở những câu nói dí dỏm, tình cảm, thân mật, mềm mỏng. Nhân Bác nhắc đến lớp huấn luyện, tôi xin kể mấy nét về nó: Ngay sau khi về tới Cao Bằng, Bác đã tổ chức ngay lớp huấn luyện về chính trị và thành lập Mặt trận Việt Minh thí điểm ở Cao Bằng. 43 cán bộ ở Cao Bằng đã qua lớp huấn luyện do Bác trực tiếp soạn giáo án và giảng dạy. Đây là lớp học đầu tiên ở trong nước do Bác trực tiếp giảng dạy. Sau lớp huấn luyện đầu tiên là những lớp

tiếp theo, thường là những lớp ngắn hạn trong một tuần lễ. Nội dung học tập do Bác huấn luyện bao giờ cũng thiết thực mà anh chị em dự học vẫn nói là "rất sát sườn!". Bác nói về tình hình thế giới, tình hình trong nước, chương trình Việt Minh và 5 bước công tác cụ thể: điều tra, tuyên truyền, tổ chức, huấn luyện, tranh đấu. Bác chú ý giảng về quân sự, chủ yếu là cách đánh du kích, đánh úp, đánh mai phục, cướp súng địch đánh địch, đánh vào lúc nào sẽ thắng và "đánh sai" thời gian sẽ thua v.v... Nội dung giảng dạy của Bác đã được Bác cùng các đồng chí giúp việc soạn thành tập "Con đường giải phóng", phát về huyện, tuyên truyền rộng rãi. Ngoài tài liệu "Con đường giải phóng", Bác còn biên soạn nhiều tài liệu khác như "Cách đánh du kích", "Du kích chiến thuật", "Địa dư các tỉnh xứ Bắc Kỳ", dịch lịch sử Đảng "Cộng sản Bôn-sê-vích Nga", cùng những bài thơ nói về chính sách Việt Minh, toàn dân đoàn kết, toàn dân vũ trang tranh đấu, v.v... để huấn luyện cán bộ. Anh chị em học viên chỉ cần nghiên cứu những tài liệu huấn luyện do Bác biên soạn cũng khá đầy đủ rồi. Tờ báo "Việt Nam độc lập" do Bác sáng lập không chỉ có ảnh hưởng sâu rộng đối với miền núi, mà còn có tác dụng rất lớn đối với phong trào cách mạng ở miền xuôi. Trong một bức tranh cổ động cho báo "Việt Nam độc lập" do chính Bác vẽ, ở dưới Bác đề bốn câu thơ rất hay mà cho tới nay, tôi vẫn còn nhớ:

Việt Nam độc lập thổi kèn loa,

Kêu gọi dân ta trẻ lẫn già

Đoàn kết vững bền như khối sắt

Để cùng nhau cứu nước Nam ta!

Sau này, mỗi lần gặp Bác, tôi lại đọc bài thơ đó lên để Bác nghe. Nghe xong, Bác giải thích chữ "thổi kèn loa" ý nói "Việt Nam độc lập" là tờ báo tuyên truyền cổ

động. Ngoài bốn câu thơ cổ động cho báo "Việt Nam độc lập", Bác còn làm bài thơ "Khuyên đồng bào mua báo *Việt Nam độc lập*".

Những ngày ở Pác Bó, Bác làm thơ rất nhiều. Bài thơ "Mười chính sách của Việt Minh" mang đậm sắc chính trị, nó làm thức dậy truyền thống yêu nước của những con Rồng, cháu Tiên, hãy vì non sông gấm vóc mà xông ra cứu nước, cứu nòi, để làm cho "Rõ tên Nam Việt rạng danh Lạc Hồng". Trong bài thơ, Bác dùng nhiều điệp ngữ "đồng", song nhấn mạnh đến "đồng tình, đồng sức, đồng lòng". Bác làm thơ kêu gọi công nhân hãy đứng ra cứu nước, cứu mình, tố cáo sự bạc đãi của kẻ thống trị đối với những người xây thành, đắp lũy, đóng tàu, sàng than, dệt vải... Bác làm thơ nói về nông dân, tỏ lòng thương xót bà con một sương hai nắng, chân lấm tay bùn, thuế nặng sưu cao, "được đồng nào đều lọt vào túi Tây", thật là khôn khổ. "Muốn phá sạch nỗi bất bình", Bác khuyên bà con nông dân hãy cùng toàn dân "nổi lửa" tham gia Việt Minh, đánh Pháp, đuổi Nhật, cứu nước, cứu nhà. Bác làm thơ kêu gọi phụ nữ Việt Nam noi gương Bà Trưng, Bà Triệu, chị Minh Khai, đền nợ nước, trả thù nhà, lòng vàng, gan sắt, tranh đấu xông pha, làm cho Tây phải sợ, cho Nhật phải kinh, cùng nam nhi vang tiếng anh hào. Những bài thơ kêu gọi thiếu nhi của Bác, đọc lên như thấy trong người rần rật một cảm giác "tái tê", bởi một xã hội thực dân, phong kiến đã làm teo chột đi những "búp trên cành". Tôi nhớ có lần anh Hoàng Văn Thụ đã rơm rớm nước mắt sau khi đọc bài thơ "Kêu gọi thiếu nhi" của Bác. Tâm sự với tôi, anh xúc động đọc lại những câu:

Chẳng may vận nước gian nan

Trẻ em cũng phải làm than cực lòng

Học hành, giáo dục đã không,

Nhà nghèo lại phải làm công, cày bừa.

Sức còn yếu, tuổi còn thơ,

Mà đã khó nhọc cũng như người già.

Có khi lia mẹ, lia cha,

Để làm tôi tớ người ta bên ngoài.

Anh Thụ cho biết nội dung những câu thơ trên rất sát, đúng với hoàn cảnh của anh lúc còn nhỏ. Cha, mẹ anh đã phải chạy vạy rất vất vả, quanh năm ngày tháng, đầu núi, cuối khe, còng lưng chọc lỗ gieo hạt, ngẩng đầu hứng giọt mưa sa, mới lo được cho anh ăn học tới sơ học yếu lược (tương đương với lớp ba bây giờ). Anh Thụ nói rằng, anh đã truyền tụng bài thơ "Kêu gọi thiếu nhi" đến nhiều gia đình ở quê anh, xóm Phạc Lạn, xã Nhân Lý, huyện Văn Uyên, tỉnh Lạng Sơn. Nhờ có bài thơ của Bác, mà quê anh đã có hàng chục thiếu nhi xin gia nhập Việt Minh, đánh Tây, đuổi Nhật. Anh Thụ còn cho biết bài thơ "Ca binh lính" của Bác sáng tác trong những ngày ở Pác Bó, có tác dụng làm thức dậy trong lòng những binh lính địch, những ai còn chút máu mủ quê hương. Bán ai? Nhân dân hay quân Tây, quân Nhật? là chủ đề tư tưởng của nhiều binh lính địch, Bác nói rằng, đừng có vì chút lợi lộc con con, "cái bằng cừ phẩm, cái lon dột nhà" mà bán vào cách mạng. Và Bác kêu gọi binh lính địch hãy quay súng lại bắn vào lũ cướp nhà và bè lũ bán nước. Làm như vậy, tiếng thơm sẽ "ghi tạc sử xanh". Những "Việt binh" cứu quốc sẽ rạng danh muôn đời. Còn có thể kể ra đây nhiều bài thơ của Bác là tiếng kèn xung trận, khúc quân hành trong cuộc trường chinh cứu nước.

Hội nghị họp xong, chúng tôi còn ở lại Pác Bó ít ngày rồi mới lên đường về xuôi. Lúc ra về, Bác đưa tiễn chúng tôi rất vui vẻ, cảm động, làm cho anh Trường Chinh, anh Hoàng Văn Thụ và tất cả chúng tôi đều thấy trong lòng xôn xang, rạo rục. Đi cùng với chúng tôi trên một đoạn đường đá ong đỏ, Bác nói nhiều chuyện, căn dặn giữ gìn sức khỏe và điều quan trọng là phải "về đến chôn". Bác nói: Các chú đã "đi đến nơi", nay phải, về đến chôn", để tuyên truyền, vận động nhân dân chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền. Đi được khoảng một trăm mét, Bác dừng lại. Đây là

điểm chia tay nhau. Bác nói: Thôi, các chú đi đi. Nhưng trước khi đi, "để mình khám xem các chú có sơ ý mang mảnh giấy bí mật nào theo không và mình sẽ bày cho cách". Chúng tôi nói: “Vâng, mời Bác xem”. và “Bác thò tay vào túi từng người. Bác bảo: - Giữ gìn cho nhau là tốt. Có sơ suất gì, một người cũng ảnh hưởng tới công việc chung, nên phải cẩn thận". Nhưng các đồng chí ở Trung Kỳ bị Bác phê bình vì đã chép tài liệu vào những mảnh giấy nhỏ, vê lại, giấu ở viền áo. Bác yêu cầu bỏ ra hết. Bác nói đại ý: Các đồng chí không được mang tài liệu theo người. Địch nó bắt được, không chỉ thiệt cho mình. Các đồng chí, người ít tuổi cũng trên hai mươi, người nhiều tuổi đã ngoài ba mươi. Đảng và nhân dân tốn bao công sức mới đào tạo được các đồng chí. Nay giả dụ các đồng chí bị địch bắt, sẽ ảnh hưởng tới phong trào cách mạng như thế nào. Các đồng chí phải nghe tôi, tài liệu Hội nghị sẽ có giao thông, liên lạc mang đến tận nơi cho các đồng chí. Trải qua những năm tháng hoạt động cách mạng, có lần bị địch bắt, Bác rút được nhiều kinh nghiệm. Dường như Bác đã thấy trước vấn đề, nên rất cảnh giác. Vì vậy, những lời Bác căn dặn là vô cùng quý giá. Nhớ tới lời dạy của Bác, tôi lại nghĩ đến câu nói của người xưa khi tiễn nhau: “Người giàu sang lấy tiền bạc để tiễn nhau, người nhân đức dùng lời nói để tiễn nhau”. Bác quả là bậc đại nhân, đại đức.

Bác bắt tay chúng tôi, rồi quay trở lại. Chúng tôi quyến luyến không muốn rời Bác, vừa đi vừa ngoảnh lại nhìn Bác. Chúng tôi thấy Bác cũng đang ngoảnh lại nhìn chúng tôi. Chúng tôi có ngờ đâu, một con người vĩ đại và đầy lòng nhân ái như Bác, một năm sau đó, lại phải ngồi trong nhà lao của Tưởng Giới Thạch.

Khi ra khỏi địa phận Pác Bó, trời đã ngả bóng chiều. Những đám mây bàng lãng cứ muốn sà xuống núi. Ánh hoàng hôn loé lên chiếu qua khe núi, trong phút chốc rồi vụt tắt. Tiếng mõ trâu lộc cộc vang lên. Các cháu chăn trâu bãi hoải đi từ triền núi xuống. Những người đi nương đã lục tục về nhà. Khi trời tối hẳn, chúng tôi mới chịu vào bản để nghỉ chân. Tốp của chúng tôi có anh Hoàng Văn Thụ đi cùng, cho

nên rất yên tâm. Là người Tày, ở vùng rừng núi, anh có thể làm quen với từng nhà. Gia đình mà anh Thu đưa chúng tôi vào nghỉ là một gia đình gồm hai ông bà già, hai vợ chồng tuổi trung niên và các con. Họ rất xởi lởi mời chúng tôi ăn cơm nếp và uống rượu. Các anh Sơn (bí danh của anh Trường Chinh khi đi đường), Vân (bí danh của anh Thu), Phùng (bí danh của anh Phùng Chí Kiên) và tôi vừa ăn cơm vừa nói chuyện núi rừng và các loại thịt rừng. Đang ăn, tôi chợt nhớ tới các anh ở Trung Kỳ không biết giờ này đang đi tới đâu. Theo kế hoạch, các anh đó đi tốp riêng, lối Lạng Sơn, rồi từ Lạng Sơn đi xe lửa qua Hà Nội và về Trung Kỳ. Một tốp nữa mang vũ khí và tài liệu đi rừng. Tốp chúng tôi đi theo đường cũ, qua Anh Tây, Long Châu, Bó Cục, rồi về Bắc Sơn. Trên đường đi gặp nhiều gian nan vất vả, mấy lần suýt sa vào tay giặc, quần áo rách bươm, nhiều lúc không thể vào nhà dân được, đành nhịn đói, nhịn khát mà đi. Cuối cùng, do quyết tâm thực hiện lời Bác: “Phải về đến chốn”, chúng tôi đã tới được Bắc Sơn. Nửa đêm men theo sườn núi vào Lân Tây, một làng chung quanh được bao bọc bằng núi đá chênh vênh. Các anh Cứu quốc quân địa phương cho biết nơi đây có cơ sở quần chúng vững, làm chúng tôi vững dạ. Anh Sơn, anh Vân và tôi về nhà một đồng bào nghỉ. Còn anh Phùng đi liên hệ với Cứu quốc quân địa phương. Đêm ấy, vì mệt quá, chúng tôi nằm xuống là ngủ ngay. Sáng bừng tỉnh dậy, nhìn chung quanh chỉ thấy núi đá dựng đứng như thành, cùng cây xanh mượt mà. Với địa thế này, tôi chợt nghĩ có thể dùng làm nơi huấn luyện Cứu quốc quân và cán bộ địa phương được. Vì vậy tôi đề nghị anh Sơn, anh Vân cho tôi ở lại làm nhiệm vụ huấn luyện. Các anh đồng ý ngay. Anh Sơn về Đình Cả phổ biến Nghị quyết cho Cứu quốc quân ở khu vực này. Anh Vân cũng đi phổ biến Nghị quyết cho cán bộ ở Trảng Xá. Mỗi người một nhiệm vụ. Ai nấy đều nung nấu quyết tâm rất cao, muốn biến Nghị quyết của Đảng và điều mong muốn của Bác thành hiện thực. Ít ngày sau, chúng tôi đi về vùng xuôi. Trên đường đi nhận được tin địch đã bắt được các anh Bùi San và Hồ Xuân Lưu ở ga Diễn Châu. Nguyên nhân bị bắt là do tên Công, một tên A.B nguy hiểm

chui vào hàng ngũ ta, leo lên tới chức Xứ uỷ viên Xứ uỷ Bắc Kỳ, báo cho địch biết. Cũng may trong người các anh không có tài liệu gì, vì Bác đã bảo các anh để lại ngay từ khi còn ở Pác Bó.

Được Nghị quyết của Đảng soi sáng, phong trào cách mạng mới bắt đầu mở ra.

Chương III - Gặp Bác ở Bách Sắc

Từ cuối năm 1944, cách mạng Việt Nam đang bước vào ngưỡng cửa của cao trào mới.

Trên khắp đất nước, đi đến đâu cũng thấy những thân hình gầy guộc, mòn mỏi, vật vờ bên các lề đường để xin ăn. Rồi những xác chết còng queo trong các xóm, chợ. Nạn đói khủng khiếp chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc ta đang diễn ra. Đó là hậu quả của chính sách vơ vét tàn khốc của những tên cướp ngày: Nhật và Pháp. Vấn đề đặt ra lúc ấy là khởi nghĩa, bằng không rất có thể cả dân tộc sẽ chết vì đói, dịch bệnh và chết vì những viên đạn “xuyên táo”, của những tên thực dân. Trên dải đất Việt Nam bé nhỏ này đang đói khát, vậy mà quân thù đâu có để cho yên. Ở trong nước, gót giày đinh của thực dân Pháp và phát xít Nhật thi nhau quàn nát mảnh đất quê hương, trong khi đó, tại miền biên thuỳ phía bắc, bọn giặc Tưởng lại đang ngó nhìn, rắp ranh muốn sang Việt Nam để bòn rút và kiểm soát. Trong lúc chưa thể sang được, họ làm trò "bách giao", mượn danh "Việt Nam cách mạng Đồng minh Hội" để liên lạc với Việt Minh. Họ mời ta cử một đoàn đại biểu sang Trung Quốc để hội đàm với Việt Nam cách mạng Đồng minh Hội.

Khi nhận được giấy mời, chúng tôi có đưa ra bàn trong Thường vụ Trung ương. Qua bàn bạc, Trung ương nhận định tổ chức "Việt Minh cách mạng Đồng minh Hội", thành lập ở Trung Quốc, mặc dù còn phức tạp, song nhiều người trong tổ chức này có chủ trương chống Nhật, Pháp. Với chính sách mở rộng khối đại đoàn kết, tranh thủ những người nào có thể tranh thủ, Đảng ta không hẹp hòi gì mà đoạn tuyệt với họ. Vì vậy, Thường vụ Trung ương quyết định nhận lời mời của những người lãnh đạo Việt Minh cách mạng Đồng minh Hội, cử một đoàn đại diện của Việt Minh sang Trung Quốc để gặp họ. Tôi được Thường vụ Trung ương và Tổng bộ Việt Minh cử làm trưởng đoàn. Các thành viên trong đoàn do tôi được lựa chọn. Trước khi đi, anh Trường Chinh, Tổng bí thư của Đảng có gặp tôi và nói rõ rằng,

ngoài nhiệm vụ nắm chắc nội tình của Việt Minh cách mạng Đồng minh Hội để tranh thủ, lôi kéo họ, còn cần bắt mối với những người yêu nước và cách mạng Việt Nam ở Trung Quốc. Anh Trường Chinh nhắc lại việc Trung ương cử anh Đinh Chương Dương sang Trung Quốc trước đó được ít ngày nhằm gặp Nguyễn Hải Thần, tìm chân ông ta lại, hạn chế việc ông ta lợi dụng Việt Cách để chống phá phong trào cách mạng trong nước. Còn tôi, anh giao nhiệm vụ lớn hơn phải nắm tổ chức của đối phương, tranh thủ Quốc dân Đảng Trung Quốc và vận động Việt kiều ở Trung Quốc hướng về Tổ quốc Việt Nam. Sau cùng, anh Trường Chinh ghé sát vào tôi nói nhỏ: “Anh cần đặc biệt chú ý xem tin tức về Bác ra sao, vì tới lúc này chúng ta vẫn nhận được rất ít tin tức về Bác”.

Chúng tôi biết rằng, tháng 8-1942, Bác rời Cao Bằng để đi Trung Quốc với mục đích liên hệ với các lực lượng cách mạng của người Việt Minh và lực lượng Đồng Minh để liên kết đánh phát xít Nhật xâm lược. Khi sang đến Quảng Tây, ngày 28-8-1942, Bác bị chính quyền địa phương của Tưởng Giới Thạch vô cớ bắt giam. Chúng giam Bác ở Liễu Châu, Quảng Tây. Từ ngày 2-9-1942, Bác bị đưa đi đưa lại gần 30 nhà lao của 13 huyện lỵ thuộc tỉnh Quảng Tây. Những ngày sống trong tù, Bác cặm cụi viết hơn 100 bài thơ, tập hợp thành cuốn “Nhật ký trong tù”, nói rõ chí hướng cách mạng của Bác, lòng khao khát đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc. Việc Bác bị bắt nhanh chóng lan đi nhiều nơi. Đại sứ Mỹ ở Trung Quốc gửi về nước bức điện nói rằng nhà đương cục Trung Quốc bắt giam một lãnh tụ Việt Nam. Tháng 9-1943, Bác được trả tự do. Nguyên nhân được thả là do trong nước có viết một cuốn sách mỏng, bằng các thứ tiếng Việt Nam, Trung Quốc và Pháp, in lời kêu gọi gửi các nước Đồng Minh, các cơ quan, đoàn thể, nhân sĩ, báo giới, yêu cầu can thiệp với chính quyền Tưởng thả ngay Hồ Chí Minh đang bị giam giữ trái phép. Trước sự đấu tranh đó, chính quyền Tưởng Giới Thạch ở Quảng Châu buộc phải thả Bác. Nhưng các đồng chí trong nước vẫn chưa biết. Vì vậy, ngày 25-10-

1943, dưới danh nghĩa Hội liên hiệp các dân tộc chống xâm lược ở Đông Dương, các đồng chí ta gửi thư cho Chính phủ Mỹ và Tưởng Giới Thạch, yêu cầu trả lại tự do cho Hồ Chí Minh, lãnh tụ Hội liên hiệp các dân tộc chống xâm lược ở Đông Dương. Thư đến Tỉnh Tây vào ngày 25-11-1943. Vì chưa có điều kiện về nước sau khi ra tù, Bác ở lại Liễu Châu một thời gian, để một mặt tập luyện phục hồi sức khoẻ, mặt khác, liên lạc với những người Việt Nam yêu nước đang ở Liễu Châu, tìm cách liên lạc với Đảng ta ở trong nước. Những ngày sống ở Liễu Châu, Bác tham gia hoạt động trong tổ chức Việt Minh cách mạng đồng chí Hội. Công việc hàng ngày của Bác là rèn luyện thân thể, trồng cây, đọc sách, vận động giác ngộ đồng bào Việt kiều. Lúc này, sức khoẻ của Bác sút kém, Bác năng tập thể dục vào buổi sáng. Tập xong, Bác tắm. Lúc đầu, tắm nước ấm, dần dần tắm nước lạnh, kể cả mùa đông. Một hôm, Bác đang tắm sông, Trương Phát Khuê mặc áo lông, cưỡi ngựa rượt tới. Ông ta có thói quen hãy cưỡi ngựa dạo chơi buổi sáng. Trương nhận ra Bác, liền dừng ngựa chào. Bác chào lại. Ông ta nói:

- Ông là bậc kỳ tài mới dám tắm nước lạnh mùa đông.

Bác từ tốn đáp:

- Không dám! Không dám!

Từ đấy, Trương Phát Khuê càng phục Bác. Ông ta mời Bác đến ở nơi dinh thự của ông. Đầu năm 1944, Bác dự Hội nghị trụ bị đại hội đại biểu toàn quốc của Việt Nam cách mạng đồng minh Hội. Bác nêu ý kiến đề nghị cho đại diện của Việt Minh tham gia vào tổ chức này. Làm như vậy nhằm gài người vào nắm tổ chức của đối phương, nhưng chủ yếu là để giác ngộ những người trong tổ chức đó. Tháng 3-1944, trong một cuộc họp của Đồng Minh Hội, Bác thay mặt Việt Minh trình bày tình hình các đảng phái trong nước và khẳng định rằng, Đảng Cộng sản Đông Dương có ảnh hưởng sâu rộng nhất trong nhân dân. Sau đó, Bác dự Đại hội các

nhóm cách mạng hải ngoại của Đồng Minh Hội, một hình thức tổ chức gần như có sự liên kết giữa Việt Minh và Việt Cách. Tuy nhiên, đây chỉ là sách lược của Bác.

Tháng 8-1944, Bác rời Liễu Châu, về nước. Ngày 20-9-1944, Bác về đến Pác Bó, tỉnh Cao Bằng. Tại đây tháng 10-1944, Bác viết thư gửi đồng bào cả nước, nói rõ phe xâm lược gần đến ngày bị tiêu diệt, các nước Đồng Minh sắp giành được thắng lợi. Thời cơ giải phóng dân tộc ta đang đến gần, chỉ trong một năm, hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian gấp lắm rồi, Bác kêu gọi đồng bào phải làm nhanh. Bức thư của Bác được lan truyền nhanh chóng trong cả nước. Tháng 12-1944, Bác chỉ thị thành lập “Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân” tiên đoán đội quân cách mạng này tuy lúc đầu còn bé nhỏ, song tiền đồ thật vẻ vang. Tương lai nó có thể đi suốt từ Bắc chí Nam, một dải non sông đất nước.

Trong năm 1944, biên giới Việt - Trung có nhiều diễn biến phức tạp khi những người Đồng Minh lấy danh nghĩa chống phát xít Nhật cứ ngấp nghé muốn vào nước ta. Họ đã cho người đến Bình Mãng giáp Sóc Trăng thuộc Hà Quảng để quan sát tình hình. Khi các đồng chí địa phương báo cáo lên Bác chuyện này, Bác có nhận xét ngay: Họ muốn vào Việt Nam để nắm tình hình Nhật, nắm tình hình ta. Tóm lại là họ hoạt động tình báo, cho nên phải cảnh giác với họ. Vấn đề là phải từ chối khéo, nhưng lại không mất lòng họ. Bác cử một số cán bộ đến Bình Mãng để tiếp họ. Trong buổi tiếp, quả nhiên họ yêu cầu ta cho họ đặt điện đài trên đất Việt Nam. Các đồng chí ta bày binh bố trận khéo đến nỗi đi đến đâu cũng thấy lực lượng hùng mạnh của Việt Minh và nói rằng lính Nhật đang còn đóng ở biên thủy với một lực lượng mạnh, nếu muốn vào Việt Nam phải trang bị cho Việt Minh một số vũ khí lớn, có thể mới bảo vệ được họ. Nghe ta nói vậy, họ "co vòi" không vào nữa.

Đầu năm 1945, Bác lại sang Trung Quốc, với tư cách đại diện Việt Minh liên lạc với Đồng Minh lúc ấy đang có một bộ phận đóng ở Vân Nam. Cùng đi với Bác

chuyến này có anh Phùng Thế Tài làm nhiệm vụ bảo vệ, đưa đường và anh Đinh Đại Toàn (tức Đại Minh) làm nhiệm vụ quản vụ. Ngoài ra, còn có viên phi công Mỹ, trung úy Uyliam Sao (William Shaw), người được Việt Minh cứu thoát trong cuộc nhảy dù xuống Cao Bằng, do sự trục trặc của máy bay. Nhân đây, tôi xin nói rõ vài nét về viên phi công và chiếc máy bay: Vào cuối năm 1944, có một chiếc máy bay của lực lượng không quân Mỹ đóng tại Trung Quốc, vượt qua biên giới Trung - Việt, chao lượn trên vùng trời Nước Hai, tỉnh Cao Bằng. Đang bay, bỗng có tiếng động cơ gầm rú rất nặng, có lẽ bị trúng đạn pháo của Nhật. Trong giây lát, chiếc máy bay rơi. Viên phi công, trung úy Sao nhảy thoát ra ngoài. Đồng bào địa phương nhìn rõ máy bay rơi và viên phi công nhảy dù. Họ phân công nhau đi tìm phi công. Cuối cùng, họ đã bắt gặp viên phi công đó. Nhìn dân quân du kích, viên phi công sợ sệt, liền rút tiền, nhả vàng ra để dâng. Mọi người lắc đầu, ra hiệu cho anh ta cất vào túi. Họ dẫn viên phi công về trụ sở toà soạn báo *Việt Nam độc lập*, đóng trong thành nhà Mạc cũ ở vùng rừng Nước Hai. Lúc ấy, anh Phạm Văn Đồng phụ trách cơ quan báo, giao cho tổ của anh Cao Hồng Lĩnh, đưa viên phi công này lên chỗ Bác ở vùng giáp biên giới Việt - Trung. Trong những ngày giải viên phi công đi, anh em chăm sóc anh ta hết sức chu đáo, cho ăn xôi thịt, trong lúc anh em phải ăn cơm nắm chấm muối vừng. Viên phi công từ chỗ sợ sệt đến chỗ quy phục, thân mật với anh em. Sao đã làm thơ tặng anh em. Khi đến nơi, anh em đưa Sao đến gặp Bác. Anh Lĩnh có lần kể lại với tôi rằng, lúc ấy anh thấy Bác như đang sửa soạn đi đâu vì vai Bác đeo xác cốt, tay cầm gậy chống. Anh đưa Sao đến trước mặt Bác. Nhìn Sao, Bác tươi cười, bắt tay anh ta, kéo anh ta ngồi xuống cạnh mình và nói chuyện hết sức thân mật:

- Quê anh ở bang nào thuộc nước Mỹ?

Nghe Bác hỏi bằng tiếng Anh rất chuẩn, Sao ngạc nhiên, nở nụ cười rạng rỡ, đáp:

- Thưa ông, tôi ở Têchdát.

- Anh đã có vợ chưa?
- Thưa ông, tôi đã có vợ.
- Anh có muốn về Mỹ gặp lại vợ không?
- Thưa ông, rất muốn.
- Chúng tôi sẽ trao trả ông cho lực lượng không quân Mỹ tại Trung Quốc.
- Thưa ông, nếu được như vậy quả là niềm vinh hạnh đối với tôi.

Rồi Bác bảo anh em bố trí nơi ăn, chốn ở chu đáo cho anh ta. Khi về chỗ nghỉ, Sao hết lời ca ngợi "ông cụ", rằng: "Ông ấy nói tiếng Anh nghe rõ quá, lại đối xử với tôi thân mật như cha tôi vậy". Sau khi gặp Bác, tinh thần của Sao phấn chấn hẳn lên. Mấy hôm sau, Bác bảo các cô gái địa phương kiếm chỉ thêu chữ "Chúc mừng" (Greeting) trên mảnh lụa trắng tặng Sao. Nhận tặng phẩm, Sao xúc động đến rơi lệ. Anh ta không ngờ tại nơi núi rừng heo hút này lại có người đối xử với anh ta văn minh như thế.

Nói về quân Pháp, sau khi chiếc máy bay rơi, chúng cho quân đến vây khu rừng, cắt tháo chiếc máy bay và truy nã người phi công. Nhật thấy vậy, cũng muốn giành chiếc máy bay đó, đồng thời cảnh cáo Pháp vì đã để phi công trốn thoát, giao hẹn nếu không tìm được, Pháp sẽ phải trả giá đắt. May làm sao, viên phi công đã được cán bộ Việt Minh bảo vệ đưa ra khỏi khu nguy hiểm, giấu trong hang đá, chăm sóc hết sức tử tế, rồi tìm cách đưa sang biên giới.

Bác đưa viên phi công này đi là để bàn giao cho Bộ Tư lệnh không quân Mỹ tại Trung Quốc lúc ấy đóng ở Côn Minh. Hành lý cùng thực phẩm mang theo là chiếc chăn chiên cũ, mỗi người một bộ quần áo để thay, một ống nứa đựng thịt với muối, ớt để "ăn dè", theo kiểu "lèng" đi đường xa của người Tày, một chiếc ca tráng men. Để phòng xa, Bác còn mang theo một số tiền quan kim, tiền của chính quyền

Tướng Giới Thạch. Đoàn lữ khách chia làm ba tốp, tốp một đi trước dò đường, tốp hai dẫn người phi công và tốp ba đi sau đề phòng bị tập kích.

Hôm Bác lên đường, núi non Cao Bằng đẹp hẳn lên vì có ánh nắng ban mai chiếu vào. Anh Đinh Đại Toàn nói rằng, mùa rét mà có nắng sớm kể cũng hiếm thấy. Thường thì ngày đi đêm nghỉ. Nhưng cũng nhiều hôm, ngày nghỉ đêm đi, vì quân Nhật và quân Pháp dự đoán viên phi công kia có thể đi về phía biên giới Việt - Trung, cho nên chúng tăng cường lùng sục tìm kiếm. Để tránh quân Nhật và quân Pháp đang bủa vây, nhiều khi phải đi vòng vèo. Trong cuộc hành trình nên thơ và bi tráng ấy, trung úy Sao được ăn xôi thịt gà, trong khi đó, Bác và anh em phải ăn cơm nắm với thịt kho mặn. Trung úy Sao được đi ngựa, còn Bác và anh em phải đi bộ. Khi ngủ, Sao được bảo vệ từ xa. Khi vượt qua biên giới Việt - Trung, có người của Tướng Giới Thạch dẫn đường. Gặp những người dẫn đường khó tính, hoặc tuổi cao, Bác động viên, an ủi họ, nói chuyện hết sức thân tình với họ, biểu họ ít tiền gọi là trả chút công lao. Việc làm có tính chất nghĩa cử của Bác làm họ xúc động. Còn đối với anh em, để giảm bớt nỗi nhọc nhằn trên đường đi, Bác mang chuyện lịch sử nước này ra kể, đọc thơ "Chinh phụ ngâm" để anh em thương thức. Bác kể chuyện Hồng quân Trung Quốc trong cuộc vận lý trường chinh từ Hoa Nam lên Hoa Bắc, gian khổ là thế, vậy mà các chiến sĩ vẫn tranh thủ học văn hoá. Người đi trước viết chữ đeo lưng để người đi sau học. Khi hành quân tới Hoa Bắc, số người hy sinh tới quá nửa. Nhưng những người còn lại đã thoát nạn mù chữ. Họ viết thư về nhà báo cho gia đình mình đã đi đến nơi. Những câu chuyện Bác kể dọc đường đã động viên anh em rất nhiều.

Vì đi từng tốp riêng lẻ, khi sang tới bên kia biên giới, tốp đi của Bác và tốp đi của viên phi công mới gặp nhau. Sau 5 ngày cùng đi trên địa phận Trung Hoa, Bác chia tay Sao, vì nhà chức trách Trung Hoa nhận đưa viên phi công đến Côn Minh để

bàn giao cho phía Mỹ. Bác trở lại đi Vân Nam trong khi Sao đi đường khác bằng ngựa, rồi bằng máy bay thẳng tới Côn Minh.

Sau một tháng đi bộ ròng rã, Bác đến ga Xí Xuyên, một ga xe lửa Vân Nam. Bác nghỉ tại đây một đêm. Sáng hôm sau đi tiếp tới huyện Khai Viễn, Bác dừng lại ít ngày, vào nhà ông nấu bếp cho bọn Tây đường sắt, mà Bác quen từ trước. Ông này là người Việt Nam có lòng yêu nước. Qua ông này, Bác tìm hiểu tình hình kiều bào ta ở Vân Nam. Rồi Khai Viễn, Bác đi Nghi Lương bằng xe lửa. Đến Nghi Lương, Bác yếu mệt, phải nghỉ tại nhà anh Bình Dân, một Việt kiều yêu nước, trong vài ngày. Anh Dân kể rằng, khi ở nhà anh, Bác lên cơn sốt cao. Anh tìm hiểu nguyên nhân sức khỏe của Bác vì sao suy sụp? Có thể vì Bác quá tiết kiệm việc ăn uống trên đường đi. Đáng lẽ ăn cơm 5 hào sẽ có nhiều thức ăn bồi bổ. Đằng này, Bác chỉ ăn loại 2 hào. Được anh Dân chăm sóc, Bác khỏi sốt. Sức khỏe chưa bình phục hẳn, Bác đã rời Nghi Lương để đi Côn Minh. Bác tới Côn Minh vào tháng 2-1945. Đến Côn Minh, Bác ở nhà anh Tống Minh Phương và vợ anh là chị Trần Thị Việt Hoa, một cơ sở cách mạng của ta. Anh Phương kể rằng, khi đến nhà anh, cơn sốt của Bác lại tái phát. Anh thấy Bác mặc bộ quần áo xanh, đầu đội chiếc mũ vải cũ, đi đôi giày rách lòi cả chân. Tuy bị sốt, song vợ chồng anh Phương vẫn không dám đưa Bác vào bệnh viện, chỉ mua thuốc về chạy chữa cho Bác tại nhà. Vợ chồng anh mời Bác uống thuốc bổ, Bác không uống, nói rằng: “Anh em ở nhà còn khỏe hơn, được ăn cơm với thịt thê này là tốt rồi”.

Trong lúc ở trong nước, nhân dân ta đang gấp rút chuẩn bị tiến lên tổng khởi nghĩa, ở Côn Minh, Bác mở "mặt trận ngoại giao", trước hết với Mỹ. Qua phân tích, Bác thấy rằng, lúc này đang cần phải tranh thủ Mỹ. Lợi dụng kẻ thù này để đánh kẻ thù kia là một trong những kế sách của Bác. Vì vậy, Bác quyết định tiếp tướng Clair Sênôn (C.Chennaul), Tư lệnh trưởng Bộ tư lệnh không quân 14 của Mỹ ở Trung Quốc. Làm việc này, Bác muốn tranh thủ những người có thể tranh thủ. Quan điểm

ngoại giao của Bác bao giờ cũng hết sức rõ ràng. Để chuẩn bị cho cuộc tiếp tướng Sênôn, Bác gặp Sácơ Phen (Charles Fell), người phụ tá của Sênôn. Cuộc tiếp xúc đầu tiên giữa Sácơ Phen và Bác được tiến hành vào ngày 17-3-1945. Sau đó, ngày 20-3-1945 Bác và Sácơ Phen gặp nhau lần thứ hai tại hiệu cà phê của gia đình anh Tống Minh Phương ở phố Chinpí, Côn Minh. Trước khi gặp Sênôn, gia đình anh Phương mua sắm cho Bác chiếc áo lông và đôi giày mới. Cuộc gặp gỡ giữa Bác và tướng Sênôn diễn ra ngày 23-3-1945, tại hành dinh của Sênôn. Sênôn mặc quân phục đại lễ với tất cả các loại huân chương mà ông ta được thưởng. Khi gặp Bác, Sênôn lúng túng vì không có phiên dịch. Bác bảo không cần, rồi nói chuyện với Sênôn bằng tiếng Anh rất lưu loát, làm ông ta hết sức ngạc nhiên. Viên tướng Mỹ cảm ơn Bác và Việt Minh đã cứu thoát, chăm sóc hết sức tử tế viên phi công. Bác nói đây là bổn phận của những người Việt Nam chống phát xít. Họ có thể làm tất cả những gì trong phạm vi khả năng làm được để giúp Đồng Minh. Bác hỏi Sênôn rằng, phi công Sao hiện giờ ở đâu? Sênôn trả lời: "Sao đã lên đường về Mỹ. Trước khi lên máy bay, Sao gửi lời cảm ơn Ngài", Sênôn trao cho Bác thuốc chữa bệnh và tiền Pháp tặng người Việt Nam vì đã cứu sống phi công của họ. Bác nhận thuốc, hoàn lại tiền. Tướng Sênôn, một con người có bộ mặt rất nghiêm khắc, hiếm thấy nụ cười trên môi ông ta. Vậy mà khi tiếp Bác, ông ta luôn luôn vui vẻ.

Vài ngày sau, Viên tướng Mỹ lại xin gặp Bác. Ông ta sai Sácơ Phen đi ô tô đến tận nhà anh Phương để đón Bác. Tới nơi, họ mở cửa lớn đón Bác vào. Tướng phía Mỹ bàn với Bác chuyện gì, hoá ra họ đề nghị Bác làm việc cho họ. Nói đúng tim đen là họ mua chuộc Bác, vì lúc ấy có lẽ họ chưa biết Bác là Hồ Chí Minh. Sau này, Bác kể lại, Bác đã trả lời bọn chúng, đại ý là: Chúng tôi không phải người đi làm thuê. Chúng tôi là người cách mạng. Chúng tôi đánh Nhật, Đồng Minh cũng đánh Nhật. Chúng tôi giúp Đồng Minh thì Đồng Minh phải giúp chúng tôi. Chúng ta bình đẳng với nhau. Còn nhiệm vụ cách mạng, chúng tôi cứ làm. Trước những

lời lẽ cứng rắn của Bác, họ không dám giở trò mua chuộc nữa, chỉ đề nghị Bác giúp đỡ cho một trạm cấp cứu các phi công Đồng Minh ở Đông Dương khi bị nạn. Bác đồng ý. Tướng Sênôn giao cho Sáclo Phên thực hiện kế hoạch này. Vấn đề chỉ có thể, vậy mà có kẻ xấu đồn rằng Bác bị tình báo Mỹ lợi dụng. Người Mỹ ở Côn Minh mở tiệc chiêu đãi Bác. Trong bữa tiệc, Bác kể tiểu sử của Oasinhton và Linhcôn, những người có công giải phóng nước Mỹ và giải phóng người nô lệ da đen ở Mỹ. Họ không ngờ rằng, một vị đại diện của Việt Minh lại am hiểu sâu sắc những chính khách của nước Mỹ đến như vậy. Dự tiệc xong, trở về nhà, Bác triệu tập một số bà con Việt kiều có tâm huyết với nước, hiện đang ở Côn Minh lại, nói rõ cho bà con biết vì sao ta lại tạm thời bắt tay với Mỹ? Vấn đề là ở chỗ thu hút lực lượng chống Nhật - Pháp. Bác hỏi ý kiến bà con: Phía Mỹ mời tiệc ta, ta có nên đáp lại không? Bà con đồng thanh nhất trí đáp lại phía Mỹ bằng bữa cơm Việt Nam. Anh Phương và chị Hoa xung phong đứng ra tổ chức bữa tiệc. Hôm sau, mọi người bắt tay vào việc chuẩn bị làm tiệc. Tiệc được tổ chức ngay tại nhà anh Phương. Nhờ những bàn tay khéo léo của các chị, bữa tiệc được tổ chức khá chu đáo. Nhìn các món ăn, Bác bằng lòng lắm, nói vui: "Cơm ta chẳng kém gì cơm tây". Năm phái viên cao cấp của Mỹ đã đến dự tiệc. Về phía ta, ngoài Bác ra, có khoảng dăm người, trong đó có anh Phương, chị Hoa. Bác đón tiếp phái đoàn Mỹ hết sức nồng hậu. Do tài ngoại giao khéo léo của Bác, những người Mỹ dự tiệc đều tuyên bố sẵn sàng ủng hộ Việt Minh để đánh Nhật. Tiệc tan, Bác tiễn họ ra tận ô tô, rồi quay trở vào nói với anh em: "Bữa tiệc đã thành công, đạt được mục đích của ta".

Những ngày ở Côn Minh, tuy sống trong hoàn cảnh ngặt nghèo, Bác lúc nào cũng giữ phong độ ung dung. Sáng nào Bác cũng dậy sớm, tập thể dục dưới những rặng thông. Ăn sáng xong, Bác giúp gia đình anh Phương làm một số công việc, sau đó, mới đi làm nhiệm vụ. Vốn là người rất yêu quý thiên nhiên, những lúc rảnh rỗi,

Bác thường đi xem phong cảnh đẹp ở Côn Minh. Một hôm, Bác bảo anh Phương rằng, nghe nói vùng Kim Diện này có phong cảnh tuyệt đẹp, những lăng tẩm, đền đài, miếu mạo dựng lên từ thời Mạt Minh. Bác muốn đi. Anh chị Phương định thuê một chiếc xe ngựa để Bác đi. Bác không đồng ý, nói: "Xa mấy dặm mà phải đi xe ngựa. Cuộc bộ thôi. Ở trong nước, anh em mình đi hoạt động toàn phải leo đèo, lội suối, vẫn chịu được huống chi chúng ta. Nên dành tiền gửi về giúp nước". Nói xong, Bác làm "tiên phong", mọi người bước theo Bác. Trên đoạn đường 10 cây số, từ phủ Côn Minh đến Kim Diện, vừa đi Bác vừa kể chuyện rất vui.

Ở Côn Minh, Bác đã dự kiến Nhật có khả năng sẽ đảo chính Pháp. Điều này được biểu hiện rất rõ qua câu chuyện "Đổi tên biển quảng cáo". Gia đình anh Phương mở hiệu cà phê, lấy tên là "Đông Dương", viết bằng tiếng Anh. Bác bảo nên thay nó bằng tiếng Pháp và lấy tên mới là "Tân Nam". Gia đình anh Phương không hiểu ý Bác, nhưng vẫn làm theo Bác, đem hạ tám biển bằng tiếng Anh xuống và trương tám biển bằng tiếng Pháp lên. Quả nhiên, sau ngày 9-3-1945 Nhật đảo chính Pháp, lính Pháp chạy toán loạn sang Côn Minh. Vì chưa hết sợ, lính Pháp cứ chọn cửa hiệu nào viết bằng tiếng Pháp mới dám vào, vì chúng nghĩ rằng, viết tiếng Pháp có nghĩa thân Pháp. Vì vậy, hiệu cà phê "Tân Nam" của gia đình Tổng Minh Phương được một phen "no khách" toàn lính Pháp. Số tiền lớn thu được qua bán cà phê, anh chị Phương đã dành dụm gửi về giúp cách mạng trong nước.

Sau khoảng hai tháng ở Côn Minh, Bác lên đường đi Quảng Tây rồi chuẩn bị về nước. Trong buổi chia tay với gia đình anh chị Phương và bà con Việt kiều ở Côn Minh, Bác căn dặn: ở nước ngoài không được làm đặc vụ cho bất cứ một nước nào. Bọn Mỹ, Anh, Tưởng đều muốn Việt kiều ta làm tình báo cho chúng. Ta phải kiên quyết từ chối. Ở bên này, bà con cần cưu mang, đùm bọc nhau, phải vận động bà con ủng hộ trong nước. Làm bất cứ việc gì cũng phải có lập trường vững vàng, như thế mới làm cách mạng được. Bác nói chỉ ngàn ấy lời mà chứa đựng cả tâm huyết

của một con người suốt đời vì nước vì non, một con người toàn tâm toàn ý phụng sự cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Mọi ý nghĩ, việc làm của Bác đều hướng về Tổ quốc. Tạm biệt bà con Việt kiều, Bác lên xe ô tô ra sân bay Côn Minh. Máy bay L.5 của lực lượng không quân 14 của Mỹ tại Trung Quốc, cất cánh, đưa Bác sang Liễu Châu, tỉnh Quảng Tây. Tại Liễu Châu, tháng 3-1944, Bác dự Đại hội quốc tế chống xâm lược. Trong lúc trò chuyện với các đại biểu, Bác nói: Lịch sử chống xâm lược của dân tộc chúng tôi “vừa oanh liệt lại vừa bi tráng”. Nó dạy cho chúng tôi biết rằng, "lãnh thổ Việt Nam tuy bị chìm đắm dưới gót sắt đẫm máu của dị tộc, nhưng tinh thần dân tộc của nhân dân Việt Nam vĩnh viễn không thể vì thế mà bị tiêu diệt". Nó để lại cho chúng tôi một bài học là: "Thiếu một sức mạnh nhất trí của cả nước, thiếu sự giúp đỡ mạnh mẽ của bên ngoài, thì cuộc vận động giải phóng khó mà thành công được, nhất là hiện nay chúng tôi đang đứng trước hai tên cướp xâm lược hung ác nhất của phương Đông và phương Tây". Tại Liễu Châu, Bác gặp các bạn Việt Nam trong Đồng Minh Hội. Lúc này, tại Liễu Châu, Việt Nam cách mạng Đồng Minh Hội bị tan tác sau khi Nhật đánh chiếm, chỉ còn khoảng 100 người. Cơ quan của Hội phải chuyển về Bách Sắc. Nhiều người lãnh đạo của Hội không còn ở đây. Nguyễn Hải Thần bị giam một nơi gần biên giới Trung Việt và đang tìm cách liên hệ với Nhật. Nguyễn Tường Tam ở Vân Nam với Quốc dân Đảng của ông ta. Một số người trong Đồng Minh Hội ở Quảng Tây tiếp Bác có phần dè dặt. Tuy không phản đối ra mặt, nhưng gây khó dễ cho Bác. Vì vậy, Bác quyết định đi Tĩnh Tây, một huyện cũng thuộc tỉnh Quảng Tây, gần biên giới Trung Việt, và từ Tĩnh Tây, Bác đi bộ về nước.

Về nước được ít ngày, vào đầu tháng 4-1945, Bác lại sang Trung Quốc. Lần này, Bác đi thẳng Bách Sắc, vì Bác biết rằng, cơ quan của Đồng Minh Hội vốn đóng ở Liễu Châu, khi Liễu Châu bị Nhật chiếm, phải chạy về Nam Ninh. Nhật chiếm Nam Ninh, Hội phải chạy về đây. Tại Bách Sắc, Bác gặp lại Trương Phát Khuê,

trao đổi công việc với Ban lãnh đạo Đồng Minh Hội. Nếu như chuyến đi đầu năm 1945 của Bác sang Côn Minh để tranh thủ Đồng Minh, chủ yếu là tranh thủ Mỹ, thì lần này, Bác sang Bách Sắc chủ yếu là tranh thủ lực lượng của Trương Phát Khuê. Bác biết rất rõ mục tiêu số một của cách mạng Việt Nam lúc này là đuổi Nhật, sau đó đánh Pháp. Vì vậy, Bác đã làm hết sức mình để kéo Đồng Minh ủng hộ mình. Tầm chiến lược của Bác được thể hiện ở việc làm cụ thể. Chúng tôi đã gặp Bác tại Bách Sắc.

Lại nói về phái đoàn của chúng tôi. Sau khi được Thường vụ Trung ương và Tổng bộ Việt Minh giao nhiệm vụ tôi bắt đầu lập danh sách các thành viên của đoàn. Trao đổi với anh Trường Chinh và anh Nguyễn Lương Bằng, tôi quyết định chọn các đồng chí sau đây: Đặng Việt Châu, 31 tuổi, người Nam Định, đóng vai đại biểu công thương; Dương Đức Hiền, 25 tuổi, đóng vai đại biểu Đảng Dân chủ; Phạm Văn Bình (Tức Trịnh Khiêm), 30 tuổi, người Hải Phòng, đóng vai đại biểu trí thức và thanh niên; Nguyễn Thượng Biểu (tức Hồng), 40 tuổi, người Bắc Ninh đóng vai đại biểu nông dân. Tôi và anh Biểu cùng tuổi, cùng quê. Trước lúc lên đường, tôi đổi tên mới là Hoàng Quốc Việt. Để có tư thế "đường đường phương diện quốc gia", tôi chăm chút đến "ngoại cảnh", tía tốt bộ râu con kiến, rồi mũ phớt kiểu phơlê-sê, kính gọng vàng, giày dôn bóng loáng. Từ một cán bộ Việt Minh, sống nơi rừng rú, ăn mặc xuềnh xoàng, đến lúc diện những thứ đó vào, bỗng chốc trở thành "ông chủ lớn". Anh em nhìn tôi trong "bộ cánh" mới, xuýt xoa nói đùa: "Chắc gì "ông Hoàng" đã trở về với núi non". Tôi đã bỏ ra vài giờ để tập cách đi đứng cho khoan thai, đúng với một "quan chức ngoại giao" như người ta thường nói. Chỉ phải tội cái chân "cà nhắc" không làm sao lấy được sự cân bằng mỗi khi đi đứng.

Về vật chất, phương tiện để đi đã có anh Nguyễn Lương Bằng đảm nhiệm. Anh Bằng, một con người chu tất, xứng danh "Sao Đỏ", về tận Đồ Sơn sắm cho chúng tôi những chiếc thuyền khá chắc chắn. Anh chọn cho chúng tôi những tay lái già

dẫn, nhiều kinh nghiệm đi biển. Anh giao cho anh Bùi Văn Bách, tức Bùi Đức Minh, một cơ sở cách mạng trực tiếp bố trí các thuyền đi.

Trước đoàn của chúng tôi đã có đoàn của anh Đinh Chương Dương đi khai luồng. Tôi được anh Đinh Chương Dương nhắn về báo rằng, chuyến đi của anh gặp bão, thuyền phải dựa vào khe núi, vất vả làm mới đến được Móng Cái. Qua đó, anh rút ra kết luận cần nghe ngóng thời tiết cẩn thận rồi hãy đi.

Khi những người đi đã chọn đủ và phương tiện đi đã có, tôi quyết định báo cho các thành viên trong đoàn chuẩn bị lên đường. Nhận được giấy báo, các anh lục tục từ các nơi xuống Hải Phòng. Anh Châu, anh Biểu xuống trước. Hôm sau anh Hiền xuống. Tôi xuống cuối cùng.

Anh Trường Chinh gặp tôi trước lúc tôi lên tàu đi Hải Phòng. Anh gửi lời chúc sức khoẻ anh em trong đoàn và căn dặn chúng tôi phải hết sức cảnh giác, tinh táo trên đường đi.

Tại Hải Phòng, chúng tôi được bố trí ăn ở nhiều cơ sở khác nhau: Nhà anh Phạm Kỳ Vân và anh Phạm Văn Bình ở số 57-59 phố Cầu Đất; nhà anh Vũ Văn Ngải, thôn An Đà, ngoại thành; một gia đình ở ấp Tân Sinh, cây số 15, đường đi Đồ Sơn; nhà anh Trần Sách Kênh và Trần Trọng Duệ (tức Văn Giang) ở làng Lê Đông (tức làng Sưa), huyện Vĩnh Bảo. Nhiều khi chúng tôi tập trung tại nhà anh Vân và anh Bình để nghiên cứu bản đồ vùng Hoa Nam nhằm làm quen với đường đi. Ngoài ra, còn họp bàn thảo luận các phương án đi lại và cách thức đối sách với đối phương.

Công việc chuẩn bị xong xuôi, chúng tôi lên đường vào lúc 10 giờ sáng ngày 25-12-1944, Chọn ngày Nô-en để đi sẽ tránh được sự kiểm soát của địch, vì ngày này, bọn Tây còn mãi đi lễ nhà thờ. Chúng tôi cho rằng, đi vào ngày này có phần "chắc ăn" hơn. Cũng để "chắc ăn", địch không thể bắt "cả mớ", chúng tôi chia nhau đi làm nhiều thuyền. Ngoài 5 anh em chúng tôi, đoàn có thêm anh Lộc và một cô gái làm

nhiệm vụ mang tài liệu sang Đông Hưng cho chúng tôi, rồi quay về. Tất cả hẹn nhau tại một địa điểm bên Đông Hưng.

Những con thuyền lần lượt rời Đồ Sơn, qua Lạch Tray. Càng ra khơi xa, biển càng mênh mang, bát ngát. Trong đoàn có anh Châu, anh Hiền, anh Biểu chưa đi biển bao giờ, nay lần đầu tiên trong đời nhìn biển, các anh có vẻ vui sướng lắm. Riêng tôi đã từng được đi biển sang Pháp hồi năm 1930, nhận tài liệu, vũ khí của Đảng Cộng sản Pháp, mang về trang bị cho cách mạng Việt Nam. Nhưng lần này đi "biển nhà" trong lúc sắp sang xuân thấy đẹp lạ lùng. Những đám mây xám xịt trên bầu trời như sắp ập xuống biển, vẫn không làm tăm tối biển. Nước biển đen do ánh mây xám xịt phản chiếu, vẫn thấy loé lên những "đóm sáng". Đó là những bọt sóng xô đuổi nhau nhô lên, chìm xuống cùng con thuyền lênh đênh. Khi có sóng to, thuyền chồm lên, rồi ngụp xuống. Các anh đi biển lần đầu tỏ vẻ lo. Nhưng anh lái thuyền bảo có gì đáng lo khi số phận chưa có triệu chứng báo rằng đời đã tận số. Câu nói khôi hài của anh lái thuyền lại là lời động viên, làm chúng tôi vững tâm hơn. Anh nói vậy, còn vì tin vào tay lái vững vàng của anh. Mà thật, anh đúng là tay lái giỏi, cứ thả mặc cho sóng trời lên, rồi khẽ nhích tay lái chỉ một chút thôi, con thuyền lọt trong khe sóng, cứ thế lướt đi một cách nhẹ nhàng.

Qua cửa Lạch Tray, thuyền đi ngang qua đảo Cát Bà, rời vịnh Hạ Long, Cẩm Phả, Cửa Ông... nhằm hướng Móng Cái mà tiến. Buồm căng, gió lộng, sóng vỗ oàm oạp vào mạn thuyền, đôi lúc át cả tiếng nói của mọi người bên trong khoang. Nhìn con thuyền lênh đênh, nghĩ anh em trong đoàn toàn bậc trí thức có tên tuổi, tự nhiên tôi liên tưởng tới đoàn sứ thần nước ta hồi thế kỷ 18 do Lê Quý Đôn dẫn đầu sang nước Thanh. Đoàn sứ thần của Lê Quý Đôn không đi con đường biển như chúng tôi đi, mà qua sông Nhị Hà, đi đường bộ lên Lạng Sơn, rồi từ Lạng Sơn tới Ninh Minh, bên đò đầu tỉnh Quảng Tây. Nhưng họ cũng phải đi thuyền qua Nam Ninh, Ngô Châu, Quê Lâm, sông Quế, sông Tương, xuôi hồ Động Đình. Hồ Động Đình,

sông Tương phong cảnh đẹp đến nỗi nhà thơ Lý Bạch, đời nhà Đường, đã thốt lên “*Mé tây hồ Động trăng thu sáng, phía bắc sông Tương nhận sớm bay*”. Đoàn sứ thần còn phải vượt sông Dương Tử đến Nam Kinh, rồi vượt Hoàng Hà đến Bắc Kinh. Đi như vậy trọn một năm mới tới Kinh đô.

Qua "cổng trời" vài trăm mét, bỗng có tàu tuần tra của bọn lính đoàn lướt tới. Chúng chiếu đèn vào thuyền của chúng tôi, rồi ghé sát tàu vào thuyền. Một tên rờng dây xuống thuyền, khám xét. Y hỏi:

- Đi đâu?

Anh lái thuyền người Trà Cổ, dường như có quen với tên lính này, chậm rãi nói:

- Máy ông này làm chuyến buôn sang Móng Cái. Còn tôi thì chở thuê.

Tên lính nhìn vào trong thuyền thấy toàn chiếu cói, giấy trang kim, hương, nến, những thứ không phải quốc cấm, y không nói gì, lẳng lặng trở về tàu. Thế là thoát. Tôi nghĩ thầm: "Được một phen hú vía". Trời sắp sáng, thuyền tới làng Vạn Ninh thuộc Móng Cái. Các thuyền lần lượt lên bờ, tới chỗ bãi cát. Chúng tôi đi bộ về phía sông Bắc Luân. Đến bờ sông Bắc Luân, trời vừa sáng, cũng là lúc nhân dân địa phương lục tục xuống thuyền sang chợ Đông Hưng. Cái giới của anh lái thuyền là tính toán thời gian sao cho trời vừa sáng, cũng là lúc chúng tôi tới sông Bắc Luân. Chỉ có đến lúc này, chúng tôi mới có thể trà trộn trong đám người buôn bán, đi chợ. Khi tôi tới mép sông Bắc Luân, có một chiếc đò vừa đẩy sào vào. Tôi vội gọi ông lái đò:

- Đây ông lái, cho tôi sang sông.

Ông lái đò nhìn tôi rồi đẩy nhanh mũi thuyền vào bờ. Tôi xuống thuyền. Khi thuyền tới gần giữa sông, bỗng một tên lính ngự chạy tới. Đứng trên bờ phía Móng Cái, y khum bàn tay vào mồm gọi với:

- Thuyền chở ai mà lạ thế? Hãy quay lại để khám.

Tiếng vọng từ thuyền lên:

- Chúng tôi đi chợ mua sắm ít hàng tết, không có gì đâu.

Tên lính cứ gào thét, bắt thuyền quay lại. Nhưng những người ngồi trong thuyền bảo ông lái đò cứ chèo cho nhanh. Khi thuyền sang quá nửa sông bên kia, tên lính không làm gì được, vì đây đã thuộc bên kia biên giới. Bên kia bờ sông Bắc Luân, đã là địa phận huyện Đông Hưng. Vì đã quy ước từ trước, ai tới Móng Cái trước, cứ việc sang sông trước. Các anh trong đoàn đến Móng Cái trước tôi, nên đã sang sông. Duy có anh Lộc và cô gái là đi sau. Anh Lộc, một cơ sở của ta, nhà nghèo. Nhân chuyến đi này, anh kết hợp mang con lợn giống đến Móng Cái bán. Tới Móng Cái, anh dừng lại bán lợn. Cô gái đội thúng tài liệu dừng lại theo. Chẳng may bọn lính đi tới. Thấy thúng chằng chịt kỹ lưỡng, chúng đòi khám xét. Cô gái hốt hoảng, ôm thúng chạy ra bờ sông. Luống cuống thế nào, cô đánh rơi thúng xuống sông. Anh Lộc thấy vậy lao xuống sông, ôm thúng lặn ngụp sang bờ bên kia. Bọn lính đứng trên bờ bắn xả xuống, nhưng may không trúng anh. Còn cô gái bị chúng bắt.

Tới Đông Hưng, chúng tôi tìm đến trụ sở Biện sự xứ. Biện sự xứ thực chất là trạm liên lạc của đại diện Việt Minh cách mạng đồng chí Hội tại Đông Hưng. Gọi là trạm liên lạc của Đồng Minh Hội, song bên trong cũng có đại diện của Việt Minh để liên lạc giữa nước ta và nước ngoài. Việc này do Bác sắp đặt. Khi tới trạm, tôi thấy anh em đủ mặt, mừng lắm. Anh Bùi Văn Hách trực tiếp chèo thuyền cho chúng tôi ra Móng Cái và đưa đi tiếp sang Đông Hưng. Khi sang tới Đông Hưng, anh xin phép về gấp để nhận thuyền. Tôi vội viết vài dòng thư nhờ anh chuyển cho anh Trường Chinh và anh Nguyễn Lương Bằng. Anh vui vẻ nhận lời chuyển giúp. Bức thư, tôi vẽ nhỏ đặt vào trong nút chai bằng lõi ngô. Chai đựng mật ong cốt để che mắt địch khi đi đường. Nào ngờ, đang đi, anh bị tên cướp giật chai mật ong

chạy. Anh vừa đuổi vừa nói: "Cho tao xin cái nút chai! Cho tao xin cái nút chai!". May sao tên cướp đã vớt trả anh chiếc nút chai.

Tại Biện sự xứ, chúng tôi gặp anh Kỳ Vân, anh Hoàng Anh (tức Anh Tú). Kỳ Vân là một người được xem như “đại diện ngầm” của Việt Minh tại Biện sự xứ. Kỳ Vân cho chúng tôi biết anh đi theo đoàn của Đinh Chương Dương, nay về trạm đón chúng tôi đi. Sự đi lại của anh ở Biện sự xứ tạo điều kiện thuận lợi cho mối liên lạc giữa trong nước và lực lượng ngoài nước. Còn Hoàng Anh được xem như người có cảm tình với Việt Minh mặc dù anh làm việc trong tổ chức Việt Nam cách mạng đồng minh Hội. Ngoài anh Vân, Anh, thỉnh thoảng còn thấy anh Lưu Minh Đức, người quê Cao Bằng, phụ trách điện đài cho nhóm Quốc dân Đảng tại Đông Hưng. Anh Ngô Kỳ Mai (tức Kỳ Mùi), người quê Móng Cái, đã từng bán sách báo ở Hải Phòng, thông thạo tiếng Trung Quốc, lúc đó ở Biện sự xứ. Anh đi theo chúng tôi, làm phiên dịch cho đoàn.

Khi chúng tôi tới Đông Hưng, thấy dân tình xôn xao lắm. Như chúng ta đã biết, sau khi chiếm Đông Dương, Nhật nuôi tham vọng chiếm Ấn Độ và độc chiếm Trung Quốc. Tháng 12-1944, Nhật bất ngờ tấn công hạm đội Mỹ ở cửa biển Trân Châu, căn cứ quân sự Mỹ ở Haoai, Mỹ bị thiệt hại nặng. Nhật đem 60 sư đoàn quân tràn vào chiếm Trung Quốc và Triều Tiên. Chính phủ Quốc dân Đảng Trung Quốc tuyên chiến với Nhật. Bên cạnh đó, nhân dân Trung Quốc, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, đã chiến đấu anh dũng chống bọn phát xít Nhật. Phía Quốc dân Đảng thấy sức mình không thể chống chọi với Nhật, buộc phải cùng với Đảng Cộng sản Trung Quốc lập Mặt trận thống nhất chống Nhật. Nhưng từ sau khi mất Vũ Hán, tháng 10-1938, Quốc dân Đảng hoang mang, tiêu cực, chạy dài, rời từ chỗ chống Nhật, họ chuyển sang chống cộng sản. Trước tình thế đó, Đảng Cộng sản không chịu lùi bước, đã đơn phương phát động nhân dân chống Nhật. Song vì lúc ấy, lực lượng của Hồng quân chưa mạnh, nên chưa thể ngăn nổi cuộc tiến công của

Nhật, Quốc dân Đảng muốn đầu hàng Nhật, liền phát động cao trào chống cộng. Đến năm 1944, Quốc dân Đảng bị quân Nhật đánh cho tơi tả, mất toàn bộ vùng Hoa Nam và tỉnh Hồ Nam. Quân đội Quốc dân Đảng chạy như vịt về phía biên giới Trung - Việt. Quế Lâm, Liễu Châu đều bị Nhật chiếm, làm cho tướng Trương Phát Khuê buộc phải dời hành dinh về Bách Sắc. Vì lý do có loạn giặc Nhật như vậy, nên Đệ tứ chiến khu đã để chúng tôi lại Đông Hưng suốt hơn hai tháng ròng. Mặc dù được sống yên ổn, nhưng chúng tôi vẫn bồn chồn chân tay, cảm thấy như bị giam lỏng, Nhiều lúc nóng đến cháy gan cháy ruột. Tin tức bên Tổ quốc ngóng trông hằng ngày, hằng giờ. Ai từ Việt Nam sang, chúng tôi đều gặp hỏi tin tức bên nhà. Chúng tôi chú ý đọc báo, nghe đài theo dõi sát tin tức Việt Nam và thế giới.

Bọn mật vụ Tưởng Giới Thạch bám sát chúng tôi với danh nghĩa "tiếp đoàn". Nhiều người mang danh giáo viên, nhà báo đến gặp chúng tôi trò chuyện. Nhưng ai mà đoán được ma ăn cỗ, giữa cái "danh" và cái "thực" khác nhau thế nào. Ai dám cả quyết họ không phải mật vụ? Có điều chúng tôi vẫn nhắc nhau hết sức cảnh giác khi tiếp xúc với họ. Tất nhiên, trong khi tiếp xúc, đừng để họ biết mình nghi ngờ họ. Họ nói là nhà giáo, mình cũng phải hỏi theo cách nhà giáo. Họ giới thiệu là nhà báo, mình cũng phải hỏi theo cách nhà báo. Tương kế, tựu kế trong lúc này vẫn là đặc sách. Trong đoàn có anh Biểu rất thành công trong những lần tiếp xúc với họ. Như khi Phùng lão sư nói đến thơ ca, anh Biểu liền làm thơ chữ Hán để tặng. Phùng lão sư họa lại. Việc làm đó gây không khí thân mật, mặc dù mỗi người đều theo đuổi ý đồ riêng.

Trong những ngày ở Đông Hưng, tôi luôn luôn nhớ tới Bác Hồ. Không biết giờ này Bác ở đâu? Có lẽ chỉ quanh quất ở vùng Hoa Nam chăng? Hay Bác đã về nước? Tự nhiên tôi thấy lo cho Bác. Nghĩ đến chuyến đi của Bác sang Trung Quốc, năm 1942, bị chính quyền địa phương của Tưởng Giới Thạch bắt giam, mà thấy nóng

rần rật trong người. Ý nghĩ của tôi về Bác lúc này chôn sâu trong óc, không hề thổ lộ cùng ai.

Nhớ Bác, nhớ các đồng chí, chúng tôi càng buồn. Để giải sầu, chúng tôi mang truyện thơ ca ra bình. Trong đoàn, có anh Bình là "nhà thông thái thơ". Anh thuộc rất nhiều bài thơ, đặc biệt là thơ Đường, thơ Tống. Anh đọc cho chúng tôi nghe bài thơ "Lầu Hoàng Hạc" của nhà thơ Thôi Hiệu, đời nhà Đường:

Hạc vàng ai cười đi đâu,

Mà đây Hoàng Hạc riêng lầu còn trơ.

Hạc vàng đi mất từ lâu!

Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay.

Hán Dương bãi tạnh cây bầy,

Bãi xa Anh Vũ xanh rờn cỏ non.

Quê hương khuất bóng hoàng hôn

Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai!

Anh Bình giải thích rằng, câu: "Yên ba giang thượng sử nhân sầu" mà cụ Tản Đà dịch thành "Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai" thật tuyệt. Anh cho biết lầu Hoàng Hạc ở góc tây nam thành Vũ Xương. Tại đây, thỉnh thoảng người ta "nhìn thấy tiên" về nghỉ trên lầu. Đọc xong bài thơ "Lầu Hoàng Hạc", anh Bình đọc tiếp bài "Trăng nơi quan ải" của Lý Bạch. Tôi còn nhớ hai câu trong bài thơ đó:

Buồn trông cảnh sắc bên trời,

Giục lòng khách thú nhớ nơi quê nhà.

Rồi do sự hứng thú về văn chương, anh cao giọng đọc hai câu thơ:

Thuyền ai đậu bến Cô Tô

Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàng San.

Anh kể chuyện về các nhà thơ đời Đường, đời Tống. Anh nói thơ Đường hay tới mức người ta có thể so sánh nó với Kinh Thi. Thơ Tống tuy có kém thơ Đường một chút, song cũng có nhiều bài hay, phản ánh xã hội đương thời khá sắc nét.

Anh Bình nói chuyện xong thơ Đường, thơ Tống, đến lượt anh Hiền nói về một quyển sách luật mà anh mang theo để đề phòng khi hội đàm nhỡ chẳng có dụng cụ gì để đọc luật, còn giờ ra nói. Tôi nghĩ thầm, anh quả là người biết lo xa.

Cho tới một hôm, chúng tôi nhận được tin từ trong nước báo sang: Nhật đảo chính Pháp. Trung ương ra chỉ thị: "Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của ta". Chỉ cần ngần ấy tin tức, tôi cũng có thể hình dung tình hình trong nước đang có biến cố lớn. Thế là đã rõ! Nhật, Pháp xung đột tới cực điểm. Nhọt bọ chín mồm, đã vỡ mủ. Quyền thống trị của Pháp ở Đông Dương đã được thay thế bằng quyền thống trị của Nhật. Thời cơ đang đến. Tôi hình dung chắc bên nước, các anh đang bận bịu với những công việc chuẩn bị khởi nghĩa. Tự nhiên, tôi lại muốn "bay" về Tổ quốc để hoà nhập vào phong trào cách mạng đang lên. Muốn vậy, phải khẩn trương làm cho chóng xong nhiệm vụ. Chưa trở về nước được, tôi và anh Châu trao đổi thống nhất viết truyền đơn động viên đồng bào. Được sự giúp đỡ của Biện sự xứ, truyền đơn được in ti-pô hẳn hoi, số lượng in hàng trăm bản. Tôi giao cho anh Kỳ Vân cấp tốc mang về nước.

Tin vui Nhật-Pháp bắn nhau và đổi sách của ta đến với tôi, làm tôi nghĩ đến Bác. Tôi tự hỏi: Nếu chưa về nước, liệu Bác có nhận được tin quan trọng này chưa? Nghĩ vậy thôi, chứ tôi chắc nhất định Bác nhận được rồi, vì Bác đi đâu bao giờ cũng tổ chức mạng lưới thông tin liên lạc rất tốt. Trong lúc ở nước nhà đang rậm rịch khẩn trương bước vào trận mới, thì ở bên này, chúng tôi cứ ăn rồi nằm hoài. Chịu sao được. Tôi bèn đến gặp Trương Cai (tức Trương Giới), viên tướng độc sát xứ Đông Hưng, yêu cầu giải quyết cho chúng tôi đi. Ông ta tiếp tôi bên bàn đèn,

ngồi cạnh là một cô gái trẻ đẹp. Ông mời tôi hút. Tôi từ chối. Sau khi nghe tôi nói nguyện vọng muốn rời Đông Hưng để đi gặp Trương Phát Khuê, ông ta hứa sẽ điện báo cáo lên Khuê. Hai hôm sau, vào giữa tháng 3-1945, tôi nhận được tin báo từ Đệ tứ chiến khu, tướng Khuê mời chúng tôi tới Bách Sắc để gặp. Trước lúc lên đường, Trương Cai tổ chức chiêu đãi chúng tôi khá trọng thể. Trong bữa tiệc, viên đốc sát xử đọc diễn văn ca ngợi chúng tôi, những nhà cách mạng Việt Nam, chẳng quản gian lao, nhọc nhằn, đường sá xa xôi, sang thăm Trung Quốc. Kết thúc diễn văn, viên đốc sát xử nói: "Các đồng chí đã sang đây, điểm thứ nhất: đoàn kết, điểm thứ hai: đoàn kết; điểm thứ ba: đoàn kết". Anh em chúng tôi nghe cứ bắm nhau cười thắm. Tiệc tan, các quan chức Đông Hưng tiễn chúng tôi ra tận cửa. Đầu họ cúi rạp xuống, tay họ giang ra, rất cung kính.

Một đơn vị quân đội của Trương Phát Khuê làm nhiệm vụ hộ tống chúng tôi. Bọn con buôn, gánh lớn gánh nhỏ lẳng đẵng theo sau. Họ đi theo như vậy sẽ bảo đảm an toàn. Đơn vị hộ tống nhận tiền của họ, bảo vệ họ trên đường đi. Khi lên đường, nhà chức trách địa phương còn đưa ra một người, tên là Xô, giới thiệu cùng đi với đoàn. Xô là sĩ quan tình báo cho Mỹ, người Trung Quốc. Ông ta không đi bộ mà đi bằng kiệu. Hai người vợ của ông ta cũng ngồi kiệu, đi theo chồng.

Từ Đông Hưng đến La Lương, chúng tôi đi bộ, có lúc đi thuyền. Từ La Lương, chúng tôi đi bộ qua dãy Thập Vạn Đại Sơn. Đây là một dãy núi cao thấp nhấp nhô, điệp điệp, trùng trùng, nhìn đến ngút mắt. Quần thể khu đồi núi này nằm chắn ngang địa giới giữa Quảng Đông và Quảng Tây. Nơi đây có nhiều nghịch tặc. Dân địa phương kể rằng, vùng rừng núi này thường xuất hiện những bộ mặt "rừng rú" trông đến ghê sợ, hay xông ra cướp của, giết người qua lại. Đi bên cạnh chúng tôi có cả một đơn vị hộ tống với đầy đủ súng đạn và trong chúng tôi mỗi người cũng được phát súng ngắn, vậy mà khi tiến sâu vào Thập Vạn Đại Sơn, ai cũng thấy phập phồng lo âu. Không lo làm sao được khi trên đường đi, chốc chốc lại gặp xác

người chết. Dọc đường, thỉnh thoảng chúng tôi lại gặp những quán rượu mà chủ quán là những người râu tóc xồm xoàm, khuôn mặt nhăn nhó, xám xịt, trong đén ghê sợ. Trong quán thường bày la liệt những món thịt rừng cùng rượu ngon. Nhiều lúc chúng tôi cũng muốn vào quán nhấm nháp chút ít, nhưng khi nhìn vào những khuôn mặt người bán hàng, lại thấy rờn rợn. Anh em binh lính hộ tống cho chúng tôi biết những chủ quán thường là bọn thổ phỉ cải trang. Chúng từ trên núi cao xuống để do thám. Quán bán hàng thường là trạm do thám ngầm. Có lẽ những chủ quán thấy chúng tôi ai nấy đều đầy ắp súng đạn, nên họ có vẻ chồn, chịu để yên cho đi. Trong dãy Thập Vạn Đại Sơn có ngọn Pò Ké là cao nhất, hiểm nhất. Từ chân núi đến đỉnh núi, chúng tôi phải đi mất hàng giờ. Đường xa, trời chiều, mỗi gói, chân chồn, ai ấy mệt nhoài. Trời tối, chúng tôi không dám đi tiếp vì nghe nói phía trước có toán cướp. Lính hộ tống đưa chúng tôi tới một xóm nhỏ bên đường để xin ngủ nhờ. Chúng tôi gõ cửa mãi, song chủ nhà vẫn chưa ra mở. Tôi nhìn qua khe cửa gỗ thấy trong Nhà có ngọn đèn để trên bàn, vậy mà vẫn không thấy người ra. Anh Kỳ Mai bèn lên tiếng: "Đây là các nhà cách mạng Việt Nam, trời tối xin gia đình cho ngủ nhờ". Lúc ấy, chủ nhà mới chịu ra mở cửa. Thấy chúng tôi là người Việt Nam thật, chủ nhà hết sức vồn vã, niềm nở, mời chào đơn đả. Chủ nhà bảo anh Kỳ Mai rằng, vùng này thường có nhiều lính Quốc dân Đảng đến đập phá. Vì vậy, thấy mọi người mặc bộ đồ lính Trùng Khánh, họ có ý ngại. Ngủ một đêm đầy giấc, sáng sớm hôm sau, chúng tôi tiếp tục lên đường, nhằm hướng huyện Thượng Tứ mà tiến.

Tại Thượng Tứ, viên huyện trưởng tổ chức chiêu đãi chúng tôi rất trọng thể. Không hiểu vô tình hay hữu ý, trong khi vui vẻ, viên huyện trưởng cao hứng bảo chúng tôi: "Đất này thời trước thuộc Việt Nam đấy!". Chúng tôi nhìn nhau cười, không ai nói gì. Chưa rõ vì sao trong buổi chiêu đãi, viên huyện trưởng lại cho mời

ông cố đạo người Việt Nam, trình diện trước mặt chúng tôi. Ông cố đạo nhìn chúng tôi chăm chăm, hỏi:

- Các ông Việt Nam mới sang phải không?

Tôi nói:

- Vâng!

- Sang có việc gì?

- Gặp tướng Trương Phát Khuê.

Rồi ông cố đạo thanh minh với chúng tôi rằng, mặc dù sang đây đã mấy chục năm, nhưng tấm lòng vẫn nghĩ về Tổ quốc. Không thấy ai phụ họa cho câu nói của ông ta, làm ông ta có vẻ buồn. Mãi sau này, tôi mới được nghe anh em kể cho biết ông cố đạo Đòvalidi này chính là Nguyễn Văn Lý. Là người Việt Nam, Lý đỗ tiến sĩ thần học, kỹ sư hoá chất, tình nguyện làm giám mục vùng Hoa Nam, chuyên vận động bà con Việt kiều hướng về Tổ quốc và gây mối thiện cảm giữa nhân dân vùng biên giới hai nước Việt - Trung. Nếu đúng vậy, đây rõ ràng là vị giám mục yêu nước. Dân tộc ta rất nhiều người yêu nước và lắm dạng yêu nước. Linh mục Lý là một dạng.

Trong bữa tiệc, huyện trưởng thông báo cho chúng tôi biết một tin quan trọng là vùng Hoa Nam này mới xuất hiện một nhà cách mạng Việt Nam: Hồ Chí Minh. Nghe nói đến Hồ Chí Minh, chúng tôi thấy có phần ngỡ ngàng. Qua phút giây suy nghĩ, linh tính báo cho tôi biết Hồ Chí Minh - Nguyễn Ái Quốc phải chăng là một. Hồi ở Pác Bó, Bác chưa nói tên mình là Hồ Chí Minh, cho nên chúng tôi vẫn nghĩ tên Bác là Nguyễn Ái Quốc. Nếu đúng Hồ Chí Minh là Bác, điều đó báo hiệu rằng, Bác còn sống và chưa về nước. Các anh trong Thường vụ Trung ương nhận được tin này chắc mừng lắm. Tôi nảy ra ý định muốn báo tin về nước để các anh biết. Song đành chịu, vì không có phương tiện giao thông.

Rời Thượng Tứ, chúng tôi theo đường Nam Ninh để đến Ninh Minh. Trên đường đi, bỗng gặp ô tô của Nhật từ phía xa đang tới. Chúng tôi nhanh chóng trốn vào một làng nhỏ gần đấy. Đi sâu vào làng, thấy trụ sở của đảng bộ và chính quyền địa phương của Tưởng Giới Thạch. Trụ sở của đảng bộ, đề: "Quốc dân đảng đảng bộ". Còn trụ sở của chính quyền đề: "Hương công xã". Tìm hiểu ra, tôi nhận thấy cơ cấu tổ chức của Quốc dân đảng Trung Quốc được thực hiện theo chế độ giám sát nhau. Trụ sở bên đảng bao giờ cũng phải kê sát trụ sở bên chính quyền và ngược lại. Nghỉ tại Ninh Minh một ngày, chúng tôi lên ô tô đi tiếp. Trên đường đi, chân tôi bắt đầu đau và sưng. Đã ráng sức đi, nhưng càng đi, chân sưng càng to. Tôi nói với người phụ trách đơn vị hộ tống giải quyết cho tôi phương tiện đi. Người phụ trách gọi đội kiệu lại, bảo tôi ngồi kiệu. Tôi từ chối nói rằng, không quen đi kiệu. Anh ta bèn đưa tôi vào một nhà gần đấy, thuê ngựa cho tôi đi.

Đi tới xế chiều, chúng tôi đến thị trấn Tuy Lộc. Đây là một thị trấn khá to, nhân dân buôn bán sầm uất.

Qua Tuy Lộc đến Điền Đông. Điền Đông là một huyện lớn. Nơi đây nhà cao cửa rộng, cửa hàng, cửa hiệu san sát. Nhân dân lam lũ làm ăn. Nhưng vẫn thấy nhiều người đi ăn xin.

Rời Điền Đông, chúng tôi xuống thuyền đi Điền Dương. Đến Điền Dương thì lên bờ, đi ô tô tới Bách Sắc. Thị trấn Bách Sắc hiện ra trước mắt chúng tôi khá khang trang. Những dãy phố với những ngôi nhà cao ráo, đền chùa, tạo dựng dáng vẻ một địa phương vừa cổ kính, vừa hiện đại. Trên các đường phố, người đi lại hối hả. Những lính Mỹ đi nghênh ngang. Những cô gái Trung Hoa mỏng mỏng, nổi tiếng là đẹp, thường bị những người lính Mỹ chồn vờn, trêu ghẹo.

Chúng tôi tìm đến trụ sở của Việt Nam cách mạng đồng minh Hội. Đó là một căn nhà ngói nằm bên bờ suối vắng. Anh Lê Tùng Sơn, một người hoạt động trong Việt Nam cách mạng đồng minh Hội, nhưng thực chất là người của Việt Minh, đón

tiếp chúng tôi. Một lúc sau, anh Bồ Xuân Luật cũng tới. Các anh hỏi chúng tôi tình hình trong nước. Tôi hỏi các anh về những hoạt động của Việt Nam cách mạng đồng minh Hội. Tôi nhờ anh Sơn báo cho Trương Phát Khuê là đoàn chúng tôi đã đến, Anh Sơn nhận lời báo giúp. Trò chuyện một lúc, anh Luật đưa chúng tôi tới nơi nghỉ. Đó là một nhà dân nghèo, ngó sang gian bên là chỗ nuôi lợn. Mùi phân lợn xông nồng nặc. Muỗi nhiều tới quờ tay vợ được. Việc ăn uống khổ sở làm sao, cơm sạn trộn canh "tai gổ" (mộc nhĩ), nhai đến ê răng. Nhìn bát cơm, tôi bảo anh em. "Sứ thần" gì mà khổ thế. Nói vậy thôi, vẫn phải ráng chịu vì không còn cách nào khác.

Hôm sau, Trương Phát Khuê mời chúng tôi đến. Tôi biết Khuê đang muốn "Hoa quân nhập Việt", nên rất cần sự ủng hộ của Việt Minh. Vì vậy, khi được báo có đoàn đại biểu Việt Minh đến, tướng Khuê xếp ngay việc khác lại để đón tiếp chúng tôi. Về phần tôi, đây là lần đầu gặp Khuê, nên chưa hiểu rõ thực chất con người ông ta thế nào. Người ta có câu: "Muốn thắng đối thủ phải hiểu đối thủ". Vì vậy, tôi tranh thủ đi tìm gặp anh Đinh Chương Dương để hỏi, biết anh là người đã tiếp xúc với Khuê. Anh Dương vừa từ Liễu Châu về Bách Sắc. Gặp tôi, anh mừng lắm. Qua anh, tôi biết thực chất của Quốc dân đảng Trung Hoa là hứa nhiều nhưng không giúp. Họ muốn tiêu diệt cách mạng Việt Nam. Nhưng trước mắt họ còn phải lợi dụng chúng ta. Riêng cá nhân Khuê, anh Dương cho rằng, đó là một con người rất muốn phô trương thanh thế, tỏ ra hào hiệp. Nhưng thực quyền không có nhiều. Có lẽ quyền hành về quân sự của Quốc dân đảng nằm trong tay Hà Ứng Khâm chứ không phải Khuê. Tuy không trực tiếp chỉ huy vùng Hoa Nam, song Khâm tổ chức mạng lưới theo dõi khá chặt chẽ mà trong đó những người giúp việc ông ta thường là những viên tướng làm li, lão luyện như Tiêu Văn, Từ Quang Anh... Những viên tướng này thật lắm mảnh khoé, vừa làm việc cho Khuê, vừa làm việc cho Khâm, cho Ngô Thiết Thành, Bí thư Trung ương cục Quốc dân đảng Trung Hoa. Còn đối

với Tưởng Giới Thạch thì khỏi phải nói. Ông ta đã hiểu tướng của Khuê như người cha hiểu những đứa con.

Nắm được sơ bộ về Khuê, tôi yên tâm và chủ động khi tiếp xúc với ông ta. Hôm ông ta mời chúng tôi đến gặp, tại hành dinh của Đệ tứ chiến khu trang hoàng long lẫy. Quân lính đông nghìn nghịt, xếp hàng chỉnh tề. Khi chúng tôi bước vào, viên sĩ quan chỉ huy quân đội hô lớn. Anh Hiền, anh Banh giật mình, vì các anh tưởng họ bố trí tóm gọn cả đoàn. Thực chất tiếng hô của viên chỉ huy là: “Bồng súng chào”. Vào trong nhà khách, Khuê đứng dậy chào chúng tôi, bắt tay mọi người. Trước mặt chúng tôi, tướng Trương Phát Khuê (Chang Fa-K'ue) là một viên tướng lực lưỡng. Nhìn bề ngoài, có thể xếp vào loại dũng tướng. Ông ta sinh năm 1896, người Quảng Châu, tiếng tăm lừng lẫy về những thắng lợi trong cuộc Bắc phạt của Tưởng Giới Thạch chống các lãnh chúa năm 1926. Vì vậy, ông được xem là một trong những cánh tay phải của Tưởng. Tất nhiên sau này, có lúc Tưởng phải "hắt nhẹ" ông, sợ ông như Hàn Tín. Giờ đây, ông lĩnh chức Tư lệnh Đệ tứ chiến khu, trông coi cả vùng Hoa Nam, quyền nghiêng thiên hạ. Khuê tiếp chúng tôi hết sức niềm nở, và thân mật. Điều ngạc nhiên thấy ông ta cứ thân mật. Điều ngạc nhiên thấy ông ta cứ luôn miệng gọi chúng tôi là "đồng chí". Còn tôi, nghĩ mãi mới gọi Khuê bằng một cái tên mà ông ta rất thích: Trương quan. Vào đề, Khuê hỏi chúng tôi:

- Các đồng chí đi đường có vất vả lắm không? Có chu tất không? Bên Việt Nam, quân Nhật có đông không? Còn quân đội Pháp thế nào? Việt Minh của các đồng chí, lực lượng chắc mạnh lắm?

Đây là thuật "nắm bắt tình hình", một thứ thuật mà bất cứ một viên tướng lão luyện nào cũng phải sử dụng khi nói chuyện với đối phương mà mình chưa quen bao giờ. Thay mặt đoàn, tôi lần lượt trả lời những câu hỏi của Khuê. Tôi muốn "tâng bốc" lực lượng của quân Nhật, quân Pháp ở Đông Dương lên với ý định làm cho Khuê

nao nóng tinh thần, từ bỏ ý đồ Hoa quân nhập Việt. Đây cũng là thuật trả lời của tôi.

Khuê nói tiếp:

- Chúng tôi biết các đồng chí có lực lượng.

Rồi Khuê có ý chê những người trong tổ chức Việt Nam cách mạng đồng chí Hội, cho rằng họ là những người lưu vong, ăn bám. Khuê bảo rằng, ông ta rất có cảm tình với cách mạng Việt Nam. Khuê nhắc đến Hồ Chí Minh, hỏi chúng tôi đã gặp Người bao giờ chưa?

Anh Châu nói:

- Chúng tôi chưa được gặp Người, nhưng nhân dân nước chúng tôi đều biết tới Người.

Giọng Khuê trầm tĩnh, nói tiếp:

- Hồ tiên sinh là người rất đáng kính phục. Cách mạng Việt Nam thật may mắn có Hồ tiên sinh. Tôi dự đoán cuộc cách mạng này có thể thắng vì có Hồ tiên sinh.

Nhân câu nói này của Khuê, tôi đề nghị luôn:

- Việt Minh chúng tôi có lực lượng tổ chức, song thiếu vũ trang. Nếu trường quan có thiện cảm với cách mạng Việt Nam, mong trường quan có thể giúp chúng tôi một số vũ khí, chúng tôi có thể đánh thắng Nhật trên tuyến Hà Nội- Nam Ninh.

Khuê ngập ngừng trong giây phút, rồi trả lời:

- Tôi có thể khẳng định rằng, Chính phủ Trung Quốc không tiếc sức mình giúp các đồng chí. Song nếu chính phủ không giúp, Đệ tứ chiến khu này sẽ giúp. Với 100 triệu dân và hai triệu quân, Đệ tứ chiến khu này đâu có phải nhỏ nhoi. Song nếu vì lý do nào đó, Đệ tứ chiến khu không giúp được, cá nhân Khuê sẽ giúp. Trước hết,

trong phạm vi quyền hạn và khả năng của mình, tôi có thể giúp các đồng chí 600 cây súng.

Rõ khẩu khí anh hùng hảo hán.

Cuộc gặp mặt diễn ra ngắn ngủi, bước đầu mang lại cho chúng tôi niềm vui vì Khuê hứa hẹn giúp súng. Niềm vui của các anh Châu, Biều, Hiền, Bình lộ ngay trên nét mặt. Trong chúng tôi lúc ấy có ai ngờ rằng 600 cây súng mà Khuê hứa giúp chỉ là "súng mòm".

Về trụ sở Việt Nam cách mạng đồng minh Hội, chúng tôi gặp anh Lê Tùng Sơn, anh Bồ Xuân Luật. Anh Luật bảo chúng tôi nên gặp Từ Quang Anh, sau khi chúng tôi đã gặp Trương Phát Khuê. Anh Luật cho biết Từ Quang Anh là viên tướng chỉ huy biệt động quân vùng Hoa Nam (bao gồm cả tỉnh Quảng Đông và tỉnh Quảng Tây). Anh là viên tướng có thực lực, chỉ huy mạng lưới hai vạn sĩ quan công an từ trên xuống dưới khá chặt chẽ. Đặc tính của tướng Anh là hay tự ái, làm việc gì không hỏi đến ông ta, nhất định người đó sẽ bị rầy rà. Vì vậy việc gặp tướng Anh là cần thiết. Được anh Luật làm môi giới, chúng tôi đến gặp tướng Anh. Vào đến hành dinh của tướng Anh, tôi thấy lính gác rất nhiều, phần lớn là đeo súng Tômsơn, một loại súng có thể nói hiện đại lúc bấy giờ. Anh tiếp chúng tôi trong một phòng rộng, khá lịch sự. Nhìn nét mặt anh có vẻ đăm chiêu, cau có hơn nét mặt của Khuê. Khi gặp Khuê, tôi còn thấy ông ta nở nụ cười, mặc dù đây chỉ là cái cười xã giao. Đến khi gặp Anh, tôi chưa hề bắt gặp nụ cười trên môi ông ta. Qua mắt anh Lê Hồng Sơn, chúng tôi được biết tướng Anh đã tham gia công xã Quảng Châu. Khi công xã thất bại, Anh quay sang đầu hàng Tưởng Giới Thạch, được Tưởng cho làm tướng. Với cặp mắt lờ lờ, Anh hỏi:

- Các ông đến đây từ bao giờ mà nay mới gặp tôi?

Tôi nói:

- Chúng tôi đến đây ngày hôm kia, hôm qua gặp trưởng quan Trương Phát Khuê, hôm nay gặp quý quan.

Anh hỏi:

- Đoàn các ông còn ai nữa?

Tôi nói:

- Tất cả chỉ có sáu anh em chúng tôi.

Anh nhìn Ngô Kỳ Mai, rồi hỏi tôi:

- Các ông quen biết người phiên dịch này từ bao giờ?

Tôi nói:

- Từ lúc ở Đông Hưng, do vị đại diện của trưởng quan Khuê giới thiệu.

Tôi không muốn nói việc quen biết anh Mai ngay từ những năm 1936-1937 tại Việt Nam, vì nói như vậy, tay trùm công an vùng Hoa Nam này lại nghi ngờ Mai, có thể dẫn tới những việc chẳng lành. Và lại, đối với Mai, tôi cũng chưa hiểu rõ lý lịch trước đó của anh.

Anh gật đầu rồi hỏi tiếp:

- Mặt trận Việt Minh có những đảng phái nào?

Rõ giọng lấy cung.

Tôi nói:

- Có Đảng Dân chủ mà ông Hiền đây là đại diện. Có giới công thương mà ông Châu đây là đại diện. Ngoài ra, còn có những hội quần chúng, như hội công nhân, hội nông dân, hội thanh niên, hội sinh viên, học sinh...

Anh quay sang phía anh Biểu:

- Ông đại diện cho ai?

Tôi nghĩ thầm: Thằng cha này ghê thật.

Anh Biểu nói:

- Tôi là đại diện cho Hội nông dân.

Anh hỏi anh Bình:

- Còn ông?

Anh Bình nói:

- Tôi đại diện cho Hội trí thức và thanh niên.

- Hội tổ chức thế nào?

- Tổ chức bao gồm những thanh niên, trí thức phần lớn sống ở thành thị.

Tôi thì thầm: Rõ một tên cáo già, thạo nghề hỏi cung.

Anh quay sang phía anh Hiền:

- Còn Đảng Dân chủ của ông?

Tôi nghĩ thầm: Chắc mi muốn treo cổ chúng ông hay sao mà hỏi kỹ như vậy. Phải cẩn thận đề phòng.

Anh Hiền nói:

- Đảng của chúng tôi bao gồm những sinh viên và các nhà tư sản.

Anh quay sang phía anh Châu:

- Giới công thương các ông cũng gia nhập Việt Minh sao?

Anh Châu nói:

- Tất nhiên, chúng tôi cũng muốn góp phần giải phóng Tổ quốc Việt Nam.

Anh gật đầu tỏ ý hài lòng với những câu trả lời trôi chảy của chúng tôi. Ngẫm nghĩ một lúc, Anh lại hỏi:

- Thế không ai đại diện cho Đảng Cộng sản sao?

Tôi nghĩ thầm: Đáng gờm. Y moi móc đến thế là cùng.

Tôi và anh Châu đều trả lời, đại ý nói rằng trước đây ở Việt Nam có Đảng Cộng sản thật. Nhưng nay bị Pháp khủng bố ác liệt, hầu hết các đảng viên bị bắt. Những người còn lại rất ít. Họ ẩn mình nơi núi cao, không dám xuất hiện. Vì vậy, trong Mặt trận Việt Minh không có đại diện của Đảng Cộng sản.

Anh tỏ vẻ hài lòng về câu trả lời của chúng tôi. Ông ta nói giọng thân mật:

- Trung Quốc sẵn sàng giúp đỡ cách mạng Việt Nam. Còn giúp đến đâu là do Trùng Khánh và Trung tướng quân quyết định.

Cuộc gặp chỉ diễn ra có thế. Tôi vốn tính nóng, vậy mà hôm gặp Anh, đã cố dần lòng. Lúc ra về, tôi nói với anh em trong đoàn rằng, thằng cha kiêu ngạo ấy tiếp chúng ta như một quan toà hỏi cung bị cáo. Nếu không gì việc chung, tôi đã cho nó một trận rồi. Tôi biết gặp tên trùm mật vụ này chẳng giải quyết được việc gì. Nhưng nếu không gặp, nhất định y sẽ gây khó khăn, thậm chí còn nguy đến tính mạng. Biết thế phải làm thế.

Sau khi gặp Từ Quang Anh, chúng tôi bắt đầu có những cuộc tiếp xúc chính thức với Việt Nam cách mạng đồng minh Hội (xin đừng nhầm lẫn với Việt Nam độc lập đồng minh Hội, gọi tắt là Việt Minh). Nhân đây, tôi muốn nói vài lời về các tổ chức của người Việt Nam ở Trung Quốc: Năm 1940, một số bà con người Việt Nam cư trú tại Trung Quốc, đứng ra tổ chức một hội lấy tên là "Hội đồng hương", nhằm giúp đỡ nhau trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, đồng thời giáo dục lòng yêu nước Việt Nam trong bà con Việt kiều. Đến năm 1941, Hội chính thức thành lập. Năm 1942, phát triển mạnh. Năm 1943, Hội đổi tên là "Kháng địch hậu viện Hội". Sau đó, lại đổi tên là "Việt Nam dân chúng vận động giải phóng Hội", gọi tắt là "Hội giải phóng". Năm 1944, Hội càng phát triển. Ngoài việc kết

nap thêm hội viên, đưa tổng số hội viên lên khoảng 500 người, hội còn thu nạp một số người trong "Việt Nam phục quốc quân" vào. Việt Nam phục quốc quân là một tổ chức thân Nhật. Năm 1940, sau khi Nhật từ Quảng Tây tiến đánh Việt Nam bọn phản động người Việt Nam xông ra bợ đỡ quan thầy của chúng, tổ chức Việt Nam phục quốc quân với ý đồ dựa vào Nhật để “phục quốc” sự thực nhằm ủng hộ trật tự mới của Phò Tang ở khu vực Đông Nam Á. Lúc đầu, Nhật dùng tổ chức này đánh Pháp. Khi Pháp hàng Nhật, Nhật thả mặc tổ chức này cho Pháp tùy tiện xử lý. Pháp được thể quay sang đàn áp để trả thù những người của tổ chức. Hàng trăm hội viên phải chạy sang lánh nạn tại Trung Quốc, tan tác mỗi người một nơi. Tướng Giới Thạch vốn là tay ma lanh, xảo trá, rất nhạy bén nắm bắt tình hình, nhanh chóng thu nạp đám tàn quân này, đưa họ về Liễu Châu, huấn luyện quân sự, dùng họ làm đội dẫn đường chuẩn bị cho "Hoa quân nhập Việt". Nhưng một số người trong Việt Nam phục quốc quân thấy rõ bộ mặt quỷ quyệt của Nhật, đồng thời cũng thấy rõ âm mưu nham hiểm của Tưởng, trót đại một lần theo Nhật, nay kiên quyết không theo Tưởng, vì họ nghĩ rằng, Nhật và Tưởng cũng đều một giuộc xâm lược cả thôi. Vì vậy, sự lựa chọn của họ lúc này là theo Việt Minh. Nhiều người theo Việt Minh đã may mắn được Bác Hồ giác ngộ, bồi dưỡng lý luận cách mạng, rồi Bác lựa chọn những người đủ điều kiện đưa họ về nước hoạt động. Còn “Việt Nam cách mạng đồng minh Hội” (gọi tắt là Việt Cách), một tổ chức gồm những phần tử người Việt Nam bất mãn, chạy sang Trung Quốc, được Tưởng Giới Thạch sử dụng bọn tay sai chóp bu lập lại. Tuy nhiên, trong Hội cũng có nhiều người Việt Nam yêu nước từ Hội giải phóng và Việt Nam phục quốc quân chuyển sang. Một số người như anh Lê Tùng Sơn, người của Việt Minh gài vào để nắm tình hình. Tháng 7-1942, Hội họp Đại hội trừ bị, có 30 người dự, do Nguyễn Hải Thần chủ trì. Đến tháng 10-1942, Đại hội chính thức họp tuyên bố thành lập Việt Nam cách mạng đồng minh Hội (gọi tắt là Việt Cách). Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc cử chủ nhiệm Đệ tứ chiến khu Ứng Hoa Thịnh làm đại diện chi đạo bên cạnh Ban Chấp hành

người Việt Nam. Sau đó, Hầu Chí Minh chủ nhiệm mới lên thay Ứng Hoa Thịnh. Đến tháng 12-1943, Trương Phát Khuê trực tiếp làm đại diện chỉ đạo. Hầu Chí Minh làm phó đại diện. Giúp Trương Phát Khuê nắm công việc hàng ngày của Việt Cách có tướng Tiêu Văn, Trưởng phòng ngoại sự Đệ tứ chiến khu. Đã có lần Khuê yêu cầu Bác là Phó Chủ tịch Hội, còn chức Chủ tịch để cho Nguyễn Hải Thần. Năm 1945, ông ta theo Tiêu Văn về Việt Nam. Cuộc đời của ông ta là cuộc đời pha tạp giữa mê tín dị đoan với sự bợ đỡ ngoại bang, cho nên bị nhân dân ta xếp vào loại phản quốc. Tuy nhiên, để thực hiện sách lược tạm thời hoà hoãn với Tưởng, tập trung đánh Pháp, năm 1946, Bác bố trí cho ông ta giữ chức Phó Chủ tịch Chính phủ lâm thời, bổ sung vào Quốc hội, rồi Phó Chủ tịch Chính phủ liên hiệp chính thức. Khi Tưởng rút về Trung Quốc, ông ta lại bám chân Tưởng về Tàu, tiếp tục với nghề tướng số rồi chết rụi với nghề này. Ngoài Nguyễn Hải Thần, trong Ban Chấp hành Việt Cách, còn có Vũ Hồng Khanh, Trương Bội Công, Trần Báo... Vũ Hồng Khanh chính là Vũ Văn Giản, người Vĩnh Yên. Ông ta vào Việt Nam quốc dân Đảng từ năm 1928. Vụ bạo động Yên Bái năm 1930 của Việt Nam quốc dân Đảng bị thất bại, ông ta chạy trốn sang Trung Quốc, bợ đỡ Quốc dân đảng Trung Hoa. Năm 1945, ông ta theo gót giày quân đội Tưởng về nước tiếp tục chống phá cách mạng. Giống như Nguyễn Hải Thần, khi quân Tưởng về Trung Quốc, ông ta chạy theo Tưởng Giới Thạch, bị cách mạng Trung Quốc đánh cho đại bại. Vũ Hồng Khanh mất chỗ dựa, lao đao theo Bạch Sùng Hy chạy về Cao Bằng, quay sang làm việc cho đế quốc Pháp. Pháp thua, ông ta chạy vội vào miền Nam làm tay sai cho đế quốc Mỹ. Trương Bội Công là viên quan nằm trong quân đội Tưởng Giới Thạch. Ông ta né tránh việc liên hệ với cách mạng Việt Nam và không tham dự một phong trào nào cả. Còn Trần Báo, một tay giang hồ trẻ tuổi, tiền vận rồi ren, lòng đầy ám muội. Nói tóm lại, nhìn vào thành phần ban lãnh đạo Việt Cách có nhiều tên tay sai trùm sỏ cho đế quốc và bọn phản động nước ngoài. Nếu cứ để bọn này tung hoành chắc chúng sẽ gây nhiều khó khăn cho ta. Vì vậy, Bác và Đảng

ta chủ trương đưa người của Việt Minh vào để giữ chân họ lại, hạn chế việc chống phá cách mạng. Bác nói rằng, lúc này quyền lợi của Tổ quốc là trên hết. Nhiều khi ta cất công xây dựng cơ sở cách mạng nhọc nhằn bao năm, để cho bọn quấy rối chống phá, thật uổng công, chi bằng hạn chế sự chống phá của chúng cũng là đắc sách của ta. Thực hiện sách lược của Bác và của Đảng, chúng tôi đã ra sức tranh thủ, lôi kéo. Cố gắng của chúng tôi chỉ mang lại kết quả hạn chế. Bọn chóp bu của Hội vẫn tỏ ra năng nổ làm tay sai cho Tưởng. Khi quân đội của Tưởng tràn vào Việt Nam, Việt Cách theo về càng lộ nguyên hình với những bộ mặt phản dân hại nước.

Ngồi hội đàm với chúng tôi tại Bách Sắc vào một ngày của tháng 4-1945 là những cán bộ của Việt Cách, nhưng không thấy những nhân vật chủ chốt như Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh, Trương Bội Công, mà chỉ thấy nhiều người quen biết như các anh Lê Tùng Sơn, Bò Xuân Luật... Thay mặt đoàn đại biểu Việt Minh, tôi phát biểu phân tích cặn kẽ cho những người Việt Nam trong tổ chức Việt Cách biết tình hình trong nước và phương hướng tiến lên của cách mạng Việt Nam. Tôi kêu gọi anh em hãy hướng về đất nước, cùng đồng bào ném mìn, nắm gai, chia cơm, sẻ áo, đấu tranh giành độc lập, tự do cho Tổ quốc. Phía Việt Cách nói những câu cách mạng suông. Mà cũng có gì để nói đâu, vì họ ở trong nước đâu mà biết được tình hình. Đang họp, bỗng có một ông cụ mặt gầy, để râu, vàng trán cao, đôi mắt sáng, đội mũ cát kết, mặc bộ đồ xanh nhạt, chân đi giày vải, bước vào. Thoáng nhìn, tôi giật mình, toan đứng dậy, định kêu tiếng "Bác", thì cụ nhanh trí hơn, giơ tay ra hiệu cho tôi đừng nói. Tôi hiểu ý, ngồi yên, vờ như không quen biết gì cụ. Tôi đoán được ý Bác căn dặn tôi ở cái nơi mật vụ như ruồi, phải cẩn thận, bằng không sẽ lụy đến thân. Tuy vậy, trong lòng tôi trào lên niềm vui sướng vô hạn, vì được tận mắt nhìn thấy Bác khoẻ mạnh, an toàn. Tôi ước gì có được đôi cánh bay ngay về Việt Nam, báo cho các anh trong Thường vụ Trung ương và toàn thể đồng bào biết, Bác

của chúng ta đang còn sống. Anh em trong đoàn, ngoài tôi ra, chưa anh nào được gặp Bác. Lần đầu tiên trông thấy Bác, có thể các anh chưa biết đó là ai. Riêng có anh Châu, sau đó, nói với tôi rằng, khi nhìn ông cụ, linh tính làm anh liên tưởng đến đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Còn anh Biểu vô tình ghé vào tai tôi nói: "Trông ông cụ vừa vào giống sĩ phu Việt Nam quá". Tôi gạt đầu mỉm cười. Bác đi phía sau dãy ghế ngồi của bên anh em đại biểu Việt Cách, để nhìn sang dãy ghế của bên chúng tôi. Chắc Bác muốn "điểm mặt" số thành viên của đoàn. Nhìn chúng tôi một lượt, Bác tự kéo ghế ngồi, bảo chúng tôi tiếp tục khai hội. Ngồi một lúc, Bác đứng dậy, xin phép hội nghị, có việc phải đi. Trước khi đi, Bác nói: "Các đồng chí khai hội như vậy là tốt, tỏ rõ mối thiện chí giữa hai bên". Bác đến rồi Bác đi, tất cả chỉ diễn ra chừng 30 phút. Thời gian ngắn ngủi đó, tôi đã "liếc trộm" Bác mấy lần. Bác ngồi gần tôi, vậy mà khoảng cách lại xa muôn dặm. Người xưa nói: "Nhìn nhau mà biển trời cách mặt", thật đúng với hoàn cảnh của tôi trong lúc này. Nhớ lại khi Bác bị chính quyền địa phương của Tưởng Giới Thạch bắt giam, chúng tôi có biết tin. Nhưng từ khi Bác được ra tù, chúng tôi lại không nhận được tin tức.

Đến chiều, khi chúng tôi đang ngồi ăn cơm trong nhà trụ sở của Việt Cách, Bác lại đến thăm chúng tôi. Rất tự nhiên, Bác ngồi cạnh chúng tôi và nói vui: "Còn cơm cho tôi ăn cùng". Lúc này tôi mới có dịp được nhìn kỹ gương mặt phong sương của Bác. So với hồi năm 1941, tôi được gặp nay thấy Bác già và gầy đi nhiều. Riêng có đôi mắt của Bác vẫn sáng. Bác nhìn tôi rất thiện cảm, y hệt cái nhìn của Bác đối với tôi hồi ở Pác Bó. Bác nheo mắt lại, có ý dặn dò tôi phải giữ kín việc đã quen nhau. Trong lúc đang nói chuyện, bỗng có một người phụ nữ từ ngoài đi vào. Sau đó, tôi biết tên chị là Bích Vân. Chị chào chúng tôi, chúng tôi chào lại. Trong đoàn có anh cứ nhìn như dán mắt vào chị, Bác thấy vậy, nhắc khéo: "Kính nhi viễn chi" (hãy đứng xa mà nhìn). Có lẽ ý Bác muốn nhắc chúng tôi không nên nhìn phụ nữ

một cách chăm chăm như vậy. Hay là muốn nhấn nhủ chúng tôi phải cẩn thận trong mối quan hệ.

Vào lúc 10 giờ đêm hôm ấy, anh Lê Tùng Sơn đến bảo tôi: "Anh ra ngoài có người cần gặp". Anh Sơn dẫn tôi ra phía sau nhà, nơi kín đáo, vắng vẻ. Đến nơi, tôi đã thấy Bác đứng đó. Lúc này thì không thể ghìm nổi tình cảm của mình, tôi đã ôm chầm lấy Bác. Tôi áp đầu vào ngực Bác như muốn lấy hơi thở ấm áp, nồng nàn từ trái tim người cha. Bác nhìn tôi trong đêm và hỏi: "Các chú sang đây làm gì?". Tôi báo cáo với Bác là theo lời mời của Trương Phát Khuê, Thường vụ Trung ương có họp nghiên cứu tình hình thấy rằng cũng cần tranh thủ lực lượng ngoài nước, xem nội tình của Việt Cách ra sao và nếu điều kiện cho phép, có thể bàn bạc với đại diện Tưởng Giới Thạch, tranh thủ Đồng Minh bàn việc liên kết chống Nhật. Bác bảo: "Không thể trông cậy gì ở họ. Họ nói giúp chúng ta, nhưng thực chất lại muốn nuốt chúng ta. Trong nước đang có biến động. Tình hình thế giới cũng đang diễn biến. Quân đội Liên Xô đang thắng lớn. Ngoài việc giải phóng lãnh thổ của mình, còn đem quân giúp cho Ba Lan, Lỗ, Bảo, Tiệp Khắc, Hung, giúp Nam Tư, Na Uy, Hy Lạp giải phóng và đang ào ạt tiến vào Béclin. Chiến tranh sắp kết thúc. Nhật sẽ bị thất bại. Nhân cơ hội này, chúng ta sẽ nổi dậy giành chính quyền. Vì vậy, các chú liệu thu xếp công việc để về cho nhanh, sớm ngày nào hay ngày ấy. Nhưng phải bí mật, cẩn thận, cảnh giác, vì chúng ta đang ở trước miệng hùm đấy". Tôi hỏi Bác: "Đối sách của ta với Tưởng, Trương và tổ chức Việt Cách thì thế nào?". Bác cho biết: "Đối với Tưởng, Trương, trước sau họ cũng mang quân sang nước ta, tiếng là để tiếp nhận sự đầu hàng của Nhật khi Nhật thua, nhưng kỳ thực là xâm lược và vơ vét. Chúng ta không hy vọng gì ở họ đâu. Tuy vậy, cũng cần tranh thủ họ cho tới khi không thể tranh thủ được. Riêng đối với bà con ta trong tổ chức Việt Cách, cần nói rõ để bà con biết, phải cảnh giác, đoàn kết, chọn những ai có lòng yêu nước nồng nàn, thu nạp họ vào Việt Minh và tạo điều kiện giúp họ trở về nước

góp phần cùng nhân dân làm cuộc giải phóng. Nghe mấy lời dặn dò của Bác sao mà thấm thía vậy. Thực chất đây là ý kiến chỉ đạo hết sức quý báu đối với chúng tôi. Tôi báo cáo với Bác một vài nét sơ bộ về tình hình trong nước, nói rằng, các đồng chí trong Đảng mong Bác lắm. Anh Trường Chinh, anh Nguyễn Lương Bằng nhắc đến Bác luôn. Cách mạng Việt Nam lúc này phải có tay lái vững, tay lái đó chính là Bác. Bác nghe tôi nói, cười nhỏ, bảo tôi rằng thắng lợi của cách mạng phụ thuộc vào lực lượng của nhân dân, sức mạnh của nhân dân. Cá nhân sẽ không làm nên chuyện gì nếu không có nhân dân. Tôi muốn giữ Bác lại càng lâu càng tốt, nên cố nghĩ nhiều chuyện để hỏi Bác, nhất là chuyện trong những ngày Bác bị giam cầm ở nhà lao Tưởng Giới Thạch. Trong những ngày này, các anh trong Trung ương rất lo. Bác gạt đi và nói lúc này chưa phải lúc kể chuyện đó. Bác chia tay tôi, rồi mất hút trong đêm tối. Còn tôi, đứng lại một mình. Về nhà. Nằm xuống giường, tôi cứ ngỡ mình đang trong mơ được gặp Bác.

Hôm sau, tôi cố dò tìm xem Bác ở đâu để gặp lần nữa. Nhưng hỏi anh Sơn, anh không biết, hỏi anh Luật, anh cũng chẳng hay. Bác có tài ẩn hiện như "thần", khó lòng biết được. Trong công tác bí mật, Bác rất nguyên tắc, rất kín, cho nên kẻ địch rất khó tìm thấy ở Bác những sơ hở, dù chỉ là nhỏ nhất. Những ngày ở Bách Sắc, Bác dặn anh em phải hết sức giữ bí mật, không ai được ra phố, tất cả đều phải giấu mình và nguy trang cho khéo. Sau này, tôi được các anh đi cùng Bác sang Bách Sắc cho biết, những ngày ở Bách Sắc, Bác gặp tướng Trương Phát Khuê, tranh thủ và nói với ông ta rằng, phong trào cách mạng ở Việt Nam đang lên, cần có cán bộ người Việt Nam. Bác đề nghị ông ta cho một số người Việt Nam làm công việc chuyên môn hiện đang công tác dưới quyền ông ta, về nước hoạt động. Bác viết danh sách những người Bác cần, đưa cho Khuê. Vì vậy, các anh Đức, Quý... rất giỏi vô tuyến điện đã được về nước vào dịp này.

Sau lần gặp chúng tôi, Bác khẩn trương thu xếp công việc để về nước. Anh Đinh Đại Toàn kể lại rằng, một đêm ở Bách Sắc, anh thấy Bác làm việc bí mật, thu xếp công việc đến tận khuya. Sáng hôm sau, Bác gặp các anh nói rõ là đi bộ về nước, Anh Toàn hỏi Bác cách giải quyết số vũ khí hiện có trong tay. Bác bảo tất cả cho vào hòm đóng lại, sẽ có người chuyển về sau. Khi Bác lên đường trở về nước, có người Mỹ phụ trách vô tuyến điện nói xin cùng đi theo, các anh hỏi Bác, Bác nói cứ để họ đi. Bác rời Bách Sắc vào một ngày giữa tháng 4-1945. Từ Bách Sắc, Bác và các anh đi bộ về Pác Bó. Vừa đi vừa nghỉ mất sáu ngày. Khi đi, các anh vẫn mang theo "thịt hộp Việt Minh", nhưng không ai đụng đến, vì đã có dăm bông và thịt ruốc của chị Hoa, vợ anh Phương, gửi cho. Khi đi đến Cột Mài, Bác báo tin cho Đảng bộ Cao Bằng và những người quen biết. Anh Hoàng Sâm cùng gia đình anh Dương Đại Lâm nhận được tin đã ra tận cột mốc biên giới đón Bác và những người cùng đi. Từ đây, đoàn chia làm hai tốp theo Bác về Pác Bó trước. Còn hai người Mỹ, anh Lâm thu xếp cho họ đi tốp sau. Tới Pác Bó, Bác ở nhà anh Lâm vài hôm rồi ra ở lán Khuổi Nặm.

Lại nói về đoàn chúng tôi. Sau khi được Bác bảo phải khẩn trương thu xếp công việc để về nước, chúng tôi họp bàn kế hoạch chuẩn bị lên đường. Sau khi bàn bạc nhất trí trong đoàn, tôi viết giấy gửi Trương Phát Khuê, đề nghị cho đoàn về nước. Chờ mất vài ngày vẫn chưa thấy hồi âm. Sợ phía đối phương gây khó dễ, chúng tôi bàn bạc nhất trí viết thư gửi Bác, nhờ Bác can thiệp với Trương Phát Khuê, vì Khuê rất kính nể Bác. Anh em đều nói cứ hỏi anh Lê Tùng Sơn xem sao. Khi hỏi anh Sơn, anh nhận lời chuyển thư của chúng tôi lên Bác. Anh nói nhỏ với tôi, Bác đã về nước. Nhưng vẫn chuyển được thư tới Bác qua trạm giao thông đặc biệt. Ít ngày sau Bác gửi thư sang cho Khuê, nói rằng đoàn đại biểu Việt Minh ở Trung Quốc đã lâu ngày, đề nghị Khuê giúp cho anh em về nước. Nhận thư Bác, Khuê không thể chần chừ, ra lệnh cho Tiêu Văn bố trí cho chúng tôi lên đường.

Trước lúc lên đường, Trương Phát Khuê mở tiệc chiêu đãi chúng tôi. Tiệc được dọn ra ở sân lớn. Một con bò thui treo giữa sân, bên cạnh là vò rượu lớn. Mọi người lần lượt đến xẻo từng miếng thịt bò, rồi thò bát vào vò múc rượu ra uống. Lối ăn uống "rùng rú" này làm nhiều người thích thú. Nhưng chúng tôi thì không quen. Dự tiệc chiêu đãi, về phía đối phương, ngoài Trương Phát Khuê, còn có Tiêu Văn; tướng Trần Bảo Sơn, thống lĩnh miền biên giới Trung - Việt, khu vực giáp tỉnh Cao Bằng, cùng nhiều tướng tá khác. Trương Phát Khuê trịnh trọng đọc diễn văn, chúc chúng tôi thượng lộ bình an, và hứa hẹn thế nào Trung Quốc cũng sẽ giúp Việt Nam, Khuê nâng cốc chúc mừng.

Trong cơn chệnh choáng, Khuê cao hứng nói: "Hôm nay, nhân tiện có các vị khách quý Việt Nam, tôi xin tâm sự với các vị rằng, nếu tôi theo cộng sản, tôi sẽ trở thành ông Chu Đức (ý nói sẽ trở thành Tổng tư lệnh quân đội cộng sản). Nếu tôi theo Tưởng Giới Thạch, tôi sẽ trở thành Hà Ứng Khâm. Nhưng, (Khuê nhấn mạnh chữ "nhưng") tôi không theo ai. Trước sau, tôi chỉ là tướng Trương Phát Khuê". Rõ ràng khẩu khí anh hùng hảo hán. Suốt bữa tiệc, Khuê say khướt, nằm ngửa cổ trên thành ghế. Bọn thuộc tướng đến chúc rượu, Khuê há mồm ra để cho chúng đổ vào. Khuê nói: "Chúng mày làm tao say chết vì rượu bây giờ". Các thuộc tướng nghe nói vậy không dám đổ rượu vào mồm Khuê nữa. Lúc tiệc gần tan, Khuê đứng dậy, đi quanh khắp lượt, hỏi han từng người, làm trò mị dân. Đi đến cuối bàn, Khuê nhìn thấy một viên cấp tá đang tranh thủ ngồi đọc sách. Khuê liền cầm quyển sách lên xem. Nhìn tờ bìa sách, Khuê nói: "Đọc sách gì thì đọc, kể cả sách cộng sản cũng được. Nhưng khi ta bảo đánh là phải đánh, nghe không".

Tiệc tan. Những tướng lĩnh Quốc dân đảng say khướt. Bọn hầu vệ phải dìu họ vào phòng. Còn chúng tôi không ai biết uống rượu, nên rất tỉnh.

Trước khi rời Bách Sắc, chúng tôi muốn dạo chơi phố lần cuối. Hồ Đức Thành, một người Việt Nam ở Bách Sắc dẫn chúng tôi đi. Tới chỗ bờ sông, thấy thuyền

đâu san sát, tôi hỏi thuyền chở gì? Thành nói: "Chở gì đâu, nhà chứa trên sông đấy. Bọn này chuyên phục vụ lính Tưởng". Nghe nói vậy, tôi càng có cơ sở để nhìn nhận bản chất quân Tàu ô, mà sau đó, khi sang Việt Nam, chúng cũng làm trò này. Những tên lính Tưởng thất thủ bước trên đường phố, trong khi đó, những tên lính Mỹ lại ăn mặc quá sang. Trên túi áo của lính Mỹ căng phồng những tiền. Đồng tiền của lính Mỹ đã lôi cuốn các cô gái Trung Hoa. Họ vây quanh lính Mỹ, cợt nhả, trêu đùa đến sỗ sàng.

Vào một ngày gần cuối tháng 4-1945, chúng tôi lên đường về nước. Buổi sáng hôm ấy, tại trụ sở Việt Cách, Tiêu Văn thay mặt Trương Phát Khuê, tổ chức lễ xuất phát. Lúc này, tôi mới thấy phơi bày cái gọi là "đại kế hoạch" của Quốc dân đảng. Đó là việc vận chuyển 600 khẩu súng mà Trương Phát Khuê hứa giúp chúng tôi, đem trang bị cho "Ủy ban hành động của Việt Nam cách mạng Đồng Minh Hội", gồm mấy trăm bộ đội thuộc Việt Nam phục quốc quân chạy sang Trung Quốc lúc Pháp đàn áp. Số quân này chia làm bốn toán. Số súng chia đều cho mỗi toán. Người chỉ huy các toán quân là Lê Tùng Sơn, Vũ Kim Thành, Trương Trung Phụng, Bô Xuân Luật. Như vậy, họ đã bố trí cho phái đoàn chúng tôi đi cùng với những toán quân này. Đau xót, tôi bức lắm, đã toan phản đối. Nhưng khi trao đổi với anh em trong đoàn, ai cũng khuyên tôi cố chịu đựng, miễn là được trở về Tổ quốc cùng đồng bào chiến đấu.

Lễ tiễn bắt đầu. Tiêu Văn đọc diễn văn. Ông ta hùng hổ nói: "Hôm nay chúng ta làm lễ xuất phát tiến quân vào Việt Nam. Có sự giúp đỡ của chúng ta, nước Việt Nam sẽ được giải phóng và nhất định được giải phóng". Nghe giọng kẻ cả, thực chất là che lấp sự ăn cướp, tôi tức lộn ruột, mắt đỏ lên, trong người nóng rần rật. Một tên cướp ngày lại nói chuyện giải phóng Việt Nam, rõ nực cười. Anh Hiền đứng cạnh tôi, nói: "Bọn này về nước chắc dân mình sẽ khổ đây". Anh Châu, anh Biểu, anh Bình có lẽ cũng nghĩ vậy. Riêng tôi hiểu rằng, trong số những người chỉ

huy của đội quân này, có một số người như anh Lê Tùng Sơn... là người của ta được Bác giác ngộ, chắc chắn các anh ấy sẽ liên hệ và báo cáo với Bác.

Rời Bách Sắc, chúng tôi đi Thiên Bảo. Từ Thiên Bảo, chúng tôi về Tĩnh Tây, rồi đến Cột Mạ, biên giới Việt-Trung. Tiêu Văn đi cùng với quân Việt Cách tới Tĩnh Tây. Đến Tĩnh Tây, Văn trao giấy thông hành cho chúng tôi để đi tiếp về nước. Tới đây, chúng tôi tách khỏi quân Việt Cách. Còn quân Việt Cách lúc đó lấy danh nghĩa là "Lữ đoàn hành động" vượt biên giới về Việt Nam theo bốn hướng chia làm bốn cánh quân. Trong bốn cánh quân này, ngoài cánh quân của Lê Tùng Sơn, người của ta, hai cánh quân khác do Bò Xuân Luật và Trương Trung Phụng chỉ huy, giác ngộ theo ta. Chỉ có một cánh quân của Vũ Kim Thành đi về vùng Hải Ninh, biến thành thổ phỉ, bị ta đánh cho tơi tả. Bọn sống sót, chạy thực mạng về Trung Quốc. Theo kế hoạch chung của Đồng Minh, khi "Hoa quân nhập Việt", thì lực lượng Anh, Mỹ cũng sẽ từ Philippin vượt biển Đông đổ bộ lên bán đảo Đông Dương, phối hợp cùng quân Quốc dân đảng Trung Hoa từ Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam đánh sang.

Qua Cột Mạ, trời tối sầm, Tỉnh uỷ Cao Bằng bố trí cho anh em tự vệ đốt đuốc dẫn đường cho chúng tôi đi. Nhìn đội quân tự vệ với những bó đuốc sáng rùng, tôi thấy cách mạng đã lớn mạnh. Khi đi bí mật, lúc về tự do. Đi miết tới khuya, anh em tự vệ đưa chúng tôi đến Lam Sơn. Vào trong căn nhà sàn, tôi thấy Bác đang ngồi đó. Tôi thốt lên: "Bác! Bác!". Anh em trong đoàn cũng gọi Bác như thế. Bác đứng dậy bắt tay từng người, hỏi thăm sức khoẻ khi đi đường. Nhìn tôi, Bác hỏi: "Vất vả gian lao làm cho "ông hoàng nước Việt" trẻ khoẻ hẳn ra". Mọi người cười rất vui. Tôi nói: "Thưa Bác, có đi, chúng tôi mới thấy được phần nào cảnh gian nan vất vả của Bác trong những ngày Bác đi bộ sang Trung Quốc, cũng như những ngày Bác bị giam ở Quảng Tây". Bác nói: "Đây chưa phải lúc chúng ta bàn chuyện đó. Bây giờ chú Việt và các anh em trong đoàn nói cho tôi biết kết quả chuyến đi". Tôi báo

cáo với Bác việc Trương Phát Khuê hứa cho ta 600 cây súng, nhưng đó chỉ là lời hứa suông. Bác nói: "Các chú nên nhớ rằng, Tưởng Giới Thạch có bao giờ giúp cộng sản đâu". Các anh trong đoàn đều báo cáo với Bác, mỗi người một ý, chấp lại thành bản thu hoạch dài về kết quả chuyến đi, chủ yếu đã vận động, giác ngộ được một số bà con Việt kiều trở về giúp nước. Bác tỏ ý vui lòng khi thấy chúng tôi đoàn kết chặt chẽ, tôn trọng lẫn nhau, đã không xảy ra điều gì đáng tiếc. Bác mời chúng tôi ở lại ăn cơm cùng Bác. Bữa cơm đạm bạc, nhưng vui vẻ làm sao. Trong lúc ăn cơm, chúng tôi kể cho Bác nghe về những viên tướng miền biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Khi nhắc đến Trương Phát Khuê, Bác lấy ra chiếc ảnh của Khuê tặng Bác để chúng tôi xem. Tôi thấy mặt sau ảnh có dòng chữ đề tặng của Khuê: "Kính tặng Hồ tiên sinh".

Trong những ngày cuối tháng 4-1945, Bác cùng đoàn chúng tôi và có thêm các anh: Tống (Phạm Văn Đồng), Vũ Anh, Đặng Văn Cáp, Lã Minh Giang, Bình Dương (Khoa)... lúc ấy đang ở Cao Bằng, thường đến một ngôi nhà vắng chủ rộng rãi ở kề chân núi đá hộc bàn triển khai công tác sắp tới, chủ yếu là kế hoạch chuẩn bị khởi nghĩa. Cũng có hôm họp ngay trên những mỏm đá ở đầu nguồn Pác ngườm. Ở Lam Sơn có một cái động lớn. Trong động có nhiều nhũ đá rủ xuống với những hình thù lạ mắt, vừa cuốn hút. Bên cạnh phía dưới lại có nhiều dòng nhỏ. Nước trong động chảy đều đều xuống khoảng trũng, trong vắt và lạnh. Mùa hè, những đêm trăng sáng ra đây chơi và tắm thì không gì sướng bằng. Bác vốn là người rất yêu thiên nhiên, thấy nơi đây phong cảnh hữu tình, thường cùng chúng tôi ra động ngồi chơi. Một lần, tắm xong, mọi người ngồi quây quần bên Bác trên một phiến đá phẳng. Trong lúc trò chuyện, Bác ra vé đôi và nói đùa: "Ai đôi được, Bác gả con gái cho". Rồi Bác thông thả đọc:

"Nguyệt chiếu khe tâm, tâm chiếu nguyệt" (Có nghĩa: Mặt trăng soi xuống lòng khe, lòng soi lên trăng).

Nhiều đồng chí xin đối. Có đồng chí đối thế nào lại hoá ra "mặt rỗ" ("*hoa sinh thạch diện, diện sinh hoa*" nghĩa là: "Hoa nở trên mặt đá, mặt nở hoa"), Bác cười, lắc đầu. Cho tới bây giờ, tôi vẫn chưa thấy ai đối được câu đối của Bác.

Một hôm, ở trong lán, tôi thấy anh Bình ngồi viết. Chợt Bác vào, Bác hỏi:

- Chú viết gì?

Anh Bình đáp:

- Thưa Bác, cháu đang làm thơ, tả về túp lều tranh.

Bác bảo:

- Chú đọc cho nghe.

Anh Bình đọc:

Một túp lều tranh vách đá rêu

Trên dòng khe nhỏ nước vui reo.

Nắng xuyên cành lá tung hoa nắng

Cây ngập sườn non lấp lói vào.

Chim hót trong rừng cây bát ngát

Gió lùa cùng những đoá hoa reo.

Nghe xong, Bác hỏi:

- Không có hai câu kết à?

- Thưa Bác, khó quá, cháu chưa nghĩ được.

Bác nói:

- Vậy chú ghi tiếp vào.

- Rồi Bác đọc:

Vì chung công việc còn bề bộn

Đâu dám ghéu ngao sớm lại chiều.

Nghe thơ của anh, tôi thấy rõ khẩu khí của người trẻ tuổi. Đọc hai câu kết của Bác, tôi thấy rõ khẩu khí của người từng trải đang lo việc nước việc dân.

Sống bên Bác được ít ngày tại núi non Cao Bằng, chúng tôi phải chia tay Bác, đi về dưới xuôi. Lúc chia tay, Bác nói: "Mình cũng sắp về dưới ấy".

Chương IV - Chuyển đi vào Nam theo chỉ thị của Bác

Từ Cao Bằng, chúng tôi về Tuyên Quang. Đến Tuyên Quang, tôi họp đoàn lại, tuyên bố giải tán vì đã làm xong nhiệm vụ. Các anh trong đoàn đi mỗi người một nơi nhận nhiệm vụ mới. Tôi tìm gặp anh Trường Chinh để báo cáo kết quả chuyển đi. Anh Nguyễn Lương Bằng cũng có mặt trong buổi gặp. Thấy tôi trở về mạnh khoẻ và làm tròn nhiệm vụ, các anh rất mừng. Sau đó, một trận ốm nặng đã làm tôi tưởng như đến lúc gần đất xa trời. Khi Hội nghị toàn quốc của Đảng khai mạc ở Tân Trào, Tuyên Quang, ngày 18-8-1945, tôi vẫn còn rất mệt, nên không dự được. Đến khi Đại hội quốc dân họp cũng ở Tân Trào, ngày 16-8-1945, tôi mới đỡ mệt và đến dự vào chiều ngày 16.

Sau lần gặp chúng tôi ở Cao Bằng, Bác thu xếp công việc và cũng về ngay Tuyên Quang vào khoảng nửa cuối tháng 5-1945.

Đất nước và cách mạng lúc này có những biến đổi hằng ngày, hằng giờ. Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Ngày 8-8-1945, Liên Xô mở trận đánh lớn tiêu diệt đội quân tinh nhuệ của Nhật ở Liêu Ninh, Cát Lâm và Hắc Long Giang, ba tỉnh phía đông Trung Quốc, ngày 15-8-1945, Nhật đầu hàng Liên Xô và các nước đồng minh không điều kiện. Sự thất bại của quân Nhật ở Trung Quốc trước sức tiến công như vũ bão của quân đội Liên Xô, làm cho quân Nhật ở Đông Dương rã rời tay súng. Chính phủ bù nhìn thân Nhật Trần Trọng Kim bị tê liệt. Rõ ràng thời cơ đang đến, vận hội của dân tộc đang đến. Đây chính là lúc chúng ta có thể đẩy cao trào cách mạng lên cao. Đây là lúc giao điểm của sự gặp gỡ giữa thời đại và dân tộc. Bác là người nắm vững xu thế phát triển của thời đại, lại dựa trên cái nền vững chắc của dân tộc, tạo thành cơ hội giành độc lập, tự do.

Một lần nữa, tôi lại được gặp Bác tại Đại hội quốc dân. Lúc ấy, Bác cũng vừa qua cơn ốm nặng, trông khí sắc của Bác có phần yếu hơn trước. Riêng đôi mắt vẫn rực sáng như xưa. Tại Đại hội, có người hát rằng: "Gươm đâu, súng đâu, thời cơ đang

đến". Bác liền nói: "Lúc này mà còn hỏi "gươm đâu, súng đâu" là chậm. Nói "thời cơ đang đến" cũng là chậm. Và Bác đề nghị sửa lại là: "Gươm đây, súng đây, thời cơ đã đến". Lời Bác đâu phải chuyện chữ nghĩa bình thường, mà chính là tư tưởng thiên tài của lãnh tụ trong nghệ thuật nắm bắt thời cơ. Theo đề nghị của Bác, Đại hội nhất trí thông qua "lo chính sách lớn của Việt Minh", lệnh "Tổng khởi nghĩa" lấy lá cờ nên đỏ sao vàng năm cánh làm quốc kỳ và chọn bài "Tiến quân ca" làm quốc ca. Đại hội bầu "Ủy ban dân tộc giải phóng Trung ương", tức "Chính phủ lâm thời" do Bác làm Chủ tịch. Trong không khí sôi động của thời cơ "nghìn năm có một", Bác kịp thời viết thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa: "Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta". Nghe theo lời kêu gọi của Bác, hơn hai mươi triệu đồng bào cả nước hành quân vào trận, làm cuộc tổng khởi nghĩa oanh liệt, vang dậy đất nước. Đại hội quốc dân kết thúc. Bác và Trung ương chuẩn bị về Thủ đô, trung tâm chính trị, kinh tế và văn hoá của cả nước, trực tiếp chỉ đạo cao trào cách mạng.

Sau khi bế mạc Đại hội, Bác triệu tập anh Trường Chinh, anh Nguyễn Lương Bằng và tôi đến, nói rằng cần cử ngay vài đồng chí thay mặt Trung ương và Tổng bộ Việt Minh vào Nam Bộ gấp để chỉ đạo và kiểm tra việc khởi nghĩa giành chính quyền. Bác đề nghị chúng tôi tiến cử người phụ trách. Anh Trường Chinh và anh Nguyễn Lương Bằng đều nhất trí tiến cử tôi vì tôi đã mấy lần đi lại trong Nam, quen biết đồng bào, đồng chí và thông thuộc đường sá. Bác mừng lắm, nói rằng: "Chú Việt đi nhé!". Tôi thưa với Bác: "Vâng!". Bác căn dặn tôi: "Chú có thể chọn thêm vài người cùng đi. Cố gắng có mặt ở Nam Bộ sớm ngày nào hay ngày ấy. Nhớ cần thực hiện chính sách đoàn kết của Mặt trận Việt Minh cho tốt. Cần tranh thủ tuyên truyền chính sách của Mặt trận để đồng bào Nam Bộ rõ. Trên đường đi, sẽ gặp nhiều sự biến, tùy cơ ứng biến, hết sức linh hoạt nhưng phải giữ vững

nguyên tắc. Cho Bác gửi lời thăm hỏi đồng bào ta ở trong Nam". Bác nói có ngàn ấy lời, song thực chất là một chỉ thị quan trọng.

Trên đường về, tôi nghĩ ngay đến anh Phan Thêm (tức Cao Hồng Lĩnh, người dân Nam Bộ gọi anh là Lĩnh), bởi anh là người nhanh nhẹn, gầy nhưng khoẻ. Quê anh ở Hội An, tỉnh Quảng Nam, thông thạo đường sá trong Nam. Tháng 7-1945, anh đã cùng anh Bùi Lâm, đặc phái viên của Trung ương vào Sài Gòn hướng dẫn việc bầu cử đại biểu đi dự Hội nghị Tân Trào cho nên nắm được tình hình trong ấy. Anh trải qua nhiều năm làm công tác trong Mặt trận Việt Minh, nói thạo tiếng Trung Quốc, nên ngoài nhiệm vụ chính, còn có thể vận động bà con Hoa kiều. Vì vậy, việc chọn anh đi cũng là phù hợp. Tôi báo cáo với Bác, Bác rất vui lòng. Được Bác chuẩn y, tôi đi tìm anh Lĩnh. Nghe tôi nói ý định của Bác muốn cử đặc phái viên của Trung ương và Mặt trận Việt Minh vào trong Nam, anh Lĩnh vui lắm. Niềm vui của anh lộ trên nét mặt. Anh nói: "Còn vinh dự nào bằng". Chúng tôi gấp rút chuẩn bị hành lý. Gọi là hành lý, chứ thực ra tôi chỉ mang theo một bộ quần áo tàng tàng. Anh Lĩnh mang theo bộ quần áo xanh của anh Lê Hồng Phong mà anh còn giữ được.

Rời Tuyên Quang ngày 17-8-1945 chúng tôi đi bộ về Thái Nguyên, và từ Thái Nguyên, đi thuyền dọc theo sông Cầu về xuôi. Năm 1945, nước các triền sông lên to, ngập tràn các bãi. Nhiều đoạn đê bị vỡ. Những trận mưa bão làm ngập chìm hàng vạn mẫu ruộng. Thuyền về tới Bắc Ninh, nước càng dâng cao. Gió to làm thuyền tròng trành, nhiều lúc như muốn lật úp xuống. Tới Yên Viên, thấy không khí khởi nghĩa đang dấy lên trong nhân dân. Một chiếc ô tô cổ động cắm lá cờ đỏ sao vàng, mấy người ngồi trong xe hát bài "Diệt phát xít" nghe mà hùng hực khí thế nổi dậy. Bài hát vừa dứt, một người giương chiếc loa lên nói lớn: "Lực lượng khởi nghĩa do Việt Minh lãnh đạo, chiều nay đã làm chủ Hà Nội...". Nghe tin ấy, chúng tôi vui mừng đến phát khóc. Tôi và anh Lĩnh lên bờ, chạy đến chỗ chiếc xe đang đỗ để hỏi thêm tin tức. Vừa nhìn vào trong xe, thấy ngay anh Cù Huy Cận.

Mấy hôm trước, tôi gặp anh ở Đại hội quốc dân, nay anh cùng chúng tôi có mặt ở Hà Nội, chỉ huy chiếc xe tuyên truyền. Anh Cận cho chúng tôi biết tình hình tiến triển rất tốt. Dân tình phấn khởi. Khí thế xung trời. Chúng tôi leo ngay lên xe tuyên truyền của các anh vào Hà Nội. Càng tiến sâu vào trong lòng Hà Nội, càng thấy sức sống của ngày hội cách mạng. Ở đầu phố Gia Lâm thấy những tự vệ nữ và nam, tay cầm mã tấu đứng gác, trông oai nghiêm lắm. Từng đoàn xe đạp cắm cờ Tổ quốc nối đuôi nhau đi diễu hành trên các đường phố. Chốc chốc lại có một chiếc ô tô trên mui cắm cờ đỏ sao vàng đi quanh các phố lớn để cổ động. Những người không có xe thì đi bộ để dán những khẩu hiệu trên tường phố. Rồi truyền đơn rải ra như bướm bướm trên các bến xe, bến tàu, quanh hồ Gươm... Quang cảnh đó báo hiệu rằng cơn bão táp cách mạng vừa ập rất nhanh vào Hà Nội. Anh Cận đưa chúng tôi đến trụ sở Ủy ban khởi nghĩa Hà Nội. Tại đây, chúng tôi đã gặp anh Nguyễn Khang, người chỉ huy cuộc khởi nghĩa. Anh Khang cho biết từ sáng đến giờ, công việc ngập đầu ngập cổ. Nhiều anh em quên cả ăn uống. Anh thông báo một tin quan trọng: Trưa nay (tức ngày 19-8-1945), hơn 10 vạn nhân dân đã tập trung trước cửa Nhà hát lớn thành phố dự cuộc mít tinh lớn, tràn vào chiếm Bắc Bộ Phủ, toà thị chính, trại bảo an binh... quân và dân ta đi tới đâu thắng lợi tới đó. Quân thù tới ngày tận số, chưa đánh đã gục. Anh Khang cho tôi biết những công việc sắp tới cần làm, trong đó có bản dự kiến danh sách các thành viên trong Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời Bắc Bộ và các thành viên trong Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời Hà Nội. Tôi và anh Khang trao đổi cụ thể về một số biện pháp cần thực hiện gấp để chuẩn bị đón Bác và Trung ương về thủ đô.

Rời khỏi Ủy ban khởi nghĩa, chúng tôi đi bộ trên các đường phố Hà Nội để được tận mắt chứng kiến những thành quả mà nhân dân ta đã giành được trong cách mạng. Đêm 19-8-1945, nằm trong lòng Hà Nội, tôi không sao chợp được mắt. Trong đầu óc tôi hiện lên hình ảnh của một cuộc cách mạng vĩ đại vừa xảy ra trên

mảnh đất Việt Nam đói khổ. Tôi hình dung Cách mạng tháng Tám thắng lợi là do thời đại báo động giờ cáo chung của bọn phát xít đã đến. Đảng ta có đường lối khởi nghĩa đúng đắn vạch ra từ Hội nghị Trung ương, tháng 5-1941, xây dựng lực lượng cách mạng ở cả thành thị và nông thôn, lập mặt trận dân tộc thống nhất vững chắc và rộng rãi trong cả nước. Đảng ta biết kiến tạo thời cơ, chủ động chớp thời cơ, giữ vững nguyên tắc chỉ đạo chiến lược và linh hoạt khôn khéo chỉ đạo chiến thuật.

Thắng lợi là thế. Nhưng sự nghiệp cách mạng còn gian khổ. Với chúng tôi, chuyến đi vào Nam lần này sẽ đầy sóng gió. Sáng hôm sau, tôi dậy sớm gặp anh Lĩnh bàn về phương tiện đi. Cả hai chúng tôi đều cố gắng chạy xuôi chạy ngược để tìm xe, nhưng vẫn chưa kết quả. Riêng tôi, ngoài việc tìm xe, còn tìm mọi cách để dò hỏi xem Bác đã về Hà Nội chưa? Còn các anh trong Thường vụ Trung ương? Tôi tìm đến anh Nguyễn Khang để hỏi. Anh Khang đưa tôi đến gặp anh Nguyễn Lương Bằng. Anh Bằng đưa tôi đến gặp anh Trường Chinh. Thật bất ngờ, chúng tôi lại được gặp nhau giữa lòng Hà Nội. Anh Trường Chinh cùng chúng tôi trao đổi việc cử người vào Huế nhận sự thoái vị của vua Bảo Đại. Các anh cho biết, Bác chưa về đến Hà Nội. Vì vậy việc này cần bàn bạc tập thể trong Thường vụ xem cử ai đi. Anh Trường Chinh và tôi đều thống nhất cử anh Nguyễn Lương Bằng, anh Trần Huy Liệu và anh Cù Huy Cận. Anh Bằng kiến nghị cử anh Liệu làm trưởng đoàn. Chúng tôi đồng ý, nhưng đề nghị anh Bằng lãnh đạo bên trong. Hôm sau vào ngày 20-8.1945, chúng tôi nhận được tin Bác đã vào nội thành Hà Nội. Anh Trường Chinh đưa Bác đến nhà số 48 phố Hàng Ngang. Ngay hôm ấy, Bác triệu tập và chủ tọa phiên họp của Thường vụ Trung ương Đảng. Sau khi nghe anh Trường Chinh báo cáo và chúng tôi bổ sung, Bác hoàn toàn nhất trí với chủ trương của Thường vụ về những vấn đề đối nội và đối ngoại trong tình hình mới. Bác nói đại ý: Cần sớm công bố danh sách của Chính phủ, mở rộng hơn nữa thành phần của Chính

phủ, quyết định ra Tuyên ngôn độc lập. Tôi nhớ số thành viên trong Chính phủ lâm thời do Đại hội quốc dân họp ở Tân Trào, ngày 16-8-1945, bầu ra, gồm 5 người. Nhưng khi về Hà Nội số thành viên lên tới 7 người, trong đó bao gồm cả những nhân sĩ, trí thức như cụ Nguyễn Văn Tố, anh Nguyễn Mạnh Hà.

Họp xong, tôi và anh Nguyễn Lương Bằng trao đổi riêng về chuyến đi vào Trung Bộ và Nam Bộ. Anh Bằng cho biết đoàn của anh đã lo được xe và sẽ lên đường vào ngày mai (tức ngày 27-8-1945). Thấy anh nói vậy, tôi càng nóng ruột. Hồi ấy, kiếm được chiếc xe đi đường ngắn đã là khó. Nay lại kiếm xe đi suốt từ Hà Nội vào Sài Gòn (cũng có thể sẽ vào tận Cà Mau) càng khó hơn. Anh Bằng gợi ý cho tôi có thể đến toà thị chính liên hệ xem. Nghe theo lời anh, sáng 27-8-1945, chúng tôi quyết định đến Toà thị chính. Hôm ấy, Hà Nội dậy sớm. Trên đường phố ngòm ngợp người, xe. Từng đoàn tự vệ vũ trang đi lại rầm rập. Tới vườn hoa cạnh nhà Bru điện thờ Hồ thấy một chiếc xe ô tô con kiểu Ronôn đang đỗ tại đó. Trong xe, người lái đang ngửa đầu vào thành ghế ngủ. Thấy xe phủ đầy bụi, tôi đoán xe đi đường dài, bàn với anh Lĩnh phải bám xe bằng được. Tôi gõ gõ vào thành xe, đánh thức người lái xe dậy, hỏi xem xe đi đâu. Người lái xe nói sắp về Sài Gòn, nhưng trước mắt chưa có xăng. Tôi bảo anh ta rằng, nếu chạy được xăng, cho chúng tôi cùng vào Nam. Người lái xe đồng ý. Thế là chúng tôi vừa đi vừa chạy vào Toà thị chính liên hệ xin xăng. Sau khi trình bày, các anh trong Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời Hà Nội sốt sắng đã gọi mấy đồng chí tự vệ vào nhà chứa xăng khuân ra cho chúng tôi mấy thùng. Khi vừa mang xăng ra xe, bỗng một chị cán bộ cùng một người đàn ông đeo xác cốt chạy đến. Tưởng ai hoá ra chị Nguyễn Thị Thập. Chị Thập là một cán bộ lăn lộn trong phong trào gây dựng cơ sở cách mạng ở Nam Bộ, được cử đi dự Hội nghị Tân Trào. Song rất tiếc, khi ra tới nơi, Hội nghị đã họp xong. Chị chỉ còn lĩnh hội kiến của Trung ương, rồi nhanh chóng thu xếp công việc để về Nam, vì nghe tin trong ấy nhiều tỉnh đã giành được chính quyền.

Đây là lần đầu tiên tôi gặp chị. Nhưng anh Lĩnh đã gặp chị hồi tháng 7-1945 ở Nam Bộ. Còn người thanh niên cùng đi với chị Thập là đại biểu giáo phái Nam Bộ ra dự Đại hội quốc dân Tân Trào. Chúng tôi trao đổi nhiều vấn đề và đều thấy sự cần thiết cấp tốc về Nam. Chị rất vui vẻ cho chúng tôi đi nhờ xe. Chị nói: "Có các anh đi, chúng tôi càng yên tâm".

Xe rời Hà Nội vào lúc 7 giờ 30 phút ngày 27-8-1945 qua Hàng Gai, Hàng Bông, xuyên qua đường Cửa Nam, rẽ sang Hàng Lọng, rồi cứ thế theo quốc lộ 1 mà đi. Ngồi trong xe, tôi lại nhớ tới Bác, nhớ tới những hình ảnh nhân dân Hà Nội trong ngày khởi nghĩa. Chắc giờ này, Bác đang ngồi soạn thảo "Tuyên ngôn độc lập", bố cáo nước Việt Nam độc lập, thống nhất, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á ra đời. Khi cách mạng trở thành ngày hội, có biết bao công việc bộn bề. Chúng tôi đang mở hết tốc lực chạy nhanh về phía trước, nguyện là những cánh tay vững chắc biến những tư tưởng của Bác và của Đảng thành hiện thực sinh động trên đất nước ta. Chúng tôi hiểu rằng, lúc này đây, tuy nước nhà đã độc lập, nhưng nền độc lập ấy chưa được củng cố. Trên mảnh đất này, đang còn nhiều kẻ thù. Chúng lăm le, luôn lách vào mọi sơ hở để chiếm lại phần đất mà trước đó chúng ta đã chiếm. Trong cuộc đọ sức này, nếu không nhanh chân, chúng ta không thể chiến thắng.

Khi xe tới khu vực Văn Điển, chúng tôi thấy nước lụt ngập tràn đường. Rõ ràng, thiên tai và địch họa đang đe dọa dân tộc ta. Hình ảnh các chiến sĩ tự vệ nhằm nhằm cầm mã tấu, xắn quần cao, lội nước làm nhiệm vụ để lại trong ký ức tôi niềm xúc động sâu sắc. Họ ra hiệu cho xe chúng tôi dừng lại để kiểm soát. Chị Thập thấy vậy bảo tôi: "Cũng may gặp anh mang đầy đủ giấy tờ, bằng không thì tôi chưa chắc đã vô được trong Nam". Anh Bằng bao giờ cũng chu đáo. Anh lo cho chúng tôi đầy đủ giấy tờ của Tổng bộ Việt Minh ngay từ khi chúng tôi còn ở Tân Trào. Người lái xe rất tốt. Bị hãm xe lại kiểm soát liên tục, vậy mà anh vẫn vui vẻ, không

một lời kêu ca. Những đoạn đường nào không có người kiểm soát, anh lại phóng với tốc độ rất nhanh để bù lại thời gian "chết" khi xe dừng lại kiểm soát. Thực hiện phương châm "lấy nhanh bù chậm", xe chở chúng tôi đi cũng không đến nỗi nào. Thường Tín, Đồng Văn, Phủ Lý... xe lần lượt băng qua. Đến thị xã Phủ Lý, thấy hai bên đường dân quân tự vệ đi lại rầm rập, làm dậy lên không khí chiến đấu. Tôi được biết ngày 19-8-1945, khởi nghĩa nổ ra thắng lợi ở nhiều xã thuộc các huyện Kim Bảng, Duy Tiên, Lý Nhân, Bình Lục, Thanh Liêm của tỉnh Hà Nam. Tiếp đó là ngày 20-8-1945, khởi nghĩa đã giành được thắng lợi trong cả ba huyện Duy Tiên, Lý Nhân và Kim Bảng. Là uỷ viên Thường vụ Trung ương, tôi vô cùng xúc động khi thấy khí thế hào hùng của nhân dân Hà Nam trong những giờ phút lịch sử này. Thành phố Nam Định đây rồi. Khi thế cách mạng mới háo hức làm sao! Trên đường phố, người đi lại nườm nượp. Tiếng xì xầm, tiếng gọi nhau, thỉnh thoảng lại có tiếng nổ đì đẹt. Xe đi tới Công Hậu, một hồi còi vang lên, báo hiệu dừng lại. Từ phía góc đường, một nữ tự vệ người mập mạp, đeo kiếm chạy ra hỏi giấy. Tôi trình giấy tờ. Chị tự vệ xem giấy gật đầu. Nhìn mui xe cắm cờ đỏ sao vàng, chị mỉm cười, rồi vẫy tay ra hiệu cho anh thanh niên ở trụ sở gần đấy. Anh thanh niên chạy ra. Hai người thì thầm trao đổi. Anh thanh niên lên xe đưa chúng tôi đến trụ sở Việt Minh, một dinh thự toà sứ mà ta vừa chiếm được ở trước vườn hoa Tập Kèn. Các anh Đặng Châu Tuệ, Chủ tịch, Hà Kế Tấn, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Nam Định và nhiều đồng chí khác đã thân mật tiếp đón chúng tôi, thông báo cho biết, ngay từ ngày 17-8-1945, nhân dân huyện Trực Ninh đã tiến vào huyện đường. Hôm sau, tự vệ có vũ trang đánh chiếm huyện lỵ Nam Trực, phá kho thóc của Nhật, chia cho dân. Ngày 19-8-1945, hàng nghìn nhân dân lao động thành phố tay cầm cờ, trưng biểu ngữ "ủng hộ Việt Minh", hùng dũng kéo đến Sở hiến binh Nhật, đòi chúng phải thả hết tù chính trị đang bị giam giữ tại nhà lao thành phố. Bọn Nhật hoảng sợ, phải đáp ứng yêu cầu này. Hầu hết anh em tù chính trị được thả. Họ hoà mình vào làn sóng đấu tranh của nhân dân, làm cho thanh thế càng

thêm mạnh. Cho tới ngày 20-8-1945, toàn tỉnh đã nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền. Tôi chúc các anh tiếp tục giành thắng lợi. Trước khi rời thành Nam, tôi vội viết mấy dòng báo cáo với Bác và anh Trường Chinh về tình hình khởi nghĩa tại các địa phương mà tôi vừa qua. Thư được dán kín, rồi nhờ các anh trong Ủy ban khởi nghĩa tỉnh chuyển giúp.

Ra khỏi thành phố Nam Định, xe mở hết tốc độ phóng về Ninh Bình. Suốt dọc đường từ Nam Định đến Ninh Bình, đâu đâu cũng thấy tự vệ vác súng, vác cò, vừa đi vừa hò hát náo động hai bên đường. Ngồi trong xe, chúng tôi không nén nổi xúc động, vui sướng. Xe qua thị xã Ninh Bình, rồi Ghènh, Bim Sơn, Lèn... Không khí khởi nghĩa và chiến thắng tại các địa phương này cũng bùng lên như Nam Định. Tại thị xã Ninh Bình, các chiến sĩ tự vệ vai đeo súng, đội mũ xanh công nhân, lần lượt hỏi giấy chúng tôi. Có người văn hoá còn kém, đánh vần từng chữ, trông vất vả, nhưng rất đáng yêu. Chúng tôi hoàn toàn không chút khó chịu mỗi khi xe phải dừng lại để tự vệ kiểm soát, trái lại, càng tự hào về nhân dân ta có tinh thần trách nhiệm rất cao trước vận mệnh dân tộc. Điều này càng làm cho tôi thấm thía lời dạy của Bác hồi năm 1941, khi Bác cùng chúng tôi họp Hội nghị Trung ương: "Việc cứu quốc là việc chung, ai là người Việt Nam đều phải kề vai gánh vác một phần trách nhiệm".

Xe chạy đến Thanh Hoá. Chúng tôi tìm vào trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh. Tại đây, anh Lê Tất Đắc, Chủ tịch uỷ ban, tiếp chúng tôi. Anh Đắc cho biết Ủy ban nhân dân tỉnh đã được thành lập gồm có anh và đồng chí Nguyễn Đình Thục và Lê Kiều, sau bổ sung thêm một số người nữa. Anh Tố Hữu, Bí thư Tỉnh uỷ Thanh Hoá vừa được Trung ương điều động vào Huế phụ trách việc khởi nghĩa, anh Điệt lên làm quyền bí thư. Nhìn gương mặt gầy, răn rỏi, đôi mắt thâm quầng tôi biết anh Đắc đã trải qua nhiều đêm không ngủ. Anh cũng mới vượt ngục Hoà Lò ra đúng hôm Nhật đảo chính Pháp, 9-3-1945, cùng anh Trần Đăng Ninh và một số đồng chí

khác. Sau khi vượt ngục, anh đã học tốc về Thanh Hoá lo việc chuẩn bị khởi nghĩa vì trong tay anh đã có chỉ thị "Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta". Anh cùng các đồng chí địa phương lo việc gấp rút xây dựng lực lượng, đồng thời mở "trận đánh tâm lý" vào hàng ngũ binh lính địch và hàng ngũ ngụy quyền. Trước hết phải vận động tinh trưởng Nguyễn Trác "trao ấn từ quan". Anh viết cho Trác một bức thư, nói rằng: "Ông Trác, thế sự đã xoay vần, cách mạng đang về với dân tộc. Ai còn chút máu đào, tình nghĩa với non sông, hãy bỏ "vinh thân phì gia", về với nhân dân. Tiếng thom sẽ để lại nếu ông tuyên bố vạch mặt âm mưu của Nhật, nói rõ sai lầm của Đảng Đại Việt mà ông là lãnh tụ nhóm Thanh Hoá. Chúng tôi sẽ thu xếp đưa gia đình ông đi chiến khu, bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản cho gia đình ông". Để gây thêm áp lực, anh Đắc khéo léo đến vận động người con gái của Trác, vốn có thiện chí với Việt Minh, để qua cô ta may chăng có thể cảm hoá được cha. Rút cục, Trác không chịu rút khỏi ghế tinh trưởng. Nhưng để đạt điều kiện sau này với Việt Minh, Trác đã gửi ra một vạn đồng gọi là "tặng việt Minh Thanh Hoá". Khi khởi nghĩa nổ ra ở Thanh Hoá, anh Đắc buộc phải ký lệnh bắt giam Trác. Nói đến đây, chắc có đồng chí hỏi số phận của Trác sẽ ra sao. Xin thưa, lúc chúng tôi rời Thanh Hoá, Trác vẫn đang còn bị chính quyền cách mạng giam giữ. Nhưng sau đó, khi gặp nhau trên Việt Bắc, anh Đắc có kể với tôi là vào khoảng cuối tháng 9 đầu tháng 10-1945, Bác Hồ muốn mời cụ Huỳnh Thúc Kháng ra làm việc. Cụ Kháng là bạn chí cốt của Trác. Vì vậy, Bác muốn thả Trác để cụ Kháng khỏi băn khoăn về số phận của chính mình khi biết số phận của bạn mình đang long đong. Đây rõ ràng thể hiện sự nhìn xa trông rộng của Bác. Với chính sách đại đoàn kết dân tộc, Bác bao giờ cũng rộng lượng, bao dung. Câu nói của Bác: "Con ruồi cũng nặng đồng cân" đã trở thành "phép xử thế" đối với chúng tôi mỗi khi bắt gặp những trường hợp như Trác. Bác là người triệt để gan đực khơi trong. Đối với những người chỉ có một chút nhỏ nhoi của lòng yêu nước, Bác cũng nâng niu, trân trọng. Sau này, khi gặp nhau trên đường ra Bắc, anh Lê Văn Hiến kể

cho tôi nghe câu chuyện cảm động: Cuối năm 1945, Bác phái anh vào Nam công tác. Trước khi đi, ngoài nhiệm vụ chính là kiểm tra công việc của Ủy ban nhân dân các địa phương, các cơ quan hành chính, còn có nhiệm vụ tìm cho được bà Thành Thái và bà Duy Tân, hai bà vợ của hai cha con nhà vua yêu nước Thành Thái và Duy Tân, xem các bà ấy sống thế nào, động viên, an ủi họ trong cảnh lẻ loi, chồng, con đang bị thực dân Pháp đày đọa nơi chân trời, góc biển. Qua sự kiện này, Bác muốn khơi dậy lòng yêu nước của cả dân tộc. Những thân tộc của Hoàng gia nếu có lòng yêu nước, Bác cũng thu nạp vào đội ngũ chiến đấu chung của dân tộc. Bác là người rất thấm nhuần lời dạy của V.I. Lênin: "Chủ nghĩa yêu nước là một trong những tình cảm sâu sắc nhất, đã được củng cố qua hàng trăm hàng nghìn năm tồn tại của các tổ quốc biệt lập". Đến ngay như Bảo Đại, một ông "vua chơi bời", mà Bác còn mời làm cố vấn. Còn như khâm sai đại thần Phan Kế Toại, Bác mời làm phó thủ tướng, điều đó chứng minh cái đức trong việc dùng người của Bác như thế nào.

Trở lại chuyện khởi nghĩa Thanh Hoá. Sau khi lĩnh hội ý kiến Bác đề nghị thả tỉnh trưởng Nguyễn Trác, anh Lê Tất Đắc đến gặp ông ta, nói rằng: "Khi khởi nghĩa, chúng tôi buộc phải bắt ông, vì ông thấy đây, quần chúng tỉnh nhà rất căm thù phát xít Nhật và Đại Việt. Giữ ông lại để che chở cho ông, bằng không e rằng tinh thần quần chúng lên cao, họ sẽ xông vào đánh ông. Nay tình hình có phần yên ổn, xin mời ông về nhà nghỉ". Nghe anh Đắc nói, ông Trác nhẹ cả người, cảm phục cán bộ Việt Minh. Dưới sự lãnh đạo của Bác, nhiều cán bộ có năng lực đã xuất hiện trong Cách mạng tháng Tám. Thanh Hoá là một trong những tỉnh khởi nghĩa sớm. Ngày 18-8-1945, Tỉnh uỷ nhận được lệnh Tổng khởi nghĩa của Trung ương. Sau khi tiếp lệnh, các anh triển khai ngay công việc, phái cán bộ xuống các huyện để truyền đạt mệnh lệnh và hướng dẫn cách làm. Khi tới huyện, mới biết nhiều nơi đã chủ động chuẩn bị mọi mặt từ trước. Thế mới biết, dân mình thích lắm, nhảy bèn vô cùng.

Nửa đêm 18-8-1945 quân khởi nghĩa của 9 huyện trong tỉnh nhất tề nổi dậy. Tại huyện lỵ Thanh Hoá, lính bảo an nổ súng kháng cự quyết liệt. Song các đội tự vệ chiến đấu xông vào tiêu diệt bọn lính ngoan cố. Tuy phải đổ máu, cuộc khởi nghĩa đã giành thắng lợi. Cùng với Thiệu Hoá và Thọ Xuân, các huyện Cẩm Thủy, Vĩnh Lộc, Thạch Thành, Nga Sơn, Yên Định, Hậu Lộc, Hà Trung, Quảng Xương, Đông Sơn nổi dậy giành chính quyền. Tại thị xã Thanh Hoá, Việt Minh gửi tối hậu thư cho quân đội Nhật, yêu cầu chúng phải rút quân. Nhật buộc phải đáp ứng yêu cầu đó. Vì vậy, chúng rút đến đâu, quân khởi nghĩa "cuốn chiếu" đến đó. Anh Đắc cho biết, sáng 20-8-1945, quần chúng cách mạng và các lực lượng tự vệ chia nhiều mũi tấn công trại bảo an, chiếm toà sứ, vây dinh tổng đốc, bắt tỉnh trưởng. Nhiều tên tay sai trùm sò của Nhật, Pháp bị tóm gọn. Sở mật thám địch bị tê liệt. Cho đến chiều 20-8-1945 quân khởi nghĩa đã giương cao lá cờ đỏ sao vàng lên toà sứ hoàn toàn làm chủ thị xã. Tôi hỏi anh Đắc về một chuyện miền núi. Anh Đắc nói đang phái cán bộ đến để thực hiện kế hoạch nổi dậy. Tôi đề nghị anh hết sức thận trọng trong việc xử lý những lang đạo, tộc trưởng, vì nhiều bà con các dân tộc thiểu số còn bị họ "bỏ thuốc mê". Nếu cách mạng giết họ mà không điều tra cẩn thận, tất gây sự oán ngầm trong nhân dân. Hãy để cho nhân dân tự phát hiện và xử những tên quan lại ác ôn, vì nhân dân hiểu rõ tính chất sâu mọt của chúng. Anh Đắc đồng ý với chủ trương của tôi và nói thêm rằng, một số lang đạo đã quy phục cách mạng, cho nên tạm thời để họ lại trong Uỷ ban nhân dân, rồi thay thế dần dần. Ý định của anh là phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, tôi rất đồng ý. Tại Thanh Hoá, do biết làm tốt công tác tư tưởng đối với giáo dân, anh Đắc đích thân đến nhà thờ động viên các cha cố, nói rằng, mơ ước của Chúa ban phước lành cho mọi người, nay đã được thực hiện, nên các cha cố tỏ rõ niềm phấn khởi, huy động một vạn giáo dân mít tinh chào mừng cách mạng. Có thể coi đây là một trong những thắng lợi lớn của Thanh Hoá trong việc vận động chính sách đại đoàn kết dân tộc của Bác vào địa phương mình.

Rời thị xã Thanh Hoá, chúng tôi đi Vinh. Xe đến thành phố Vinh vào lúc trời sắp tối. Chúng tôi tìm vào Ủy ban khởi nghĩa tỉnh Nghệ An. Vừa tới nơi, gặp ngay anh Nguyễn Tạo, ăn mặc kiểu nhà binh, đeo súng ngắn, đứng ở cửa. Nhìn thấy tôi, anh Tạo thoáng vẻ ngạc nhiên, nhưng ngay sau đó, như chợt hiểu ra, đến bắt tay anh em rất thắm thiết. Trước mắt tôi là anh Tạo, một người anh hùng "nguội", trước những đòn tra tấn của địch càng đánh, anh càng nguội lạnh, thản nhiên như không, chẳng một lời kêu ca, rên rỉ. Anh còn là một "kiến trúc sư" vượt ngục trong những năm hoạt động bất hợp pháp. Nhìn anh Tạo, tôi lại nhớ đến các "chuyên gia vượt ngục" như Nguyễn Lương Bằng, Phạm Quang Lịch, Bùi Xuân Mẫn, Nguyễn Trọng Đàm, Lê Đình Tuyển, Vũ Duy Cương... Tôi nhớ lại những ngày sống nơi tù ngục, anh Tạo đã tự hành hạ gây bệnh hiểm nghèo để có cơ đi nhà thương, và từ nhà thương, anh trốn ra ngoài. Còn anh Bằng và anh Cương đã có lần lấy lưỡi dao cạo râu tự rạch mặt, rạch cổ, máu chảy ròng ròng, buộc chúng phải đưa đi nhà thương, và các anh đã trốn từ nhà thương. Giờ đây, "phát tín hiệu" cách mạng đã bắn lên. Các anh vượt ngục trở về cùng nhân dân chiến đấu giành chính quyền. Anh Tạo thông báo cho chúng tôi biết thành phố Vinh đã được giải phóng từ ngày 21-8-1945 và Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Nghệ An được chính thức thành lập từ ngày 21-8-1945, do anh Lê Việt Lượng làm Chủ tịch. Tuy chưa được gặp anh Lượng, nhưng tôi cũng đã được nghe nói về anh trong những ngày anh còn bị giam cầm ở Kon Tum, Lao Bảo, Ban Mê Thuột. Chúng tôi nghỉ đêm tạo thành phố Vinh. May mắn làm sao, tại đây, chúng tôi lại được gặp các anh Trần Huy Liệu, Nguyễn Lương Bằng và Cù Huy Cận vào Huế. Đáng lẽ xe của các anh khởi hành trước xe của chúng tôi, nhưng có việc phải chậm lại, đi sau chúng tôi khoảng 2 tiếng. Anh Tạo thu xếp cho hai đoàn chúng tôi ăn bữa cơm đạm bạc mà anh gọi vui là "cơm khởi nghĩa". Các anh trong Ủy ban báo cáo cho chúng tôi biết những khó khăn ở Nghệ An trong những ngày khởi nghĩa. Nghe các anh nói mới thấy Nghệ An là một trong những địa phương khá phức tạp có nhiều loại kẻ thù. Bọn Việt

gian quấy mạnh. Bọn phản bội như Đinh Văn Di tìm cách chống chế, lấp liếm tội ác. Chưa rõ khi chúng tôi đến Nghệ An, Di đã bị Việt Minh xử chưa, mà chỉ nghe các anh báo cáo khi cách mạng nổ ra, Di buồn lắm, than vãn về tội phản cách mạng của mình và y biết án tử hình đã nằm trong tay y. Đinh Văn Di người huyện Nghi Lộc, Bí thư liên tỉnh Nghệ-Tĩnh, bị tên mật thám Nguyễn Văn Trí tức Trí Ngao thuyết phục, cam tâm làm tay sai cho trùm mật thám Trung Kỳ Pôn Humbe (Paul Humbert), được y cho nhiều tiền. Di cung cấp nhiều tin tức và tài liệu bí mật của Đảng cho Sở liên phóng Vinh trong thời gian dài từ năm 1986 đến Cách mạng tháng Tám. Âm mưu lâu dài của chúng là phải nắm toàn bộ hệ thống tổ chức của Đảng từ Trung ương xuống tới các cơ sở. Vì vậy, có thể nói hoạt động của Di là nguy hiểm vì nó đánh từ trong đánh ra. Khi Cách mạng nổ ra, bọn phản động tay sai hoảng hốt, tìm mọi cách không chế hoặc xoa dịu tội lỗi. Nhưng nhiều tên đã bị chính quyền cách mạng trừng trị đích đáng. Tên Trí Ngao, một đảng viên cộng sản phản bội cùng nhiều tên khác đã bị đền tội.

Sáng 28-8-1945, xe của các anh Bằng, Liệu, Cận và xe của chúng tôi đều cùng xuất phát đi tiếp. Hai xe đều cắm cờ đỏ sao vàng. Dọc hai bên đường, từng tốp, từng tốp người cầm cờ, vẫy tay "hoan hô" vang dậy. Chúng tôi vẫy lại đến mỗi như cánh tay. Lòng tin của nhân dân với cao trào cách mạng được thể hiện ở những cử chỉ cao đẹp này.

Đến trưa xe tới Hà Tĩnh. Các anh Trần Hữu Duyệt, Chủ tịch, Phan Trọng Bình, Phó Chủ tịch và Phan Đăng Tài, Ủy viên thư ký thân mật tiếp chúng tôi và thông báo những việc các anh đang làm.

Chẳng mấy chốc, xe tới đèo Ngang. Tới đỉnh đèo, chúng tôi dừng xe nghỉ trong giây lát. Đứng trên đỉnh đèo mà trông phong cảnh thật hữu tình. Câu thơ của Bà huyện Thanh Quan: "*Cỏ cây chen đá lá chen hoa*" sao mà đúng với cảnh đèo Ngang vậy. Ngút mắt xa trông, mặt ngoài biển nước bên trong mây ngàn. Làng

xóm, đồng ruộng, mũi rồng vươn tới biển xanh. Những con thuyền lên đèn, dậm chèo ẻo lả. Ngắm nhìn hình khe thế núi, chị Thập kể lại câu chuyện mấy hôm trước khi qua đèo Ngang trông thấy tên lính Nhật ngồi ủ rũ, dường như muốn lao xuống biển, báo hiệu giờ cáo chung chính sách xâm lược của bọn phát xít đã đến.

Chúng tôi tới thị xã Đông Hà trong lúc thị xã đã giải phóng. Cờ đỏ sao vàng tung bay trên các đường phố. Nhân dân đang làm vệ sinh. Rác rưởi được quét đi cùng với chế độ cũ mục ruỗng, thay vào đó là một chế độ mới, dân chủ cộng hoà.

Rời Đông Hà, xe lao như bay vào Huế:

Đường vô xứ Huế quanh quanh

Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.

Yêu em anh cứ muốn vô,

Kê truông nhà Hồ, mặc phá Tam Giang.

Những câu thơ của Tản Đà tả xứ Huế lôi cuốn chúng tôi vào với Huế, mặc dù có kẻ nghịch tặc ở truông nhà Hồ, ở phá Tam Giang. Và Huế đây rồi. Xe vừa lăn bánh vào trong thành phố, nghe rõ tiếng chuông chùa dóng dả vang lên, báo hiệu trời đã tối. Trong ánh đèn lung linh, sông Hương hiện lên với một vẻ đẹp đầy quyến rũ. Núi Ngự Bình đang nằm ngủ, gọi lên sự tĩnh mịch của cố đô hơn ba thế kỷ trước. Nhưng hôm nay Huế hoàn toàn không tịch mịch vì không khí khởi nghĩa đang tung bừng. Huế chào đón cách mạng thật náo nhiệt, thanh nhã và trang trọng bởi những tà áo dài bay phấp phới hoà cùng sắc cờ rực rỡ. Tiếng loa vang lên thông báo đoàn xe của Việt Minh và Chính phủ cách mạng lâm thời tiến vào thành phố. Nhân dân đứng chật cả hai bên đường nhìn cờ đỏ sao vàng trên xe và nhìn những gương mặt Việt Minh từ thủ đô Hà Nội vào cố đô Huế chứng kiến sự sụp đổ của một chế độ "kẻ ăn không hết người lần không ra". Anh Nguyễn Vĩnh (Nguyễn Chí Thanh) và anh Nguyễn Kim Thành (Tô Hữu) đón chúng tôi trong niềm vui sâu lắng của người

cố đô. Anh Thanh cho biết, sau khi dự Hội nghị toàn quốc của Đảng, anh cấp tốc trở về Huế cùng lo việc khởi nghĩa tại các tỉnh miền Trung. Thời cơ lúc này đâu phải tính tháng, mà tính ngày, thậm chí tính giờ. Để lỡ cơ hội ngàn năm có một này sẽ có tội lớn với lịch sử. Nhìn trên gương mặt phong sương, tôi biết anh với trách nhiệm một Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Xứ ủy Trung Kỳ, đang lo tới lo lui đến những công việc sắp phải làm: củng cố chính quyền cách mạng vừa giành được. Ở Huế, từ sau ngày Nhật đảo chính Pháp, tình hình trở nên phức tạp. Nhật truất bọn quan lại Pháp, dựng Chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim. Bên cạnh Chính phủ Trần Trọng Kim còn xuất hiện nhiều nhóm bợ đỡ Nhật. Anh em Ngô Đình Diệm hoạt động ráo riết. Triều đình Bảo Đại hoang mang và lo sợ. Khi được Ủy ban khởi nghĩa nói rằng sẽ bảo đảm an toàn cho Hoàng gia, họ mới thờ phào nhẹ nhõm. Có cuốn sách mô tả Bảo Đại như một ông vua thức thời và quy phục Nguyễn Ái Quốc. Sự thật, đây là một tên vua muốn bám ngai vàng từ đầu chí cuối và y không bao giờ quy phục cách mạng. Câu nói của y: "Làm dân một nước tự do còn hơn làm vua một nước nô lệ" là giả dối. Với y, bao giờ cũng muốn làm vua một nước nô lệ. Lời sống của y, nhân cách của y đã nói rõ điều này. Anh Nguyễn Lương Bằng là một trong những người có mặt trong buổi lễ trao ấn kiếm của Bảo Đại cho Chính phủ cách mạng, đã nói rõ trong hồi ký của mình: "Trước khi làm lễ hạ chức, Vĩnh Thụy còn đề nghị gặp chúng tôi ở Càn Chính Điện. Nội dung chủ yếu là y muốn đề nghị làm sao ta bảo vệ được cái đầu cho y". Về phía ta, phải nói rằng, nhân dân Thừa Thiên - Huế tràn đầy lòng yêu nước. Là những người có văn hoá, nhân dân rất nhạy bén với thời cuộc, nắm bắt nhanh các chỉ thị của Trung ương, chủ động tạo thời cơ và tiến hành Tổng khởi nghĩa ngay từ ngày 17-8-1945 đến ngày 23-8-1945 giành được thắng lợi hoàn toàn.

Trước khi rời Huế, tôi không quên viết vài dòng thư báo cáo với Bác biết tình hình khởi nghĩa ở cố đô.

Xe của chúng tôi rời Huế từ sáng sớm ngày 29-8-1945 không chúng kiến được lễ thoái vị của một dòng vua nhiều đời ở Việt Nam.

Xe tới đèo Hải Vân, một địa danh được xếp vào loại “đệ nhất hùng quan”. Câu thơ của cụ Tản Đà (Nguyễn Khắc Hiếu) mà có lần tôi đã đọc gợi lên một cảnh sắc sao mà giống cảnh đèo Hải Vân:

Dừng xe, lên đỉnh ta trông

Mặt ngoài bể nước bên trong núi rừng.

Và:

Làn mây khuất bóng trăng tà

Đêm thu một khắc quan hà mấy mươi.

Những tảng đá sắc nhọn, dựng đứng như thành trước mặt là biển rộng bao la, tạo nên thế hiểm về mặt quân sự. Bọn đế quốc, phát xít, mỗi khi xâm chiếm Việt Nam, bao giờ chúng cũng tranh thủ chiếm đèo Hải Vân để ngăn cách Bắc - Nam. Chúng lập đồn trại trên đèo, canh gác cẩn mật. Chính vì vậy mà đã có nhiều sĩ phu chống Pháp đánh thắng nhiều trận ở đồng bằng, nhưng đến khi lên đèo phải quay lại. "Một người giữ ải, muôn người khó qua". Có người nói rất đúng rằng, muốn thông Bắc- Nam hãy chiếm đèo Hải Vân. Đúng vậy, địa thế lợi hại này đã tạo nên cái "chất ngất muôn trùng ải nổi danh" mà cụ Trần Quý Cáp khi qua đèo này vào năm 1904 đã mô tả. Khi chúng tôi tới đèo Hải Vân, gặp từng đoàn lính Nhật. Tuy lúc này chúng đã thất bại, nhưng vẫn chưa hết hung hăng. Chúng chặn xe của chúng tôi lại, đòi kiểm soát. Một nòng súng lắc lư bên ngoài xe, như có ý hăm dọa. Tôi bình tĩnh chỉ tay vào lá cờ đỏ sao vàng cắm trên mui xe, như bảo cho chúng biết đây là đoàn quân Việt Minh, không được đụng vào. Bọn này biết ý, dịu nét mặt. Khi ngó thấy trong xe có súng, một tên chỉ huy tiến đến như muốn lôi súng ra. Một lần nữa, tôi ghì tay y lại, chỉ vào lá cờ và đưa giấy uỷ nhiệm của Tổng bộ Việt

Minh còn dấu son đỏ chói cho chúng xem. Trước thái độ cứng rắn đó, tên chỉ huy đành ra hiệu cho xe chúng tôi tiếp tục lăn bánh. Tục ngữ Việt Nam có câu: "Cà cuống chết đến đít còn cay" sao mà giống với hoàn cảnh của bọn Nhật lúc này đến thế. Chị Thập kể lại rằng, lần trước đi từ trong Nam ra, qua đèo Hải Vân thấy toàn lính Nhật đóng. Tên nào tên nấy mặt mày hung hăng, táo tợn, chỉ muốn xả lưới lê vào bất cứ ai. Chị nói đoạn đường từ Hải Vân đến Huế là căng thẳng nhất. Bây giờ thì "nhiều người giữ ải" nhưng 5 anh chị em chúng tôi vẫn qua được. Đó là một thắng lợi lớn được tiếp sức bởi thắng lợi của cả dân tộc đang vùng lên đánh Nhật, đuổi Pháp. Không có thắng lợi của cả dân tộc, bọn Nhật đâu có chịu để chúng tôi qua đèo Hải Vân.

Qua đèo Hải Vân, xe chạy quanh co một hồi thấy núi Hành Sơn hiện ra. Xe tới Đà Nẵng, trời sắp tối. Anh lái xe mệt nhoài. Chúng tôi cũng thấy thấm mệt. Được nhân dân chỉ lối, chúng tôi tìm đến trụ sở Ủy ban nhân dân. Đến nơi, đã thấy các anh trong ban lãnh đạo tỉnh: Lê Văn Hiến, Lê Dung đứng ở cổng trụ sở Ủy ban, nguyên là toà sứ, đón chờ chúng tôi. Anh Hiến giới thiệu với chúng tôi thành phần của Ủy ban nhân dân tỉnh gồm 3 người: Anh là Chủ tịch, anh Lê Dung là Phó Chủ tịch còn Ủy viên thường trực là anh Huỳnh Ngọc Huệ. Anh Hiến cho biết các đồng chí ở Huế gọi đây nói báo rằng chúng tôi sắp qua cho nên mới biết. Một lát sau, nhiều anh em từng bị giam giữ ở nhà tù Côn Đảo cũng chạy đến. Tay bắt mặt mừng, niềm vui khôn xiết. Những tiếng nói chen nhau, lộn xộn, nhưng thật rôm rả: "Anh Cang, còn nhớ Bò Rừng, Gà Chọi, Cuội, Đá... không?". Toàn những tên bí danh gắn chặt với thiên nhiên Côn Đảo. Tôi xúc động đến rơi nước mắt: "Làm sao quên được những Bò, Gà, Cuội, Đá, một tay thề quyết vạch trời con, nơi Côn Sơn sóng vỗ". Những tiếng cười vang lên. Đúng là "Nước non hẹn vẫn lòng ôm chặt", giờ đây mới hiểu rõ sức mạnh vô địch của một cuộc cách mạng của những người cùng chung lý tưởng chiến đấu. Góp vui vào câu chuyện, anh Hiến nói anh cũng vừa từ

cõi chết trở về. Hỏi ra mới biết, sau khi vượt ngục Hoà Lò, anh về ngay Đà Nẵng, liên lạc với các đồng chí cũ, tích cực chuẩn bị mọi mặt cho cuộc "sóng dậy sông Hàn". Chuẩn bị xong cho Đà Nẵng, anh vào Quảng Ngãi để bàn về các đồng chí ta cùng phối hợp hành động. Hôm ấy là ngày 17-8-1945. Từ Đà Nẵng vào Quảng Ngãi, anh đi trên một chiếc xe hơi của Sở công chính. Đến Quảng Ngãi, anh chuyển sang đi xe đạp, tìm đến địa điểm của Uỷ ban khởi nghĩa. Lúc bảy giờ, địa phương đã ra lệnh thiết quân luật. Dân quân bố trí canh phòng nghiêm ngặt, anh phải vất vả lắm mới qua được mạng lưới kiểm soát của dân quân. Bàn tính xong công việc với Uỷ ban khởi nghĩa Quảng Ngãi, anh tranh thủ về Đà Nẵng. Trên đường đi, anh gặp từng đoàn xe camiong của Nhật từ Quảng Ngãi ra Đà Nẵng. Vừa đi chúng vừa đột phá nhà cửa, bắn giết dân lành. Đang đi, anh gặp một dân quân chạy đến báo tin phía trước lính Nhật đang lùng sục. Thật vậy, anh vội dắt xe đạp qua mấy cánh đồng, quanh núi, qua làng, đi theo đường vòng.

Khi từ giả trụ sở Uỷ ban khởi nghĩa Quảng Ngãi, các đồng chí có nói cho anh biết mật hiệu: "Người của Cử Đình", để đi đường, nếu dân quân có hỏi thì trả lời, họ sẽ cho đi. Song mật hiệu này chỉ đến với dân quân gác các trạm trên trục đường cái, còn dân quân trong làng, họ lại không biết. Đây chính là đầu mối gây tai vạ. Giữa một cánh đồng lặng ngắt không bóng người qua lại, anh đứng nhìn để kiếm người hỏi đường. Bất thành linh, một tiếng còi rúc lên, rồi từ trong các lùm cây, kẻ cầm dao, người cầm gậy, đổ xô ra vây lấy anh để hỏi giấy. Anh nói mật hiệu "Cử Đình", họ chẳng hiểu gì cả. Thế là, anh bị giải về trụ sở Uỷ ban xã. Anh đã mất nhiều lời để thanh minh, họ mới cho đi. Qua làng Ba La, có một toán dân quân ra đón đường, hỏi giấy. Vì không mang giấy, anh đưa mật hiệu "Cử Đình" ra nói, nhưng họ đâu có nghe. Những tay súng dân quân giải anh về trụ sở Uỷ ban. Đến nơi, anh bắt gặp những khuôn mặt "sát khí đặng đặng", có lẽ họ cho rằng, những ai đã bị bắt giải đến Uỷ ban, đều là những hạng Việt gian. Đến đây, mật hiệu "Cử Đình" hoàn

toàn mất tác dụng. Anh bị tống vào nhà giam. Trong nhà giam, đã có gần hai chục người ngồi đó, đợi ngày xét xử. Một đêm trong tù đói và mệt, có lúc anh ngất xỉu. Sáng hôm sau, anh viết giấy tường trình tỉ mỉ về chuyến công cán của mình. Rồi anh được tha. Trên đường đi, lại gặp lính Nhật. Anh vừa chạy, vừa lo tìm chỗ ẩn nấp. Bất chợt, nghĩ đến bộ âu phục đang mặc trong người, anh thấy lo, đành đánh liều vào nhà một người nông dân, nhờ đổi cho một bộ quần áo cũ. Không ngờ, người nông dân lại mang bộ âu phục của anh lên trình Ủy ban xã và nói rằng: "Có một người lạ mặt rất đáng nghi đến nhờ đổi một bộ quần áo để trá hình và chạy trốn". Nghe người nông dân nói vậy, lập tức, các dân quân tay gươm, tay súng xông xộc chạy đuổi bắt anh. "Thằng Việt gian, thằng Việt gian, giết ngay đi, không nói chi nữa". Một lưỡi giáo lướt qua mặt anh, chực đâm. Anh đưa hai tay ra, bình tĩnh nói: "Xin đừng giết vội, hãy trói tôi lại đã, đem tôi về trụ sở Ủy ban". Họ trói anh lại, đưa đi. Phải nói rằng, nhân dân vùng này căm thù bọn phát xít, đế quốc và Việt gian đến tận xương tuỷ, cho nên, khi nói đến Việt gian, ai cũng muốn "chặt đầu ngay tức khắc". Đến trụ sở Ủy ban, một người chỉ huy cầm súng sáu chỉ ngay vào mặt anh và nói "Người này hôm qua bị bắt, không có giấy đi đường, hôm nay lại trá hình, đúng là tên Việt gian chỉ đường cho quân Nhật đến khủng bố chúng ta". Anh Hiến muốn thanh minh, nhưng người chỉ huy không cho nói và quát: "Không nói gì nữa, đem trói lại mau và xử ngay lập tức". Một anh nông dân ra làm chứng thêm rằng: "Chính tôi đã nghe tiếng súng từ chỗ tên này bắn lên để báo hiệu cho Nhật đến khủng bố". Không thể thanh minh được, anh Hiến bị đem ra trói chặt dưới trụ cột cờ. Đứng trước cái chết, anh cảm thấy bao nỗi cay đắng mà không làm sao nói ra được. Một lúc sau, một người lực lưỡng đứng ra tuyên cáo tội trạng. Súng đã giương lên, chỉ còn đợi lệnh là bóp cò. Trước khi chết, anh Hiến xin nói lời cuối cùng: "Thưa các ông, tôi đã nói rõ tôi là người cách mạng, đi công cán ở Quảng Ngãi, song các ông vẫn chưa tin. Tôi biết các ông quá căm thù Việt gian, cho nên có sự cố chấp, thiếu sự xét đoán chính xác, phân biệt kẻ Việt gian và người

không Việt gian. Riêng tôi, dù có chết oan cũng vì sự nghiệp cách mạng, vì tiền đồ của dân tộc ...”. Một và phút im lặng. Một người trong Ủy ban ra lệnh hạ súng. Anh ta đến gần chỗ anh Hiến để hỏi. Bấy giờ, anh Hiến mới có dịp nói rõ hơn về chuyến công cán của mình. Họ cười trối cho anh. Anh thoát chết. Hôm ấy là ngày 18-8-1945.

Nghe anh Hiến nói, chúng tôi xúc động, mừng cho anh, nhưng cũng buồn vì trình độ cán bộ ta lúc ấy.

Anh Hiến vừa dứt lời, có một thanh niên khoẻ mạnh, mặc bộ đồ xanh công nhân bước vào. Anh Hiến giới thiệu đó là Huỳnh Ngọc Huệ, Ủy viên thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh. Qua anh Hiến, chúng tôi biết anh Huệ là cán bộ cách mạng kiên cường, người đã từng bị giam chung với anh trong ngục Đắc Glay, Đắc Tô trong những năm 1940 - 1942. Đầu năm 1942, anh đã cùng với anh Tố Hữu tổ chức vượt ngục Đắc Glay. Nhưng đến năm 1943, anh Huệ bị bắt lại, giam ở Đắc Tô. Năm 1944, anh Huệ cùng với các anh Nguyễn Duy Trinh, Chu Huy Mân, Hà Thế Hạnh vượt ngục Đắc Tô. Nhưng rồi anh lại bị bắt một lần nữa. Địch giam anh tại nhà lao Đà Nẵng cho đến trước ngày khởi nghĩa tháng Tám, các anh lại phá ngục thoát ra. Ra tù, anh Huệ liên lạc ngay với các đồng chí ở Đà Nẵng, cùng nhau lập ra Ủy ban khởi nghĩa. Anh là một con người gắn bó máu thịt với cách mạng. Chất người trong anh được kết tinh giữa sức mạnh giai cấp công nhân (anh vốn là một công nhân) với lòng yêu nước nồng nàn. Lần đầu gặp anh, chúng tôi rất có cảm tình. Ánh mắt, nụ cười của anh đầy sức quyến rũ. Võ vào vai anh Huệ, anh Hiến bảo rằng trong cuộc nổi dậy long trời lở đất này, thanh niên ta hăng hái lắm. Họ tỏ rõ năng lực và chí khí bảo vệ chính quyền cách mạng. Anh "khoe" với chúng tôi, Đà Nẵng nhận được chỉ thị "Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" rất sớm, cho nên việc chuẩn bị khởi nghĩa khá chu đáo. Sức mạnh của cách mạng được tạo ra bởi lực lượng quần chúng hùng hậu, lại được bổ sung thêm những cán bộ trung

kiên vừa ở các nhà tù của đế quốc ra. Thời cơ đã đến. Đồng bào Quảng Nam - Đà Nẵng chớp nhanh thời cơ. Súng lệnh khởi nghĩa được bắn lên từ đêm 17-8-1945. Quân chúng cách mạng tràn nhanh như nước vỡ bờ xông vào các đồn bảo an binh, phá nhà lao, chiếm kho bạc, đánh sở mật thám, toà tỉnh trưởng, làm cho tỉnh trưởng Tôn Thất Giao sợ đến ngất đi, buộc phải giao quyền cho Việt Minh. Trong quá trình khởi nghĩa, quân Nhật ngoan cố xả súng bắn vào đồng bào, làm chết và bị thương nhiều người. Nhiều đồn trại ở huyện Đại Lộc, quân Nhật không chịu giao súng, lại còn đốt nhà, cướp của. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt. Ta thắng lợi giành được chính quyền, song đã phải trả giá đắt vì kẻ thù ngoan cố, trong khi đó, súng đạn của ta lại ít. Rút kinh nghiệm ở các huyện lỵ, khi tiến vào thành phố Đà Nẵng, Việt Minh đã làm tốt công tác vận động binh lính địch, hàng trăm lính bảo an tình nguyện làm nội gián, hợp lực cùng ta đánh Nhật, lại được lực lượng quân chúng cứu quốc hỗ trợ, tiêu diệt những tên đầu sỏ ngoan cố như Mai Trọng Tấnh, làm cho Nhật không còn chỗ dựa, buộc phải đầu hàng Việt Minh. Khi chúng tôi vào tới Đà Nẵng, anh Hiến nói rằng, tỉnh nhà mới giải phóng cách đó ba hôm (ngày 26-8-1945). Bài học ở Quảng Nam - Đà Nẵng trong khởi nghĩa là bài học sử dụng sức mạnh quần chúng, tranh thủ binh lính nguy, khoét sâu mâu thuẫn kẻ thù, ngoài đánh vào, trong đánh ra, cô lập cao độ bọn Nhật, làm chúng tuy ngoan cố chống cự nhưng bị dập tắt nhanh chóng. Anh Hiến vừa nói xong, bỗng có một thanh niên bước vào. Anh Cao Hồng Lĩnh trông thấy reo lên: "Anh Hà! Anh Hà!". Hỏi ra là anh Nguyễn Hà, người Hội An, cùng quê hương anh Lĩnh. Hai anh em nắm chặt tay nhau, tỏ rõ niềm xúc cảm. Anh Hà báo tin cho anh Lĩnh biết Hội An đã khởi nghĩa thắng lợi từ đêm 17-8-1945. Huyện nhà đang sống trong không khí độc lập, tự do. Tôi bảo anh Lĩnh nên tranh thủ về thăm quê, chia vui và động viên đồng bào. Nhưng anh Lĩnh không về, nói rằng: "Bác giao nhiệm vụ gấp rút vào Nam, không được phép chậm trễ". Anh quay sang phía anh Hà, nói rằng, cho gửi lời chào bà con quê nhà mạnh giỏi. Khi nào chiến thắng hoàn toàn, anh sẽ về thăm

quê. Ngay đêm đó, anh chia tay các đồng chí tỉnh nhà. Hai người bạn quê Hội An bịn rịn mãi tới khuya mới từ biệt được.

Đêm thu nghỉ trong thành phố Đà Nẵng, tôi chỉ chợp mắt trong giây lát, suy nghĩ miên man về cuộc hành trình xuống phương nam còn nhiều gian khổ. Nước non gánh nặng, đường vào còn xa. Nhưng trước mắt chúng tôi vẫn hiện lên những hình ảnh chiến đấu dũng cảm của một dân tộc "sát thát". Có đến tận nơi, xem tận mắt, mới thấy hết được lòng dũng cảm, trí thông minh của dân tộc mang trong lòng dòng máu "Đông A". Tự nhiên, tôi lại liên tưởng đến cái ngày của tháng 5-1858 xa xôi, khi thực dân Pháp nã phát súng đầu tiên, rồi đổ quân lên Đà Nẵng, vượt đèo Hải Vân tiến đánh kinh thành Huế, bắt nhà Nguyễn đầu hàng. Tháng 5-1858 - tháng 8-1945, tính ra 87 năm có lẻ, nhân dân ta mới giành lại được độc lập. Điều đó nói lên lòng kiên trì chống giặc của dân tộc. Riêng thành phố Đà Nẵng, từ khi Pháp sang xâm lược đến khi giải phóng, luôn luôn là nơi chiến trận và chiến thắng. Giờ đây, nhìn cờ đỏ sao vàng tung bay trong thành, có biết đâu rằng, sau những trận chiến đấu để giành độc lập, tự do của năm 1945, Đà Nẵng lại phải trải qua 9 năm kháng chiến chống Pháp và 20 năm kháng chiến chống Mỹ, mới giành được độc lập, tự do trọn vẹn Tổng cộng Đà Nẵng nói riêng, và cả dân tộc Việt Nam nói chung, đã phải vào trận với hàng nghìn hiệp đấu mới ghi được chữ vàng "độc lập, tự do" lên lá cờ đại nghĩa của mình.

Đang còn miên man nghĩ về Đà Nẵng, về dân tộc ta, trời đã sáng lúc nào. Thực hiện lời dặn của Bác: Không được chậm trễ, phải vào Nam ngay, chúng tôi vội thu xếp hành lý để lên đường.

Ra khỏi Đà Nẵng, xe nhằm hướng Quảng Ngãi mà phóng. Xe lần lượt vượt qua các địa phương Lệ Trạch, Nông Sơn, Trà Kiệu, Phú Cang, An Mỹ, Tam Kỳ... rồi tới thị xã Quảng Ngãi, xe chạy 140 cây số, mất gần 3 giờ. Khi tới thị xã, mặt trời đã đứng bóng. Đặt chân lên thị xã Quảng Ngãi, một ấn tượng mạnh gây trong đầu óc chúng

tôi, đó là khí thế cách mạng hùng hực của quần chúng cách mạng. Khác với những vùng đất chúng tôi đã qua, nơi đây chị em tự vệ đều cắt tóc ngắn, hỏi ra mới biết cắt tóc ngắn để "thề cứu nước nhà". Và ai cũng thắt dây lưng ra ngoài áo. Người cầm mác, người cầm dao, người cầm cuốc, thuổng, gậy gộc, đi đi lại lại trên đường phố, trông nghiêm trang và đầy tự hào. Niềm kiêu hãnh của nhân dân với độc lập, tự do tràn lên những gương mặt trẻ trung. Khi xe của chúng tôi đang chuẩn bị rẽ sang một phố để đến trụ sở Ủy ban cách mạng, bỗng một nữ chiến sĩ tự vệ xông ra kè lưỡi mác vào bánh xe hơi rồi hô: "Đứng lại!". Anh Lĩnh đưa giấy ra trình, chị tự vệ xem giấy lác đầu tỏ vẻ chưa thông. Tôi phải xuống xe, ôn tồn, phân trần mãi, chị mới chịu xuống thang "đưa đi gặp đồng chí phụ trách". Đến nơi, bất ngờ gặp ngay anh Võ Văn Khế, tức Trần Quý Hai. Tên chữ Trần Quý Hai do các anh Trần Hữu Dực và Hoàng Anh đặt cho từ cuối năm 1946, khi anh từ Quảng Ngãi ra Huế nhận chức Ủy viên thường trực Ủy ban quân-dân-chính Thừa Thiên-Thuận Hoá. Khi chúng tôi gặp anh ở Quảng Ngãi, anh vẫn mang tên Võ Văn Khế. Anh là một trong những đại biểu của Trung Kỳ đi họp ở Tân Trào. Anh nói rằng, sau khi lĩnh hội ý kiến của Trung ương ở hội nghị Tân Trào, vội vàng về ngay Quảng Ngãi để tổ chức việc khởi nghĩa. Nhìn anh rắn rỏi, khoẻ mạnh trong bộ quần áo ka ki vàng của anh Phạm Văn Đồng cho ở Tân Trào, tôi hình dung ra một vị võ tướng tương lai. Anh đưa chúng tôi về nhà boong-ga-lô, một kiểu nhà sàn trên cột bê-tông, bỏ dĩa cho uống rồi nói chuyện về tình hình khởi nghĩa ở địa phương. Qua anh, chúng tôi được biết, Quảng Ngãi nổ ra khởi nghĩa từ ngày 13-8-1945 cho tới ngày 28 cùng tháng thì giành được chính quyền trong toàn tỉnh. Trong thời gian ấy, các chiến sĩ du kích chiến khu Ba Tơ phối hợp tuyệt đẹp với quần chúng cách mạng lần lượt hạ các đồn Di Lăng, Sơn Hà, Trà Bồng, Ba Tơ, Ninh Long và huyện lỵ Nghĩa Hành. Cuộc đánh nhau với quân Nhật ở Xuân Phổ và Mỏ Cày gây tiếng vang lớn. Anh Hai cho biết, tại Quảng Ngãi, có bọn quan lại triều Nguyễn sau khi nghe tin Việt Minh rục rịch cướp chính quyền, chúng sợ chạy từ Huế về đây để ẩn

mình. Các anh muốn bắt bọn này. Nhưng tôi bảo có bắt vài ba tên quan lại cũng không giải quyết được việc gì. Chi bằng trước mắt cứ khoan hồng cho chúng, xem thái độ của chúng ra sao, sau đó, chúng ta có quyết định dứt khoát. Vấn đề là phải biết phân hoá để đoàn kết được rộng rãi. Đó là chính sách của Bác Hồ. Các anh ở Quảng Ngãi đồng ý với ý kiến của tôi.

Chúng tôi rời Quảng Ngãi trong lúc trời đã ngả về chiều. Đường vào Quy Nhơn còn khoảng gần 60 cây số cho nên phải tranh thủ đi. Bình Định hiện ra trước mắt chúng tôi với những rừng dừa san sát, ngút ngát hai bên đường. Ven biển cũng đầy những cây dừa xanh, nặng trĩu quả. Nhưng sự trù phú của thiên nhiên nơi đây lại đem đến cho lòng ai một nỗi buồn day dứt khi nhìn những em bé thân hình gầy gộc, đen thui đi chăn bò, cùng những bộ quần áo vá víu, đùm đụp của những bà đi chợ mà trong thúng chỉ toàn những cám cùng ngô. Đã bao đời, người Bình Định phải sống cuộc đời nghèo khổ như vậy. Nay cách mạng thành công thì cách mạng phải nhận dạng cho đầy đủ chân dung người lao động quê hương cực khổ như thế nào để còn có cách giải quyết. Không thể để cho đồng bào sống lam lũ mãi thế được. Đó là tiếng nói thiết tha của những người có lương tri. Chỉ có cách mạng mới làm được điều đó.

Dừng chân trên mảnh đất thượng võ, chúng tôi được các đồng chí lãnh đạo Việt Minh tỉnh báo cáo về khởi nghĩa của Bình Định. Khác với nhau địa phương trong cả nước, Bình Định bước vào khởi nghĩa có hai tổ chức Việt Minh: Việt Minh Nguyễn Huệ và Việt Minh Tăng Bạt Hổ. Việt Minh Nguyễn Huệ do một số đồng chí ở tù về cùng các đồng chí ở An Nhơn, Bình Khê lập ra và lấy Phú Phong làm cơ sở để phát triển phong trào ra toàn tỉnh. Còn Việt Minh Tăng Bạt Hổ do Ủy ban vận động cứu quốc tỉnh lập ra. Tuy là hai tổ chức Việt Minh nhưng không có mâu thuẫn nội bộ. Tất cả đều chung sức chung lòng chống Nhật, cứu nước. Vào những ngày của tháng 6-1945, Việt Minh Nguyễn Huệ họp quyết định chủ trương khởi

nghĩa và phối hợp với Việt Minh Tăng Bạt Hổ cùng hành động. Để cho chắc ăn, trước khi khởi nghĩa, Việt Minh quyết định tổ chức một cuộc mít tinh lớn ở Quy Nhơn để thăm dò xem thái độ của Nhật ra sao. Qua mít tinh, thấy địch không phản ứng gì. Vì vậy, vào khoảng 22 hoặc 23-8-1945, một cuộc mít tinh, tuần hành khổng lồ được tổ chức ở Quy Nhơn. Đoàn người tuần hành xông vào chiếm các công sở và dinh tỉnh trưởng, buộc viên tỉnh trưởng phải giao con dấu cho Việt Minh. Ủy ban nhân dân cách mạng ra đời. Trong lúc Việt Minh Nguyễn Huệ tổ chức khởi nghĩa ở Quy Nhơn, Việt Minh Tăng Bạt Hổ quyết định tổ chức khởi nghĩa ở huyện Hoài Nhơn và nhiều nơi khác như Hoài An, An Nhơn... chiếm huyện lỵ, tiêu diệt đồn bảo an, thu nhiều vũ khí, lập Ủy ban nhân dân cách mạng huyện. Khi chúng tôi đến Quy Nhơn, thấy các đồng chí đang họp bàn quyết định hợp nhất các lực lượng trong tỉnh Bình Định. Đêm ngủ tại Quy Nhơn, nghe sóng biển vỗ xô bờ, tiếng rít của những rặng phi lao, gọi lên cảnh trí của một vùng ven biển. Nghe nói nơi đây có nhiều căn cứ chống giặc ngoại xâm cùng những truyền thuyết về núi Bà, chàng Lia. Dãy núi Tây Sơn là đại bản doanh lúc đầu của người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ... Xe của chúng tôi rời Bình Định trong lúc tỉnh nhà chưa giành được thắng lợi hoàn toàn trong khởi nghĩa, vì nghe nói còn một số nơi như Tuy Phước, Phù Cát..., mới đang rậm rịch vùng lên. Tuy vậy, thắng lợi hoàn toàn đã hiện ra trước mắt chúng tôi bởi khi cách mạng của nhân dân đang trào lên mãnh liệt.

Từ Quy Nhơn đến Tuy Hoà xe đã phải băng qua đường dài trên dưới 10 cây số. Chúng tôi dừng lại nghỉ trưa tại thị xã Tuy Hoà. Thấy các chiến sĩ tự vệ đang lao xao, chạy xuôi chạy ngược ra chiều tắt bật. Hỏi ra mới biết họ đang lùng tìm những tên Việt gian chạy trốn. Lúc này, tại Tuy Hoà, Việt Minh đã chiếm được phủ đường, đồn khố xanh, các công sở. Khí thế cách mạng của quần chúng hăng hái lắm. Khẩu hiệu dán la liệt trên các phố. "Đả đảo phát xít Nhật!", "Việt Nam độc lập

muôn năm!", còn tươi rói màu mực. Tuy vậy, thỉnh thoảng còn thấy xuất hiện những tên lính Nhật đi lại. Có lẽ lúc này chúng đã thua trận, nhưng chưa biết sẽ đi về đâu. Còn các chiến sĩ tự vệ đang nắm chắc tay súng bảo vệ những thành quả vừa giành được. Trong quá trình khởi nghĩa, tại một số nơi, trong đó có tỉnh Phú Yên, một số đồng chí đã để xảy ra sự hiểu lầm mà sau này các nhà viết sử chắc coi đó là những giai thoại sinh động trong kho tàng lịch sử cách mạng Việt Minh. Đó là câu chuyện giữa Việt Minh Nguyễn Ái Quốc và Việt Minh Hồ Chí Minh. Chuyện xảy ra ở Tuy Hoà. Khi chuẩn bị khởi nghĩa, tỉnh Phú Yên rất thống nhất với nhau về chủ trương cứu nước. Nhưng sau khi khởi nghĩa thắng lợi, lập chính quyền cách mạng, tự nhiên để ra hai nhóm: Nhóm Việt Mlnh của Nguyễn Ái Quốc và nhóm Việt Minh của Hồ Chí Minh. Hai nhóm này có sự xích mích. Khi nghe tin có phái đoàn đại biểu Tổng bộ Việt Minh đến, hai nhóm Việt Minh mời chúng tôi đến họp để giải quyết xích mích. Trong cuộc họp, hai nhóm đều nói nhóm mình là chân chính. Bên nào cũng có lý cả. Đợi cho hai bên phát biểu xong anh Cao Hồng Lĩnh đứng lên giới thiệu tôi là đại diện Tổng bộ Việt Minh của cả Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh lên nói chuyện, Hội nghị đang ồn ào bỗng im phăng phắc. Khi tôi nói Nguyễn Ái Quốc chính là Hồ Chí Minh, cả hội nghị bùng lên một không khí háo hức, sôi nổi. Anh em hai nhóm Việt Mlnh ôm nhau cười trong niềm xúc động. Còn chúng tôi phải tranh thủ đi sớm đến Sài Gòn, thực hiện đúng lời Bác dạy. Xe tới thành phố Nha Trang, trời vừa tối. Chúng tôi tìm đến trụ sở Việt Minh để vừa xin nghỉ đêm vừa tìm hiểu tình hình khởi nghĩa của tỉnh Khánh Hoà. Sự trùng hợp lý thú là ở Khánh Hoà khởi nghĩa cùng ngày với thủ đô Hà Nội. Sự khôn lẹ trong việc "lấy gậy ông đập lưng ông", ta đã biến cuộc mít tinh của một tổ chức thanh niên thuộc chính quyền bù nhìn thành cuộc mít tinh của ta. Đồng chí đại diện Việt Minh của tỉnh nhảy lên bục diễn thuyết, tuyên bố đánh đổ chính quyền cũ, lập chính quyền mới cách mạng. Bọn quan chức bù nhìn chưa kịp đối phó đã bị quân cách mạng tóm gọn. Rồi như nước vỡ bờ, quần chúng yêu nước xông lên chiếm các

công sở, tuân hành thị uy. Có thể nói đây là một trong những địa phương giành chính quyền đẹp nhất.

Đêm thu ngủ tại Nha Trang, biển xanh sóng vỗ mà lòng lâng lâng. Sáng dậy, người nhẹ hẫng đi. Phải chăng khí hậu nơi đây đã chữa được sự mệt mỏi cho những người trường chinh.

Ra khỏi Nha Trang, xe bon nhanh về Phan Rang. Qua Phan Rang là Tháp Chàm, rồi Phan Rí Cửa, Phan Thiết. Suốt dọc đường từ Nha Trang đến Phan Thiết, con đường thiên lý ấy, ngợp ngút người xe. Từng đoàn quần chúng biểu tình, tay dao, tay búa, vừa đi vừa hô vang khẩu hiệu, tỏ rõ khí thế "sát thát" trong thời đại mới. Một dân tộc bị đè nén trăm năm, càng nén mạnh, sức bật lên càng mạnh. Những con người rách rưới, gầy gò, đến không còn sự sống, nay bỗng vụt lên những thiên thần, tưởng chừng Phù Đổng Thiên Vương không còn là một huyền thoại. Xe dừng lại Phan Thiết ít phút. Chúng tôi nghỉ chân ngồi ngắm biển xanh chan hoà ánh nắng. Những chiếc thuyền con xinh xinh ghéch mũi bên bờ cát mịn. Những rặng cây ven biển lao xao cùng tiếng sóng rầm rì. Ngày thu trên biển Phan Thiết đẹp lạ lùng. Những đám mây trắng nhờ bay trên trời biển đã làm giảm đi cái nóng khô của miền Nam Trung Bộ. Thiên nhiên nơi đây có phần khắc nghiệt, nhưng lòng người lại lượng bể bao dung. Người dân Phan Thiết biết ruộng khô cằn, lúa cây khó mọc, một nắng hai sương, quanh năm tảo tần. Giờ đây cách mạng đã về, lòng người càng bịn rịn trước sự đổi thay của quê hương. Tuy cách mạng chưa làm được gì nhiều, nhưng người dân cũng bắt đầu hít thở được không khí tự do. Nhìn khí thế cách mạng đang trào dâng ở một vùng ven biển, chúng tôi lại nghĩ đến Bác. Lúc ấy, đặt chân lên đất Phan Thiết, chúng tôi chưa biết nơi đây có thời gian Bác đã dừng chân trên con đường vạn dặm đi cứu nước. Mãi sau này được nghe các đồng chí kể lại, tôi mới biết chính nơi đây thầy giáo Nguyễn Tất Thành đã dạy cho thế hệ tương lai biết nhân phẩm làm người trước khi bước vào cuộc chiến để giành

lại quyền sống cho cả loài người. Phan Thiết của năm 1945 thuộc tỉnh Bình Thuận. Bên cạnh tỉnh Bình Thuận là tỉnh Ninh Thuận. Khi chúng tôi vào tới đây, hai tỉnh đã khởi nghĩa xong. Ủy ban nhân dân cách mạng đã được thành lập Cờ đỏ sao vàng đã tung bay trên bầu trời hai tỉnh. Nhân dân vùng Tháp Chàm cổ kính bắt đầu lao vào xây dựng cuộc sống mới.

Rời khỏi Phan Thiết, xe phóng nhanh, vượt qua nhiều địa phương đến Long Khánh, Dầu Giây, Trảng Bom, Hố Nai, Biên Hoà. Đến Biên Hoà, địa đầu Nam Bộ, không khí cách mạng mới háo hức làm sao. Trên khắp các ngã đường, các chiến sĩ tự vệ ken dày đặc. Trên ngực người nào cũng có huy hiệu búa liềm bằng vải, tượng trưng cho sức mạnh công nông. Rồi cờ đỏ sao vàng, khẩu hiệu căng la liệt trên các phố. Tiếng loa vang lên nhắc nhở mọi người giữ gìn trật tự trị an. Tiếng trống, lại có cả tiếng khèn của đồng bào Tây Nguyên đổ về đây, góp phần làm dậy lên cảnh sắc tung bừng của một thành phần nhân dân vừa giành được chính quyền trong tay. Biên Hoà sống vì Sài Gòn, một cứ chỉ đẹp đẽ của tình anh em, khi có 500 đại biểu về Sài Gòn tham gia khởi nghĩa giành chính quyền. Khi Sài Gòn khởi nghĩa thắng lợi, đoàn đại biểu Biên Hoà trở về tham gia khởi nghĩa ở tỉnh nhà. Biên Hoà trước chìa khoá kho súng của địch vào trưa 26-8-1945, cũng là lúc bọn phát xít đến giờ cáo chung. Khí thế nổi dậy ở Biên Hoà mạnh lắm, vì nơi đây có cả một lực lượng công nhân cao su hùng mạnh, những người lao động cực nhọc, bán thân đổi mấy đồng xu ăn gạo mục, cá thối, khi họ đã vùng lên thì trời nghiêng đất lệch. Xe của chúng tôi chen chúc trong đoàn người dường như vô tận. Họ đang giải những tên lính Pháp. Bọn này vừa nhảy dù xuống Biên Hoà, muốn làm màn dạo đầu xâm lược trở lại miền Nam. Ủy ban cách mạng quyết định đưa những tên lính này về Sài Gòn xét xử. Vì mới giành được chính quyền, mọi việc còn ngỡ ngàng. Sự ngỡ ngàng nhiều khi đến ngậy thơ ấy đã gây cho chúng tôi những tai vạ. Khi xe áp giải bọn lính Pháp vừa rẽ lên mặt đường, cũng vừa lúc gặp xe chúng tôi đi tới. Thế là

xe bị chặn lại kiểm soát. Tôi trình giấy tờ, nhưng anh em tự vệ không tin và tuyên bố chúng tôi bị bắt. Xe chúng tôi cùng xe những tên Pháp đều bị áp giải về Sài Gòn. Tới Sài Gòn, họ đưa chúng tôi vào thẳng khám lớn Chí Hoà, giam chung với những tên Pháp. Trong khoảng khắc, người cách mạng và những tên xâm lược bị nhốt chung vào một rọ. Chị Thập nhìn tôi, lắc đầu. Anh Lĩnh có vẻ bức bối. May sao, người phụ trách khám đến gặp chúng tôi hỏi nguyên do vì sao bị bắt. Khi xem giấy tờ, anh nhận ra chị Thập, liền gọi đây nói thẳng đến Nam Bộ phủ để báo cáo. Chuông điện thoại reo lên. Từ đầu dây đằng kia, một giọng nói:

- A lô! A lô! Cho nói chuyện với Hạ Bá Cang.

Người trực máy bảo ai tên là Cang ra nói chuyện. Tôi chạy ra đặt ngay ống nghe lên tai:

- A lô! Cang đây!

Một giọng quen quen:

- Nguyễn đây, Nguyễn Văn Nguyễn đây! Anh còn nhớ tôi không?

- Anh Nguyễn đây hả? Chao ôi! May làm sao!

Đó là Nguyễn Văn Nguyễn, một nhà báo cách mạng nổi tiếng mà tôi đã biết từ những năm 1932 - 1934 tại Côn Đảo.

Anh Nguyễn nói tiếp:

- Cang ơi, anh đang ở đâu?

- Khám lớn

- Sao vậy?

- Chủ tịch Hồ Chí Minh cử chúng tôi vào đây công tác đặc biệt. Chẳng may trên đường tới Biên Hoà, bị giữ lại và đưa vào khám.

- À ra vậy. Một sự hiểu lầm. Tôi sẽ ra lệnh thả anh ngay. Ra khỏi khám, nhớ đến thẳng dinh Thống đốc nhé.

Tôi sẽ đợi các anh ở đó. Trong này có rất nhiều việc cần phải bàn với "ngoài ấy" lắm. Chỉ một lúc sau, chúng tôi gặp nhau. Nguyễn ôm chầm lấy tôi:

- Xong rồi!

Được anh Nguyễn đón tiếp chu đáo, chúng tôi tuy mệt lử, nhưng tinh thần rất phấn chấn. Đêm Sài Gòn sáng trong ánh điện. Trên trời lấp lánh các vì sao. Nhớ hồi năm 1930, tôi đặt chân tới Sài Gòn, lúc ấy thành phố còn đang nằm dưới sự kiểm soát của thực dân Pháp, mọi hoạt động phải hết sức bí mật. Nay Sài Gòn được tự do, đêm được ngủ yên giấc. Mơ ước bao lâu nay mới thành hiện thực. Lòng chúng tôi lúc này hướng về Sài Gòn, ghi nhận Sài Gòn, một thành phố được tập trung nhiều dân cư trong cả nước về đây đang vươn sức sống, đang dồn sức mở những đợt tiến công vào thành trì bọn phát xít và đế quốc. Chúng tôi cảm nhận Sài Gòn nơi đã sản sinh ra nhiều nhà thơ yêu nước nòi như Nguyễn Đình Chiểu, Phan Văn Trị... Khi tới Sài Gòn, chúng tôi chưa biết nơi đây vào năm 1911, Bác Hồ đã ra đi tìm đường cứu nước. Chúng tôi cũng chưa biết chính thành phố này, thân phụ Bác, cụ phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, năm 1925 đã đặt chân tới. Tại Sài Gòn, cụ miệt mài bắt mạch kê đơn chữa bệnh cho nhân dân. Trong lúc từ phương trời xa xăm bên châu Âu, người con yêu dấu của cụ, Nguyễn Tất Thành đang ra sức tìm tòi một phương thuốc chữa bệnh cho cả dân tộc, thì tại Sài Gòn, cụ phó bảng đi chữa bệnh cho từng người. Lương tâm của một người cha và lương tâm của một người con tuy ở đôi bờ đại dương, cả hai đều rất trong sáng.

Sáng hôm sau, anh Nguyễn Văn Nguyễn gọi tôi và anh Lĩnh dậy sớm để nghe anh báo cáo sơ bộ vài nét về Nam Bộ. Chị Thập đã về Hóc Môn từ tối qua. Anh Nguyễn báo cáo rất vắn tắt tình hình khởi nghĩa Sài Gòn: Sau khi Nhật đảo chính Pháp, quân Nhật ở Sài Gòn và các vùng phụ cận có tới 3 sư đoàn bộ binh, hàng

nghìn tên hiến binh ác ôn và những tên nguy quyền vốn trước đó của Pháp, nay Nhật sử dụng để thay những tên chỉ huy. Như vậy, lực lượng của Nhật khá mạnh. Nhưng đến khi Chính phủ Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng Minh ngày 1-8-1945, Đảng bộ Sài Gòn chớp thời cơ, gấp rút hoàn tất công việc chuẩn bị. Công nhân in hàng vạn tờ truyền đơn tung đi các nơi kêu gọi khởi nghĩa. Ngày 21-8-1945, cờ đỏ sao vàng như rừng cây trên các đường phố, báo hiệu Việt Minh xuất hiện. Sau đó 8 ngày, cờ đỏ búa liềm pháp phối tung bay, báo rằng Đảng Cộng sản Việt Nam công khai lãnh đạo khởi nghĩa. Rồi từ chiều 24-8, nhân dân các vùng gần Sài Gòn như Biên Hoà, Thủ Dầu Một, Bến Lức, Lái Thiêu, Nhà Bè, Hóc Môn, Cần Giuộc, Cần Đức... lũ lượt kéo về Sài Gòn. Đêm hội ngộ cách mạng trong lòng Sài Gòn chật ních người. Cả Sài Gòn đều thức. Sáng sớm 25-8, hơn một triệu người từ khắp các ngã đường đổ về đại lộ Nô-rô-đôm dự cuộc mít tinh lớn của Việt Minh. Cuộc mít tinh biến thành cuộc biểu tình qua đường Catina đến cột cờ Thủ Ngữ, theo bờ sông rạch Sài Gòn về cầu Ông Lãnh, rồi tiếp tục qua nhiều đường phố đổ ra chợ Bến Thành lên dinh độc lý. Đoàn người vừa đi vừa hô vang khẩu hiệu: "Chính quyền về tay Việt Minh", "Thành lập chế độ dân chủ cộng hoà"... Trước sức mạnh của quần chúng cách mạng, quân Nhật co lại. Bọn Việt gian thân Nhật lui như chuột. Toàn bộ chính quyền về tay nhân dân. Cuộc nổi dậy của nhân dân Sài Gòn thắng lợi giòn giã trong ngày 25. Sài Gòn nổi dậy, Chợ Lớn và Gia Định cũng vùng lên, rồi các tỉnh đồng bằng phía Nam cứ thế mà xung trận giành thắng lợi trong khoảng khắc. Sự phối hợp ăn ý giữa Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định và các tỉnh phía nam là kết quả của một quá trình chuẩn bị, tích tụ lực lượng từ sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940. Bài học không thành công của cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ chính là bài học thành công của cuộc nổi dậy hôm nay cũng trên mảnh đất này.

Anh Nguyễn Văn Nguyễn còn muốn nói và chúng tôi còn muốn nghe những trang sử hào hùng về cuộc nổi dậy ở Nam Bộ trong những ngày Cách mạng tháng Tám.

Nhưng anh phải tạm dừng để đưa chúng tôi đi gặp ngay đại biểu các giới, các ngành đang chờ đón chúng tôi. Khi chúng tôi tới chỗ hẹn đã thấy vài chục đồng chí ngồi nghiêm chỉnh. Thấy chúng tôi, các anh chị đứng cả dậy bắt tay hết sức thân mật. Anh Nguyễn giới thiệu tôi ra mắt Thường vụ Trung ương và Tổng bộ Việt Minh vào giúp Đảng bộ và Việt Minh các tỉnh ở Nam Bộ củng cố Đảng và chính quyền địa phương, rồi anh giới thiệu tôi lên nói chuyện. Tôi nói rõ mục đích vào Nam của chúng tôi mà Bác, Thường vụ Trung ương và Tổng bộ Việt Minh giao cho. Khi tôi chuyển lời hỏi thăm của Bác tới các đồng chí, đồng bào miền Nam và nói rõ Cụ Hồ Chí Minh và đồng chí Nguyễn Ái Quốc là một, thì cả phòng họp đứng dậy vỗ tay hồi lâu và hô lớn: "Nhiệt liệt ủng hộ Chính phủ Trung ương do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo". Tôi nói rõ đường lối cơ bản của Bác và cả Trung ương trong lúc này là thực hiện đại đoàn kết toàn dân, thêm bạn, bớt thù; tập trung tinh lực vào việc giành chính quyền từ tay Nhật và chuẩn bị ứng phó với quân Anh, Mỹ, Tưởng nhân nhượng, để Pháp trở lại Đông Dương; phân tích 10 chính sách lớn của Việt Minh. Vấn đề then chốt trong lúc này ở Nam Bộ là chuẩn bị đối phó với quân Pháp trở lại sau khi quân Nhật đầu hàng. Đây, cuộc gặp diễn ra chỉ có ít phút, nhưng bước đầu đã ăn nhập giữa chúng tôi với các đồng chí Nam Bộ. Họp xong, tôi đánh điện báo cáo để Bác rõ những tình tôi đã đi qua, các tỉnh Nam Bộ đã giành được chính quyền.

Ngày 2-9-1945, trong lúc Thủ đô Hà Nội làm lễ độc lập, Bác Hồ trình trọng tuyên bố với thế giới nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, cũng ngày này, tại Nam Bộ phủ nằm trong Sài Gòn cũng tổ chức mít tinh lớn mừng ngày độc lập. Nhìn rùng cờ cùng những gương mặt tươi rói của người dân trong ngày độc lập, tôi trào lên niềm xúc động thiêng liêng. Sau gần 9 thập kỷ gan góc chống Pháp rồi chống Nhật, hôm nay, Tổ quốc đã độc lập. "Thiên ái quốc" mà nhân dân ta đã hát từ lúc Phan Đình Phùng, Trương Định, Hoàng Hoa Thám phát cờ khởi nghĩa, nay đã trở

thành sức mạnh của hàng triệu, hàng triệu trái tim, khối óc. Bốn mặt sơn hà từ nay sẽ được phòng thủ vững chắc, quyết giữ vững độc lập, coi đó là lương tâm, danh dự, phẩm giá của tất cả cộng đồng người Việt Nam. Nhưng rồi, lũ thực dân khát máu, một lần nữa lại lao vào cướp miếng mồi béo bở. Chúng quyết phá nền độc lập của chúng ta. Một lần nữa, tiếng súng lại nổ. Những tên lính Pháp xô ra từ các trại giam của Nhật, bắt đầu bắn lén khiêu khích các đám biểu tình. Chúng nấp trong nhà thờ Đức Bà bắn xả ra làm gần 500 con người ngã xuống, hàng chục người bị thương. Hành động khiêu khích này là nghiêm trọng. Đồng bào Sài Gòn sục sôi căm thù quân khát máu. Chúng đã uống máu dân tộc mình suốt 9 thập kỷ, nay còn khát. Nợ máu phải trả bằng máu, không còn cách nào khác. Các chiến sĩ tự vệ Sài Gòn trưng trị đích đáng bọn khiêu khích. Trên các đường phố, những tiếng hô mạnh mẽ và đánh thép vang lên: "Đả đảo thực dân Pháp", "Nước Việt Nam của người Việt Nam", "ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh". Từ giờ phút này, quân và dân Nam Bộ bắt đầu bước vào trận mới.

Ngày 25-8-1945, trong chuyến công cán tại Công gô Bradavin, tướng Pháp Đơgôn tuyên bố Pháp quyết tâm chiếm lại Đông Dương, coi đó là vấn đề tối cần thiết cho Pháp. Trước mắt, Pháp sẽ gửi 40.000 quân sang Đông Dương. Kế hoạch chiếm lại Đông Dương của Pháp được thực hiện hết sức khẩn trương. Lúc đầu, Pháp muốn đánh chiếm Bắc Bộ trước. Sau đó, chúng điều chỉnh kế hoạch, dựa vào quân Anh gấp rút đánh chiếm Nam Bộ rồi từ Nam Bộ lấn dần ra Trung Bộ, Bắc Bộ, chiếm phần còn lại của Đông Dương, lập liên bang Đông Dương. Trong lúc chờ đợi quân viễn chinh Pháp đang vượt biên tới, Pháp dùng ngay kiều dân Pháp, tân binh Nhật, phối hợp với quân Anh đánh vào Sài Gòn. Ngày 4-9-1945, tướng Grêxi (Gracey), tư lệnh sư đoàn 20 quân đội Hoàng gia Anh, trưởng phái bộ Đồng Minh, điều động 7 tiểu đoàn của tàn quân Nhật từ các nơi về Sài Gòn. Từ đây, máy bay Đồng Minh liên tiếp chao lượn trên bầu trời thành phố. Ngày 6-9, 30 sĩ quan Anh vào Sài Gòn.

Tới nơi, chúng ra lệnh thiết quân luật, chỉ huy quân Nhật kiểm soát thành phố và ngạo nghễ đòi các lực lượng vũ trang của ta nộp vũ khí. Trắng trợn hơn, chúng đòi đóng bản doanh ở Nam Bộ phủ, trụ sở của Ủy ban nhân dân Nam Bộ. Điều này báo hiệu chúng bắt đầu hất chính quyền ta xuống. Quân Anh tiếp tục lấn sâu vào Sài Gòn. Ngày 11-9, Grêxi vào Sài Gòn. Hôm sau, một lữ đoàn quân đội Hoàng gia Anh và trung đoàn bộ binh số 5 (RIC) vào Sài Gòn, làm tiền trạm cho quân đội viễn chinh Pháp. Đến Sài Gòn, vừa uống xong cốc nước, Grêxi ra lệnh tập hợp 7.000 tù binh Pháp, trang bị vũ khí cho chúng, biên chế thành những đơn vị chiến đấu. Rồi y thành lập ngay bộ máy chính quyền thực dân ở Nam Bộ do Xêđin làm thống đốc. Bọn phản động tay sai nghe tin quan thầy trở lại, đốt pháo ăn mừng, kéo đến một địa điểm ở quận Tân Bình, họp bàn kế hoạch bạo loạn, âm mưu đảo chính, lập "Chính phủ quốc gia liên hiệp" tay sai cho Pháp.

Dựa vào thế lực của Anh, lại có trên 5.000 lính Nhật giúp sức, thực dân Pháp lần tới. Tàu chiến Pháp tiếp tục cập bến Sài Gòn. Lính viễn chinh tiếp tục đổ bộ. Đêm 22- 9-1945 thực dân Pháp mở đợt tiến công với quy mô lớn vào Sài Gòn. Tiếng súng nổ khắp trong thành phố. Lúc ấy, tôi và anh Cao Hồng Lĩnh đang ở nhà anh Trương Dân Bảo, nghe súng nổ, biết ngay có chuyện chẳng lành. Đúng như dự đoán của chúng tôi và các đồng chí trong Xứ uỷ: Pháp sẽ tiến công Sài Gòn ngày một ngày hai. Cả đêm ấy, chúng tôi hoàn toàn không chợp mắt. Tôi báo với anh Lĩnh cần thảo gấp Lời hiệu triệu của Tổng bộ Việt Minh kêu gọi đồng bào Nam Bộ chiến đấu: *"Ai có dao dùng dao, ai có mác dùng mác. Mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi thước đất là một chiến hào... Tất cả hãy xông ra bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc..."*. Thay mặt Việt Minh, tôi và anh Lĩnh cùng ký tên vào Lời hiệu triệu. Sáng hôm sau, Lời hiệu triệu được mang xuống xưởng in ngay, kịp động viên đồng bào chiến đấu. Trong hồi ký "Qua những chặng đường", chị Nguyễn Thị Thập có đề cập tới Lời hiệu triệu này. Chị kể: *"Lời hiệu triệu có nhiều đoạn rất xúc động, đã*

thôi thúc tất cả mọi tầng lớp dân chúng Nam Bộ xông ra chiến đấu". Thảo xong Lời hiệu triệu, chúng tôi bàn tiếp việc triệu tập Hội nghị Xứ uỷ và Uỷ ban hành chính Nam Bộ để bàn gấp việc đối phó với quân Pháp. Tôi muốn gọi điện ngay về Hà Nội báo cáo với Bác và Trung ương. Rất tiếc phương tiện thông tin không có. Công việc này ngày hôm sau mới thực hiện được. Việc quân Pháp lăm le chiếm lại Nam Bộ, Bác đã có tiên đoán từ trước. Trước lúc vào Nam, Bác đã nói với chúng tôi rằng, quân Tưởng vào Bắc Bộ và quân Anh, Pháp sẽ chiếm Nam Bộ, chúng ta phải chuẩn bị đối phó với cả hai thứ quân ấy. Lời tiên đoán của Bác đã trở thành hiện thực. Trung ương vừa thông báo cho chúng tôi biết, quân Tưởng đã vào hầu hết các thành phố, thị xã từ biên giới Việt - Trung đến vĩ tuyến 16, Bác và Trung ương đang bận đối phó với bọn Tàu phản động này. Còn chúng tôi phải lo đối phó với bọn thực dân Pháp ở phía Nam.

Sáng sớm ngày 23-9, tôi đi gặp anh Nguyễn, nhờ anh chuyển bức điện khẩn cấp của tôi về Hà Nội. Trong điện, tôi viết: "Thưa Bác và các anh, đêm qua, 22-9, Pháp nổ súng chiếm Sài Gòn. Đảng bộ và nhân dân Nam Bộ đã sẵn sàng đối phó". Rồi chúng tôi đi vội đến đường Cây Mai thuộc Chợ Lớn họp với các anh trong Xứ uỷ và Uỷ ban. Trên đường đi tới chỗ họp, tôi thấy quân Anh, quân Pháp, quân Nhật nhan nhản. Trên các đường phố, thanh niên dựng chiến lũy. Tự vệ công nhân xông ra đòi đánh. Tiếng súng nổ liên tục.

Tới nơi, tôi thấy các đồng chí tề tựu đầy đủ, Hội nghị diễn ra sôi nổi. Nhiều đồng chí phát biểu tới hai, ba lượt. Chung quy lại, có hai ý kiến: Một là, chưa đánh ngay, kháng cự cầm chừng với quân Đồng Minh. Hai là, kiên quyết đánh. Ý kiến kiên quyết đánh là hợp với lòng dân Nam Bộ lúc này. Đến giờ phút cuối cùng, Hội nghị nhất trí động viên toàn dân kháng chiến, cứu nước. Tình hình và công việc đều được báo cáo lên Trung ương và Bác. Trong điện báo cáo nói rõ chúng tôi đã lập Uỷ ban kháng chiến lo việc quân sự, là lệnh tổng bãi công trong công nhân, thực

hiện kế hoạch phá hoại đường giao thông, tiếp tế để bao vây quân địch và kêu gọi toàn quân, toàn dân chiến đấu. Sau này, tôi được các anh trong Thường vụ Trung ương kể lại: Khi nhận được điện của Xứ uỷ và của các anh, Bác và Thường vụ Trung ương họp khẩn cấp, nhất trí với chủ trương của Xứ uỷ. Trung ương quyết định thành lập những đơn vị Nam tiến vào giúp đồng bào Nam Bộ chiến đấu. Chủ trương của Bác và Trung ương quyết định tiến hành cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp, bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc là đúng đắn. Nó đáp ứng đúng nguyện vọng của nhân dân cả nước, thà chết chứ không chịu làm nô lệ. Ngày 26-9-1945, từ Sài Gòn, chúng tôi được nghe Lời kêu gọi của Bác qua đài phát thanh. Ở Sài Gòn, việc liên lạc với Hà Nội gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, chúng tôi đón chủ trương của Bác và Trung ương chủ yếu qua đài phát thanh. Khi Bác và Trung ương kêu gọi, chúng tôi biết mình phải làm gì. Nhịp đập trong trái tim của Bác cũng là nhịp đập trong trái tim chúng tôi. Tiếng Bác trong làn sóng điện thiết tha và ám áp lạ lùng:

“Hỡi đồng bào Nam Bộ!

Nước ta vừa tranh quyền độc lập, thì gặp nạn ngoại xâm. Khi còn chiến tranh với Nhật thì bọn thực dân Pháp hoặc đầu hàng hoặc chạy trốn. Nay vừa hết chiến tranh thì bọn thực dân Pháp hoặc bí mật hoặc công khai lại mò lại. Trong 4 năm, họ đã bán nước ta hai lần. Nay họ lại muốn thống trị dân ta lần nữa".

Trong *Lời kêu gọi*, Bác tin tưởng cuộc chiến đấu của đồng bào Nam Bộ nhất định thắng lợi vì chúng ta có lực lượng đoàn kết của toàn dân. Bác nói cuộc chiến đấu của dân tộc ta là quang minh chính đại, đòi quyền độc lập tự do, phải làm cho thế giới biết chúng ta là một dân tộc văn minh. Cả Nam Bộ lắng nghe tiếng nói Bác Hồ, quyết tâm biến lời kêu gọi của Bác thành ý chí quyết chiến quyết thắng và hành động dũng cảm. Anh Cao Hồng Lĩnh và anh Tường Dân Bảo nghe tiếng nói của Bác xúc động lắm. Anh Bảo nói: "Đời tôi chưa được gặp Cụ Hồ Chí Minh, nhưng rất tôn kính Cụ". Tôi biết anh Bảo là người yêu nước chân chính. Anh có tư

tướng chống Pháp từ hồi còn niên thiếu. Khi Nguyễn Thái Học lập Quốc dân Đảng, tuyên bố chống Pháp, anh xin tham gia. Bọn thực dân bắt anh, đày giam tại Côn Đảo cùng một nhóm Quốc dân Đảng yêu nước như Trần Huy Liệu, Tô Chấn, Tô Hiệu, Trần Xuân Độ... Tại Côn Đảo, anh giác ngộ chủ nghĩa cộng sản, xin gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương. Hai tên Quốc dân Đảng phản động là Nguyễn Ngọc Sơn và Nhượng Tống thù ghét anh Trần Xuân Độ và anh Tường Dân Bảo tới mức quyết định mưu sát anh. Chúng chờ đợi Lãng giết. Lừa lúc sơ hở, đội Lãng cầm dao cắt họng và cắt cổ anh Bảo. May sao anh không chết. Được anh cứu chữa, dần dần anh Bảo khỏi bệnh. Từ đấy, càng ngày anh càng gắn bó với anh em tù cộng sản. Tôi biết anh khi anh bị giam giữ tại Côn Đảo. Giờ đây, anh hoạt động tại Nam Bộ, muốn góp phần mình vào sự nghiệp giải phóng Tổ quốc. Cùng nghe tiếng nói Bác Hồ qua Đài Tiếng nói Việt Nam hôm ấy còn có chị Ba. Chị Ba làm nghề nấu cao, hoạt động ở chợ Bến Thành, có cảm tình với Việt Minh. Mặc dù rất bận, chị Ba vẫn nhận lời yêu cầu của anh Bảo, đến giúp chúng tôi trong việc cơm nước. Chị làm việc hết sức chu đáo, bữa nào cũng cơm nóng, canh ngon, nhất là cho chúng tôi ăn rất đúng giờ. Lòng nhiệt tình của chị làm chúng tôi vô cùng xúc động. Chị chăm chú nghe tiếng nói Bác Hồ. Chị mơ ước một ngày nào đó sẽ ra Hà Nội thăm Bác. Nhưng trước mắt chúng tôi là cuộc chiến đấu chống xâm lược.

Anh Phạm Văn Bạch (Nguyễn Văn Liên), Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Nam Bộ gặp tôi để bàn bạc một số công việc quan trọng trước mắt. Lúc này anh Trần Văn Giàu không làm Chủ tịch Nam Bộ, chức vụ đó do anh Phạm Văn Bạch nắm từ ngày 7-9-1945. Chủ trương của chúng tôi và Xứ ủy Nam Bộ lúc đó là phải chọn một số nhân sĩ trí thức có uy tín, chưa phải đảng viên cộng sản làm Chủ tịch Nam Bộ, vì tình hình Nam Bộ lúc này rất cần cả về đối nội lẫn đối ngoại. Một danh sách các vị nhân sĩ trí thức lớn của Nam Bộ được giới thiệu. Bàn đi tính lại mãi, cuối cùng các đồng chí đều thống nhất tiên cử anh Bạch. Anh Bạch là một trí thức có uy

tín ở Nam Bộ, không chỉ nhân dân Nam Bộ biết mà ngay cả người Pháp cũng biết anh. Năm 1926, anh sang Pháp học. Sau ba năm học, anh đậu luôn hai bằng cử nhân luật và cử nhân triết học. Tốt nghiệp cử nhân, anh học tiếp để thi tiến sĩ luật. Ở Pháp, anh chịu ảnh hưởng tư tưởng của phái cấp tiến, đề cao tự do cá nhân và giá trị cá nhân, nhưng còn xa lạ với chủ nghĩa cộng sản khoa học. Nhà trường trong xã hội Pháp lúc ấy bùng bít những lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin. Vì vậy, khi học tới năm thứ ba đại học mà anh vẫn chưa hề được đọc sách báo mác xít. Các giáo sư ở đại học đường Pháp lúc ấy phần lớn tỏ thái độ chống cộng sản. Nhưng vì là một luật gia muốn biết rõ sự thật, nên nhà trường càng bùng bít không cho sinh viên nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin, anh càng sẵn lòng, tìm hiểu nó. Sau khi tốt nghiệp cử nhân, anh quyết định bí mật tìm hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin, nhờ đó dần dần nhận ra chân lý của thời đại. Cuộc đời tư tưởng của anh đã đi từ "cấp tiến" (Rabical socialiste) qua "xã hội, (SFIO) đến mác xít. Năm 1935, anh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ luật về quyền bình đẳng dân tộc. Trở về nước, anh làm nghề dạy học, có dạo làm Chánh án tỉnh Bến Tre dưới thời Nhật. Phong trào yêu nước và cách mạng của dân tộc đã lôi cuốn anh, đưa anh vào trong hàng ngũ trí thức chống thực dân, phát xít. Từ đấy, anh ra sức gần gũi thanh niên, học sinh, truyền bá tư tưởng dân chủ mà trước đó các em chưa từng biết. Anh là một người lịch thiệp, tính tình vui vẻ, dung dăng hấp dẫn, làm trạng sư bênh vực lẽ phải và công lý, ăn tiền rất ít, chủ trương thực hiện giáo dục hơn trừng phạt, cho nên đã gây tiếng vang trong Nam Bộ. Người ta yêu cầu anh ra ứng cử hội đồng quản hạt Nam Kỳ, viết báo nói về anh...

Khi vào tới Sài Gòn, tôi được các đồng chí Nguyễn Thị Thập, Nguyễn Văn Nguyễn, Phạm Ngọc Thạch, Nguyễn Văn Cái, Ung Văn Khiêm, Nguyễn Văn Tây... những nhân vật trí thức và cộng sản nhắc đến tên anh với một cảm tình ưu ái. Một con người được cả những người cộng sản lẫn nhân sĩ, trí thức, quần chúng

lao động có cảm tình, cho nên việc chọn anh làm Chủ tịch Nam Bộ là đúng đắn. Khi tôi điều ra Hà Nội báo cáo với Bác về anh, được Bác trả lời đồng ý và hoan nghênh. Nhưng có điều khi anh Trần Văn Giàu thông báo cho anh quyết định làm Chủ tịch Nam Bộ và nhất là lúc gặp tôi lần đầu, anh lại từ chối với lý do không có năng lực lãnh đạo chính trị. Thực ra, lúc đầu không rõ vì sao anh hiểu lầm chúng tôi, cho rằng Việt Minh bố trí vai tuồng để rồi chết trong tay người Anh, Pháp. Sự hiểu lầm của anh làm anh rất dè dặt mỗi khi gặp tôi. Chúng tôi kiên trì thuyết phục anh để anh thấy rõ đường lối của Bác và của Trung ương là quang minh chính đại. Dần dần anh nhận ra vấn đề và cuối cùng vui vẻ nhận chức. Trong bản tự thuật viết ngày 24-2-1952, anh nói rõ sự hiểu lầm lúc ban đầu gây xao xuyến trong tư tưởng anh. Giờ đây, khi Nam Bộ bước vào kháng chiến, anh cùng đồng bào hăng hái chiến đấu. Trên một chiếc thuyền lướt qua các kênh rạch, tôi và anh trao đổi nhiều vấn đề, nhưng tập trung lại là bàn biện pháp duy trì bộ máy chính quyền khắp Nam Bộ, biện pháp củng cố các ngành công an, tài chính, tư pháp...

Những ngày đầu kháng chiến ở Nam Bộ, chúng tôi biết các anh trong Xứ uỷ, Ủy ban kháng chiến và Kỳ bộ Việt Minh làm việc hết sức vất vả và năng động. Tôi biết các đồng chí phân công nhau đi các tỉnh Chợ Lớn, Tân An, Mỹ Tho, Cần Thơ, Trà Vinh, Bến Tre, Sa Đéc, Long Xuyên, Sóc Trăng, Bạc Liêu... kiểm tra và chỉ đạo công việc kháng chiến. Các đồng chí lập phương án sơ tán các cơ quan, kho tàng, tản cư ra khỏi Sài Gòn và chỉ trong vài ngày đã thực hiện thành công phương án. Một kỳ công mà sử sách cần ghi lại là các đồng chí (trong đó có vai trò của anh Ngô Tấn Nhơn và anh Phạm Văn Bạch) đã tập trung sức vào việc xây dựng đài vô tuyến điện để liên lạc giữa Nam Bộ với Trung ương. Từ Sài Gòn xa xôi cách xa Hà Nội và Việt Bắc, nếu không có một hệ thống liên lạc bằng vô tuyến điện sẽ gặp khó khăn biết nhường nào trong mối liên hệ giữa Nam Bộ với Bác và Trung ương.

Vì vậy, việc xây dựng đài vô tuyến điện là một chiến công to đóng góp vào thắng lợi của cuộc kháng chiến.

Chiến sự ngày càng ác liệt. Quân Pháp ngày càng lấn tới, đánh chiếm cầu Bông, cầu Kiệu, cầu Khánh Hội, cầu chữ Y. Đây là dấu hiệu nói rằng địch thực hiện âm mưu chia cắt, khoá chặt mối liên hệ giữa bên trong và bên ngoài Sài Gòn. Quân Pháp cùng quân Anh mỗi lúc đánh nóng ra. Nhưng đều bị các lực lượng vũ trang của ta chặn đánh. Chiến sự diễn ra ác liệt ở khu vực cầu Bông, cầu Kiệu, cầu Khánh Hội, cầu chữ Y. Khi thông các cầu quân từ ngoại ô đột nhập vào thành phố, đánh giáp lá cà, tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Quân Pháp tổn thất nặng nề ở Tân Định, Đa Cao. Quân ta đổ máu nhiều trong thành phố. Trong cuộc chiến hết sức ác liệt này, nổi lên những chiến sĩ tự vệ công nhân lăn xả vào quân Anh, quân Pháp mà đánh. Và khi họ cắt ngón tay lấy máu viết lên dòng chữ: "Quyết xả thân bảo vệ Sài Gòn", cũng là lúc nổi lên thiên anh hùng ca chói lọi của những tay búa, tay súng. Chỉ trong vài ngày, giai cấp công nhân Sài Gòn lập xong 350 đội xung phong công đoàn và đội tự vệ. Chẳng mấy chốc, gần 140 xí nghiệp và công sở, hơn 20 kho tàng, gần 20 đầu máy xe lửa, hơn 50 tàu và 200 xe ô tô của Pháp bị phá huỷ. Trong xưởng máy, công nhân làm việc suốt ngày đêm rèn giáo, mác, cuốc, xẻng phục vụ chiến đấu. Khi quân Pháp áp sát Sài Gòn, lập tức công nhân tìm mọi cách chuyển máy móc, thiết bị ra ngoài, thành lập tại Dĩ An và An Phú Đông hai công binh xưởng lớn, kịp thời sản xuất vũ khí đánh địch. Thanh niên và thiếu nhi Sài Gòn chiến đấu với tinh thần "bóp nát quả cam" noi gương Trần Quốc Toàn năm xưa. Hình ảnh em thiếu niên Lê Văn Tám dũng cảm đốt cháy kho xăng địch tại Thị Nghè để lại một ấn tượng sâu sắc trong lòng nhân dân. Nhìn kho xăng bốc cháy, tiếng đạn nổ, khói toả mịt mù, ai nấy tự hào về sức sống mãnh liệt của một em thiếu nhi nghèo khổ của Sài Gòn. Với tinh thần chiến đấu bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc, cả Sài Gòn nhất loạt tổng bãi công, bãi chợ, bãi khoá tẩy chay địch.

Chiến lũy mọc trên các đường phố. Nhân dân quăng ra hàng vạn chiếc ghế, khúc gỗ, giường, tủ... làm chướng ngại vật, không cho xe của quân địch tiến lên. Cả Sài Gòn vào trận với khí thế hào hùng chưa từng thấy trong lịch sử giữ thành từ khi Pháp sang xâm lược.

Địch vẫn lấn tới. Súng nổ ở Tham Lương, Bà Quẹo, Chợ Đệm, Bình Điền. Sài Gòn hình thành ba mặt trận chính: Tham Lương - Bà Quẹo do anh Trần Văn Trà chỉ huy; cầu Chợ Đệm - Bình Điền do anh Bảy Trán lãnh đạo, và mặt trận Cầu Bông. Chị Nguyễn Thị Thập lúc ấy ở tổng hành dinh của mặt trận Tham Lương - Bà Quẹo đóng tại Bà Điểm. Chị lo việc hậu cần cho quân đội, diễn thuyết ở chợ Đức Hoà, lôi kéo được hàng trăm thanh niên xin nhập ngũ. Người ghi tên tòng quân đông đến nỗi chị phải cho rút thăm, ai trúng thì đi. Lúc ấy, lương thực của ta còn thiếu, súng đạn cũng ít, nhưng tất cả đều muốn xung trận. Nhiều thanh niên không trúng thăm, phải ở lại hậu phương cứ ôm mặt khóc như đàn trẻ con. Chị Mười Thập trong những ngày đầu Nam Bộ kháng chiến thường tả xung hữu đột, lặn lội cùng đồng chí lên tận Thủ Dầu Một mua được nhiều đạn của đồng bào mò dưới các suối, do Nhật đổ xuống trước lúc đầu hàng Đồng Minh. Đồng bào Thượng bán cho chị hàng trăm tên nỏ tẩm thuốc độc để cung cấp cho mặt trận của anh Huỳnh Văn Một ở "Vườn thơm". Khi mặt trận Chợ Đệm bị vỡ, cầu sập, cắt đứt giao thông giữa Sài Gòn và Mỹ Tho, chị vận động nhân dân ủng hộ ghe cho cán bộ, bộ đội đi lại.

Lúc bấy giờ, bên cạnh lo việc chiến đấu, còn có việc tổ chức đón anh em tù cộng sản ở Côn Đảo trở về. Tôi đón anh em ở Cần Thơ, cùng các đồng chí trong Xứ uỷ. Gặp nhau tay bắt mặt mừng, nước mắt giàn giụa, Anh em sau bao năm bị giam cầm, nay trở về với thân hình tiều tụy. Tuy vậy, ai nấy đều hăm hở xin nhận công tác ngay. Vì một nền độc lập, tự do của Tổ quốc đã không ngăn được bước tiến của mọi người. Một số đồng chí được bổ sung vào Xứ uỷ. Số đông chia nhau đi công

tác ở các tỉnh. Lực lượng hùng hậu này đã góp phần không nhỏ vào cuộc kháng chiến ở Nam bộ đang diễn ra ác liệt.

Những chiếc tàu chiến khổng lồ từ bên kia đại dương cứ ùn ùn kéo đến Nam Bộ. Lực lượng quân Pháp được sự giúp đỡ của Anh, Mỹ, từ Sài Gòn, chúng đánh ra các tỉnh Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Nhưng bị quân ta chặn đánh quyết liệt, chúng phải giam chân trong thành phố. Mặc dầu vậy, nhiệm vụ đối phó với địch không chỉ khoanh trong Sài Gòn, mà bắt đầu toả ra toàn Nam Bộ. Trước sự kiện nóng bỏng đó, tôi và anh Cao Hồng Lĩnh tạm thời phải xa nhau, mỗi người đi một số tỉnh giúp sức vào sự chỉ đạo chiến đấu của địa phương. Trước mắt, anh Lĩnh xuống Cần Thơ, Long Xuyên, Châu Đốc. Còn tôi về Tân An và bám sát vùng ven Sài Gòn. Hôm chia tay, anh Lĩnh và tôi đều ngậm ngùi. Anh bảo tôi: "Chiến sự diễn ra sẽ ngày càng ác liệt. Vận nước run rui, phận người khó lường, rất có thể chúng ta sẽ không gặp lại nhau nữa". Tôi cũng thấy như vậy. Nhưng cả hai chúng tôi đều tin tưởng ở ngày chiến thắng.

Về tới Tân An, tôi đánh điện báo cáo ngay với Bác và Trung ương về tình hình chiến sự ở Nam Bộ và nêu biện pháp trong đối sách của ta. Cùng lúc đó chúng tôi nhận được tân đại diện của quân Anh làm môi giới cho Pháp muốn gặp Ủy ban kháng chiến Nam Bộ xin điều đình, vì quân Pháp đang bị quân ta dồn vào thế quần bách, thiếu lương thực, thực phẩm, vũ khí. Tôi điện tiếp báo cáo với Bác để xin ý kiến. Bác trả lời có thể đàm phán với chúng. Có điều Bác dự đoán kết quả rất mong manh, nhưng còn nước còn tát. Chúng tôi cũng dự kiến đây chỉ là kế hoãn binh của Pháp. Chờ dịp, chúng lại quật lại ta. Vấn đề đặt ra là phải hết sức tỉnh táo. Nhận lời đàm phán, tôi, anh Phạm Văn Bạch và anh Phạm Ngọc Thạch lên đường vào Sài Gòn, hôm ấy vào ngày 1-10-1945. Chẳng may cho chúng tôi, xe vừa ra khỏi Tân An, một quả đạn của địch bắn trúng lốp xe, xe lật nhào, hất chúng tôi xuống ruộng. Chiếc mũ phớt của tôi văng ra xa, còn chiếc cặp bị rách nát. Tôi nằm mê man bên

bờ ruộng. Tỉnh dậy, sờ khắp người may sao không việc gì. Tôi nhìn sang bên thấy anh Bạch và anh Thạch đang lóp ngóp bò dậy. Cũng may cho chúng tôi là không ai bị thương. Nhân dân ở gần đây, thấy chúng tôi bị nạn, họ chạy ra lấy dầu cù là xoa bóp cho chúng tôi. Ngồi nghỉ một lát chúng tôi thuê chiếc xe khác để đi.

Cuộc đàm phán giữa chúng tôi với đại diện Anh và Pháp tại Sài Gòn diễn ra từ ngày 2-10-1945 đến ngày 10-10-1945. Chúng tôi đề nghị phía Anh, Pháp cần chấm dứt sự can thiệp vào Sài Gòn, Nam Bộ và toàn cõi Việt Nam, trả lại độc lập dân tộc cho nhân dân Việt Nam. Trước hết cần rút hết quân đội Anh, Pháp ra khỏi Sài Gòn và không được nong ra các tỉnh khác của Nam Bộ. Nếu phía Anh, Pháp thực hiện đúng những lời cam kết đó, chúng tôi sẽ cung cấp lương thực, thực phẩm, điện thắp sáng cho họ trong những ngày lưu lại ở Việt Nam. Những quân nhân Anh, Pháp bị bắt cũng sẽ được trao trả. Nhưng phía Anh rất ngoan cố. Chúng làm như ra lệnh cho chúng tôi phải cung cấp lương thực, thực phẩm và trả lại ánh điện cho chúng. Yêu cầu của chúng tôi đề ra, họ lờ đi không bàn, mà chỉ đòi những thứ phục vụ thiết thực cho sinh hoạt của chúng. Cuộc đàm phán không mang lại kết quả. Trong quá trình đàm phán, chúng tôi bàn bạc kỹ với các đồng chí bên quân sự chuẩn bị mọi mặt, tiếp tục chiến đấu, hạn chế sự tiến công của địch.

Sau cuộc đàm phán vô hiệu quả này, chúng tôi thấy cần xây dựng lực lượng kháng chiến ở nông thôn và duy trì cơ sở trong thành phố, tiếp tục chiến đấu lâu dài. Lúc này, địch đánh rất rát. Chúng càn quét rất dữ các vùng chung quanh Sài Gòn. Chúng tôi phải di chuyển cơ quan Ủy ban kháng chiến Nam Bộ về Đồng Tháp Mười.

Trong lòng Sài Gòn, tuy các cơ quan đầu não đã rút ra, nhưng từng tốp vũ trang vẫn liên tiếp đột nhập đánh địch ở trung tâm thành phố. Sân bay Tân Sơn Nhất bị quân ta uy hiếp. Tàu chiến Pháp cập bến Sài Gòn bị quân ta bắn cháy. Những chiến sĩ biệt động đi lũng những tên Việt gian để trừ khử. Lửa trong thành vẫn cháy. Tiếng súng trong thành vẫn nổ. Các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long hướng về Sài

Gòn, tiếp sức cho Sài Gòn. Trên các nẻo đường, những chiếc xe thổ mộ chở lương thực, thực phẩm về Sài Gòn cung cấp cho bộ chiến đấu. Một niềm vui xúc động mạnh trong lòng đồng bào Nam Bộ khi được tin những đơn vị Nam tiến từ Hà Nội, căn cứ địa Việt Bắc, các tỉnh Bắc Bộ và Trung Bộ đã hành quân đến mặt trận Sài Gòn, tiếp sức chiến đấu cho quân và dân Sài Gòn. Từ đây trong chiến hào Sài Gòn, ngoài quân địa phương còn có quân từ khắp các miền Tổ quốc. Bản anh hùng ca chiến trận vang lên tình đoàn kết của những người anh em con Lạc, cháu Hồng. Quân ta vẫn vây chặt quân địch trong thành phố cho tới cuối tháng 10-1945, khi chúng được tăng viện thêm trung đoàn bộ binh RICM với đầy đủ trang bị, rồi những đơn vị pháo binh Anh yểm trợ, quân Pháp mới phá được vòng vây, đánh nống ra các tỉnh quanh Sài Gòn. Như vậy, suýt hơn một tháng trời, kể từ khi quân Anh, Pháp đánh Sài Gòn, bước đầu làm thất bại âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của chúng. Trong thời gian ngắn ngủi ấy, chúng ta đã gấp rút sửa soạn chiến đấu và làm tốt công tác sơ tán.

Khi quân Anh, Pháp bắt đầu đánh nống ra ngoài Sài Gòn, cuộc kháng chiến ở Nam Bộ chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn chiến đấu trên toàn chiến trường miền Nam. Một trong những nhiệm vụ khẩn cấp lúc này là phải củng cố và phát triển gấp các lực lượng vũ trang. Chủ trương này dẫn tới Hội nghị Xứ uỷ mở rộng họp tại Thiên Hộ, huyện Cái Bê tỉnh Mỹ Tho, ngày 25-10-1945. Ngoài các đồng chí trong Xứ uỷ, dự hội nghị còn có các anh Lê Duẩn, Tôn Đức Thắng, đại biểu các Đảng bộ tỉnh, thành của Nam Bộ. Thay mặt Thường vụ Trung ương Đảng tôi tham gia công việc lãnh đạo hội nghị. Hội nghị nhận định các tổ chức cơ sở Đảng được củng cố một bước. Các đảng viên cộng sản trong nhóm "Tiền phong" và nhóm "Giải phóng" đã họp nhất từ tháng 8-1945 lập ra Xứ uỷ lâm thời Nam Bộ, tạo thành sức mạnh bên trong hết sức quan trọng, góp phần làm nên thắng lợi trong Tổng khởi nghĩa Tháng Tám. Các tổ chức đoàn thể quần chúng bước đầu được củng cố,

quy về một mối. Song đối với các lực lượng vũ trang còn nhiều phức tạp. Chúng ta biết rằng, để chuẩn bị cho cuộc nổi dậy trong Cách mạng tháng Tám, các địa phương ở Nam Bộ đều chủ động phát triển các đoàn thể cứu quốc, thành lập lực lượng vũ trang. Dân quân du kích và tự vệ phát triển mạnh. Riêng Sài Gòn, đến tháng 10-1945 đã có 800 đội tự vệ với 15.000 chiến sĩ. Lực lượng du kích và tự vệ chủ động mua sắm vũ khí tự trang bị, dần dần một số đơn vị phát triển thành bộ đội chủ lực. Nhưng tình hình Nam Bộ lúc này khá phức tạp. Nhiều người nhân việc nổi dậy của nhân dân đã tổ chức ra những đơn vị vũ trang theo lối "tự phát". Những lực lượng vũ trang ấy ngày một lớn dần. Ủy ban nhân dân Nam Bộ đứng trước một tình thế khó xử, đã công nhận những lực lượng này, biên chế thành "Đệ nhị, Đệ tam, Đệ tứ sư đoàn". Đệ nhị sư đoàn vốn là tổ chức do bọn Đại Việt tay sai cũ Nhật tập hợp lại được bổ sung thêm một số thanh niên, tất cả khoảng 1.000 người. Đệ tam sư đoàn vốn là đám tàn quân trong "thanh niên phòng vệ đoàn", một tổ chức thanh niên vũ trang tay sai của Nhật có bổ sung thêm đưa quân số lên 500 người. Đệ tứ sư đoàn là một tổ chức hỗn độn do những viên chức cũ, lính ngụy cũ của Nhật, những tên tởrốtkit, các phần tử giáo phái cùng một số phần tử phản động khác lập ra, tất cả khoảng 1.000 người. Khi Nam Bộ chuẩn bị kháng chiến, có những đơn vị Bảo an binh, một tổ chức vũ trang tay sai gồm toàn binh lính người Việt Nam do đế quốc chỉ huy nhằm bảo vệ chính quyền thực dân chống lại nhân dân. Lực lượng này được phép tổ chức không chỉ ở Nam Bộ mà còn ở Bắc Bộ và Trung Bộ. Bắc Bộ và Trung Bộ là những đơn vị lính khổ xanh (garde indigène, garde indochinoise). Miền núi gọi là bọn lính đồng (garde montagnarde). Nam Bộ gọi là lính thủ hộ (garde civile). Khi Nhật đảo chính Pháp, Nhật chuyển những đơn vị này từ công cụ của Pháp chuyển sang làm ngụy quân cho Nhật. Khi Nhật bị cách mạng quật đổ, những tổ chức này có một số đơn vị tan rã, một số xin theo ta. Tại Nam Bộ, trên cơ sở những đơn vị Bảo an binh, ta đã bổ sung thêm một số công nhân, thanh niên lập ra những Cộng hòa vệ binh. Tỉnh nào cũng có một, hai đại đội

hoặc đông thì một tiểu đoàn Cộng hoà vệ binh. Riêng Sài Gòn lập ra Đệ nhất sư đoàn, tập hợp ba đơn vị Bảo an binh là lữ đoàn cơ động Chí Hoà (brigade mobile Chí Hoà), lữ đoàn cơ động Gia Định (brigade mobile Gia Định) và lữ đoàn trợ giúp (brigade auxiliaire). Ba đơn vị được bổ sung những công nhân, thanh niên cốt cán, tất cả khoảng một vạn người. Trong số những người vốn là Bảo an binh, rồi Đệ nhất, Đệ nhị, Đệ tam, Đệ tứ sư đoàn, nhiều người gắn bó với cách mạng suốt đời. Nhưng cũng không ít người giữa đường đứt gánh. Một số người trong Đệ nhất, Đệ nhị, Đệ tam, Đệ tứ sư đoàn chưa đánh đã chạy. Ngoài những lực lượng vũ trang trên, còn có lực lượng vũ trang Bình Xuyên thành lập trong những ngày đầu giành chính quyền, gồm những "anh hùng hảo hán" trong giới giang hồ ở Sài Gòn - Chợ Lớn. Khi cách mạng nổ ra, một số người đứng đầu tổ chức, giác ngộ, đem lực lượng của mình theo Việt Minh, chịu sự lãnh đạo của Chính phủ lâm thời do Bác làm Chủ tịch. Trải qua quá trình đấu tranh cách mạng, nhiều người trở thành những cán bộ, chiến sĩ ưu tú. Tuy vậy, trong hàng ngũ của họ rất phức tạp. Không ít người vẫn sống trong cảnh "dọc ngang nào biết trên đầu có ai", buông thả khôn cùng trong quân ngũ. Một số người rời bỏ kháng chiến "dinh tề". Trong số những vị chỉ huy bộ đội Bình Xuyên phải kể đến Tám Mạnh, một người có tư cách và khả năng tập hợp bộ đội của mình đi theo kháng chiến. Bên cạnh Tám Mạnh là Ba Dương (Dương Văn Dưỡng), một người có năng lực tổ chức. Trông bề ngoài, Ba Dương là một con người nhỏ bé, dáng nho nhã, có vẻ "quan văn", nhưng kỳ thực lại là tay "võ tướng", có uy tín lớn trong bộ đội Bình Xuyên. Nơi dòng quân của bộ đội Bình Xuyên thường không ở trên cạn, mà trên các dòng sông, lạch, đi lại bằng thuyền, qua nhiều góc ngách, gần giống như bản doanh của các anh hùng Lương Sơn Bạc. Ngoài bộ đội Bình Xuyên, còn có các lực lượng vũ trang Cao Đài, Hòa Hảo... những "sư đoàn", "lữ đoàn" tự phong liên tiếp dựng lên các căn cứ ở rừng núi và đồng bằng. Tính chất phức tạp của các lực lượng vũ trang Nam Bộ đã gây không ít

những khó khăn cho ta. Nói chung lại, Xứ uỷ lúc đầu mới chỉ nắm chắc được lực lượng vũ trang của công đoàn Nam Bộ, những đơn vị quân giải phóng liên quan Hóc Môn, Bà Điểm - Đức Hoà trong nhóm "Giải phóng" và một số đơn vị vũ trang ở địa phương do các tỉnh trực tiếp tổ chức ra.

Do chưa quy về một mối thống nhất cho nên xảy ra tình trạng tranh chấp nơi đóng quân, tranh chấp giữa quân sự với cơ quan chính quyền gay gắt tới mức có địa phương đem quân vây bắt người của nhau, sát phạt nhau, dùng phương tiện thông tin công kích nhau, ai cũng cho mình là phải.

Đứng trước sự đa dạng và phức tạp của các lực lượng vũ trang Nam Bộ, Hội nghị Thiên Hộ đã thảo luận và xác định một nguyên tắc cơ bản là cần chấn chỉnh ngay các đơn vị, tăng cường những cán bộ trung kiên vào các cương vị chỉ huy, nhất là phải đặt nó dưới sự lãnh đạo của Đảng. Vì vậy, có thể nói, Hội nghị Thiên Hộ đánh dấu mốc lịch sử trong việc củng cố lực lượng vũ trang Nam Bộ.

Sẽ không đầy đủ nếu nhìn Nam Bộ trong những ngày đầu kháng chiến thuần túy quân sự mà bỏ qua vấn đề chính trị. Phải nói rằng, về mặt chính trị, quần chúng Nam Bộ rất cách mạng. Giai cấp công nhân thực sự đi đầu chống ngoại xâm. Giai cấp nông dân tỏ rõ lòng trung kiên với nước xông vào trận không một chút chần chừ tỏ rõ lực lượng cách mạng hùng hậu, kề vai sát cánh cùng giai cấp công nhân chiến đấu. Bản hợp xướng cách mạng còn có thêm nhân dân lao động, thanh niên, phụ nữ, bô lão, thiếu niên. Trong tiếng súng nơi sa trường còn có tiếng mõ của người tụng kinh và tiếng chuông nhà thờ rung. Nói như vậy không có nghĩa mọi việc đều êm đềm trong hoàn cảnh Nam Bộ có nhiều đảng phái, đoàn thể, nhiều dân tộc, tôn giáo... Thiên chúa giáo, Phật giáo, Tin lành, Cao Đài, Hòa Hảo, Tịnh Độ cư sĩ, Hiếu Nghĩa, Từ Ân..., đều có những thuyết phép làm mê hoặc lòng người, án ngữ tâm hồn, rút phép thông công, ngăn trở ít nhiều những bước tiến cách mạng. Giai cấp tư sản, địa chủ tìm mọi cách không chế thành thị và nông thôn, chống lại

chương trình Việt Minh. Bọn Việt gian bám chân Nhật, nay quay sang bám môn Pháp, ngoe nguẩy chiếc đuôi nịnh nọt chủ mới, lập công bằng việc làm chỉ điểm, bắt giết cán bộ ta. Điều đáng phải suy nghĩ là đội tiên phong Nam Bộ, những người cộng sản chưa thật cố kết cùng nhau, làm giảm sức chiến đấu của Đảng. Tất cả đều phải củng cố. Tôi tập hợp tình hình báo cáo lên Bác và Trung ương. Trong lúc chờ chỉ thị mới, chúng tôi cùng Xứ ủy, Ủy ban kháng chiến Nam Bộ, phân công nhau đi củng cố từng mặt, từng đoàn thể, củng cố quân đội, chính quyền, đảng, việc nào cũng quan trọng và gấp gáp. Lúc này, đại biểu của Trung ương tại Nam Bộ vẫn chỉ có tôi và anh Cao Hồng Lĩnh. Tôi lo việc chính trị, đảng, các đoàn thể, còn anh Lĩnh lo việc củng cố các lực lượng vũ trang. Dù sao những kiến của hai chúng tôi chỉ là đóng góp nhỏ. Cái quyết định thắng lợi vẫn là Xứ ủy, Ủy ban kháng chiến, những cán bộ chủ chốt kiên trung, nhưng quyết định nhất vẫn là quân và dân Nam Bộ tràn đầy tinh thần yêu nước. Anh Lĩnh dạo này bị ốm. Những cơn sốt làm khuôn mặt anh nhợt nhạt. Tôi khuyên anh nghỉ ít bữa cho khoẻ rồi hãy hoạt động. Anh không chịu nghỉ, cùng với anh Nguyễn Văn Tây (Thanh Sơn) và một số anh ở Côn Đảo về, trong đó có anh Phan Trọng Tuệ, bàn việc lập các căn cứ chống Pháp. Đã có lần anh theo đường dây do anh Huỳnh Văn Tiêng thiết kế, đột nhập Sài Gòn, tổ chức mạng lưới tình báo. Được ít lâu sau, Bác và Trung ương cử thêm anh Lê Văn Hiến vào kiểm tra lực lượng vũ trang Bình Xuyên. Vào đến nơi, anh làm việc ngay với các thủ lĩnh Bình Xuyên như Ba Dương, Tám Mạnh... Thay mặt Chính phủ, anh đọc thư của Bác và Bộ trưởng Võ Nguyên Giáp, tuyên bố công nhận bộ đội Bình Xuyên trở thành một trong những đơn vị quân đội quốc gia Việt Nam. Anh Ba Dương thay mặt bộ đội Bình Xuyên tỏ lòng trung thành với Chính phủ Hồ Chí Minh. Các anh ao ước có ngày được gặp nhau trong lòng Hà Nội. Bộ đội Bình Xuyên lúc này được trang bị tương đối tốt, ngoài súng bộ binh thông thường, còn có súng phòng không, pháo binh. Hàng ngũ chỉnh tề, ăn mặc đồng phục thể hiện sự trưởng thành nhanh chóng "tự túc tự cấp" của bộ đội Bình Xuyên.

Sau khi nhận được báo cáo của chúng tôi về tình hình Nam Bộ, Bắc và Trung ương họp nhận định tình hình chung trong cả nước và ra chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc”. Chỉ thị vạch ra nhiệm vụ chiến lược kiên trì kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp. Chỉ thị dành một phần nói về nhiệm vụ của Nam Bộ và Nam Trung Bộ là cắt đứt liên lạc giữa các thành phố đó về kinh tế, bao vây về chính trị, làm rối loạn về quân sự. Chỉ thị nêu rằng phải áp dụng chiến tranh du kích đến triệt để, vận động nhân dân thành thị bất hợp tác với địch và thực hiện "nhà không đồng vắng" khi địch tràn về thôn quê. Điều cốt yếu là giữ vững liên lạc giữa các chiến khu để thống nhất chỉ huy, chọn địa điểm chiến lược lợi hại để đóng quân, tiến có thể đánh, lùi có thể giữ, kế hoạch tiến, thoái đều phải tính toán kỹ. Như vậy, chỉ thị đã vạch ra những nét cơ bản về bức tranh kháng chiến ở Nam Bộ. Điều này chứng tỏ Bắc và Trung ương tuy ở xa Nam Bộ, nhưng rất sáng suốt trong việc định hướng cho cuộc chiến đấu lâu dài trên mảnh đất "Thành đồng Tổ quốc". Chúng tôi nhận được Chỉ thị này trong lúc các đơn vị vũ trang của Đệ nhị, Đệ tam, Đệ tứ sư đoàn đang có sự phân hoá sâu sắc. Nhiều người trong binh sĩ cũ không chịu nổi gian khổ, đầu hàng địch, phản bội nhân dân. Những phần tử kiên quyết kháng chiến tập hợp lại thành lực lượng vũ trang mới. Qua việc "bỏ tạp lấy tinh" này, lực lượng vũ trang cách mạng Nam Bộ trưởng thành một bước, Đệ nhất sư đoàn cũng bị phân hoá. Những bọn đầu hàng chạy về Sài Gòn bám chân Pháp. Bộ phận còn lại rút về Bến Tre củng cố lực lượng. Nhờ cấp uỷ đảng địa phương chăm sóc và giúp đỡ cho nên lực lượng phát triển nhanh chóng.

Từ Hà Nội, Bắc và Trung ương nhận thấy việc củng cố chính quyền cách mạng Nam Bộ lúc này là tối cần thiết. Điện báo nói rõ chủ trương này sẽ góp phần củng cố thêm một bước tổ chức chính quyền ở Nam Bộ, Tháng 11-1945 chúng tôi nhận được Chỉ thị của Trung ương giải thể Uỷ ban kháng chiến Nam Bộ, lập ra Uỷ ban kháng chiến miền Nam bao gồm cả cực Nam Trung Bộ, chia ra các quân khu 6, 7,

8, 9. Trung ương tạm thời chỉ định các anh tham gia Ủy ban kháng chiến miền Nam: Hồng Lĩnh, Huỳnh Văn Trung, Trần Ngọc Danh, và Tôn Đức Thắng. Trung ương quyết định lấy Buôn Ma Thuật làm căn cứ địa cho cuộc kháng chiến miền Nam. Như vậy, phạm vi chỉ đạo của Xứ ủy lúc này càng rộng lớn, bao quát, nó nói lên tầm vóc của cuộc kháng chiến lâu dài và gian khổ. Thực hiện Chỉ thị của Trung ương, cuối tháng 11-1945 các quân khu lần lượt ra đời. Bộ máy nhanh chóng được sắp xếp, cán bộ được tăng cường.

Mặc dù ta đã hết sức củng cố quân đội, ổn định tổ chức, song tình hình vẫn rất căng thẳng. Địch tiếp tục tăng quân. Tiểu đoàn 2 thuộc trung đoàn kỵ binh thiết giáp số 9 được sự che chở của quân Anh đổ bộ vào Gò Vấp, Gia Định, đánh chiếm Tây Ninh, Hớn Quản, Lộc Ninh, Bù Đốp của miền Đông Nam Bộ. Trên hướng tây nam, địch đánh Mỹ Tho, Gò Công bằng xe thiết giáp và tàu chiến. Tiếp đó, bộ binh quân viễn chinh đánh chiếm Vĩnh Long, Cần Thơ khai thông đường qua sông Tiền, sông Hậu tiến đánh Campuchia. Trên hai trận tuyến, một bên là quân đội cách mạng, một bên là đội quân hỗn hợp (gồm lính Pháp, lính Anh, lính Nhật) chống chọi nhau rất ác liệt. Có lần tôi đang họp ở Giồng Riềng, địch đánh tới bất ngờ, phải chạy lủi vào làng mạc, trú nhờ nhà dân, rồi phải lội xuống hồ ao, đội bèo lên, ngâm nước hàng giờ, vừa đói vừa lạnh. Anh Lĩnh chạy ngược chạy xuôi dưới làn bom đạn tới kiểm tra các trận địa chiến đấu. Mỗi lần hoạn nạn, chúng tôi lại tự động viên nhau, nghĩ rằng có cuộc chiến đấu nào mà không đổ máu, gian khổ.

Quân ta kháng cự rất mạnh. Song địch vẫn không chịu lùi. Chúng tiếp tục tăng quân và đôn quân Tháng 12-1945, hạm đội Mỹ đưa vào Sài Gòn gần 5000 tên lính tiếp tục mở rộng chiến tranh. Có quân đông, địch đánh tràn xuống Sa Đéc, Long Xuyên, Trà Vinh, Sóc Trăng, Châu Đốc, Rạch Giá, Hà Tiên và cả Cà Mau nữa. Như vậy, mảnh đất cực Nam của Tổ quốc, địch đã chiếm được từ tháng 1-1946. Những chiếc máy bay phóng pháo chao đảo dưới bầu trời, ném xuống hàng tấn

bom, giết hại dân lành. Trên mặt đất, tiếng súng nổ cùng tiếng xe tăng gầm rú, làm cho không khí chiến tranh ngày càng căng thẳng. Ngày 22-1-1946, địch huy động một lực lượng lớn gồm hàng nghìn quân có xe tăng, thiết giáp, máy bay yểm trợ tiến đánh căn cứ Tân Uyên nhằm tiêu diệt lực lượng vũ trang của ta ở đó. Trận này bị quân ta phục kích đánh trả quyết liệt, buộc chúng ta phải bỏ dở cuộc hành quân. Nhân đà thắng lợi đó, ta chủ trương đánh tiếp một số trận để gây thanh thế và rút kinh nghiệm. Song vì vũ khí có hạn, những trận chiến đấu thắng lợi chưa được giòn giã. Trước thế mạnh của địch, một số cán bộ và chiến sĩ có phần dao động. Các anh Đàm Minh Viễn, Trịnh Ngọc Hiền, Dương Bạch Mai... thay mặt chính quyền và quân đội họp Hội nghị liên tịch tại Bà Rịa vào ngày 20-1-1946 bàn vấn đề quân luật và việc lập toà án quân sự liên tỉnh để xét xử những người bỏ ngũ vào cuối tháng 1 đầu tháng 2-1946, Ban chỉ huy khu 8 và khu 9 mở hội nghị tại Rạch Giá bàn biện pháp cầm cự với địch. Hội nghị nảy ra hai ý kiến khác nhau: bám trụ hay rút ra Nam Trung Bộ, chờ thời cơ, xây dựng lực lượng tiếp tục kháng chiến lâu dài. Thực hiện phương án 2, phần lớn bộ đội khu 8 rút ra cực Nam Trung Bộ. Lợi dụng ta rút lui, địch lấn tới, chiếm thêm được nhiều vùng thuộc khu 8, trong khi đó, bộ đội khu 9 chạy về lập căn cứ ở U Minh.

Lúc này địch chiếm thêm được Nha Trang. Sau đó, từ miền Đông Nam Bộ, chúng đánh lên Tây Nguyên, chiếm thị xã Buôn Ma Thuột, Di Linh, Đà Lạt, và từ Đà Lạt, chiếm Phan Rang, Phan Thiết... Sức mạnh về quân sự của địch trong lúc ban đầu buộc ta phải chiến đấu lâu dài. Cho tới tháng 8-1946, cuộc kháng chiến của quân và dân ta ở Nam Bộ vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

Sau khi giành được thế mạnh về quân sự, quân Anh rút về nước và trao toàn quyền chiến đấu cho quân Pháp. Sau khi quân Anh rút, vũ khí của anh, Mỹ tiếp tục đổ vào trang bị cho quân Pháp. Quân Pháp củng cố được lực lượng quân đội, chúng lấn sâu thêm một bước lập Chính phủ bù nhìn nhằm làm chỗ dựa cho quân viễn

chinh. Chúng đưa ra sân khấu chính trị một hội đồng tư vấn bù nhìn gồm 80 người song song với việc lập ra cái gọi là “Chính phủ Nam Kỳ quốc” với những trùm sò như Nguyễn Văn Thịnh, Nguyễn Tấn Cương, Lê Văn Ty, Nguyễn Văn Xuân, Nguyễn Văn Tâm... Khi chúng tung ra con bài bù nhìn này, tôi khẩn trương báo cáo về Hà Nội. Ít ngày sau có Chỉ thị của Bác và Trung ương cần xúc tiến tổng tuyển cử ở Nam Bộ. Thực hiện Chỉ thị, Nam Bộ tổ chức bỏ phiếu vào ngày 6-1-1946. Chúng tôi báo cáo về trung ương: Nam Bộ đã bầu trước khi nhận được Chỉ thị mới. Trung ương đồng ý cho Nam Bộ không phải bầu lại. Trong ngày bầu cử thành phố Sài Gòn-Chợ Lớn đã có 37 anh em làm nhiệm vụ bảo vệ hòm phiếu, đã hy sinh anh dũng. Trong đó có anh Nguyễn Văn Từ (tức Tư Ca rê), một cán bộ trẻ tuổi tràn đầy lòng yêu nước. Hôm bầu cử, bọn địch phá mạnh. Trên trời máy bay bắn xuống khu vực hòm phiếu. Dưới đất, kẻ thù nấp bắn lên vào các cử tri gây không khí căng thẳng. Nhưng cán bộ trong ban bầu cử tìm hết cách như chèo thuyền qua kênh rạch mang hòm phiếu đến tận xóm làng, từng gia đình để cử tri bỏ phiếu cho tiện. Nhiều người băng dưới làn đạn làm nhiệm vụ công dân. Cuộc bầu cử thu được kết quả. Nhiều cán bộ cốt cán lãnh đạo phong trào kháng chiến Nam Bộ như Tôn Đức Thắng, Nguyễn Thị Thập..., trúng cử với số phiếu cao. Những nhân sĩ trí thức như anh Phạm Văn Bạch... trúng cử trong niềm tự hào của giới mình. Thật là một cuộc bầu cử có một không hai trong lịch sử. Thú thật, trước lúc bầu cử ai cũng thấy lo, nhưng sau khi bầu cử đạt kết quả tất thấy nhẹ cả người. Trong những ngày chuẩn bị cho cuộc bầu cử, tôi thường ở quanh vùng Sài Gòn, cũng có lúc đột nhập thành phố, lại có lúc xuống Bến Tre để kiểm tra công việc. Sau khi bầu cử, từ Bến Tre, tôi đi Bà Rịa, và từ Bà Rịa đi nhiều nơi khác ở "lục tỉnh" để kiểm tra tình hình chiến sự, cuối cùng, lại trở về Bà Rịa.

Vào cuối ngày cuối tháng 1-1946, tôi vừa ở Long An tới Bà Rịa, may mắn làm sao được gặp các anh Lê Văn Hiến, Cao Hồng Lĩnh và Huỳnh Văn Tiểng từ nhiều ngả

đường cùng vừa tới đó. Chúng tôi ôm ghì lấy nhau trong niềm xúc động khôn tả. Trong chiến tranh, sống chết bất ngờ, nhiều khi nằm trong tầm tay. Vậy mà vận nước run rủi, lòng trời chí nhân, chúng ta lại được đoàn tụ giữa nơi chiến địa này thật là lý thú. Chúng tôi tranh thủ họp nhận định tình hình và soát xét toàn bộ kế hoạch tác chiến ở miền Nam để còn có cứ liệu báo cáo với Bác và Trung ương. Chúng tôi còn bàn định một kế hoạch xây dựng các phòng tuyến mới ở miền Nam làm căn cơ chiến đấu lâu dài. Bàn luận xong, chúng tôi đi Phước Hải để tới miền Tây khảo sát thực địa. Nhưng những ngày ở Phước Hải lại nhận được điện của anh Võ Nguyên Giáp báo rằng: Bác và Trung ương yêu cầu chúng tôi phải ra Bắc ngay. Lúc này anh Văn đang ở Khánh Hoà. Anh cho biết, Bác và Trung ương phái anh vào Nam công tác một chuyến ngắn ngày để kiểm tra tình hình kháng chiến và truyền đạt quyết tâm lớn của Trung ương lãnh đạo toàn dân kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng. Đến Khánh Hoà, anh nhận được điện của Bác gọi quay ra. Sau khi tiếp điện của anh Văn, chúng tôi hội ý chớp nhoáng nhất trí cùng ra Bắc một thể. Tôi tranh thủ đi gặp các đồng chí trong Xứ uỷ để trao đổi những việc cần làm nhằm góp phần xây dựng Đảng bộ Nam Bộ vững mạnh, tạo cơ sở thúc đẩy cuộc kháng chiến tiến triển. Anh Lê Văn Hiến tìm gặp anh Dương Bạch Mai báo tin ngày ra Bắc, Anh Cao Hồng Lĩnh gặp anh Thanh Sơn trao đổi một số vấn đề quân sự và bàn phương án mở đường thông từ Nam ra Bắc. Chia tay các anh trong lửa chiến chinh làm cho lòng người tránh sao khỏi nỗi xốn xang. Kê ở người đi, chia tay để rồi hẹn ngày gặp lại.

Ngày 27-1-1946, chúng tôi rời Bà Rịa. Lúc này bên quân sự đang có mấy con voi. Các anh cho mượn hai con cùng hai người quản tượng chở giúp qua rừng Cu My đến La Gi, đoạn đường rất khó đi. Tôi và anh Hiến ngồi trên một con voi còn con voi thứ hai do anh Lĩnh, anh Tiêng ngồi. Do tài điều khiển của người quản tượng, dù đường sá gập ghềnh, qua đèo, qua suối, voi vẫn chậm rãi bước bình thường.

Qua làng bản, dân làng thấy voi, chạy ra xem. Trẻ em hoan hô voi. Người lớn cho voi ăn mía, ăn cây chuối. Lại có người đưa con nhỏ luồn dưới bụng voi. Hỏi ra mới hay đây là phong tục địa phương cho rằng trẻ con mới đẻ đã luồn qua dưới bụng voi hy vọng sau này đứa trẻ sẽ thành tráng sĩ. Trời tối mịt mà vẫn chưa đến được La Gi. Trước mặt là bãi đầm lầy, voi không đi được khi trên lưng có người ngồi. Chúng tôi xuống voi để đi bộ. Đêm tối mịt mùng, vất vả làm sao. Đôi chân "tập tễnh" của tôi bước đi trong đêm khó khăn quá. Điều lo ngại nhất đối với chúng tôi là khi biết có nguy cơ lạc đường. Như đoán được mối lo của chúng tôi, người quản tượng động viên: "Các ông đừng ngại, voi rất giỏi tìm đường". Quả đúng vậy, cứ thế lần lần mà ra đường mòn. Voi đưa chúng tôi đến La Gi vào lúc đêm khuya. Ủy ban và Mặt trận Việt Minh huyện bố trí cho chúng tôi nghỉ tại cơ quan. Sáng hôm sau, khi đoàn chuẩn bị xuất phát, bỗng có một chiếc máy bay Pháp từ phía Sài Gòn lao tới bắn xối xả xuống thị xã La Gi. Một quả bom nổ gần chỗ chúng tôi, may sao không ai việc gì. Trận oanh tạc ấy làm một số người dân chết và bị thương. Chúng tôi phải ở lại La Gi, vì được biết ở Phan Thiết đang có động. Ngày 29-1-1946, chúng tôi tạm biệt những người quản tượng và hai con voi để đi bộ ra Phan Thiết. Khi chúng tôi giơ tay vẫy chào hai chú voi, thấy hai cái vòi cứ héch héch lên như muốn chào lại chúng tôi và đôi mắt voi hơi nhắm lại. Nghĩ đến câu nói của người xưa: "Voi là giống vật thông minh" sao mà đúng vậy.

Một ngày đi bộ ròng rã, trời tối mịt chúng tôi mới tới Phan Thiết. Từ Phan Thiết, thuê xe đi Cà Ná vào ngày 30-1-1946. Quanh quẩn ở khu vực nhà ga mãi vẫn không tìm được hiệu ăn vì nhân dân đã sơ tán. Mặc dù trời đã về chiều, vẫn phải có thuê xe ngựa đi Phú Quý và từ Phú Quý đi tiếp đến Phan Rang. Khi gần tới Phan Rang, hỏi thăm nhân dân cho biết Pháp đang lùng sục dữ lắm. Chúng tôi quyết định không đến Phan Rang nữa mà đi thẳng đến Dương Canh. Đến Dương Canh thấy tình hình có phần xáo động, chúng tôi không dám dừng lại lâu mà men theo

đường rừng đến Ba Râu. Đến Ba Râu, trời vừa tối. Chúng tôi tìm vào nhà dân xin ngủ nhờ. Thấy chúng tôi có vũ khí, dân có phần nghi ngại, chối từ. Gõ cửa mấy nhà, không có nhà nào cho bước vào ngõ. Đường xa, trời tối, bụng đói, chân rớm máu, chúng tôi không thể đi tiếp. Trong lúc còn đang suy tính về chỗ ăn nghỉ, bỗng anh Hiến nói rằng ở vùng này anh có quen một người làm ở phòng cảnh sát giao thông. Đến phòng cảnh sát giao thông may sao, anh Hiến gặp được người quen. Thế là chúng tôi có chỗ ăn nghỉ.

Từ Ba Râu, chúng tôi tới sông Bang vào chiều 1-2-1946. Tại đây, Chúng tôi được một đơn vị quân đội đón tiếp chu đáo. Đến đêm, tự nhiên nghe tiếng nổ ì ùng, mới sực tỉnh nhớ Tết Nguyên Đán đã đến, nhân dân đốt pháo đón giao thừa. Nghe tiếng pháo nổ, tôi nhớ đến Bác, đến các anh đang ở Hà Nội, nhớ đồng bào Thủ đô và đoán rằng chắc Hà Nội năm nay ăn tết không vui vì bọn Tàu Tưởng quấy nhiễu. Mãi sau khi về tới Hà Nội, tôi mới được anh Nguyễn Lương Bằng cho biết trong hoàn cảnh khó khăn của đất nước, Tết Bính Tuất 1946, Bác vẫn ung dung cùng đồng bào đi đón giao thừa ở đền Ngọc Sơn bên hồ Gươm. Trước tết, Bác gửi thư chúc mừng năm mới tới đồng bào và chiến sĩ cả nước, trong thư, Bác tỏ niềm hy vọng vào thắng lợi cuối cùng:

Bao giờ kháng chiến thành công,

Chúng ta cùng uống một chung rượu đào.

Tết này ta tạm xa nhau

Chắc rằng ta sẽ Tết sau sum vầy.

Nhìn cảnh các gia đình sum vầy ăn Tết, tôi không khỏi nhớ đến gia đình. Suốt từ năm 1926, khi dấn thân vào cuộc đời cách mạng cho tới lúc này, tôi chưa một lần được ăn Tết cùng gia đình. Những năm hoạt động bí mật, mỗi lần Tết đến tôi rất muốn "lén" về nhà thắp nén hương cúng tổ tiên và vui cùng gia đình. Khôn nổi,

bọn mật thám biết rõ người cách mạng thường trốn về thăm nhà trong ngày giỗ Tết, nên chúng đặt "bẫy chuột". Nhiều đồng chí chưa kịp bước chân vào nhà đã bị bắt, trói gọn mang đi. Rút kinh nghiệm này, nhiều đồng chí không dám về ăn Tết mà chỉ thương vụng nhớ thầm. Tôi đã có lần chứng kiến anh Lương Khánh Thiện khi đón giao thừa cứ ôm ghì lấy tôi mà rơi lệ. Anh thương vợ nhớ con đến da diết, nhưng biết chia sẻ cùng ai ngoài đồng đội của mình. Giờ đây, Tết đến giữa lúc luôn rừng lách núi, đói khát khôn cùng, tự nhiên thức dậy trong lòng niềm nhớ thương người yêu, người đồng chí cùng chung chiến hào. Tôi và Khuất Thị Bảy yêu nhau trong những ngày đầu xây dựng An toàn khu. Một người con gái thuần khiết của làng Thuần Mỹ, huyện Tùng Thiện, tỉnh Sơn Tây, sớm giác ngộ cách mạng và gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương từ năm 1941, đã gặp tôi trong lúc tôi len lỏi giữa nơi xóm làng để gây dựng cơ sở. Có lần chúng tôi bị địch đuổi phải chạy giạt vào ngôi chùa Mai Sơn thuộc huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Vào tới nơi, được người giữ chùa cho mượn luôn hai bộ quần áo nâu sồng, đội mũ nhà Phật ngồi tụng kinh gõ mõ. Bọn mật thám Tây, ta rượt tới, lùng sục trong chùa, không thấy ai ngoài các "nhà sư", chúng đành quay vào làng tìm kiếm. Trong giờ phút nguy nan đó, chúng tôi quyết định đính hôn. Khi Cách mạng tháng Tám sắp nổ ra, chúng tôi định tổ chức lễ cưới tại thôn Trung Mầu thuộc tỉnh Bắc Ninh. Nhưng vì cả hai chưa kịp báo cáo với hai gia đình, đành tạm hoãn chờ ngày nước nhà độc lập...

Rời sông Bang vào lúc giáp trưa ngày mùng một Tết để đến Suối Cát. Từ Suối Cát, men theo đường xe lửa đến Hoà Tân. Trên đường đi, nhân dân chạy giặc rất đông. Họ theo sau chúng tôi ra các tỉnh miền Trung, miền Bắc. Đến Hoà Tân đã là ngày mùng ba Tết. Nơi đây, diễn ra một trận đánh ác liệt giữa quân ta với quân Pháp có xe tăng yểm trợ. Chúng tôi đều có súng trên người cho nên muốn "nhập trận" cùng quân ta. Nhưng các đồng chí bộ đội muốn bảo vệ cán bộ, nhất quyết không đồng ý

cho chúng tôi tham chiến. Một đồng chí đưa chúng tôi cùng đồng bào tránh sâu trong rừng. Vừa đi vừa nghe tiếng đạn đùm đùm, cắc cắc, có lúc tưởng như quân Pháp đang bắn đuổi đằng sau. Trong lúc nhón nháo, mỗi người chạy tản ra mỗi nơi. Tiếng đạn nổ, rồi tiếng kêu thét làm át cả tiếng gọi nhau. Trong đêm tối mịt mùng không biết đâu mà tìm đến nhau. Chân tôi vốn đã yếu, đi bộ nhiều ngày bị sưng tấy lên, vì thế luôn luôn "tụt hậu". Cả đêm hôm ấy tôi bị lạc bơ vơ trong rừng, gặp đồng bào tản cư, nhưng lại không gặp ai trong đoàn. Tờ mờ sáng hôm sau, tôi quyết định đi tìm cho bằng được anh em, vì nghĩ rằng chắc anh em cũng đang đi tìm mình. Vì có sự giao hẹn trước, cả hai phía đều cất tiếng kêu "hú... h...ú", nhờ đó mà lần lần gặp lại nhau. Điều vui sướng nhất là tất cả anh em trong đoàn đều không ai việc gì. Vì quân địch vẫn đang chốt tại ga Hoà Tân, nên chúng tôi không thể ở đây lâu, phải nhanh chóng về Suối Dầu, tranh thủ lên Đồng Tranh. Đến Đồng Tranh, tình hình càng nghiêm trọng. Địch đang ào ào tiến quân về đây sau khi chiếm được Hoà Tân. Vì vậy, chúng tôi phải nhanh chóng rời Đồng Tranh.

Khi ngang qua ven thị xã Nha Trang, trời tối. Trong lúc đang ngơ ngác tìm nơi trú đêm, bỗng một bà cụ trạc 70 tuổi đi tới. Cụ nhìn chúng tôi, thấy những chiếc đầu "trán hói" (tôi và anh Lê Văn Hiến lúc này bắt đầu hói), cụ gật đầu và hỏi: "Các ông có phải từ phương xa đến không?". Tôi nói: "Vâng! Sao cụ biết?". Cụ bảo rằng, đêm vừa rồi cụ nằm mơ thấy có "quý nhân" đến nhà. Cụ mời chúng tôi "vô nhà" tiếp đón hết sức ân cần, cho ăn no uống nóng. Anh Lê Văn Hiến ghé tai tôi nói nhỏ: "Chưa biết các "quý nhân" có mang lại cho cụ lợi lộc gì không, hiện thời cụ đã mất gạo, gà, rượu". Hôm đó nhằm vào ngày 5 Tết.

Đến đây, chúng tôi tạm dừng chân để chờ liên lạc dẫn đường. Anh Hiến đưa đoàn vào nhà anh Quý ở làng Xuân Phú. Nghe nói anh Quý là Ủy viên Ủy ban nhân dân Khánh Hoà, một đồng chí rất trung thành với cách mạng. Gia đình anh Quý tiếp đón chúng tôi hết sức chu đáo Thấy tôi đau chân, một người trong gia đình lấy

nước muối nóng, bảo tôi ngâm vào cho đỡ đau. Sau này tôi được anh Hiến cho biết là sau khi chúng tôi đi, bọn chỉ điểm báo Tây ập đến nhà anh Quý, bắt anh phải khai chúng tôi đang ở đâu. Anh nhất định không khai, chúng liền chặt đầu anh đem bêu giữa chợ. Một người nêu gương mẫu mực bảo vệ cán bộ như anh thật đáng ghi vào sử sách.

Rời Xuân Phú, chúng tôi theo liên lạc đến Cây Sung, rồi từ Cây Sung lên Láng Nhót. Hôm đó nhằm ngày 6 Tết. Tại Láng Nhót, chúng tôi được tin địch vẫn tiếp tục đánh chiếm tỉnh Khánh Hoà. Quân ta phản công vây hãm chúng ở Nha Trang, pháo kích vào thị xã, gây cho địch nhiều tổn thất. Còn Buôn Ma Thuột, quân Pháp chiếm từ tháng 11-1945, bị quân ta đánh rát, chúng phải rút lui. Đến tháng 12-1945, chúng tăng viện binh chiếm lại Buôn Ma Thuột. Lực lượng bộ đội Khánh Hoà lên tăng cường, lại có thêm đơn vị Nam tiến của Quảng Ngãi vừa hành quân tới Buôn Ma Thuột giúp sức, đã đánh cho địch những đòn đau ở Mađrác và Buôn Hồ. Cuối tháng 1-1946, tướng Pháp Valuy trực tiếp chỉ huy đánh chiếm các tỉnh còn lại ở Tây Nam Bộ, đồng thời đánh xa các tỉnh cực Nam Trung Bộ bằng cuộc hành quân càn quét mang tên "Go" (Gaur). Quân và dân ta ở những địa phương này đánh trả quyết liệt, giành giật trục đường giao thông, tiêu diệt hàng nghìn tên, thu nhiều chiến lợi phẩm. Có lẽ để tập trung quân đánh vùng trọng điểm, thực dân Pháp đã bỏ Đồng Trăng, Đất Sét, những địa phương của tỉnh Khánh Hoà. Vì vậy, đường đi của chúng tôi có thể thông. Được cán bộ địa phương dẫn đường, chúng tôi đến Ủy ban kháng chiến tỉnh Khánh Hoà. Các đồng chí trong Ủy ban tỉnh cho biết quân Pháp sau khi bị quân ta đánh mạnh ở thị xã Nha Trang, một lực lượng phải rút ra Tuy Hoà, Sông Cầu, Đồng Bò, Đèo Cả. Nay muốn ra Tuy Hoà sẽ nguy hiểm. Chúng tôi thấy không thể đi chung một đoàn (đoàn của chúng tôi lúc này được bổ sung đông tới 20 người), mà phải tách ra làm hai. Một tốp đi theo đường Vạn Giã, Tu Bông để ra Tuy Hoà, tốp thứ hai men theo đường núi qua Dốc Mỏ mà

đến Tuy Hoà. Cuộc chia tay ngắn ngủi diễn ra chớp nhoáng. Tôi cùng anh Lê Văn Hiến, Cao Hồng Lĩnh, Huỳnh Văn Tiêng... đi tốp một qua đường Vạn Giã. Tất cả đều cải trang ăn mặc quần áo nông dân. Hành lý, súng đạn đều bỏ vào giỏ, vào thúng gánh đi, nhờ đó mà qua được những con mắt nhòm ngó của địch. Anh Lê Văn Bá, một cán bộ địa phương quen thuộc đường đưa chúng tôi tới một chiếc hang sâu trong rừng. Tại đây, chúng tôi được gặp các anh Tôn Thất Vĩ, Chủ tịch và Phạm Cự Hải, Phó Chủ tịch tỉnh Khánh Hoà. Trong hang, các anh đốt lửa cho chúng tôi sưởi, mang bánh tét cho chúng tôi ăn. Ngồi bên bếp lửa bập bùng, chúng tôi họp bàn định kế hoạch đánh địch và xây dựng lực lượng khu vực Vạn Ninh, Đèo Cả, Củng Sơn, Tuy Hoà, Sông Cầu. Anh Vũ anh Hảo là những người bám trụ địa phương vững chắc. Các anh hỏi chúng tôi những kinh nghiệm chỉ đạo chiến tranh, kinh nghiệm xây dựng lực lượng cách mạng trong lòng địch, kinh nghiệm phối hợp chiến đấu giữa quân chủ lực và quân du kích. Các anh cũng hỏi về đời hoạt động của Bác Hồ và tỏ lòng mong muốn được về Thủ đô Hà Nội để thăm Bác. Tôi nghĩ, ở một vùng xa Trung ương như Khánh Hoà mà cũng có nhiều cán bộ trình độ như các anh thật yên lòng. Đêm ấy nhắm vào ngày 8 tháng giêng âm lịch.

Sáng sớm hôm sau, chúng tôi tạm biệt các anh để đi Ninh Hoà, Vạn Giã. Tới Ninh Hoà được nghe cán bộ địa phương kể lại câu chuyện giặc Pháp đánh chết nhà sư và đất chùa Hòn Hèo chỉ vì nhà sư không chịu khai cho chúng biết chỗ của cán bộ Việt Minh địa phương. Ra khỏi Ninh Hoà đến Vạn Giã, Tu Bông, chúng tôi lại tiếp tục lượn rừng đi về Tuy Hoà. Rừng đang vắng lặng, bỗng phía trước có tiếng sột soạt. Một con cạp to đứng ngang trước mặt. Nó gầm lên ghê rợn. Khi thấy cạp, mọi người lấy súng chuẩn bị bóp cò, nhưng cạp thấy đông người, không dám gây sự phải bỏ đi. Đến nay, anh Lê Văn Hiến còn nhớ rất rõ động tác nhảy của cạp ở rừng Tuy Hoà. Anh nói lần đầu tiên trong đời trông thấy cạp nhảy thật đẹp.

Chúng tôi đến Tuy Hoà vào ngày 16 tháng giêng năm Bính Tuất. Các đồng chí trong Ủy ban kháng chiến Tuy Hoà báo cho biết Pháp vẫn tiếp tục tăng viện binh lên mặt trận Buôn Ma Thuột và chiến sự đang diễn ra ác liệt tại khu vực Bò Nông. Chờ đợi tại Tuy Hoà mất một ngày vẫn chưa thấy tốp hai tới. Tình hình ở đây rất căng. Vì vậy, không thể nấn ná đợi tốp kia mà phải có kế hoạch gấp rút lên đường. Chúng tôi bàn với nhau đã đến lúc tốp một phải xẻ làm hai nhóm. Anh Hiến là phái viên của Chính phủ cần ở lại kiểm tra tình hình một số tỉnh miền Trung, sẽ về sau. Còn tôi và các anh Lĩnh, Tiêng... cần về ngay Hà Nội để báo cáo với Bác và Trung ương. Chúng tôi chia tay với anh Hiến vào sáng 17 tháng giêng năm Bính Tuất. Anh Hiến về Quảng Ngãi bằng ô tô, còn chúng tôi ta Bắc bằng thuyền. Lúc đầu đi bằng thuyền nhỏ, sau thấy sóng to, phải thay bằng thuyền lớn do một đồng chí thông thạo đường biển điều khiển. Đi tới Huế thì lên bờ và từ Huế, chúng tôi về Hà Nội bằng ô tô.

Tới Hà Nội, tôi vào ngay chỗ Bác. May sao hôm đó Bác làm việc tại nhà. Tôi đứng nghiêm báo cáo: "Thưa Bác, chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ Bác giao".

Bác nhìn tôi với con mắt triu mến: "Chú Việt đã trở thành nhà quân sự". Câu nói vui của Bác mang lại cho tôi niềm động viên to lớn. Bác nắm chặt tay tôi, nhìn khuôn mặt tôi. Tôi ngược nhìn Bác, thấy gương mặt Người có phần gầy đi, chòm râu dài ra, hai má lõm vào, chứng tỏ Bác làm việc nhiều. Bác hỏi thăm sức khoẻ của chúng tôi và hỏi về tình hình cuộc kháng chiến Nam Bộ: "Trận đánh của quân ta ở Di Linh, Đà Lạt và Phan Rang ra sao? Cuộc bao vây địch ở Nha Trang thế nào? Cuộc chiến đấu của quân ta trên đường 21 đi Ninh Hoà?" v.v... Những câu hỏi của Bác chứng tỏ Bác theo dõi rất sát tình hình kháng chiến ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Tôi báo cáo tóm tắt với Bác bức tranh toàn cảnh Nam Bộ kháng chiến. Nghe báo cáo, Bác nói: "Từ ngày các chú ra đi đến hôm nay trở về thâm thoát đã hơn 6 tháng. Trong thời gian đó biết bao vật đổi sao dời. Mặc dù trước mắt còn

nhiều khó khăn, nhưng sự nghiệp của chúng ta nhất định thắng". Qua câu nói của Bác chúng tôi Bác theo dõi sát sao mỗi bước đi của chúng tôi gắn liền với năm, tháng. Cuộc gặp Bác diễn ra ngắn ngủi, nhưng đầy ý nghĩa. Tôi chào Bác ra về trong niềm xúc động sâu sắc.

Hôm sau, tôi đến gặp anh Trường Chinh để báo cáo tình hình Nam Bộ. Anh tiếp tôi thân mật và như đoán trúng tâm lý của tôi, anh đã nói ngay: "Cô Bảy của anh vẫn khoẻ và đang mong anh về. Thế là yên tâm rồi, mặc dù tôi chưa gặp lại Bảy.

Tại Hà Nội, tôi gặp lại anh Lê Văn Hiến. Anh cho biết, lúc chia tay ở Tuy Hoà, anh thẳng tới Quảng Ngãi. Đến Quảng Ngãi, anh cùng các đồng chí địa phương tổ chức chuyển mang vũ khí vào giúp Nam Bộ. Sau đó anh về Đà Nẵng thông báo cho các đồng chí tỉnh nhà biết về tình hình Nam Bộ, nêu kinh nghiệm phòng thủ khi Pháp đánh. Rồi Đà Nẵng, anh đi Huế. Từ Huế, anh đưa một cố đạo người Bỉ là Giắc Hura, (Jacques Housra) về Phát Diệm, sau đó, anh đi thẳng về Hà Nội.

Còn anh Cao Hồng Lĩnh nghỉ tại Hà Nội ít ngày lại được lệnh đưa vũ khí vào Nam và tổ chức trạm trung chuyển gọi là "Phòng Nam Bộ" làm môi giao lưu giữa hai miền.

Một cuộc chiến đấu mới lại bắt đầu.

Chương V - Theo Bác trên những nẻo đường kháng chiến

Sau khi báo cáo với Bác và anh Trường Chinh biết về tình hình Nam Bộ trong những ngày đầu kháng chiến, tôi rời Hà Nội về Vĩnh Yên để gặp Bảy. Đến Vĩnh Yên, được các đồng chí trong Tỉnh uỷ báo cho biết đồng chí Bảy đang công tác ở phủ Vĩnh Tường. Về Vĩnh Tường, tôi hỏi thăm mãi, nhưng các đồng chí ở địa phương nói rằng, dạo này chị ấy bận lắm, suốt ngày lăn lộn với công việc xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở, củng cố chính quyền địa phương, cho nên không biết đâu mà tìm. Đứng tằn ngằn trong giây lát trên mảnh đất Vĩnh Tường, tôi đoán rất có thể cô ấy đang ở xã Thượng Trưng, vì trước đó nhiều lần Bảy tâm sự với tôi là ở Thượng Trưng, đồng bào, đồng chí rất tốt, cần phải xây dựng nơi đây những cơ sở cách mạng vững chắc. Nghĩ đi thì như vậy, đến lúc nghĩ lại thấy rằng “con chim tung cánh đang bay” biết đâu mà tìm. Tôi biết, với cương vị Tỉnh uỷ viên Vĩnh Yên, Bảy chắc bận lắm. Thôi hãy để cô ấy lao vào công tác, rồi sẽ gặp lại sau. Nghĩ vậy, tôi quyết định trở lại Hà Nội.

Về Hà Nội, tôi được Thường vụ Trung ương và Bác giao nhiệm vụ (về mặt Đảng) phụ trách công tác Mặt trận và công tác công đoàn. Nhận nhiệm vụ, tôi tìm gặp các anh Trần Danh Tuyên, Trần Quốc Thảo và Nguyễn Minh, những lớp cán bộ công đoàn trong Cách mạng tháng Tám để trao đổi cùng các anh về tình hình hoạt động của giai cấp công nhân và công đoàn. Các anh "khoe" với tôi là hôm 9-10-1945, có đoàn đại biểu công nhân thành Hoàng Diệu gồm 21 người, trong đó có một nữ, đã đến yết kiến Bác tại Bắc Bộ phủ. Thay mặt đoàn, anh Trần Danh Tuyên trình bày với Bác về đời sống và nguyện vọng chung của anh em công nhân. Anh khẳng định trong bất kỳ hoàn cảnh khó khăn nào, giai cấp công nhân Việt Nam bao giờ cũng đặt quyền lợi của Tổ quốc lên trên hết. Giai cấp công nhân Việt Nam rất thiết tha với nền độc lập dân tộc, cương quyết chống xâm lăng, nhiệt liệt ủng hộ cuộc kháng chiến anh dũng của đồng bào Nam Bộ, mọi người đều sẵn sàng nhận lệnh

của Chính phủ lên đường giết giặc, cứu nước. Giai cấp công nhân Việt Nam hoàn toàn tin tưởng ở tương lai tươi sáng của dân tộc, niềm tin không gì lay chuyển vào Chính phủ Hồ Chí Minh, người đại biểu danh dự cho nền độc lập, tự do của Tổ quốc. Anh Tuyên xin ý kiến Bác về vấn đề tổ chức trong công nhân, vấn đề đối nội, đối ngoại trước tình hình nước sôi, lửa bỏng. Các anh kể lại rằng, nghe báo cáo, Bác cẩn thận ghi ý kiến của anh. Khi anh em nói hết, Bác mới trả lời: "Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà nhận rõ hơn ai hết đời sống khổ cực, nổi nhọc nhằn của công nhân. Anh em đã hy sinh nhiều cho Tổ quốc, chiến đấu vì công cuộc giải phóng nước nhà. Chính phủ biết rõ công lao to lớn đó. Vì vậy, đang cố gắng tìm mọi cách cải thiện sinh hoạt cho anh em. Bộ Lao động ban hành đạo luật nhằm bênh vực quyền lợi cho công nhân". Bác nhìn các đại biểu một lượt, rồi nói tiếp: "Từ trước tới nay anh em đã hy sinh nhiều. Nay Chính phủ mong anh em cố gắng hơn nữa mặc dù có phải gian nan, vất vả. Nước có độc lập hoàn toàn, Chính phủ mới giải quyết triệt để quyền lợi cho công nhân và nhân dân lao động được". Bác giao nhiệm vụ cho các cán bộ công vận cần mở rộng ngay các hội công nhân cứu quốc cơ sở, thu nạp các phần tử kiên quyết nhất, hy sinh nhất, ủng hộ triệt để Chính phủ, thực hiện đầy đủ chương trình Việt Minh, giữ vững nền độc lập của nước nhà. Về vấn đề tổ chức và thống nhất công nhân toàn xứ, toàn quốc, Bác nói: "Do tính chất tập trung công việc trong một xưởng máy, công nhân rất dễ đoàn kết. Phải chăng đây là một trong những đặc điểm của giai cấp công nhân. Mục tiêu của giai cấp còn vươn xa để gánh vác sứ mệnh lịch sử của mình. Nhưng trước mắt, chúng ta muốn đi xa phải bước những bước gần. Cần gây dựng và củng cố các tổ chức công nhân thành Hoàng Diệu đã. Công nhân thành Hoàng Diệu cần làm gương tổ chức cho công nhân các tỉnh. Tổ chức cơ sở có vững chắc mới mong thống nhất công nhân toàn xứ, toàn quốc được". Trả lời câu hỏi của các đại biểu về tình hình đối nội, Bác nói: "Nước ta hiện nay đang ở trong một hoàn cảnh đặc biệt. Chúng ta đang phải chung đụng với nhiều dạng người. Nền độc lập của dân tộc

vừa giành được đã lâm vào tình thế khó khăn. Miền Bắc đang bị nạn đói đe dọa. Trong Nam, đồng bào đang chống xâm lăng. Nước nhà bắt đầu kiến thiết. Chính phủ gặp biết bao trở lực khó khăn. Giặc ngoài như con dã thú hoành hành, thù trong gây nhiều tai vạ. Bọn phản động thân Nhật, thân Tây tìm mọi cách phá hoại cuộc cách mạng của chúng ta. Vấn đề đặt ra lúc này là không thể dùng thần công, đại bác, mà phải bắn tia để tiêu diệt chúng". Về đối ngoại, Bác nói: "Chúng ta phải hết sức khôn khéo. Đứng trước bất kỳ một kẻ thù nào người cách mạng cũng phải rõ chúng là ai? Mạnh, yếu chỗ nào? Tranh thủ ai và cô lập ai?". Các anh nói rằng, những ý kiến của Bác thật sáng tỏ, đã trở thành cẩm nang cho những cán bộ dân vận trong công tác. Trước lúc tạm biệt Bác, anh Trần Danh Tuyên thay mặt đoàn, nhờ Bác chuyển giúp số tiền 1000 đồng Đông Dương do công nhân gom góp lên, để ủng hộ cuộc kháng chiến của đồng bào Nam Bộ. Bác xúc động hoan hô nghĩa cử của anh chị em và nói rằng số tiền đó Chính phủ mua thuốc chữa bệnh và quần áo để gửi ngay vào cho các chiến sĩ Nam Bộ đang chiến đấu anh dũng. Bác tiễn anh em ra tận cửa Bắc Bộ phủ. Trước lúc chia tay, Bác còn dặn thêm: "Trước mắt, các chú cần tổ chức hội nghị công nhân nhằm biểu dương lực lượng và động viên anh em chuẩn bị bước vào cuộc chiến đấu mới". Theo lời Bác, các anh gấp rút chuẩn bị cho cuộc hội nghị sắp tới. Hội nghị đại biểu công nhân miền Bắc được tổ chức vào ngày 25-10-1945. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử phong trào công nhân Việt Nam kể từ sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, các đại biểu công nhân toàn xứ công khai họp ngay giữa Thủ đô để thảo luận chung một vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá của đất nước. Các anh kể lại rằng, Nhà hát lớn Hà Nội hôm đó trang hoàng long lẫy, đồ chói một rừng cờ. Những tấm vải đỏ từ trên tầng thượng buông rủ xuống sát thềm. Trên cổng chính ra vào nổi bật bức chân dung lớn của Bác với lời nói của Người: "Đoàn kết, cương quyết, nhẫn nại để giành thắng lợi cuối cùng". Hai bên cổng lớn nổi bật hai bức tranh lớn: Một bức vẽ người thợ gươm cao lưỡi búa chặt đứt xích xiềng nô lệ. Bức tranh kia vẽ những người công

nhân cầm cuốc, xẻng đi xây dựng đất nước. Trên cao chót vót vòm nhà hát, cờ đỏ sao vàng tung bay trong gió như cùng vui chung với nước Việt Nam độc lập. Để có được cảnh sắc trang trí đẹp đẽ này, hơn 30 công nhân và họa sĩ làm việc liên tục nhiều ngày đêm. 50 tự vệ công nhân tình nguyện canh gác bảo vệ các đại biểu dự Hội nghị.

Hội nghị bắt đầu khai mạc cũng là lúc Bác đến. Mọi người đứng dậy hoan hô Bác: "Kiên quyết ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh", Đó không chỉ là khẩu hiệu tỏ rõ ý chí bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc, mà còn là lương tri và tình cảm của mọi người đối với một con người: Bác Hồ Chí Minh. Sau những khúc nhạc hùng tráng của giải phóng quân, Bác đứng lên phát biểu tuyên dương giai cấp công nhân Việt Nam có lòng yêu nước nồng nàn, hăng hái trong việc giành và giữ chính quyền cách mạng. Rồi Bác đề ra một số nhiệm vụ cụ thể cho công nhân. Bác nói: "Công nhân Việt Nam lúc này đặt lợi ích của Tổ quốc lên trên hết, đoàn kết chặt chẽ, giữ vững chính quyền và chuẩn bị trường kỳ kháng chiến...". Các anh cho biết, sau lần gặp Bác tại Hội nghị công nhân miền Bắc Việt Nam, các đại biểu ra về đã ý thức rất rõ nhiệm vụ của mình, ai nấy đều lao vào làm công tác vận động công nhân.

Lúc này, tình hình đã rất căng. Có thể nói từ vĩ tuyến 16 trở vào, quân Pháp án ngữ, còn từ vĩ tuyến 16 trở ra, quân Tưởng đóng. Quân Anh đã rút về nước, quân Nhật hồi hương. Quân Pháp chiếm hầu hết lãnh thổ Campuchia và khống chế vùng nông thôn Lào. Âm mưu của Pháp trở lại xâm chiếm Đông Dương đang được gấp rút thực hiện sau khi Hiệp ước Trùng Khánh ký kết ngày 28-2-1946. Tưởng chuẩn bị rút quân, giao cho Pháp chiếm đóng vùng đất mà Tưởng đang chiếm. Như vậy, trên dải đất Đông Dương rồi đây chỉ còn lại Pháp với sự giúp đỡ của Mỹ, Anh. Quân Tưởng lợi dụng việc chuẩn bị rút quân càng phá phách dữ. Trên đường phố, những tên lính Tưởng quần áo rách rưới, bẩn thỉu, lù xì, nhưng rất ngạo mạn làm

trò cướp bóc, săn đuổi phụ nữ. Nhiều người căm thù chúng, sôi máu; muốn choảng cho chúng một trận thật đau. Anh Trần Huy Liệu là một trong số những người đó. Một hôm, đi trên đường phố Thủ đô, anh thấy bọn lính Tưởng làm trò ức hiếp nhân dân, chúng muốn thứ gì, bắt người dân phải đưa ngay cho chúng thứ đó, nếu không chúng xia ngay lưỡi lê vào bụng. Không thể chịu được, anh tát tưởi chạy vào Bắc Bộ phủ gặp Bác, than vãn rằng, Chính phủ gì mà nhu nhược thế, cứ làm ngơ để cho bọn Tưởng tự do làm tình làm tội dân ta. Nghe anh nói, Bác lặng im, đứng dậy đi đến bên anh, nhẹ nhàng sửa lại ngay ngắn chiếc caravat anh đang thắt bị xô lệch, vẹo sang một bên. Có thể nói, trong những lúc sóng gió, Bác bình tĩnh đến lạ lùng. Có lần Bác bảo chúng tôi: "Các chú chưa biết thế nào là Tàu đâu. Lúc này nếu mất lòng Tưởng là mất nước. Nó có 20 vạn quân, vũ khí nhiều, ta có bao nhiêu? Trong trường hợp chúng ta chưa đủ súng máy, đại bác, thì phải đánh bằng trí tuệ, đánh vào lòng người. Phải làm sao cho chúng rút càng sớm càng tốt ra khỏi biên giới, đó là mục tiêu của chúng ta". Khi một số anh em cứ nằng nặc đòi đánh, Bác kiên trì giải thích bằng hình ảnh rất sinh động. Bác lấy một chiếc thước kẻ và một lọ mực. Thước kẻ tượng trưng cho hòn đá. Bác giải thích: "Đây là hòn đá, đây là miếng ván. Ván dựa vào đá. Muốn ván đổ phải kéo đá đi. Tôi đang làm cái việc bẩy hòn đá đi. Còn các chú cứ gãi mãi vào ván".

Một lần khác, Bác nói: "Chúng ta đang làm cái việc chặt dây bè cho đứt mảng".

Có sống gần Bác trong những ngày Tổ quốc lâm nguy mới thấy được tầm vóc vĩ đại của Bác. Mọi việc làm và dự tính của Bác đã được Bác thể hiện đầy đủ trong câu thơ: "*Chân lẹ, tài cao ắt thắng người*".

Trước tình hình Tổ quốc lâm nguy, Bác kêu gọi đồng bào ta hãy bình tĩnh, cương quyết, sẵn sàng đối phó với mọi tình thế. Chủ trương của Bác lúc này về mặt đối ngoại là tìm mọi cách hoà hoãn với Pháp tranh thủ thời gian củng cố lực lượng. Nhưng muốn thắng về ngoại giao, chúng ta phải có thực lực. Anh Văn có lần nhắc

lại câu nói nổi tiếng của Bác: "Thực lực như cái chiêng, ngoại giao như cái tiếng; chiêng có to, tiếng mới lớn". Vì vậy, vấn đề củng cố nội bộ trong lúc này là cực kỳ quan trọng. Trước hết, Bác thực hiện tổng tuyển cử trong cả nước bầu đại biểu Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Tiếp đó, Bác kiện toàn thêm một bước củng cố chính quyền cách mạng từ cơ sở đến Trung ương. Bộ máy của chính phủ kháng chiến được sắp xếp lại. Khi sắp xếp bộ máy Chính phủ kháng chiến, thấy Bác mạnh dạn đưa Việt Quốc, Việt Cách giữ những chức vụ quan trọng, như Bộ Ngoại giao do Nguyễn Tường Tam, một trong những tay trùm Việt Cách nắm. Kháng chiến ủy viên hội trong Chính phủ lại do Vũ Hồng Khanh, một trong những tay trùm Việt Quốc làm Phó Chủ tịch, chúng tôi thấy hơi lo. Bác biết nỗi băn khoăn đó, giải thích rằng, điều mấu chốt là nhân dân ủng hộ chúng ta. Sự giải thích của Bác làm mọi người yên tâm. Phải nói rằng, trong những giờ phút sóng gió, Bác lợi dụng và sử dụng kẻ thù rất giỏi, buộc chúng phải theo ý định của ta. Bác nói rằng: "Bọn Tưởng vào nước ta, mang nhiều tên tay sai đủ các loại, phá hoại, ăn hại ta. Ta biết vậy, nhưng trong lúc Tổ quốc lâm nguy, mình phải có chính sách "Câu Tiễn" đối với chúng mới được". Chúng tôi hiểu ý Bác là phải chịu nhẫn nhục. Lúc này không chịu nhẫn nhục không thể được việc. Nói ngay như bọn Quốc dân đảng Trung Hoa sang Việt Nam, bề ngoài chúng nó thay mặt Đồng Minh tiếp nhận sự đầu hàng của Nhật, kỳ thực bên trong chúng muốn "Diệt cộng, cầm Hồ" (tiêu diệt cộng sản, bắt Hồ Chí Minh). Chính quân Tưởng sang Việt Nam, có lần nói với đồng bọn: "Chuyến này sang Việt Nam để tiêu diệt cộng sản, đưa Quốc dân đảng lên cầm quyền". Anh Nguyễn Lương Bằng biết chuyện này, báo cáo với Bác, Bác nói: "Tiêu Văn là một tên xấu, nhưng phải khéo léo với y để y đỡ quấy phá". Khi y sang tới Bắc Ninh, Bác giữ phép lịch sự sang thăm. Có người thấy vậy tiến ra can ngăn. Bác nói: "Đến thăm nó, để nó tưởng mình quý trọng, đỡ bớt căng thẳng với ta sau này". Đó là phương pháp ngoại giao khôn khéo của Bác. Khi vào Hà Nội, Tiêu Văn chiếm ở ngôi nhà số 54 phố Nguyễn Du. Bác lại đến thăm y.

Qua Tiêu Văn, Bác nắm được bọn sĩ quan Tàu Tưởng sang ta. Bác tranh thủ được nhiều tên. Có những tên lúc đầu rất "căng" với ta, nhưng nhờ có sự dàn xếp của Bác, chúng đã phải "chùng". Tuy vậy, cũng có nhiều tên tham lam vor vét. Chúng đòi ta phải cung phụng nào gạo, nào thịt, nào vải, nào xăng cho chúng. Đối với những tên này, Bác rất cứng rắn. Nhiều tên cậy thế, nghênh ngang, đến Bắc Bộ phủ đòi Bác cung cấp cho chúng gạo, xăng. Bác trả lời dứt khoát: "Các ông bảo chúng tôi cung cấp cái gì, chứ cung cấp gạo, xăng, không thể có. Cung cấp gạo để cho nhân dân tôi chết đói ư? Chúng tôi không thể cung cấp. Còn dầu, xăng, nước chúng tôi không sản xuất, cho nên càng không có". Anh Nguyễn Lương Bằng nhận xét rằng, những vấn đề này chỉ có Bác mới đối đáp được với chúng, chứ chúng mình không làm được.

Quân Tưởng sắp đến ngày phải rút về nước theo Hiệp định mà chúng ký với Pháp, Nhưng còn ngày nào trên đất nước ta, chúng còn cố sức phá hoại. Chúng muốn lật đổ ta trước khi rút quân, lập chính phủ bù nhìn thân Tưởng để còn làm ăn về lâu về dài. Nhiều địa phương quân ta và quân Quốc dân đảng đánh nhau rất quyết liệt. Tại Phú Thọ, bọn Đỗ Đình Đạo cầm quân đánh ta. Tại Lào Cai, Quốc dân đảng chiếm giữ. Ở Yên Bái, quân ta và quân Quốc dân đảng tranh chấp nhau dữ dội. Chính anh Nguyễn Văn Phúc (Phúc ghê), một trong những cán bộ trung kiên của Đảng bị chúng giết tại đây. Trên đường Quan Thánh - Hà Nội, bọn Tưởng bắc loa chửi ta rai rải. Rồi chúng bắt cóc nhiều cán bộ ta đem về trụ sở ở phố Ôn Như Hầu đánh cho đến chết rồi chôn luôn ở đây. Anh Chu Đình Xương lúc đó phụ trách công an đã cùng với các chiến sĩ công an dũng cảm và mưu trí khám phá được, liền tố cáo chúng, bắt mấy tên đao phủ Quốc dân đảng ra xử, từ đấy bọn chúng mới bớt hoành hành ở Hà Nội.

Trong khi quân Tưởng và bọn tay sai Quốc dân đảng vẫn đang hoành hành, quân Pháp ngày đêm ngấp nghé mang quân ra miền Bắc. Do sự mua bán, nhân nhượng

với Tưởng, cuối tháng 2-1946, Pháp cho quân đổ bộ vào miền Bắc Việt Nam. Từ đấy, chúng càng lấn tới. Cuối tháng 3-1946, chúng cho quân đến Hà Nội. Đây là âm mưu thâm độc của bọn đế quốc "định hãm ta vào tình thế đơn độc, buộc ta phải đánh với nhiều kẻ thù một lúc", đúng như nhận định của Thường vụ Trung ương, ngày 3-3-1946. Trước tình hình đó, Đảng và Bác chủ trương "hoà để tiến". Chủ trương này dẫn đến việc Bác ký kết với Pháp Hiệp định Sơ bộ Việt - Pháp, ngày 6-3-1946. Chủ trương "hoà để tiến" của Trung ương Đảng và Bác là sáng suốt, kịp thời, thể hiện sách lược mềm dẻo trước khi rẽ sang bước ngoặt mới. Chủ trương này đã tạo thời cơ để sửa soạn cho cuộc kháng chiến sẽ bùng nổ trên cả nước.

Sau khi ký Hiệp định Sơ bộ, Bác thúc đẩy phía Pháp khẩn trương mở cuộc đàm phán chính thức tại Pari mà trong Hiệp định đã nêu. Mặc dù phía Pháp cố tình trì hoãn đàm phán, song nhờ sự kiên trì đấu tranh của Bác, chúng buộc phải mời đoàn đại biểu Chính phủ ta sang Pháp đàm phán. Còn Bác được Chính phủ Pháp mời sang thăm chính thức nước Pháp.

Trước khi lên đường sang Pháp, Bác chủ trương gấp rút xây dựng Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Hội Liên Việt) nhằm đoàn kết rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân kể cả những người không có điều kiện tham gia Mặt trận Việt Minh. Công việc chuẩn bị cho Hội Liên Việt ra mắt được tiến hành rất khẩn trương. Đến ngày 29-5-1946, Ban Chấp hành Hội được thành lập. Bác được cử làm Hội trưởng danh dự.

Lo xong việc lớn thành lập Hội Liên Việt, Bác muốn lo việc củng cố tổ chức đoàn thể của giai cấp công nhân. Bác gọi tôi đến Bắc Bộ phủ, nói rằng cho Bác gặp một số đại biểu công nhân để Bác hỏi xem nguyện vọng của công nhân lúc này là gì, đồng thời qua các đại biểu, Bác muốn nêu nhiệm vụ của giai cấp công nhân lúc này phải làm gì để đối phó với kẻ thù. Tôi về gặp gỡ một số đồng chí bàn bạc thống nhất cử các anh Trần Danh Tuyên, Trần Quốc Cư, Trần Quốc Diệp, Nguyễn Văn

Sinh (tức Nguyễn Minh) lên gặp Bác. Buổi gặp diễn ra khoảng một giờ. Các anh xin ý kiến Bác về cách tổ chức công đoàn. Bác nêu việc lập các tổ chức đoàn thể có hai cách: lập quân trước, lập tướng sau và cách thứ hai là lập tướng trước, lập quân sau. Nhưng trong hoàn cảnh hiện tại, có thể thành lập Trung ương lâm thời của công đoàn trước. Khi có trung ương của công đoàn, chúng ta sẽ tổ chức hệ thống công đoàn từ Trung ương xuống tới cơ sở, sau đó sẽ tổ chức Đại hội công đoàn bầu người lãnh đạo chính thức. Anh em biết Bác đang rất bận nhiều việc, chuẩn bị cho chuyến đi xa, nên không dám hỏi Bác nhiều. Bắt tay, Bác tiễn ra về, còn dặn dò các anh em đoàn kết, gắng sức, kiên quyết giữ vững nền độc lập dân tộc. Sáng 31-5-1946, Bác dậy sớm viết "Thư gửi đồng bào Nam Bộ". Bức thư thể hiện sự phán đoán tài tình của Bác trước những suy tư của đồng bào Nam Bộ khi thực dân Pháp ngày càng lấn tới. Bác khẳng định trong bất cứ hoàn cảnh nào, đồng bào Nam Bộ vẫn "là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi!". Nam Bộ khi ấy còn nhiều việc phức tạp, nhiều đảng phái, tôn giáo, Bác biết rõ điều này, nên trong thư Bác khuyên đồng bào đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi. Chữ "rộng rãi" lúc này là quan trọng lắm. "Rộng rãi" ở đây chính là sự "khoan hồng đại độ". Bác gọi lên một huyết thống dân tộc "con Lạc cháu Hồng" cần đùm bọc thương yêu nhau. Mặc dù trong một bàn tay có ngón dài ngón ngắn, nhưng tất cả đều là dòng dõi tổ tiên, cần lấy tình thân ái mà cảm hoá. Có thể nói đây là một trong những bức thư hay nhất của Bác, bức thư tâm huyết được kết tinh bởi lòng yêu nước và niềm tin tất thắng của dân tộc Việt Nam trong tương lai. Sau này, chị Thập có lần nói với tôi là đọc thư Bác, đồng bào Nam Bộ nhiều người xúc cảm đến rơi lệ.

Sáng sớm hôm 31, đồng bào Thủ đô dậy sớm tiễn Bác ra đi. Đôi cánh bay cao dần rời lẩn sâu trong những tầng mây. Đến Rănggun, thủ đô Miến Điện, vì thời tiết xấu, Bác phải nghỉ lại. Đêm ấy, Bác ngủ chung một giường với Salăng, người tháp

tùng Bác đến Pari. Trong hồi ký "Ý nghĩa một sự cam kết", Salăng kể: Đêm ấy, tôi hỏi Chủ tịch: "Trong Hiệp định 6-3, Ngài ký tên là Hồ Chí Minh. Nhưng tên chính của Ngài có phải là Nguyễn Ái Quốc hay không?". Chủ tịch hóm hỉnh trả lời: "Cũng ngay trong bản Hiệp định đó, vị đại diện cho Chính phủ Ngài ký tên là Xanhtoni. Nhưng tên thật của ông ta chẳng phải là Giăng Rôgiê đó hay sao?". Một câu nói kín kẽ và đối chất hết sức chính.

Chúng tôi, những người ở lại lo chung cùng đồng bào cả nước đối phó với mọi âm mưu mới của thực dân Pháp. Nam Bộ báo về: Tiếng súng xâm lược của Pháp vẫn nổ. Trung Bộ báo lên: Pháp đang lấn tới. Bắc Bộ căng sức chuẩn bị chiến đấu. Công việc chung của cả nước lúc này là hót quân Tưởng ra khỏi biên giới, tập trung sức vào chiến đấu chống quân Pháp. Theo lời Bác dặn, ai nấy đều lao vào nhiệm vụ. Với chúng tôi việc củng cố giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn lúc này là một trong những nhiệm vụ quan trọng. Mặc dù trên mảnh đất Thủ đô có quân Tưởng, quân Pháp lấn tới nhưng công nhân Hà Nội cùng công nhân cả nước vẫn vừa chiến đấu, vừa lo củng cố tổ chức của mình. Thường vụ Trung ương nhận rõ rằng, việc xây dựng các chi bộ xí nghiệp lúc này là quan trọng và cấp thiết. Chúng tôi coi chi bộ xí nghiệp là nền tảng của Đảng mà Đảng là nền tảng của phong trào giải phóng dân tộc. Nhìn lại thấy rằng, đã mấy năm, chúng tôi tập trung sức lực vào gây dựng các chi bộ xí nghiệp, vậy mà kết quả vẫn không được như ý muốn. Vấn đề này có nguyên nhân của nó. Đó là do kỹ nghệ bị đình đốn, thợ thuyền bị thất nghiệp nhiều. Giai cấp công nhân bị biến thành một lớp lao động thủ công. Rồi kẻ thù khủng bố tàn khốc. Một số xí nghiệp, công nhân ít tranh đấu. Ít tranh đấu khó mở rộng tổ chức, không mở rộng tổ chức thì chậm giác ngộ, chậm giác ngộ thì tranh đấu kém. Cái vòng luẩn quẩn ấy là điều đáng lo. Điều cản trở nữa làm phong trào công nhân một xí nghiệp không tiến lên được là thiếu cán bộ có năng lực vận động công nhân. Nay cách mạng đã thành công, hoàn cảnh thay

đổi, chúng ta hy vọng giai cấp công nhân sẽ hùng dũng bước lên vũ đài tranh đấu. Đó là điều kiện để xây dựng các chi bộ xí nghiệp mau chóng vững chắc. Muốn vậy, Đảng cần tập trung sức củng cố tổ chức chặt chẽ trong giai cấp công nhân. Nhận thức này đã đưa chúng tôi về các xí nghiệp. Khi Cách mạng tháng Tám nổ ra, Đảng tổ chức Hội công nhân cứu quốc. Tháng 8-1946, lần đầu tiên, Hội nghị đại biểu công nhân cứu quốc họp tại Hà Nội. Hội nghị đánh dấu sự thống nhất về mặt tổ chức của công nhân trên phạm vi cả nước. Tiếp đó, ngày 20-7-1946, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam tuyên bố chính thức thành lập. Sự kiện này đánh dấu bước trưởng thành mới về chất của phong trào công nhân Việt Nam. Sau khi thành lập Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, trong công nhân dấy lên khí thế công nhân hào hùng. Phong trào diệt giặc đói được thực hiện bằng khẩu hiệu "Hãy cùng nông dân tăng gia sản xuất". Phong trào diệt giặc dốt được chứng minh bằng kết quả thanh toán nạn mù chữ cho hơn một triệu rưỡi người. Công nhân Việt Nam biết rằng, sự tăm tối không thể mở đường tiến lên. Vì vậy, họ lao vào chiến dịch thanh toán nạn mù chữ như người lính chiến lao vào nơi lửa đạn. Phong trào "Giờ làm cứu nước" dấy lên mạnh mẽ trong đội ngũ thợ thuyền cả nước. Trong dịp kỷ niệm một năm ra đời nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, đi tới đâu cũng thấy khí thế bừng bừng. Báo chí của ta không ngày nào không đăng tin những thành tích mà công nhân đã giành được trong phong trào thi đua. Hà Nội trong ngày 19-8-1946 rộn lên như ngày hội lớn. Công nhân các ngành tổ chức tuần hành rất đông. Những người thợ hỏa xa gân guốc, khoẻ mạnh đẩy đầu tàu xe lửa, tượng trưng cho sức mạnh của ngành mình. Họ vừa đi vừa hô vang khẩu hiệu: "Tất cả những đường sắt trên lãnh thổ Việt Nam phải thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Chính phủ Việt Nam!". Những tay thợ điện và thợ cơ khí vừa đi vừa nâng mô hình máy phát điện với những ngọn điện tua tua chung quanh. Những người thợ thủ công trưng tấm thảm có hình chữ "S" tượng trưng cho sự thống nhất của Tổ quốc. Những tên lính Pháp đã không làm gì được trước sức mạnh của đoàn người tuần hành.

Trong xưởng máy, tiếng búa, tiếng đe vang vọng suốt ngày đêm. Tôi đến thăm xưởng cơ khí xa luân (ô tô ray) Hà Nội, thấy mọi hoạt động ở đây nhộn nhịp khác thường. Các phân xưởng mộc, máy, sơn lập chiến công đầu. Những công nhân phân xưởng sửa chữa toa xe không chịu kém. Họ bảo nhau làm cho đến khi nào bằng anh bằng em mới thôi. Kết quả sửa chữa xong hàng chục chiếc toa xe đúng kỳ hạn. Hôm 2-9-1946, đoàn tàu Độc Lập chững cờ kết hoa vang lên tiếng còi báo hiệu tàu chuyển bánh từ Hà Nội vào Ninh Bình. Đồng chí Bộ trưởng Bộ Giao thông công chính và đồng chí Giám đốc Sở Hoả xa Việt Nam thân hành chỉ huy cho chạy đoàn tàu này. Cơ sở báo lên cho biết trong ngày 1-9-1946, hơn 2800 công nhân của 20 xí nghiệp đã lao động thêm giờ tính ra tiền được hàng vạn đồng ủng hộ Chính phủ kháng chiến và ủng hộ đồng bào tỉnh Bắc Ninh bị lũ lụt nặng. Từ người thợ kim khí đến anh thợ giày da, thợ giặt, thợ thủy tinh... tất cả đều căng sức sản xuất. Khí thế thi đua ấy như một cơn lốc cuốn hút nhiều người gia nhập tổ chức của giai cấp công nhân. Có lần từ cơ sở gửi lên bản hiệu triệu của Ban Chấp hành lâm thời Công đoàn thủ công nghiệp ngành thợ thêu. Bản hiệu triệu viết rằng: "Các đại biểu công nhân giới thêu toàn thành Hà Nội họp ngày 18-8-1946, hồi 15 giờ 30 phút, quyết nghị thành lập "Công đoàn thủ công nghiệp, ngành thợ thêu". Trụ sở tạm thời ở nhà số 25 phố Nhà Chung, Hà Nội. Giờ làm việc: Sáng từ 8 giờ đến 12 giờ. Chiều từ 3 đến 6 giờ. Vậy anh chị em nào chưa kịp biên tên vào Đoàn xin mời lại ngay trụ sở". Đọc bản hiệu triệu, tôi đến phố Nhà Chung thấy anh em đứng xếp hàng rất đông để ghi tên vào đoàn thể.

Ngày 25-8-1946, công nhân thành Hoàng Diệu tổ chức ngày lao động cứu quốc. Hôm ấy, từ các ngã đường, nhân dân xắn cao tay áo, vai mang cuốc, xẻng đi về phía Hồ Gươm phá những căn hầm trú ẩn, tỏ rõ lòng mong muốn hoà bình của nhân dân ta, đồng thời dọn sạch đường phố, mở đầu cho cuộc vận động xây dựng đời sống mới. Không khí làm việc trong ngày lao động cứu quốc được mô tả khá

tường tận trong bài thơ "Lao động sức mạnh vô biên", do một đồng chí gửi lên cho tôi xem mà tôi còn đang giữ:

Một nhát cuốc, góp muôn lòng trai tráng,

Một lời hô, bao khoẻ mắt long lanh!

Một gạt tay san phẳng bực trường thành

Một tiếng gọi! Cả rừng tay nắm chặt.

Một buổi sớm, đất Thăng Long rậm rạp...

Có đoàn quân không biết tự nơi đâu!

Cờ hiên ngang, hùng vĩ rợp muôn đầu

Rập bước tiến! Đội hùng binh "xẻng cuốc"!

Chàng thanh niên, mặt sáng ngời, gân guốc,

Nện bước giòn, chiếc thuổng vác trên vai,

Cô nữ sinh không e lệ gót hài,

Đi chân đất, trên vai mang chiếc xẻng.

Đã tan vỡ! Cái thời xưa bển lển!

Vai sánh vai, không thẹn gái nhà Nam,

Nàng thân thời đi cạnh chị bán hàng,

Chàng trai trẻ hiên ngang bên phụ lão.

Bác phu xe cạnh ông Tham đạo mạo,

Phân biệt gì? Giai cấp nơi đây?

Nhịp bước chân bao vạn trái tim say,

Lòng hăm hở muôn lời ca vang dậy!

*Đoàn quân ấy, ào ào như nước chảy,
Tới bờ Hồ, dừng lại, xắn cao tay,
Cuốc, thuổng giơ tua tủa vút tầng mây,
Một hiệu lệnh! Muôn tay cùng bỏ xuống!
Một sức mạnh, của muôn người lao động,
Thái Sơn nào cũng vững dưới trời Nam!
Đội hùng binh, chúng đúc trí ngang tàng,
Nện gót sắt, đập tan thành bình địa.
Trời rung rung: sao sáng ngời muôn phía,
Mây vỡ tan, khiếp phục sức muôn dân,
Một lời hô, lay đổ vạn trường thành,
Một sức mạnh, bật tung ngàn chiến lũy!
Một sức mạnh, khơi nguồn bao chiến kỷ,
Một ý lòng xô đổ cả triều vương,
Một bình minh, chói lợi ánh triều dương,
Một mầm sống nảy chồi trên đất Việt.*

Bài thơ có nhiều chỗ non kém về nghệ thuật. Nhưng rõ ràng nó phản ánh sức sống mãnh liệt của nhân dân và giai cấp công nhân ta trong những ngày đầu xây dựng chính quyền cách mạng.

Giữa lúc khí thế cách mạng của nhân dân đang sục sôi khắp thành thị đến nông thôn, giữa lúc quân Pháp đang gây tình hình hết sức căng thẳng, có tin báo Bác từ Pháp sắp trở về. Trong thời gian ở thăm nước Pháp, Bác có nhiều cuộc tiếp xúc với

các chính khách Pháp, Đảng Cộng sản và các tầng lớp nhân dân Pháp. Bác đã đến nói chuyện nhiều lần với kiều bào ta ở Pháp. Bà con Việt kiều yêu nước vô cùng xúc động được bắt tay Bác, nhận được tình cảm của vị lãnh tụ kính yêu, đầm thấm hương vị ngọt ngào của đất nước, quê hương. Cụ Nguyễn Văn Ty, một Việt kiều yêu nước ở Pháp, từng tham gia Ban Chấp hành Hội liên hiệp phụ lão Việt kiều, kể lại rằng, mùa hè năm 1946, cụ vinh dự được gặp Bác ở Biarít. Nhìn thấy cụ, Bác nhận ra ngay người quen biết năm xưa:

- Có phải chú làm thủy thủ ngày xưa đấy không?

Cụ Ty đáp:

- Thưa Bác, đúng ạ!

Bác hỏi tiếp:

- Chú còn nhớ tôi chừ?

- Thưa Bác, tôi vẫn còn nhớ cái năm 1923 xa xôi ấy, đã gặp Bác ở Pari. Bác giao cho tôi chuyển thư từ, tài liệu bí mật về Sài Gòn.

Bác nói:

- Đúng! Lâu nay chú có nhận được tin tức gì của bà con ở Pari không?

Rồi cụ báo cáo với Bác về tình hình bà con Việt kiều ở Pari. Khi cụ báo cho Bác biết tin ông Khánh Ký, bạn quen biết với Bác năm xưa, đã qua đời. Bác rơm rớm nước mắt:

- Ông cụ đau ốm có lâu không?

Rồi Bác hỏi tiếp:

- Liên đoàn lao động thủy thủ của chú có đồng anh em không? Có mà tổ chức bà con ta lại, đoàn kết cùng nhau. Mai một tôi có thể về Pari?

Nghe Bác nói vậy, cụ Ty trở về Pari, báo tin cho bà con Việt kiều biết chuẩn bị đón Bác. Cụ Ty kể rằng, khi tới Pari, hàng trăm bà con Việt kiều cầm cờ đỏ sao vàng ra tận sân bay Buócgiê đón Bác. Cụ nói: "Chưa bao giờ có cảnh tượng đông vui Việt kiều đến như thế. Sân bay Buócgiê đông nghịt người. Các quan chức Pháp ra rất đông. Đây là ngày 22-6-1946. Máy bay tới. Bộ trưởng Bộ Pháp quốc hải ngoại Mariuyt Mutê đón Bác ra xe. Trông thấy Việt kiều, Bác giơ tay vẫy chào. Chúng tôi reo mừng hoan hô Bác, Chủ tịch của nước ta. Bác đưa mắt nhìn chúng tôi, tươi cười rạng rỡ". Trong thời gian thăm nước Pháp, Bác tranh thủ ký với Chính phủ Pháp bản Tạm ước 14-9-1946, nhằm kéo dài thời gian để nhân dân ta chuẩn bị lực lượng bước vào cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp.

Ngày 16-9-1946, Bác rời Pháp, kết thúc chuyến đi thăm nước Pháp. Thắng lợi quan trọng trong chuyến thăm nước Pháp của Bác là sự khẳng định nền độc lập của Việt Nam, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của nhân dân Pháp, nhân dân thế giới đối với nhân dân ta.

Từ Pari, Bác đi xe lửa đến Mácxây (Marseille). Từ Mácxây, Bác xuống tàu biển để về nước. Khi xuống tàu, Bác yêu cầu kéo cờ hiệu của Việt Nam lên. Người phụ trách tàu đánh điện về Pari xin chỉ thị. Pari trả lời đồng ý. Lúc ấy, người phụ trách tàu mới cuống quýt lên, sai người đi kiểm vải, may cờ đỏ sao vàng. Hồi đó, cờ của ta còn ít người biết đến. Vì vậy, khi cờ đỏ sao vàng giương lên, các quan chức trên bến cảng đánh tín hiệu dồn dập hỏi nhau: "Cờ nước nào đấy? Có vị quốc trưởng trên tàu chăng? Có phải bắn súng chào theo nghi lễ không?".

Tin Bác về nước được báo trước một tuần lễ. Trung ương phác thảo kế hoạch tỉ mỉ để đón Bác. Công việc chuẩn bị đón Bác về rất tập nập, vui vẻ. Hai, ba ngày trước khi Bác về, đại biểu của tỉnh Thái Bình, Kiến An, Quảng Yên, Hải Dương lục tục kéo về Hải Phòng đón Bác. Phái đoàn Chính phủ ta từ Hà Nội xuống Hải Phòng đón Bác. Anh Vũ Quốc Uy lúc ấy đang công tác tại Hải Phòng, kể rằng, từ các nơi

đổ về Hải Phòng đón Bác. Họ mang theo những sản phẩm quý báu nhất của địa phương như cam Đồng Dụ, giò Tiên Lãng, gạo trắng Thái Bình, cá Quảng Yên, tôm Móng Cái... Nhân dân dọn dẹp đường phố sạch sẽ, phong quang. Nhà cửa được chăng đèn kết hoa. Cờ, ảnh, biểu ngữ, cổng chào đỏ rực cả thành phố, các cháu thiếu nhi suốt ngày rập rình trống éch, vừa đi vừa múa hát rất vui. Nhiều gia đình chuẩn bị liên hoan đón Bác.

Sau hơn một tháng hành trình trên biển, ngày 20-10-1946, chiếm hạm Duymông Đuyécvin (Dumont Dureville) đưa Bác về tới Hải Phòng. Bác xuất hiện trên boong, tươi cười vẫy chào mọi người. Tiếng reo hò vui dậy đất. Tiếng súng chào nổ vang. Hiệu kèn nổi lên, âm thanh vang xa một vùng biển. Sĩ quan và binh lính trên tàu xếp hàng bồng súng chào tạm biệt Bác. Mọi nghi lễ diễn ra hết sức quan trọng. Bác đi nhanh lên bờ, duyệt hai đội quân danh dự Việt - Pháp, bắt tay, chào hỏi các đại biểu ra đón, ôm hôn các cháu thiếu nhi, rồi lên xe về thành phố. Trên đường về, mặc dù hai chiếc xe nhà binh của Pháp do cố ý đâm vào nhau để làm nghẽn lối, vẫn không cản được tình cảm của nhân dân đến với Bác. Khi xe của Bác quay lại, rẽ sang đường khác để đi, nhân dân chạy ùa theo Bác. Vừa đi vừa hoan hô như sấm dậy. Một rừng người và một rừng hoa, muôn sắc, muôn màu, chuyển động nhịp nhàng trong điệu múa tung bừng náo nhiệt. Ngồi trên xe, Bác hết sức xúc động trước tình cảm nồng nàn của nhân dân. Các đồng chí trong Thành uỷ và Uỷ ban hành chính thành phố đưa Bác về trụ sở Uỷ ban, lúc đó đặt ở trường nữ học Minh Khai phố Ngõ Nghè. Tối hôm ấy, bác sĩ Nguyễn Xuân Nguyên, Chủ tịch Uỷ ban hành chính thành phố, tổ chức bữa cơm chiêu đãi Bác. Trong số khách tới dự có cả viên thuyền trưởng tàu Duymông Đuyécvin và một số người Pháp khác. Bữa tiệc diễn ra trong bầu không khí vui vẻ, khi Bác nói về lợi ích của hai dân tộc Việt-Pháp vì một nền hoà bình, thịnh vượng chung. Đêm hôm ấy, Bác nghỉ ngay trong khu trụ sở của Uỷ ban. Hôm sau, Bác dậy sớm. Vừa lúc đó, một hồi còi rúc lên.

Bác hỏi còi gì. Anh Vũ Quốc Uy thưa với Bác là còi báo nhân dân xuống đường tập thể dục theo nếp sống mới. Bác yêu cầu cho đi xem nhân dân tập thể dục. Nhưng khi đưa Bác đi, chỉ thấy lèo tèo vài người tập. Bác hỏi anh Uy: "Những người tập thể dục của chú đâu?". Trong lúc anh Uy lúng túng chưa kịp trả lời, Bác lại nói tiếp: "Kéo còi cho nhân dân tập mà không có người tập, như thế là mắc bệnh hình thức. Và lại, kéo còi sớm quá trong lúc nhiều người còn ngủ lại là làm phiền cho nhân dân, những điều này chú nên tránh". Qua một việc nhỏ, không những Bác dạy cho anh Uy mà còn dạy cho cả chúng tôi làm việc gì cũng phải thiết thực và biết tôn trọng nhân dân. Tại Hải Phòng, Bác dành nhiều thời gian tiếp đại biểu các đoàn thể cứu quốc. Bác khuyến đồng bào và các đoàn thể cứu quốc đồng tâm hiệp lực, đẩy mạnh phong trào thi đua tăng gia sản xuất và tiết kiệm, thực hiện đời sống mới, phấn đấu làm cho Hải Phòng trở thành thành phố gương mẫu của cả nước ta. Bác đến dự mít tinh do chính quyền thành phố tổ chức. Bác nói: "Nhiệm vụ bao trùm nhất của chúng ta lúc này là kiên quyết giữ vững độc lập, tự do". Trả lời câu hỏi của các nhà báo quốc tế, Bác khẳng định vấn đề nước Việt Nam độc lập là điều trở thành hiện thực và Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hoà là Chính phủ chung của toàn dân. Trưa ngày 21-10-1946, Bác rời Hải Phòng, đáp tàu về Hà Nội. Hai ngày sau kể từ khi về Hà Nội, Bác ra tuyên bố với quốc dân sau khi đi Pháp về. Tuyên bố của Bác khẳng định "Việt Nam nhất định độc lập, Trung, Nam, Bắc nhất định thống nhất". Bác kêu gọi mọi người ra sức làm việc, để cho Chính phủ và nhân dân Pháp cùng nhân dân thế giới thấy rằng Việt Nam đã là một nước độc lập, tự do, không thừa nhận ta tự do, độc lập thì không được. Bác biểu dương đồng bào cả nước trong một năm chiến đấu với địch, người thì tan cửa nát nhà, người thì hy sinh tính mạng, người thì bị tù đầy, nhưng sự gian khổ, mất mát ấy không thể làm nhụt chí. Lòng yêu nước của đồng bào vẫn vững như đồng. Sự chiến đấu vì một nền độc lập, tự do của Tổ quốc bao giờ cũng có mất mát, hy sinh. Bác nghĩ vậy và xin kính cẩn nghiêng mình trước linh hồn các liệt sỹ.

Bác trần trở cõi lòng, ăn không ngon, ngủ không yên khi Tổ quốc đang còn bị chia cắt, khi đồng bào đang còn chịu đọa đày, đau khổ. Bác về Hà Nội được ít ngày, quân Pháp nổ súng đánh Hải Phòng, phong toả cửa biển Bắc Bộ, dùng hải, lục, không quân đánh chiếm miền duyên hải. Chúng còn dùng bộ binh khiêu khích vùng Lạng Sơn. Trước tình hình đó, Bác khẳng định: "Dân tộc Việt Nam thà chết chứ không chịu mất độc lập và tự do". Việc không sớm thì muộn Pháp sẽ đánh ta và mình cũng nhất định phải đánh Pháp. Vấn đề này đã được đặt ra tại Hội nghị quân sự toàn quốc họp ngày 19-10-1946. Mọi mặt công việc cho chiến đấu được chuẩn bị hết sức khẩn trương, đặc biệt, việc xây dựng các lực lượng vũ trang được xúc tiến mạnh mẽ. Quyết tâm của Trung ương đưa quân số lên tới 8 vạn người vào cuối năm 1946. Cả nước chia làm 12 chiến khu để chiến đấu với địch: Chiến khu 1 gồm các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Phúc Yên. Chiến khu 2: Sơn Tây, Hà Đông, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Hoà Bình, Sơn La, Lai Châu. Chiến khu 3: Hải Phòng, Kiến An, Thái Bình, Hưng Yên, Hải Dương. Chiến khu 4: Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên. Chiến khu 5: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Công Tum, Gia Lai. Chiến khu 6: Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắc Lắc, Lâm Viên, Đồng Nam Thượng. Chiến khu 7: Bà Rịa, Biên Hoà, Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Gia Định, Chợ Lớn, Sài Gòn. Chiến khu 8: Tân An, Gò Công, Mỹ Tho, Sa Đéc, Vĩnh Long, Trà Vinh, Bến Tre. Chiến khu 9: Châu Đốc, Long Xuyên, Hà Tiên, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Rạch Giá. Chiến khu 10: Lào Cai, Hà Giang, Yên Bái, Phú Thọ, Tuyên Quang, Vĩnh Yên. Chiến khu 11: Hà Nội. Chiến khu 12: Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Ninh, Hòn Gai, Quảng Yên (bao gồm cả Đông Triều và Chí Linh). Tương ứng với các chiến khu là các quân khu. Việc lập các chiến khu thể hiện thế trận của cả nước.

Tình hình mỗi lúc một nghiêm trọng. Sau khi đánh Hải Phòng và Lạng Sơn, thực dân Pháp đánh Tiên Yên, Đình Lập và nhiều nơi khác. Chúng tăng quân chiếm Hải Dương, Hải Phòng. Tại Trung Bộ, chúng dàn trận ở Đà Nẵng. Những đơn vị quân viễn chinh của chúng tiếp tục vào Hà Nội. Vào Hà Nội, chúng bắn giết, trả thù nhân dân ta rất dã man. Một hôm, tôi nhận được báo cáo của cơ sở nói rằng, anh công nhân nhà máy điện Cửa Bắc tên là Trần Bá Quyết, một người rất sốt sắng với hoạt động công đoàn, được mọi người tín nhiệm, yêu mến, nửa đêm 4-12-1946, bị 4 tên lính khiêu khích Pháp nấp trong xó tối ở phố Cửa Bắc, lừa lúc anh đi qua, nhảy ra giết anh bằng lưỡi lê và báng súng. Bị thương nặng, công nhân Nhà máy điện Cửa Bắc lập tức đưa anh vào Nhà thương Phủ Doãn. Song anh đã mất vào đêm hôm sau. Chúng tôi căm thù hành động dã man của địch, một mặt, gửi thư tố cáo chúng trước dư luận, mặt khác, làm lễ chôn cất anh rất trọng thể tại nghĩa trang Phúc Thiện vào chiều 6-12-1946. Khẩu hiệu: "Tinh thần Trần Bá Quyết sống mãi!" được trưng lên nhằm cổ vũ công nhân Thủ đô. Noi gương anh Quyết, nhiều công nhân thành Hoàng Diệu tình nguyện gia nhập tự vệ chiến đấu, kiên quyết chống xâm lăng, bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc.

Sau vụ Trần Bá Quyết, lòng căm thù đối với thực dân Pháp của công nhân Hà Nội hết sức sục sôi. Có nhiều đồng chí quá căm thù chúng, suốt ngày rình nấp trên các ngõ hẻm, chờ lính Pháp đi qua là xô ra xia dao. Công nhân và nhân dân Việt Nam căm thù và oán hận thực dân Pháp vì chúng nhu nhược, khiếp sợ lính Nhật, nhưng lại hống hách, ức hiếp người Việt Nam. Tôi được nghe anh em công nhân Nhà máy đèn Bờ Hồ kể lại rằng, có một lần, tại nhà máy, một tên lính thò tay vào túi rút khăn tay. Tên lính Nhật tưởng lính Pháp rút súng bắn mình, liền quát lên một tiếng, rồi gọi tên chủ nhất nhà máy là người Pháp đến. Tên lính Nhật bắt chủ nhất quỳ xuống để y lấy chân giậm lên đầu. Rồi khi Nhật đảo chính Pháp, Nhật trói lính Pháp xâu chuỗi dắt đi. Đám Pháp bị Nhật bắt đi đất, toạc cả máu chân. Nhục là thế

mà không lo trả thù bọn lính Nhật, lại trút lên đầu nhân dân ta sự uất ức đó. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến lòng căm thù của nhân dân ta đối với thực dân Pháp. Tôi nhận được báo cáo của công nhân Nhà máy đèn Bờ Hồ nói rằng, ngày 16-12-1946, tên đốc công Lobéc mặt khi, tóc bạc, vì quá tàn ác và hách dịch, bóp hầu bóp cổ công nhân, đã bị công nhân trói lại, đánh cho một trận như tử. Tên Rô, trưởng phòng kế toán của nhà máy bị công nhân lấy mực hất vào mặt vì y gian lận trong việc tính tiền công.

Lúc này, chúng tôi không chỉ tổ chức chiến đấu chống thực dân Pháp, mà còn tổ chức những cuộc đấu tranh với các chủ xưởng nhằm bảo vệ quyền lợi cho công nhân, thực hiện chủ trương đấu tranh dân tộc kết hợp với đấu tranh giai cấp. Thật ra, ở vào giai đoạn này của cách mạng Việt Nam, cuộc đấu tranh giai cấp nhiều khi được biểu hiện bằng hình thức dân tộc và cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc lại chứa đựng nội dung đấu tranh giai cấp. Tất nhiên, về mặt sách lược là mềm dẻo, khôn khéo. Cuộc đấu tranh của công nhân Hãng chè Hà Nội là một trong những bằng chứng nói lên tính chất khôn khéo, mềm dẻo của ta trong cuộc đấu tranh chống tư sản. Sau Cách mạng tháng Tám, đất nước tuy đã độc lập, nhưng do chưa quốc hữu hoá các xí nghiệp tư nhân, nên công nhân vẫn làm thuê cho nhà tư bản. Nhà tư bản vẫn bóc lột công nhân theo giá trị thặng dư. Hãng chè Hà Nội là một trong số những xí nghiệp làm theo chế độ đó. Thường lệ, anh chị em công nhân của hãng làm việc 9 giờ vào ban ngày và 4 giờ vào ban đêm. Chủ nhật làm thêm nửa ngày. Như vậy, chủ hãng bắt mỗi công nhân phải làm việc tới 82 giờ mỗi tuần lễ. Điều kiện làm việc quá sức và khát khe trong lúc tiền lương lại trả cho công nhân không theo một quy định nào. Một số người trả bằng cơm chủ nuôi. Số đông khác chủ lại không định rõ lương nhất định, mà trả theo lối đặt hàng thì trả khá một chút, nếu hàng ế trả kém đi. Anh chị em công nhân của hãng phàn nàn về việc này lên Bác. Bác chỉ thị cho chúng tôi nghiên cứu giải quyết. Chúng tôi cử cán bộ

xuống tận nơi điều tra. Anh em gặp giám đốc đề nghị tăng tiền lương và giảm giờ làm cho công nhân. Kết quả, giám đốc phải rút giờ làm việc cho công nhân từ 9 giờ xuống 8 giờ mỗi ngày. Công nhân không phải làm đêm. Khi có việc gấp, chủ hãng có thể yêu cầu công nhân làm thêm, nhưng không quá 3 giờ mỗi ngày và những giờ làm thêm đó, tiền lương phải trả tăng gấp đôi. Cuộc đấu tranh nhẹ nhàng với nhà tư bản nhưng lại kết quả, âu cũng là bài học của công nhân trong những ngày đầu giành chính quyền.

Hà Nội những ngày cuối năm 1946 có thể ví như một lò than hồng, chỉ cần một làn gió thổi đến là ngọn lửa bùng cháy. Những đơn vị quân viễn chinh Pháp tiếp tục vào Hà Nội. Bọn Tàu Tưởng đã rút quân về nước từ tháng 6-1946, để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng. Nay Pháp đến, lại gieo rắc thêm tai hoạ, càng làm cho Thủ đô ngập chìm trong sinh hoạt bệ rạc. Đền Ngọc Sơn nhan nhản thầy bói, tướng số. Những tiệm thuốc phiện mang biển "Rô" (Régie Alcool) mọc nhan nhản ở các phố Hàng Hai, Cửa Nam. Nhà thổ, cô đầu mọc lên như nấm ở các phố Hàng Giấy, Khâm Thiên, Bạch Mai, Hàng Mành, Hàng Da, Ngã Tư Sở, thôn Gia Quất, v.v... Cảnh "ngựa - người - người - ngựa" xuất hiện nhiều, làm các bác phu xe lâm vào cảnh "nằm chổng vó". Các sòng bạc Giắcxani phố Hàng Trống và Hai Cua phố Cửa Nam... đánh quanh năm ngày tháng. Những thầy ký, thầy đồ lao vào cờ bạc mê mẩn đến nỗi quên ăn quên ngủ. Đất nước, một lần nữa lại lâm vào tình thế khó khăn. Bọn phản động được Pháp giúp sức âm mưu lật đổ Chính phủ do Bác làm Chủ tịch. Bị thất bại trong âm mưu này, chúng ép ta phải "tái lập chủ quyền" cho chúng, bằng không sẽ "vô hiệu hoá Chính phủ Hồ Chí Minh". Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ vẫn đánh nhau to. Tại Hải Phòng, bọn Đebờ (Dèbes) cô sông cô chết chiếm thành phố. Quân và dân thành phố Cảng cô kết chiến đấu cực kỳ gan dạ, dựng chiến lũy, tung chướng ngại vật, giành giật với địch từng góc phố, căn nhà. Bắn đến đỏ nòng súng, đâm đến oằn lưỡi lê. Cuộc chiến đấu diễn ra hết sức quyết

liệt chung quanh khu vực nhà hát, sân bay Cát Bi và nhiều nơi khác trong thành phố. Đã đến lúc chúng ta không thể nhân nhượng, vì nếu nhân nhượng nữa chúng ta càng lún tới, nhân nhượng nữa là vi phạm chủ quyền đất nước, hại đến quyền lợi dân tộc.

Thường vụ Trung ương Đảng tập trung chỉ đạo cả nước chuẩn bị bước vào chiến tranh, Bác ra Chỉ thị: "Công việc khẩn cấp bây giờ", xác định nhiệm vụ cấp bách lúc này là ra sức chuẩn bị kháng chiến. Bác động viên: "Cố gắng sức qua khỏi mùa đông lạnh lẽo, thì ta sẽ gặp mùa xuân. Qua khỏi trận khủng bố ráo riết của địch, thì ta sẽ thắng lợi".

Trong lúc chuẩn bị mọi mặt để kháng chiến, Bác và Thường vụ Trung ương vẫn tranh thủ đấu tranh ngoại giao, "còn nước còn tát", nhằm cố gắng đẩy lùi chiến tranh. Bác viết thư kêu gọi Chính phủ Pháp ra lệnh cho quân Pháp rút về vị trí quy định. Song rất tiếc, nhà cầm quyền Pháp lại làm ngược. Đã thế, chúng ta còn hai lần gửi tới hậu thư, đòi tước vũ khí của ta, đòi ta không được chống lại chúng để chúng được tự do hoành hành trong thành phố. Bằng không, chúng ta sẽ chuyển sang hành động. Như vậy con bài đã lật ngửa. Nhiệm vụ của chúng ta lúc này là chiến đấu kìm chân địch, để các cơ quan Trung ương, Chính phủ, Tổng bộ Việt Minh... di chuyển khẩn cấp về phía Hà Đông, Sơn Tây.

Khi mới về Hà Nội, Bác ở và làm việc tại nhà số 48 phố Hàng Ngang, nhà của anh Trịnh Văn Bô, một gia đình tư sản yêu nước. Được một thời gian, Bác chuyển đến làm việc tại Bắc Bộ phủ. Trong thời gian làm việc tại Bắc Bộ phủ, Bác thường về ngủ tại nhà số 8 phố Lê Thái Tổ. Nhưng Bác ở đây không được thường xuyên. Khi tình hình căng thẳng, nội thành không còn là nơi an toàn, anh Nguyễn Lương Bằng và các đồng chí có trách nhiệm bố trí cho Bác ra ở ngoại thành, phía lên Bưởi, rồi lại chuyển ra Ngã Tư Sở. Việc bảo vệ Bác lúc này càng khó khăn. Anh Hoàng Hữu Kháng, người trực tiếp bảo vệ Bác, lúc nào cũng ngồi trên xe cùng Bác. Tuy vậy,

việc bảo vệ Bác lúc ấy cũng còn nhiều sơ hở. Nhưng địch vẫn không làm gì được, vì lá chắn vô địch vẫn là lực lượng nhân dân.

Đầu tháng 12-1946, Bác chuyển địa điểm đến ở nhà ông Nguyễn Văn Dương, làng Vạn Phúc, thị xã Hà Đông. Anh Trần Đăng Ninh đưa xe đến đón Bác tại Bắc Bộ phủ vào lúc trời tối.

Tình hình mỗi lúc một gay go. Tiếng súng trong thành Hà Nội vẫn nổ. Tại Pari, Chính phủ Blum lên cầm quyền, thúc giục Đácgiăngliơ cấp tốc trở lại Việt Nam để chỉ đạo cuộc xâm lấn của Pháp ra toàn cõi Đông Dương.

Trước cảnh nước sôi lửa bỏng này, Bác khẩn cấp triệu tập Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng mở rộng để quyết định những chủ trương kháng chiến. Hội nghị diễn ra tại nhà ông Nguyễn Văn Dương, làng Vạn Phúc, trong hai buổi chiều 18 và 19-12-1946. Các anh Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp và Lê Đức Thọ đã tới dự. Tôi bận chỉ đạo công tác trong thành phố và vùng ngoại thành, không về dự được. Tại Hội nghị, Bác và các đồng chí nhận định rằng, thời kỳ hoà hoãn đã qua, thời kỳ trực tiếp chiến đấu quyết liệt giữ gìn nền độc lập và tự do của Tổ quốc đã đến. Bác tin tưởng cuộc kháng chiến nhất định thắng lợi, mặc dù nó phải trải qua nhiều gian khổ và lâu dài. Đường lối toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến và kiến quốc, kháng chiến đi đôi với củng cố chính quyền cách mạng, củng cố mặt trận dân tộc thống nhất, được Bác và Trung ương khẳng định.

Hội nghị Thường vụ Trung ương (mở rộng) bế mạc vào lúc chiều tối 19-12-1946, thì ngay đêm đó, Bác viết Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Tối 20-12-1946, Đài tiếng nói Việt Nam truyền đi lời kêu gọi của Bác. Đây là lời hịch tiên công của cả dân tộc trước nạn giặc ngoại xâm. Lời Bác thể hiện ý chí quật cường của dân tộc: "Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta đã nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ". Lời kêu gọi của Bác còn vang mãi qua các thế kỷ và luôn luôn cổ vũ những thế hệ người Việt Nam ngày nay và sau này. Cả dân tộc làm theo lời kêu gọi của Bác với khí "trúc chẻ tro bay", với tinh thần xả thân vì đại nghĩa.

Sau Lời kêu gọi của Bác, là Mệnh lệnh chiến đấu của đồng chí Võ Nguyên Giáp. Mệnh lệnh chiến đấu kêu gọi mọi công dân của nước Cộng hòa trẻ tuổi hãy xông ra mặt trận giết giặc, cứu nước, thà hy sinh đến giọt máu cuối cùng, bảo vệ những thành quả mà cách mạng đã giành được.

Công nhân thành Hoàng Diệu tổ chức mít tinh lớn nhiệt liệt hưởng ứng Lời kêu gọi của Bác và Mệnh lệnh chiến đấu của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Tổ quốc lâm nguy!

Nhưng lòng người vững chãi, tin tưởng vào Bác, vào Đảng, thà chiến đấu đến cùng để cứu lấy nước nhà.

Mùa đông năm 1946, Bác năm mươi sáu tuổi. Với cây gậy tre, đôi dép cao su, mặc bộ quần áo nhà binh, Bác cùng dân tộc lên đường kháng chiến. Vũ khí còn thô sơ, nhưng cuộc chiến đấu mang tầm vóc thời đại.

Chúng tôi còn phải ở lại trong thành phố Hà Nội một thời gian để lo việc tiếp tục vận chuyển một số phương tiện, máy móc và tổ chức các đội ngũ chiến đấu của công nhân các xí nghiệp, những người chiến đấu tại Hà Nội trong suốt cuộc kháng chiến trường kỳ.

Tại Hà Nội sau khi các cơ quan đầu não đã rút đi, cuộc chiến đấu vẫn tiếp diễn. Bộ đội vệ quốc quân và tự vệ đánh địch bằng mọi vũ khí có trong tay. Một thế trận chiến tranh nhân dân hình thành, trong đánh ngoài vây, vừa chia cắt, vừa giam chân địch, phục kích, tập kích, đánh trả, quấy rối, đánh địch bằng súng, bằng lê, mác, dao, thậm chí bằng đòn gánh. Ta giam chân chúng suốt 60 ngày trong thành

phố. Hơn 2000 tên xâm lược đã bị bỏ mạng. Trung đoàn Thủ đô chiến đấu với tinh thần "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh". Giằng co với địch cho tới tháng 3-1947, chúng mới tạm thời kiểm soát được Hà Nội. Trong thành phố, từ sau khi có lời kêu gọi của Bác việc di chuyển máy móc của công nhân càng khẩn trương. Một bộ phận chuyển vào Vân Đình, một bộ phận chuyển ra huyện Thanh Trì, bến Chém để ngược sông Hồng chuyển lên Việt Trì. Anh Nguyễn Lương Bằng là người điều khiển việc di chuyển đó. Những thiết bị đã mang về Thanh Trì, anh Bằng tổ chức đưa nó về Nho Quan, thuộc tỉnh Ninh Bình, rồi từ Nho Quan chuyển dần lên Hoà Bình, Phú Thọ, Tuyên Quang. Trước tình thế địch uy hiếp mạnh, anh Bằng quyết định chuyển thẳng số máy móc còn lại từ Hà Nội lên Việt Bắc. Đi dưới làn mưa đạn, công nhân Hà Nội vẫn bình tĩnh đưa máy móc đi kháng chiến. Số máy móc do công nhân chuyển đi đã tập trung lại xây dựng nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo tại khu vực bến Trinh thuộc xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang. Có thể nói anh Sao Đỏ (Nguyễn Lương Bằng) chọn khu vực bến Trinh để xây dựng nhà máy là "lý tưởng". Bởi vì, nơi đây có địa hình thoáng, rộng, lại kín đáo, bốn bề núi bao quanh, có cây, có suối, tiếng máy vang hoà cùng tiếng gió ngàn reo, còn gì thơ mộng bằng và an toàn bằng.

Cuộc di chuyển máy móc, thiết bị lên chiến khu Việt Bắc vừa hoàn thành, cũng là lúc địch phong toả được Hà Nội. Chúng tôi tạm biệt Thủ đô, theo Bác lên đường đi kháng chiến. Lên tới Việt Bắc, chúng tôi nhận được tin việc di chuyển máy móc ra khỏi khu vực địch đóng quân còn được công nhân và tự vệ hoàn thành ở Hải Phòng, khu mỏ Quảng Ninh, Vinh, Huế, Đà Nẵng và nhiều địa phương khác. Riêng ở Quảng Yên, công nhân vận chuyển được 2500 tấn vật liệu, 200 tấn lương thực lên Việt Bắc. Công nhân Nhà máy dệt Nam Định chuyển hàng trăm tấn máy móc, nguyên liệu ra khỏi thành phố, đưa về xây dựng công binh xưởng ở các huyện Ý Yên, Vụ Bản. Xưởng quân giới Trung Bộ vận chuyển hàng trăm tấn vật

liệu trên tuyến đường dài hơn 500 cây số từ Huế ra Hà Tĩnh, xây dựng ở Hương Khê một xưởng quân giới lớn. Công nhân các xưởng quân giới khu ba di chuyển được toàn bộ cơ sở từ vùng địch tạm chiếm ra vùng tự do an toàn, nhanh chóng bắt tay vào sản xuất, kịp thời cung cấp đạn dược, vũ khí cho các chiến trường. Tính chung trong cả nước ta đã di chuyển được trên 50 nghìn tấn máy móc, vật tư ra vùng tự do, xây dựng hơn 50 cơ sở sản xuất mới, chủ yếu là các xưởng sản xuất vũ khí.

Cùng với việc di chuyển thiết bị lên chiến khu, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam còn chỉ đạo công nhân triệt để phá hoại các máy móc còn lại, làm tê liệt sức sản xuất của địch. Việc làm này có lúc buộc chúng lâm vào tình thế khốn khổ. Ví dụ như công nhân Nhà máy xe lửa Gia Lâm có lúc đã phá huỷ nhiều đầu máy, làm địch không có phương tiện vận chuyển. Chúng phải mất nhiều thời gian mới khôi phục được.

Sau hơn hai tuần lễ ở làng Vạn Phúc, ngày 20-12-1946, Bác rời khỏi Vạn Phúc. Anh Nguyễn Lương Bằng đưa Bác qua Kim Bài đi Xuyên Dương, thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông cũ, sau đó tới chùa Thầy thuộc tỉnh Sơn Tây. Từ Sơn Tây, Bác qua Cổ Tiết thuộc huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Tại Cổ Tiết, Bác tranh thủ thời gian đọc các sách nói về lịch sử Việt Nam. Cuốn "Bình thư yếu lược" của Trần Hưng Đạo được coi là một trong những cuốn sách gối đầu giường của Bác những ngày ở Cổ Tiết. Tại nơi đây, Bác còn dịch cuốn "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" của Các Mác và Ph.Ăng ghen ra tiếng Việt. Bác tự tay đánh máy một bài nói về lịch sử kháng chiến, thảo các văn thư gửi Quốc hội, Chính phủ Pháp, thư kêu gọi đồng bào địa phương đẩy mạnh sản xuất, phục vụ kháng chiến. Ngày nào Bác cũng tự đánh máy tài liệu, đọc sách báo, nghiền ngẫm binh thư, nghe báo cáo tình hình chiến sự. Nơi đây, Bác đặt tên mới cho một số

đồng chí giúp việc Bác là Trường, Kỳ, Kháng, Chiến, Nhất, Định, Thắng, Lợi. Những tên mới này gọi lên niềm tin vào cuộc kháng chiến.

Ở Cổ Tiết khoảng nửa tháng, Bác di chuyển đến Chu Hoá, huyện Lâm Thao vào hạ tuần tháng 3-1947. Nơi đây đã diễn ra một số cuộc họp của Thường vụ Trung ương và Hội đồng Chính phủ. Các anh Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Lương Bằng... thường đến báo cáo tình hình công việc kháng chiến với Bác. Nơi đây, Bác trực tiếp đánh máy tài liệu "100 ngày kháng chiến". Chắc nhiều đồng chí đã nghiên cứu cuốn "Đời sống mới" của Tân Sinh. Tân Sinh là một trong những bút danh của Bác. Cuốn "Đời sống mới" được Bác đánh máy trực tiếp thành bản thảo tại Chu Hoá. Bằng hình thức "hỏi" và "đáp", cuốn sách giải thích rõ ràng, có luận cứ về đời sống mới thể hiện ở "cần, kiệm, liêm, chính". Một con người được thừa nhận có lối sống mới khi người ấy có lòng yêu Tổ quốc, luôn luôn về việc chung, không kiêu căng, nịnh hót, bợ đỡ, không tham của người, chớ bủn xỉn, hẹp hòi với người. Ăn mặc sạch sẽ, giản dị, không lườm thướt, xa xỉ, lòe loẹt. Làm việc siêng năng, ngăn nắp, đến nơi đến chốn. Cư xử thân ái, thành thực, sẵn lòng vị tha. Người có lối sống mới là người ham học, học chữ, học tính, học cách làm người. Cuốn sách còn định ra những tiêu chuẩn cụ thể về đời sống mới trong một làng, xã, một trường học, một đơn vị bộ đội, một xưởng máy, một cơ quan... Chúng tôi đón đọc cuốn "Đời sống mới" của Bác và tổ chức học tập một cách nghiêm túc cuốn sách này.

Ở Chu Hoá đến cuối tháng 3-1947, Bác chuyển đến xã Yên Kiện, thuộc huyện Đoan Hùng. Ở đây chỉ khoảng một, hai ngày, Bác chuyển về Thái Nguyên thuộc châu Tự Do. Cơ quan Mặt trận và Tổng Liên đoàn lao động của chúng tôi cũng đóng găn chỗ Bác. Bác dựng "đại bản doanh" tại chân đèo De thuộc xã Bình Thành, huyện Quảng Nạp. Một chiếc lán dài ngăn đôi, Bác ở ngăn nhỏ, còn ngăn lớn là anh em trong đội công tác. Bác đã đơn giản hoá tới đa các đồ dùng mang theo, phòng khi địch đánh còn chuyển chỗ cho nhanh. Một cái chăn, một cái màn,

mấy bộ quần áo, một ít tài liệu, sách vở đựng trong một chiếc "xắc cốt". Chiếc máy đánh chữ "Hétmét" xách tay rất gọn. Chiếc đồng hồ quả quýt luôn luôn để trong túi áo Bác. Tất cả chỉ có thế. Vậy mà Bác đã lay động được cả thành trì thực dân ăn sâu bám rễ lâu đời trên mảnh đất Đông Dương.

Vì nơi ở và nơi làm việc gần chỗ chúng tôi, chiều chiều Bác thường sang chơi. Một hôm, tôi vừa đi công tác về, Bác đến. Bác vừa đến, nhà tôi cũng tới. Nhìn nhà tôi, Bác nói ngay:

- Cô Bảy vừa ở Trung Bộ ra đây chứ?

Nhà tôi nói nhỏ:

- Thưa Bác, vâng!

Còn tôi hơi bàng hoàng vì chưa rõ Bác biết nhà tôi vào công tác tại Trung Bộ lúc nào. Như hiểu nỗi băn khoăn của tôi, Bác nói tiếp:

- Hôm cô chú làm lễ cưới, tôi đang ở nước ngoài. Đến khi về, được nghe nói cô chú tổ chức vui lắm, mặc dù chỉ có ngô, khoai luộc cùng nước chè xanh.

Thì ra, Bác nắm rất chắc hoàn cảnh của chúng tôi. Đúng vậy, khi chúng tôi tổ chức cưới nhau, mọi cái còn thiếu thốn, nghèo nàn. Một gia đình cơ sở xã Trung Mậu, nơi chúng tôi ở nhờ, đã luộc cho nồi ngô, nồi khoai to, lại nấu cho nồi chè xanh. Ai đến dự lễ cưới đều được ăn ngô, khoai, uống nước chè bằng bát sành, rất vui vẻ. Nay nghe Bác nhắc lại chuyện cũ, chúng tôi cảm động trước sự quan tâm của Bác.

Sau khi ta rút lên Việt Bắc, cuộc kháng chiến phát triển ra toàn quốc, thế trận của cả nước dần xong. Sức quật cường của dân tộc làm cho Pháp thất vọng trước âm mưu "đánh nhanh, thắng nhanh". Về phía ta, một mặt tiếp tục kháng chiến, mặt khác vẫn có những cuộc "bắn tin ngoại giao", đề nghị phía Pháp ngồi vào bàn thương lượng. Bác viết thư cho giới cầm quyền Pháp nói rõ quan điểm của ta. Emin Bôla lúc này đã thay Đácgiăngliơ làm Cao uỷ Pháp ở Đông Dương, nhận lời

thương lượng với ta. Từ Hà Nội, Pan Muýt đi xe qua cầu Long Biên, cầu Đuống, lên Đa Phúc rồi lên Thái Nguyên. Ông ta được Bác tiếp tại một địa điểm thuộc một khu rừng ở Thái Nguyên. Rất có thể Bác biết Pan Muýt là một điệp viên của Pháp, nên Bác dặn anh em phải giấu kín mọi thứ, không để cho ông ta phát hiện ra. Pan Muýt trao cho Bác bức thư của Cao uỷ Bôla, kèm theo yêu sách của tướng Valuy, Tổng tư lệnh quân đội Pháp tại Đông Dương, đòi ta trao súng đạn cho chúng, rồi quân Pháp đảm nhiệm việc duy trì an ninh trật tự trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam. Bác trả lời Pan Muýt rằng: "Đây là điều kiện đầu hàng, không thể nào chấp nhận được". Bác tấn công lại Pan Muýt: "Nếu như đặt ông vào cương vị tôi, ông sẽ xử sự ra sao?". Pan Muýt lúng túng ta mặt: "Vâng, thưa Chủ tịch, đúng là...". Sau lần gặp Bác, Pan Muýt phải rời bỏ hàng ngũ quân viễn chinh Pháp để viết lịch sử. Sau cuộc hội kiến với Pan Muýt, Bác gửi thư cho đồng bào cả nước, nói rõ vì nhân đạo, vì hoà bình, chúng ta muốn cùng phía Pháp dàn xếp cuộc chiến tranh. Song chúng quen thói hung tàn, bất nhân, vô lễ, ngang ngược, khinh miệt nhân dân ta, đòi ta phải nộp vũ khí cho chúng, phải để cho quân Pháp tự do đi khắp nước ta. Rõ ràng chúng đòi ta đầu hàng, bóp hầu Tổ quốc ta, đòi đồng bào và con cháu ta đời đời quỳ gối cúi đầu làm nô lệ cho chúng. Không! Chúng ta quyết không thể làm vong quốc nô. Phải quyết xông lên, tiếp tục chiến đấu. Bác kêu gọi toàn dân ra sức kháng chiến, giúp đỡ bộ đội đánh giặc. Mỗi công dân là một chiến sĩ. Mỗi làng là một chiến hào. Tổ quốc đang kêu gọi chúng ta. Thắng lợi đang chờ chúng ta. Hỡi toàn thể đồng bào hãy tiến lên, tiến lên!

Bác gặp chúng tôi nói rằng, khi nào ta yếu, bọn thực dân Pháp “lên thang”, khi nào ta mạnh, chúng mới chịu "xuống thang". Bác dự đoán, Pháp sẽ còn tăng cường lực lượng, quyết tiêu diệt ta. Vì vậy, chúng ta phải tiếp tục tăng cường lực lượng chiến đấu cho tốt. Đúng như dự đoán của Bác, Chính phủ Pháp tăng cường lực lượng, cử tướng Raun Salăng trở lại Đông Dương thay Valuy làm tổng tư lệnh. Nhiều đơn vị

quân viễn chinh Pháp với súng ống đạn dược, trang bị từ đầu đến chân, cấp tốc sang Việt Nam, chuẩn bị mở cuộc tiến công đại quy mô vào Việt Bắc, thực hiện ý đồ bắt sống hoặc tiêu diệt toàn bộ Chính phủ kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Rõ ràng chúng ta đang sống trong vòng vây của địch. Để đề phòng bất trắc có thể xảy ra, một lần nữa, Bác lại di chuyển chỗ ở đến Định Hoá. Mỗi khi anh em đi tìm địa điểm mới, Bác thường căn dặn nơi đó cần có những điều kiện:

Trên có núi

Dưới có sông

Có đất ta trồng

Có bãi ta vui

Tiện đường sang Bộ tổng

Thuận lối tới Trung ương

Nhờ thoáng ráo, kín mái

Gần dân, không gần đường.

Mỗi lần "Phủ Chủ tịch" dời đi, thường là các cơ quan Trung ương cũng dời theo. Tuy nhiên, cũng có một số cơ quan đóng xa nơi Bác. Đến cơ sở mới, Bác không còn ở nhà "một tầng" nữa, mà ở "lầu"; chiếc "lầu" đặc biệt làm bằng tranh, tre, nứa, lá. Bác ngủ "tầng trên", còn "tầng dưới" là nơi Bác làm việc và tiếp khách. Các đồng chí bảo vệ bố trí nơi ở và làm việc của Bác như vậy là hợp lý, vì nó vừa tránh được âm thấp, vừa tránh được thú rừng. Khi đến địa điểm mới, việc trước tiên Bác yêu cầu là phải đào ngay hầm hố, sau đó tăng gia. Nhờ có tăng gia, cuộc sống dần dần được cải thiện. Khi "Phủ Chủ tịch" mới chằng mấy chốc đầy ắp rau xanh. Đàn gà đông đúc, giúp nhiều cho việc cải thiện bữa ăn. Ăn không hết, Bác bảo anh em phục vụ mang sang cho chúng tôi mỗi người một ít. Đời sống vật chất được cải

thiện đồng thời với đời sống tinh thần được nâng cao. Tiếng đàn, tiếng hát đôi lúc vang lên theo khúc quân hành nơi núi rừng sâu thẳm. Giữa lòng thung lũng, có sân chơi bóng chuyền giúp cho việc rèn luyện thân thể. Đấy, cuộc sống của Bác trên núi rừng Việt Bắc bao giờ cũng ung dung. Bác đánh giặc bằng mọi sức mạnh, khơi thông mọi nguồn, nguồn này chảy vào nguồn kia, tạo thành dòng xoáy mạnh. Phong thái và niềm lạc quan của Bác được thể hiện trong bài thơ:

Đường non khách tới hoà đây,

Rừng sâu quân đến, tung bay chim ngàn.

Việc quân, việc nước đã bàn

Xách bương, dắt trẻ ra vườn tưới rau.

Sống bên Bác, mọi người thấy yên tâm và cõi lòng thanh thản. Bác biết rõ tính cách và sinh hoạt của cán bộ để lựa chiều uốn nắn. Tính tôi hay nóng, Bác biết lắm. Một hôm, Bác bảo: “Lửa nóng làm mọi người rất mệt, trời nóng làm mọi người đầm đìa mồ hôi, con người ta nóng thường làm mọi người khó chịu”. Bác chỉ nói có ngần ấy lời, vậy mà tôi đã suy ngẫm nhiều, và sau lần đó, tính nóng có phần nào giảm đi. Tôi còn được nghe một câu chuyện Bác sửa tính nóng cho cán bộ: Một đồng chí cấp tướng có tài cầm quân, chỉ hiềm nổi, tính rất nóng. Một hôm, Bác mời đến, rót cho đồng chí đó một cốc nước rất nóng và bảo: "Chú uống đi". Đồng chí này nhấc cốc nước lên rồi đặt xuống mấy lần vẫn không sao uống được vì nóng quá. Khi ấy, Bác mới nhẹ nhàng nói: "Chú thấy chưa, nóng bao giờ cũng khó tiếp thu". Vị tướng hiểu ra rằng, Bác phê bình mình một cách rất khéo. Bác quan tâm đến sức khoẻ của cán bộ, chiến sĩ và đồng bào. Vì vậy, nhiều lần, chúng tôi được nghe Bác nói về giữ gìn sức khoẻ. Có lần Bác viết cho một mảnh giấy nhỏ, bảo tôi nhắc anh em hút thuốc lá ít thôi, không thì hại sức khoẻ lắm. Bác là

người nghiện thuốc lá. Nhiều lần muốn bỏ, nhưng vì hay làm việc về ban đêm, nên cứ phải hút.

Bác rất tâm lý, nói rằng đồng bào các dân tộc Việt Bắc quen với cuộc sống nơi núi rừng, quen với vất vả, nên cũng quen với nếp sống kháng chiến. Song, đối với những cán bộ từ thành phố lên đây hẳn gặp khó khăn. Nghĩ vậy, Bác viết thư tâm sự cùng các đồng chí. Trong thư, Bác viết đại ý: Ngày trước các bạn có một cách sinh hoạt và làm việc khác hẳn với bây giờ. Ngày trước, làm việc có thì giờ nhất định. Ngoài giờ làm, có bạn bè cùng vui thú giải trí. Sinh hoạt thì yên tĩnh và tương đối phong lưu. Nhưng đến khi lên trên Việt Bắc này, cảnh vật lại khác hẳn. Suốt ngày nghe tiếng chim kêu vượn hót, cảnh núi non rừng rậm, suối sâu, làm lòng người lắng đọng. Đã thế sinh hoạt thiếu thốn, ai cũng khó nhọc và cực khổ. Muốn vượt lên cảnh thiếu thốn này, chỉ có cách ráng sức chịu đựng. Khi ta xác định được cần phải chịu khổ để mưu cầu việc lớn, ta sẵn sàng chấp nhận. Sự chấp nhận vui vẻ sẽ làm ta không cảm thấy khổ. Lúc này đây, cần phải đem tinh thần ra để chiến thắng vật chất. Hãy vì nước vì dân mà chịu khổ, một cái khổ có giá trị nghìn vàng. Khổ tận thì cam lai. Trường kỳ kháng chiến là viên đá thử vàng đối với mỗi người dân, cũng là trường học rèn luyện cán bộ. Bác mong mỗi người hãy gắng sức chịu đựng, giữ gìn kỷ luật, tuyệt đối bí mật, đoàn kết chặt chẽ, giúp đỡ lẫn nhau, hoàn thành nhiệm vụ. Đó là những chuẩn mực đạo đức của người cán bộ kháng chiến. Đó cũng là cách rèn luyện tốt nhất để vượt qua gian khổ, đưa sự nghiệp kháng chiến mau đến thành công.

Bức thư tâm huyết của Bác làm nhiều cán bộ xúc động, nhất là những cán bộ vốn quen sống nơi thành thị. Họ chấp nhận gian khổ nơi núi rừng âm u để cùng toàn dân mở cuộc hành quân vào lịch sử. Tôi biết có đồng chí định "dinh tề", nhưng đến khi đọc được thư Bác, đã trấn tĩnh được tinh thần và yên tâm phục vụ kháng chiến. Đặc biệt, đối với những cán bộ trí thức, vốn ít quen chịu khổ, nay được nghiên cứu

thư Bác đã biểu lộ quyết tâm chấp nhận gian khổ, sẵn sàng dấn thân vào con đường kháng chiến, như các anh Tôn Thất Tùng, Đặng Văn Ngữ, v.v... Anh Tôn Thất Tùng kể lại rằng, nhờ có tư tưởng của Bác soi sáng, tâm hồn anh đã chuyển biến theo cách mạng. Là một thầy thuốc, anh nói rằng, Bác có đôi mắt rất sáng, và dưới ánh sáng của đôi mắt Bác Hồ, anh nhìn thấy tiền đồ của dân tộc. Anh là một trong những người được Bác yêu quý. Tôi biết, thường sau mỗi khi anh đến khám bệnh cho Bác, Bác thường giữ anh lại hỏi chuyện công việc hay gia đình. Có hôm Bác mời anh ở lại ăn cơm. Khi biết anh có con trai đầu lòng, Bác bảo: "Để tôi đặt tên cho cháu. Tên chú có bộ mộc, nên đặt cho con chú tên Bách". Năm 1948, anh được Bác chỉ định vào Chính phủ kháng chiến, làm Thứ trưởng Bộ Y tế. Có lần, Bác viết thư động viên anh: "Thân gửi bác sĩ Tùng. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Y tế báo cáo: chú làm việc rất hăng hái. Tôi rất vui lòng. Chú cứ gắng sức. Kháng chiến nhất định thắng lợi. Tổ quốc sẽ nhớ công con hiền cháu thảo. Thím và cháu đều mạnh khỏe chứ? Tôi luôn luôn bình an. Gửi chú và thím lời chào thân ái và quyết thắng". Còn anh Đặng Văn Ngữ mới ở Nhật Bản về Việt Bắc năm 1949, qua đường Thái Lan. Khi về anh đem theo hai chủng nấm làm thuốc kháng sinh, đó là Pênixilin Nôcatum và Stréptômiset Gridêút. Từ hai chủng nấm này mà anh Ngữ, anh Tùng cùng các bác sĩ quân y đã cấy nấm, chế thành thuốc kháng sinh Pênêxilin và Stréptômixin. Nó đã chữa bệnh cho nhiều cán bộ, bộ đội. Thành công của các anh làm Bác rất vui lòng. Một hôm, họp Hội đồng Chính phủ, Bác bảo anh Tùng: "Bác cho phép chú lựa một huân chương nào mà chú muốn, chú tự bình bầu đi!". Anh Tùng và anh Ngữ đều xin nhận Huân chương kháng chiến hạng ba. Rồi Bác mời các anh dự bữa cơm thịt gà. Hôm trao huân chương, Bác bảo các anh là "xidovăn" (Cidevant - danh từ mà Cách mạng Pháp năm 1789 đã dùng để gọi các nhà quý tộc) nay được Chính phủ ta tặng huân chương, còn gì vinh dự bằng. Bác mong các anh cố gắng. Trước sự quan tâm đặc biệt của Bác, các anh cảm động lắm, hứa với Bác nguyện suốt đời làm người thầy thuốc tận tụy phục

vụ nhân dân. Còn có thể kể ra đây rất nhiều cán bộ trí thức được Bác quan tâm giáo dục, trở thành anh hùng, chiến sĩ thi đua, những người có công lao trong việc phục vụ kháng chiến.

Trong lúc mọi công việc phục vụ kháng chiến dần dần đi vào ổn định, thì ngày 7-10-1947, thực dân Pháp bắt đầu mở cuộc đánh lớn lên Việt Bắc. Hơn 12000 quân tinh nhuệ được trang bị vũ khí đầy đủ, tiến công ào ạt vào các tỉnh Bắc Giang, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Tuyên Quang, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Cao Bằng... Chúng thọc sâu vào căn cứ địa cách mạng của ta bằng những gọng kìm thép, nhằm tiêu diệt các cơ quan đầu não kháng chiến của ta, từ đó mà xoá bỏ chính quyền cách mạng, lập ách thống trị của Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Đánh lên Việt Bắc, địch còn nhằm khoá chặt biên giới, không cho ta quan hệ ra nước ngoài.

Về phía ta, ngay từ tháng 9-1947, Thường vụ Trung ương và Bác đã dự đoán trước một khả năng địch sẽ đánh lên Việt Bắc. Vì vậy, Trung ương và Bác đã có kế hoạch tích cực chuẩn bị nhằm sẵn sàng đối phó với cuộc tiến công đó. Trung tuần tháng 9 năm ấy, Trung ương quân uỷ mở hội nghị quân sự thảo luận tình hình chiến sự. Bác gặp chúng tôi nói rằng, địch đánh Việt Bắc, chúng nhất định thất bại, vì địa hình Việt Bắc hiểm trở, rất khó hành quân. Về phía ta có nhiều thuận lợi, quen với thông thổ, nhân dân Việt Bắc có lòng yêu nước nồng nàn, căm thù giặc sâu sắc, một lòng một dạ theo Chính phủ kháng chiến. Thuận lợi đó sẽ là hậu thuẫn vững mạnh cho bộ đội chủ lực ta đánh giặc. Bác yêu cầu mỗi người phải hết sức cảnh giác và giao cho chúng tôi nhiệm vụ đi kiểm tra, đôn đốc nhân dân vùng có chiến sự sơ tán, cất giấu tài sản, đặc biệt là lương thực cần giấu kỹ nơi hang sâu, quyết không để cho địch lấy đi. Thực hiện lời Bác, các cơ quan Mặt trận, Tổng Liên đoàn lao động... cử các cán bộ về địa phương nắm tình hình. Kho tàng được phân tán nhanh vào trong các lán. Bộ Quốc phòng trang bị cho các cơ quan chính, dân, đảng một số súng để tự vệ.

Lúc đầu chúng nhảy dù đột ngột xuống Bắc Cạn, đánh về Khe Khao, Đàm Hồng, Vũ Nhai, Đại Từ, Chiêm Hoá và nhiều nơi khác. Đi tới đâu, chúng giết người, đốt nhà, cướp của tới đó. Rừng Việt Bắc lửa bốc cao. Những tiếng nổ đình tai suốt ngày đêm. Những tên lính viễn chinh mang súng tiểu liên đi lom khom dò đường. Vì sợ bộ đội ta mai phục đánh ập ra, nên chúng tiến chậm chạp.

Một số tên có lẽ quá chú ý đến việc vơ vét của cải, nên không phát hiện ra chúng tôi, mặc dù có lúc chúng tôi chỉ cách chúng vài ba chục mét. Chúng đã đến bệnh viện, giết hại bệnh nhân, đốt phá nhiều nhà dân tại khu vực làng Ai và làng Bình... Một số cơ quan bị chúng đốt trụ phải di chuyển về Việt Trì và Sơn Tây.

Khi địch nhảy dù xuống Bắc Cạn, Bác còn ở Định Hoá. Nhưng trong quá trình chiến dịch, Bác đã di chuyển chỗ ở đến làng Vang, châu Vũ Nhai rồi lại chuyển đến Khuôn Dát. Những ngày chiến dịch, Bác ở bên cạnh Bộ Tổng tư lệnh, theo dõi sát tình hình các mặt trận, chỉ đạo kịp thời. Phải nói rằng, thời gian này sức khoẻ của Bác rất tốt, da dẻ hồng hào, gân cốt cứng cáp, nên đi lại hăng hái.

Trong lúc quân ta đang chiến đấu anh dũng ngoài mặt trận, một phái đoàn các cụ phụ lão, râu tóc bạc phơ, đến yết kiến Bác, xin Bác cho các cụ thành lập đội "Bạch đầu quân" đánh giặc. Có cụ cầm gậy múa trước Bác với những động tác khoẻ, uyển chuyển, tỏ rõ sức mạnh của mình, Bác hoan nghênh các cụ và nói: Đời Trần có Hội nghị Diên Hồng, đời này có các cụ, đời nào cũng có những người tóc bạc yêu nước. Nghĩa khí ấy do núi sông tụ lại. Rồi Bác làm thơ ca ngợi:

Tuổi cao chí khí càng cao

Múa gươm giết giặc ào ào gió thu.

Sẵn sàng tiêu diệt quân thù

Tiếng thom Việt Bắc ngàn thu lẫy lừng.

Đúng như nhận định của Bác, chiến dịch Việt Bắc kết thúc thắng lợi. Ngày 22-12-1947, tại thị xã Tuyên Quang, quân và dân ta tổ chức lễ duyệt binh lớn mừng chiến thắng. Hơn 3000 tên xâm lược phải bỏ xác nơi núi rừng, 3000 tên khác bị thương và gần 300 tên đầu hàng.

Đây là chiến dịch phản công quy mô lớn đầu tiên của ta trên địa thế núi rừng. Với cách đánh vận động, du kích, ta đã đánh bại cuộc tiến công chiến lược của thực dân Pháp, làm tan vỡ cái gọi là "một đòn quân sự rất mạnh để kết thúc cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương như một cuộc bắn pháo hoa đẹp mắt" mà giới quân sự Pháp khoe khoang khi bước vào chiến dịch.

Chiến dịch Việt Bắc kết thúc thắng lợi, làm Bác vui lắm. Tại "đại bản doanh", Bác tiếp nhiều khách. Các tầng lớp nhân dân, đại diện các cơ quan, đoàn thể, đơn vị quân đội, lại có cả người nước ngoài, đến chúc mừng Bác và chúc mừng chiến thắng của quân và dân ta. Nhiều đơn vị gửi quà chiến lợi phẩm đến biếu Bác. Bác nhận rồi chuyển số chiến lợi phẩm đó tặng các cụ phụ lão, anh chị em thương binh, bệnh binh. Nhiều cơ quan cũng được Bác tặng quà. Cơ quan Mặt trận Liên Việt và Tổng Liên đoàn lao động cũng vinh dự được Bác cho quà.

Ngay sau khi chiến dịch Việt Bắc kết thúc, tôi thấy Bác đêm nào cũng miệt mài đánh máy. Tiếng máy chữ lách cách vang lên trong núi rừng im lặng. Có hôm trời đã về khuya vẫn nghe tiếng máy chữ lách cách. Thấy vậy, các đồng chí bảo vệ lo cho sức khỏe của Bác, nhưng lại ngại không dám vào giục Bác đi nghỉ, mới nhờ tôi nói giùm. Tôi đánh bạo đi vào, nói: "Thưa Bác, trời khuya rồi...". Bác gạt đầu mà không ngẩng lên nhìn tôi: "Chú đi nghỉ trước đi, mình đang đánh dở, còn vài trang nữa là xong". Mấy hôm sau, Bác gọi tôi, nói: "Để kịp thời động viên đồng bào trước chiến thắng Việt Bắc, mình đánh máy gấp cuốn "Việt Bắc anh dũng" nên mới phải làm khuya". Cuốn "Việt Bắc anh dũng" của Bác được Tổng bộ Việt Minh xuất bản vào đầu năm 1948, là cuốn sách tổng kết về chiến dịch Việt Bắc có giá trị.

Cuốn sách nêu bật nguyên nhân của thắng lợi là nhờ có sự lãnh đạo sáng suốt của Chính phủ, sự điều khiển khôn khéo của Bộ Quốc phòng và Bộ Tổng chỉ huy chiến dịch, sự dũng cảm tuyệt vời của tướng sĩ Vệ quốc quân và dân quân du kích, sự hăng hái của đồng bào ta. Sách xuất bản, Bác tặng chúng tôi mỗi người một cuốn. Cuốn sách mà Bác tặng đã trở thành vật vô giá trong tủ sách của tôi.

Sau chiến thắng Việt Bắc, Bác họp Thường vụ Trung ương, nói rằng, kháng chiến đã dần dần chuyển sang giai đoạn mới, chắc chắn còn gay go, quyết liệt. Vấn đề đặt ra cần chuẩn bị mọi mặt để hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Lúc này, về mặt quân sự, ta giành thắng lợi giòn giã không chỉ ở chiến trường Việt Bắc, mà còn ở các chiến trường khác, nhất là Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Nhưng về ngoại giao, các nước anh em chưa biết nhiều về cuộc kháng chiến của ta, nhất là chiến thắng Việt Bắc, vì địch ra sức bung bít. Bác và Trung ương biết rõ điều này. Một hôm, Bác và anh Trường Chinh gặp tôi, giao nhiệm vụ tổ chức một đoàn đại biểu ngoại giao ra nước ngoài để tuyên truyền về cuộc kháng chiến của ta, nhằm tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân thế giới. Nhận nhiệm vụ của Bác và anh Trường Chinh giao, tôi về tổ chức ngay đoàn đi. Chỉ vài ngày sau đã lên được danh sách các thành viên của đoàn: Anh Nguyễn Chương, Xứ uỷ viên Bắc Kỳ, làm trưởng đoàn. Các thành viên trong đoàn gồm có anh Trần Mai, phụ trách Tỉnh đội dân quân Nghệ An; anh Lê Đức Chinh; anh Nguyễn Văn Dậu, cán bộ trung đoàn trưởng; anh Trần Thanh, cán bộ thanh niên; anh Ngô Điền, sinh viên; anh Nguyễn Văn Hường, cử nhân khoa học; anh Nguyễn Song Tùng, đại diện thanh niên khu bốn; anh Nguyễn Minh, công nhân trưởng kỹ nghệ thực hành; anh Hoàng Nguyên, cử nhân luật. Có thể còn một vài đồng chí nữa mà tôi quên tên. Văn phòng Trung ương viết giấy triệu tập cấp tốc các anh đến để họp đoàn và giao nhiệm vụ cụ thể. Hôm họp đoàn, anh Trường Chinh đến nói chuyện, phân tích rõ âm mưu của Pháp và chủ trương của ta. Anh thông báo cho anh em trong đoàn biết về tình hình các

chiến trường trong cả nước mà ta vừa giành được thắng lợi. Sau đó, anh đề nghị anh em đổi tên mới để đi cho giữ được bí mật.

Trong khi anh em đang chuẩn bị tài liệu để lên đường, Bác gọi tôi đến hỏi về công việc chuẩn bị và sức khoẻ của anh em trong đoàn. Bác bảo tôi: "Chú xem ai có khó khăn gì về gia đình không? Trước khi đi, cần kiểm tra lại sức khoẻ của anh em vì tôi biết chuyến này đi là vất vả". Rồi Bác trao cho tôi bức thư do Bác tự tay đánh máy nhờ tôi trao lại cho anh em trong đoàn. Bác nói: "Cố gắng động viên tinh thần anh em cho tốt". Trong thư, Bác viết:

"Gởi các đồng chí lên đường,

Một, chúc các đồng chí đi đường, chân cứng đá mềm, thuận buồm xuôi gió.

Hai, các đồng chí đi đường sẽ cực khổ, công tác sẽ khó khăn. Các đồng chí phải đem toàn tinh thần và nghị lực của thanh niên yêu nước mà chịu đựng, phấn đấu, khắc phục mọi sự gian nan để tranh lấy thắng lợi.

Ba, từ lời nói đến việc làm, bất kỳ to nhỏ, các đồng chí phải luôn luôn nhớ rằng: Mình là đại biểu cho thanh niên yêu nước, ra ngoài để giúp anh em công tác, để đem tình thân ái của Tổ quốc cho kiều bào và để giúp đỡ họ, để tuyên truyền cho thanh niên và cho cả dân tộc Việt Nam.

Bốn, các đồng chí phải: ở trong nội bộ thì thương yêu giúp đỡ nhau, phê bình và học tập nhau. Trong công tác, thì cố gắng làm cho đầy đủ nhiệm vụ, làm cho xứng đáng lòng tin cậy của anh em thanh niên, của đoàn thể và của đồng bào.

Mong rằng các đồng chí sẽ nhớ những lời thành thật đó, và sẽ làm tròn sứ mệnh vẻ vang đó.

Chúc các đồng chí mạnh khoẻ.

Chào thân ái và quyết thắng.

Tháng 2-1948

Hồ Chí Minh".

Bác ký bằng mực tím và đóng dấu vuông, nhỏ, màu đỏ rất đẹp.

Tôi mang thư của Bác đọc cho anh em trong đoàn nghe. Ai nấy đều xúc động lắm. Anh Nguyễn Chương nói: “Không ngờ Bác lại đánh giá cao chuyến đi của chúng tôi như thế”. Anh nhờ tôi báo cáo lên Bác là dù khó khăn, gian khổ thế nào, anh em cũng cố gắng làm tròn nhiệm vụ. Tôi đem ý kiến của anh em trong đoàn báo cáo lên Bác. Bác khen như vậy là tốt. Bác còn dặn phải hết sức quan tâm đến anh em, phát thêm cho mỗi đồng chí một bộ quần áo phòng khi đi đường...

Anh em lên đường vào trung tuần tháng 2-1948. Tôi tiễn anh em một đoạn. Trong giây phút chia tay, người đi, kẻ ở đều cảm thấy bùi ngùi, xúc động. Sau này, tôi được nghe anh Nguyễn Minh kể lại về chuyến đi rất gian khổ. Anh em phải đi bộ từ Việt Bắc vào Nghệ An qua Cửa Rào đến Mường Xén. Tiếp đó, xuyên qua rừng, chiến đấu với phi và thú dữ vượt Trường Sơn đến bờ sông Mê Công, rồi xuống thuyền sang Bùnh Càn. Từ Bùnh Càn, anh em đi Noọngkhai, Udon và Băng Cốc. Từ Băng Cốc, một số đồng chí sang Rănggun thuộc Miến Điện. Khi đi, anh em có mang theo cuốn sách "Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch". Anh em muốn tuyên truyền ra thế giới cuốn sách viết về Bác, để qua đó, bầu bạn hiểu được cuộc chiến đấu của nhân dân ta. Lúc này ở Thủ đô Rănggun, ta đã tổ chức phòng thông tin Việt Nam do bác sĩ Trần Văn Luân, đại diện Chính phủ ta, phụ trách. Được sự giúp đỡ của Chính phủ Miến Điện, một chuyên gia tiếng Anh, người Ấn Độ, tên là Valendu, đã xin dịch cuốn sách sang tiếng Anh. Sách dịch khá tốt. Dịch xong, chuyển xuống nhà in ngay. Sách được phát hành với một khối lượng lớn. Nhân dân Miến Điện và những người nước ngoài ở Miến Điện, nhất là những sinh viên, thi nhau tìm cuốn sách để đọc. Nhiều sinh viên nói rằng, đọc cuốn sách hay như tiểu thuyết, nhưng lại là thật. Qua đó, họ thấy rõ tâm vóc của Hồ Chí

Minh và cuộc đấu tranh của nhân dân ta. Hàng tuần, những tin tức về cuộc kháng chiến được gửi từ trong nước sang. Anh em biên tập lại rồi in thành tài liệu phân phát cho các nhà báo nước ngoài. Nhiều đồng chí còn trực tiếp đến nói chuyện tại các giảng đường trường đại học, các xí nghiệp và vùng nông thôn. Như vậy, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn, ta vẫn cố gắng tuyên truyền ra quốc tế về cuộc kháng chiến của ta, nhận được sự giúp đỡ to lớn của nhân dân thế giới đối với nhân dân Việt Nam. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, bộ phận ở Băng Cốc và bộ phận ở Rănggun cùng sang Trung Quốc, rồi sang Tiệp Khắc. Chuyến đi dài ngày của đoàn mang lại kết quả tốt đẹp. Bác rất vui mừng về kết quả đó.

Ở Khuôn Dát đến khoảng cuối tháng 4-1948, Bác chuyển chỗ ở đến Nà Lọm, thuộc xã Phú Đình, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên. Phú Đình là một xã lớn gồm hơn 20 xóm. Nhân dân sống ở đây, phần lớn là dân tộc Tày. Nhìn chung, đồng bào Tày rất hăng hái phục vụ cách mạng, cuu mang, đùm bọc cán bộ. Ruộng đất nơi đây tương đối tốt, nông dân cấy hai mùa lúa. Thóc thừa đều đem ủng hộ cách mạng. Bác rất quý và tin nhân dân địa phương. Bác yêu cầu cán bộ, chiến sĩ phải thực hiện nghiêm chỉnh nếp sống kháng chiến, làm gương để nhân dân địa phương noi theo, điều cần nhớ phải hết sức tôn trọng phong tục tập quán tiến bộ, lành mạnh của nhân dân địa phương. Thúc lâu mới biết đêm dài, ở lâu mới biết con người dở hay. Bà con địa phương ở lâu với cán bộ, bộ đội Cụ Hồ, biết rõ cái chân chất, nghiêm túc của cán bộ, bộ đội, nên rất quý trọng họ.

Lúc này, tại khu vực Định Hoá, có nhiều thú dữ, nhất là hổ. Chính hổ đã vồ mất con "tu-ma" mà những anh em bảo vệ Bác đã nuôi nó từ những ngày đầu kháng chiến. Dân địa phương nói rằng, giống hổ thường sợ nửa nhon. Vì vậy, các đồng chí bảo vệ đã đi chặt nửa để đan làm cửa nhà và rào giậu chung quanh nơi Bác ở. Vì có nhiều thú dữ và đề phòng khả năng địch tập kích bất ngờ, Cục bảo vệ quy định các cán bộ không được ngủ lẻ tẻ một mình và hạn chế việc "đi lẻ" về với gia

đình. Chúng tôi làm việc, ăn nghỉ đều trong khu vực bảo vệ. Một hôm, tôi nằm ngủ cùng anh Lâm, chiến sĩ cảnh vệ và anh Dư, bác sĩ quân y. Vì lâu ngày không được gặp vợ, nên nhớ. Đang đêm, khi các anh ngủ say, tôi "bí mật" lén ra ngoài, đi thẳng xuống chỗ nhà tôi. Một lát sau, các anh tỉnh giấc, không thấy tôi, liền vùng dậy đi tìm. Tìm mãi không thấy, các anh lo lắng, đành phải đến báo cáo với Bác. Nghe xong, Bác nói: "Các chú xuống chỗ cô Bảy xem, nếu không có ở đấy, thì hỏ vò ròi". Mấy hôm sau gặp Bác, Bác nhìn tôi mỉm cười: "Chú Việt đánh "du kích" rất giỏi. Tôi phục chú đấy". Tôi hơi ngượng, nói khẽ: "Thưa Bác...". Trước sự ấp úng của tôi, Bác cười to. Tôi cười theo. Sự đôn hậu của Bác sưởi ấm lòng tôi trong cái rét ngọt ngào của núi rừng Việt Bắc. Khi Bác thấy nhà tôi và chị Thuận, vợ anh Lê Văn Lương đều có mang. Bác nói: "Cô nào sinh con trước, Bác đặt tên cho". Nhà tôi sinh trước; được Bác đặt tên cho cháu là Hạ Chí Nhân.

Bác ở Nà Lọm đến khoảng đầu tháng 9-1948, chuyển đến Lũng Châu. Hôm ra đi, Bác hết sức giữ bí mật. Bà con dân bản không ai biết. Đến lúc biết, Bác đã đi rồi. Nhiều người rơi lệ vì nhớ Bác. Chỗ ở mới có phần rộng hơn chỗ ở cũ, nằm bên cạnh một con suối. Đêm đêm, nghe tiếng suối chảy rầm rì, tiếng gió bưng reo, gợi lên một cảnh sắc thiên nhiên đẹp. Đạo này, Bác rất bận. Có những hội nghị kéo dài suốt một tuần lễ, vậy mà Bác đến dự rất đều. Nhiều hôm đi họp về khuya, lại mưa to gió lớn, Bác vẫn xắn quần, tay chống gậy đi dưới mưa. Sức khoẻ của Bác đạo này tốt, nên Bác đi rất nhanh, chúng tôi vất vả lắm mới theo kịp.

Năm 1948 kết thúc với những chiến thắng rực rỡ trên nhiều chiến trường. Cuộc kháng chiến bước sang năm 1949. Đầu năm 1949, Trung ương họp Hội nghị cán bộ. Đảng và Bác chủ trương đánh mạnh hơn nữa vào hậu phương địch, vào các vị trí chiến lược, cắt các đường giao thông quan trọng từ chủ động chiến dịch đi đến chủ động chiến thuật, tiếp tục phá tan chiến dịch thu đông của địch. Muốn vậy, công tác trọng tâm trước mắt là tiếp tục xây dựng bộ đội chủ lực, phát triển dân

quân du kích, đào tạo cán bộ, kiện toàn cấp uỷ đảng, củng cố chính quyền. Bác đến nói chuyện trong buổi bế mạc Hội nghị, nhấn mạnh những việc cần làm trong năm 1949 là đẩy tới quân sự, kháng chiến trên hết, quân sự trên hết, tất cả phải tập trung cho kháng chiến thắng lợi. Bác dành nhiều thời gian nói về Đảng, phê phán lối làm việc trong Đảng hiện tại mắc hai khuyết điểm. Đó là cán bộ cũ làm việc theo lối thủ công nghiệp, cán bộ mới làm việc theo lối khoa học, nhưng lại quá trớn, không phù hợp với hoàn cảnh kháng chiến. Phải đòi hỏi cán bộ, đảng viên sửa chữa lối làm việc cho hợp lý, vừa với điều kiện của ta, sức ta, không nên cầu nệ, máy móc, hình thức Bác nói: "Trước mắt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ "cộng sản" mà ta được họ yêu mến". Tôi rất thấm thía câu nói này của Bác. Lúc hội nghị bế mạc, tôi tranh thủ gặp Bác để xin ý kiến về sự chỉ đạo công tác mặt trận là dân vận. Tôi nhớ lúc ấy còn có anh Tôn Đức Thắng đứng bên cạnh. Bác bảo chúng tôi: "Vấn đề hiện nay là cần củng cố Việt Minh, thống nhất Liên Việt. Chuẩn bị thật tốt mọi mặt để sau Đại hội Đảng, chúng ta có thể thống nhất Việt Minh - Liên Việt, tạo thành một khối vững chắc làm hậu thuẫn cho cuộc kháng chiến giành thắng lợi". Bác dặn riêng tôi: "Chú Việt, ngoài công việc cùng Bác Tôn lo thống nhất Việt Minh – Liên Việt, còn chuẩn bị vận động công nhân tiến tới Đại hội công đoàn".

Những ý kiến chỉ đạo của Bác tại Hội nghị cán bộ cao cấp đầu năm 1949 đã được các ngành, các giới biến thành hành động cách mạng. Bộ đội ta làm theo lời Bác, liên tiếp mở nhiều chiến dịch lớn: Chiến dịch Lao Hà, tháng 2-1949; chiến dịch Đông Bắc, tháng 3-1949; chiến dịch Lê Lợi ở Hoà Bình; chiến dịch Lê Lai ở Quảng Trị, v.v... Trong chiến dịch Sông Thao ở Yên Bái, tháng 5-1949, bộ đội ta dùng mìn đánh giáp lá cà, tiêu diệt nhiều tên địch, buộc chúng phải rút lui nhiều đồn bốt, phá vỡ từng mảng phòng tuyến sông Thao. Đặc biệt, trận Phố Ràng, ta đã tiêu diệt được cả một đại đội địch. Trận đánh Phố Ràng đã được nhà văn Trần

Đặng mô tả bằng những cảnh sinh hoạt lạc quan và chuẩn bị chu đáo của bộ đội ta khi đánh đồn. Trong chiến dịch Sông Lô, tháng 5-1949, bộ đội ta phá tan cuộc hành quân Pômôn (Pomone) của địch đánh lên Phú Thọ, Tuyên Quang. Chiến dịch gan góc suốt 7 ngày đêm trong hoàn cảnh đi chân đất, ăn cơm nắm muối vừng, bộ đội ta vẫn hăng hái đánh địch, thắng giòn giã những trận Trảng Sảo, Lệ Mỹ, Núi Hét, Tiên Du (Phú Thọ). Bộ đội của trung đoàn 308 và trung đoàn 209 lần đầu tiên đánh vận động, bẻ gãy cuộc hành binh của địch, diệt 800 tên, thu nhiều vũ khí. Nhiều trận đánh khác diễn ra ở Nam Bộ, Trung Bộ, nói lên sự trưởng thành của quân đội ta.

Thời gian này, tôi thấy nhiều nhà báo nước ngoài gửi thư sang Việt Nam, phỏng vấn Bác. Hãng thông tấn Anh Roitor (Reuter) bắn tin sang thăm dò Bác về việc Bảo Đại trở về Việt Nam. Khi họ hỏi: "Người ta có thể cứ coi cựu hoàng để Bảo Đại vẫn giữ chức tối cao cố vấn của Chính phủ Việt Nam không?", Bác trả lời một câu rất hay mà sau đó hãng Roitor nhắc đi nhắc lại mãi: "Ông ta đã tự cách chức ấy rồi". Lại cũng chuyện Bảo Đại. Phóng viên báo Phrăngxơ Xoa (France Soir) hỏi Bác: "Theo ý Chủ tịch giữa Chính phủ của Chủ tịch với Bảo Đại có thể có thoả ước hay không?". Bác trả lời: "Trong một nước, làm gì có thoả ước giữa một tư nhân công nhân với Chính phủ do toàn dân cử ra". Nghe nói câu trả lời sắc nhọn của Bác đã làm cho Bảo Đại đau đầu. Bác có nhận xét đúng về Bảo Đại: Ông ta có lần đã trịnh trọng thề trung thành với Tổ quốc, với nhân dân và Chính phủ. Nếu ông ấy cam tâm buôn dân bán nước, ông ấy sẽ bị tội phản quốc như những kẻ phản quốc khác.

Phong trào thi đua tiên tuyên giết giặc lập công, hậu phương tăng gia sản xuất được đẩy lên trong thời gian này.

Ngày nào, Bác cũng nhận được thư từ các nơi gửi đến báo cáo với Bác những thành tích của địa phương mình. Bác viết thư gửi các địa phương; thư gửi đội lão dân quân huyện Nam Đàn; thư gửi học viên trường y tá Liên khu I; Thư gửi các

chiến sĩ đường số 5, v.v... Bức thư nào Bác cũng nói rõ nhiệm vụ cần làm trong phong trào thi đua yêu nước. Có lần, Bác nhận được một thanh kiếm "Quyết thắng" do anh chị em công nhân xưởng Phan Bội của Liên khu I gửi tặng. Khi đồng chí cảnh vệ mang kiếm vào dâng Bác, Bác hạ bút viết thư luôn cho Liên đoàn lao động Liên khu I. Trong thư, Bác viết: "Tôi đã nhân danh Liên đoàn Lao động Liên khu I gửi kiếm ấy làm giải thưởng cho bộ đội nào ở Nam Bộ lập chiến công to nhất trong năm nay" (năm 1949). Hưởng ứng phong trào thi đua do Bác phát động, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam mở nhiều "chiến dịch thi đua" mang các tên: "Tăng gia sản xuất vũ khí", "Toàn dân thi đua ái quốc, tăng gia sản xuất, giết giặc, cứu nước", "Gây cơ sở, phá kỹ lục", "Tăng gia sản xuất, tự túc ăn mặc" v.v... Tuy những tên gọi của các địa phương có khác nhau, nhưng nội dung chính tập trung vào việc vận động mọi người thi đua phát minh sáng chế, đổi mới cung cách làm việc, thợ khéo dùi dất thợ kém, tất cả nhằm phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất. Thi đua ở cơ quan rồi lại thi đua trong gia đình bằng việc tăng gia, tự túc tự cấp: Bản thân tôi thuộc loại "chân yếu", nhưng chiều nào cũng vác cuốc đi tăng gia. Có hôm cuốc đất tới lúc trời tối hắt mới về. Sự cố gắng được đền bù bằng những luống rau xanh, bí, ngô, khoai. Tôi trông được một vườn bí sai quả. Khi bí to, tôi hái vài quả, nhờ đồng chí thư ký mang sang biếu Bác. Bác nhận bí, rồi gửi lại đồng chí thư ký chuyển cho tôi bức thư. Trong thư, Bác đề vắn vện có hai câu thơ:

"Ăn quả nhớ kẻ trồng cây

Cám ơn chú Việt, bí này còn non"

Câu thơ của Bác nhắc nhở tôi đừng vội hái quả non, mọi cái phải đạt tới "độ chín" mới có giá trị. Cách nhắc nhở nhẹ nhàng của Bác làm tôi thấm sâu. Ngôn ngữ của Bác bao giờ cũng tế nhị, nhưng sâu sắc, chính vì thế mà Bác cảm hoá được nhiều người. Nghe nói, sau đó ít lâu, bên cơ quan Mặt trận, các đồng chí cũng trông được

ít bí, gửi sang biểu Bác mấy quả. Bác cũng bảo bí còn non và cũng gửi các cụ hai câu thơ tương tự như thơ Bác gửi cho tôi:

“Ăn quả nhớ kẻ trồng cây

Cảm ơn các cụ, bí này còn non”.

Lúc này, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam đã trực tiếp xây dựng và điều hành một số xưởng như TK1, TK2, TK3. Riêng trong ngành sản xuất vũ khí có sự trưởng thành vượt bậc: Tổng Liên đoàn trực tiếp quản lý 8 xưởng gần 500 công nhân. Hệ thống quân giới có 89 xưởng, 12 công trường, 15 kíp sản xuất gần 16000 công nhân. Hệ thống dân quân có 46 xưởng, 1 công trường, 3 kíp sản xuất gồm 8000 công nhân. Tổng Liên đoàn cử các cán bộ xuống tận xí nghiệp nghiên cứu tình hình, đề xuất với Chính phủ những biện pháp nhằm tổ chức lại sản xuất, từng bước cải thiện đời sống cho công nhân viên chức. Rồi công đoàn cùng chính quyền tổ chức khám bệnh, phát thuốc thực hiện bảo hiểm xã hội đối với công nhân. Một đời sống tinh thần lành mạnh trong công nhân, viên chức được chăm chút, nâng niu trong hoàn cảnh vừa sản xuất, vừa phải ăn khoai, sắn, thậm chí phải ăn củ mài. Lúc bấy giờ, trong Tổng Liên đoàn, có đồng chí nêu ý kiến hãy tập trung vào kháng chiến, còn việc học hành, vui chơi giải trí chờ đến ngày hoà bình lập lại. Chúng tôi phản đối quan điểm này. Bác cũng đồng ý với chúng tôi và nói rằng, kháng chiến của ta là kháng chiến toàn dân, toàn diện, kháng chiến - kiến quốc, có sao chỉ có đánh giặc nơi trận tiền mà bỏ mất việc củng cố hậu phương. Tổng Liên đoàn chỉ thị cho công đoàn các cấp cần chú trọng huấn luyện về chính trị, nghiệp vụ chuyên môn cho công nhân. Những lớp văn hoá bắt buộc được tổ chức ngay bên bờ suối, nơi rừng sâu, núi cao, ai không học sẽ bị phạt. Nhờ vậy, mà chúng ta đã xoá nạn mù chữ cho nhiều người. Có đồng chí khi mới đi kháng chiến còn mù chữ. Vài năm sau viết thư về cho vợ nói những lời âu yếm làm người vợ rất ngạc nhiên khi nhận thư chồng. Tại một cơ quan, có đồng chí văn hoá mới chỉ i tờ

nhưng cứ giấu mãi, lúc nào cũng tỏ ra mình biết chữ, nên không thèm đi học. Tôi biết thóp anh ta. Một lần, tôi mời anh đến, nhờ anh viết giúp cho một công văn nhắc các cơ sở gửi báo cáo thành tích thi đua về Trung ương. Anh ta vâng vâng dạ dạ, nói rằng sáng mai sẽ gửi cho tôi. Tôi yêu cầu anh viết tại chỗ có sự giám sát của tôi. Lúc ấy, anh lúng túng, bèn thú thật văn hoá của mình mới chỉ i tờ. Tôi yêu cầu bắt buộc anh phải cấp tốc học chữ. Hẹn trong 6 tháng phải đọc thông viết thạo, bằng không sẽ bị kỷ luật. Với biện pháp kiên quyết này, anh về học chữ ngày đêm. Sáu tháng sau, anh mang cuốn sách đến đọc cho tôi nghe lưu loát. Tôi bắt tay anh rất thấm thiết. Phải nói rằng, mặc dù sống trong hoàn cảnh kháng chiến, Bác rất quan tâm đến việc học văn hoá của cán bộ, chiến sĩ. Câu hỏi của Bác thường là: "Đơn vị chú còn ai mù chữ không?". Bác tâm sự với chúng tôi: "Chúng ta có ba cái đáng lo, thứ nhất là giặc xâm lược, thứ nhì là giặc đói, thứ ba là giặc dốt. Nếu chúng ta nhanh chóng thanh toán giặc dốt, sẽ mau chóng giết hết được giặc xâm lược và đẩy lùi được giặc đói". Nhờ có sự chỉ đạo chặt chẽ của Tổng Liên đoàn, hơn 1000 lớp học văn hoá đã ra đời trong hoàn cảnh kháng chiến, dạy cho hơn 25.500 học viên cấp I.

Phong trào thi đua phát triển, làm Bác vui lòng. Nhưng Bác lại rất buồn mỗi khi nhận được những báo cáo nói về sự lãng phí, thiếu trung thực ở một số nơi, một số người lợi dụng tài sản của Nhà nước, quân đội mà mưu cầu việc riêng. Một hôm, Bác mời anh Xuân Thuỷ đến, trao cho anh một tập bản thảo do tự tay Bác đánh máy, nhờ anh chuyển cho các đồng chí ở toà soạn báo *Cứu quốc* để đăng. Đó là cuốn sách "Cần, kiệm, liêm, chính". Trong cuốn sách, Bác nói rõ vì sao Bác đề ra khẩu hiệu: "Cần, kiệm, liêm, chính". Vì đó là nền tảng của đời sống mới, nền tảng của thi đua yêu nước. Bác nói bốn mùa của trời là Xuân, Hạ, Thu, Đông; bốn phương của đất là Đông, Tây, Nam, Bắc; còn bốn đức của con người là Cần, Kiệm, Liêm, Chính. Bác viết:

Trời có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông.

Đất có bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc.

Người có bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính.

Thiếu một mùa, thì không thành trời.

Thiếu một phương, thì không thành đất.

Thiếu một đức thì không thành người.

Bác nói mục đích của chúng ta là làm cho con cháu mình sung sướng, gia đình no ấm, làng xóm mình thịnh vượng, nòi giống mình vẻ vang, nước mình giàu mạnh. Muốn vậy, người dân của nước đó phải có liêm sỉ, nghĩa cử, lòng trách ảm và thực hiện cần, kiệm, liêm, chính. Tôi còn nhớ có lần một đoàn cán bộ đến chúc mừng ngày sinh của Bác. Đồng chí trưởng đoàn thưa với Bác: "Nhân dịp đến chúc thọ Cụ, xin Cụ cho một khẩu hiệu để chúng tôi có phương hướng hoạt động". Bác vui vẻ nói ngay: "Cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư", đồng chí không nói gì, mặt hơi cúi xuống. Thấy vậy, Bác nói: "Đồng ý chứ?".

Đồng chí trưởng đoàn rụt rè nói: "Thưa Cụ, xin Cụ miễn thứ cho, nghe nó cổ cổ thế nào ấy". Bác nói: "O hay, sao lại cổ. Cơm các cụ ăn, bây giờ chúng ta ăn cũng thấy ngon vậy có cổ không. Cái hay của tổ tiên ta thì ta học". Câu Bác nói hết sức đơn giản, vậy mà thâm sâu.

Cuộc kháng chiến bước vào năm 1950 trong thế đứng vững của dân tộc. Kẻ địch tập trung binh lực vào đánh ta, cho nên tính chất của nó rất quyết liệt. Bác và Trung ương chủ trương gấp rút chuẩn bị mọi mặt để chuyển sang tổng phản công. Bác nói: "Năm mới là một năm quyết định". Để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ, vấn đề trọng tâm đặt ra cho Tổng Liên đoàn lao động là gấp rút kiện toàn hệ thống tổ chức công đoàn các cấp, nhằm phục vụ kháng chiến ngày càng hiệu quả. Điều lệ Công đoàn cần sửa đổi cho phù hợp với tình hình mới. Ban Chấp hành Tổng Liên

đoàn phải được bầu chính thức, không thể kéo dài tình trạng hoạt động lâm thời mãi. Chúng tôi thảo luận kỹ vấn đề này và đi tới thống nhất cần triệu tập Đại hội lần thứ nhất công đoàn Việt Nam. Tôi và anh Trần Danh Tuyên xin gặp Bác để trình bày, Bác góp thêm ý kiến: "Cần tổ chức cho đoàn viên học tập nắm chắc nội dung thi đua trong tình hình mới, tất cả chuẩn bị cho tổng phản công. Đại hội phải hết sức tiết kiệm, tránh phô trương hình thức và phải thật sự dân chủ, bình đẳng. Chú ý có đại biểu nữ công nhân". Bác lấy làm tiếc không đến dự Đại hội được vì sắp phải đi xa. Nhưng sẽ có thư gửi Đại hội.

Sau lần gặp ấy, Bác lên đường đi thăm Trung Quốc và Liên Xô, nhằm mở con đường ngoại giao ra các nước. Công việc đi Trung Quốc và Liên Xô được Bác chuẩn bị từ cuối năm 1949. Đầu tháng 1-1950, Bác lên đường. Vì đây là chuyến đi bí mật, nên việc tiễn chân Bác không tổ chức công khai. Trước lúc ra đi, Bác gặp riêng một số người cần gặp, dặn dò, giao nhiệm vụ trong lúc Bác đi xa. Đoàn đường từ Tuyên Quang đến Trùng Khánh (Trung Quốc), Bác chủ yếu đi bằng ngựa và nhiều lúc phải đi bộ. Từ Trùng Khánh, Bác đi bằng nhiều phương tiện: ô tô, xe ngựa, xe lửa... một chuyến đi dài ngày và vất vả, nhưng thành công.

Đại hội lần thứ nhất công đoàn Việt Nam họp từ ngày 1-1-1950 và kéo dài trong nửa tháng tại Việt Bắc. Gần 200 đại biểu công đoàn đã về dự. Hôm khai mạc, Đại hội lắng nghe thư Bác. Trong thư, Bác biểu dương giai cấp công nhân và công đoàn Việt Nam tận tụy phục vụ kháng chiến. Bác giao nhiệm vụ chính cho Đại hội là lãnh đạo phong trào công nhân chuẩn bị bước vào tổng phản công, liên hệ chặt chẽ với công nhân vùng địch kiểm soát, giúp đỡ và lãnh đạo nông dân, liên hệ mật thiết với công nhân thế giới. Thư của Bác trở thành nội dung chỉ đạo của Đại hội. Đọc xong thư Bác, anh Trường Chinh, Tổng Bí thư của Đảng đọc diễn văn, phân tích sâu sắc tình hình mới và nhiệm vụ của công nhân và công đoàn trong sự nghiệp kháng chiến kiến quốc. Sau diễn văn của anh Trường Chinh là báo cáo của

Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam. Đại hội nhất trí thông qua Nghị quyết về nhiệm vụ tổ chức công đoàn. Nghị quyết nhấn mạnh: ở vùng tự do, công đoàn tăng cường vận động công nhân đẩy mạnh mọi mặt sản xuất; đẩy mạnh chiến tranh nhân dân, tích cực củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, góp phần xây dựng quân đội vững mạnh. Xây dựng và phát triển chế độ Ủy ban xí nghiệp để lao động tham gia vào sự quản trị xí nghiệp... ở vùng tạm chiếm cần tích cực phá hoại kinh tế địch, phát triển và giữ vững cơ sở tổ chức công đoàn, phát huy mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của công nhân hoà đồng cùng cả nước trong cuộc phản công sắp tới. Đại hội bầu Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam gồm 21 uỷ viên chính thức và 4 uỷ viên dự khuyết. Tôi được bầu làm Chủ tịch và anh Trần Danh Tuyên được bầu làm Tổng Thư ký Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam.

Sau Đại hội, Tổng Liên đoàn phát động đợt thi đua mới mà trọng tâm công tác xoáy vào năng suất, chất lượng, cải tiến kỹ thuật, phát huy sáng kiến, trau dồi nghề nghiệp. Phong trào được tổ chức chặt chẽ, chỉ đạo kịp thời mà sát sao, đạt kết quả tốt. Trong các xí nghiệp, hội đồng thi đua được thành lập gồm giám đốc, công đoàn, công nhân... Hội đồng có quyền hạn ấn định mức thi đua, phát động thi đua, tổng kết, phổ biến kinh nghiệm thi đua. Công đoàn vùng tự do hăng hái sản xuất, trong khi đó, công đoàn vùng địch tạm chiếm lập nhiều thành tích trong cuộc đấu tranh, phá hoại máy móc của địch. Nhiều bản báo cáo sinh động của Liên hiệp công đoàn Nam Bộ, Liên hiệp công đoàn Liên khu 5, Liên hiệp công đoàn Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, công đoàn mỏ đặc khu Hồng Gai... gửi lên Tổng Liên đoàn là bằng chứng sinh động của cao trào đấu tranh, phá hoại kinh tế của địch ở các thành phố lớn. Trong các báo cáo gửi về, đáng chú ý là báo cáo của công nhân mỏ than Hồng Gai trong đại đội mang tên Hồ Chí Minh được thành lập từ hồi đầu kháng chiến toàn quốc. Ngoài nhiệm vụ đánh vào kinh tế địch, đại đội còn tham gia chiến đấu trên mặt trận Đông Bắc, tiêu diệt hơn 20 tên sĩ quan Pháp tại Hà

Làm. Nét đặc sắc của đại đội Hồ Chí Minh là càng gặp hoàn cảnh nguy hiểm, sức chiến đấu càng gan dạ, chất của người thợ được biến thành chất anh hùng ca của người chiến sĩ xung trận. Với những thành tích trên, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam quyết định khen tặng đại đội Hồ Chí Minh đạt danh hiệu thi đua cao quý: Chiến sĩ lao động. Hàng trăm chiến sĩ công đoàn và công nhân được Chính phủ tặng thưởng huân chương. Danh sách những công nhân được khen thưởng nay vẫn còn nguyên vẹn. Tên tuổi của họ hiện đang nằm trong những tờ giấy bồi, in mực tím. Nó trở thành "pho sử" của giai cấp công nhân Việt Nam. Quên làm sao được, khi đọc những thành tích của họ, thấy họ là những con người bình thường, có khi rất bình thường, như làm công nhân hoá xa, công nhân ấn loát, anh thợ nề, chị cạo mũ cao su, có người khai làm nghề hát bội, nghề quét rác, móc cống, chữa kính, bút máy... vậy mà đứng trước quân giặc, họ trở thành thiên thần, lập chiến công mà nhiều người nước ngoài gọi đó là "chuyện huyền thoại". Quên làm sao được, những công nhân cao su miền Đông Nam Bộ tổ chức cuộc phá hoại kinh tế địch lớn nhất chưa từng có trong lịch sử. Hàng nghìn thùng étxăng, dầu ma dút, cùng máy móc, kho tàng phút chốc biến thành tro bụi. Ngọn lửa khổng lồ bốc lên từ rừng cao su Quán Lợi, cháy suốt một tuần lễ, biểu hiện một sự suy sụp nghiêm trọng trong chính sách cai trị của thực dân Pháp ở Đông Dương.

Khi Bác từ Liên Xô trở về Việt Bắc vào tháng 4-1950, chúng tôi báo cáo với Bác về thành tích của phong trào công nhân trong giai đoạn tổng phản công, Bác mừng lắm, khen rằng, thành tích này chứng minh cho kết quả Đại hội công đoàn.

Bác về nước được ít ngày, Thường vụ Trung ương họp để báo cáo với Bác tình hình trong lúc Bác đi vắng và thảo luận một số nhiệm vụ mới, cấp bách. Cuộc họp diễn ra trong hai ngày 6 và 7-4-1950. Anh Trường Chính báo cáo: Thực hiện lời căn dặn của Bác, cuối tháng giêng, đầu tháng 2-1950, Trung ương có triệu tập Hội nghị toàn quốc của Đảng lần thứ ba, nhằm động viên và chuẩn bị cho toàn Đảng

chuyển sang tổng phản công, huy động nhân lực, vật lực, tài lực để chiến thắng. Để giành thắng lợi, cần củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất, củng cố Đảng về tư tưởng và tổ chức, tăng cường quân đội, thực hiện phương châm vận động chiến là chính. Bác hoan nghênh việc triệu tập Hội nghị toàn quốc của Đảng, khẳng định kết quả của Hội nghị. Khi nhận định về tình hình mới, Thường vụ cho rằng thắng lợi trong thời gian qua trên các chiến trường Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ là chắc chắn. Thường vụ Trung ương nhất trí mở cuộc vận động lớn thi đua chuyển mạnh sang tổng phản công, lập thành tích kỷ niệm lần thứ 60 ngày sinh của Bác (19-5-1890 – 19-5-1950), quyết định lấy ngày 19-5 hằng năm làm ngày phát động thi đua và ngày 19-12 năm đó là ngày tổng kết phong trào thi đua. Bác phát biểu nhân mạnh trong thời gian qua chúng ta đã chiến thắng về chính trị trong cuộc tổng phản công, nhân dân ta đồng lòng dốc sức cho cuộc kháng chiến, nhân dân thế giới bước đầu thấy được tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến của ta, lên án quân xâm lược. Cuộc tổng phản công chính trị thắng lợi chắc chắn sẽ giúp nhiều cho cuộc tổng phản công bằng quân sự sắp tới, Bác còn dặn rằng chủ trương lấy ngày 19-5 làm ngày phát động thi đua yêu nước, thi đua kháng chiến trong toàn quân và toàn dân là đúng. Song, phải giáo dục cho mọi người đừng có lợi dụng nó mà ăn uống xa xỉ, gây lãng phí tiền bạc và thì giờ của nhân dân.

Thực hiện chủ trương chuẩn bị tổng phản công tháng 6-1950, Trung ương Đảng và Bác họp quyết định mở chiến dịch biên giới. Biên giới Việt Trung, một dải núi rừng đan xen mà các anh bên quân sự gọi đó là "thế hiểm". Nó kéo từ Tây Bắc đến Đông Bắc Bắc Bộ, dài 300 cây số dọc theo các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Hải Ninh. Quân địch ở Tây Bắc và Đông Bắc có 17 tiểu đoàn và 9 đại đội mạnh. Mở chiến dịch Biên giới nhằm mở rộng vùng giải phóng Việt Bắc, phá thế bao vây của địch, mở thông đường giao thông quan trọng giữa nước ta và các nước xã hội chủ nghĩa. Để bảo đảm chắc thắng cho chiến dịch, Trung ương Đảng và Bác quyết định

thành lập Bộ chỉ huy và Đảng uỷ Mặt trận Biên giới do anh Võ Nguyên Giáp trực tiếp làm chỉ huy trưởng kiêm Bí thư Đảng uỷ. Anh Trần Đăng Ninh trực tiếp phụ trách công tác hậu cần chiến dịch. Trung ương và Bác còn điều động hơn 200 cán bộ công tác tại các cơ quan trung ương và các khu tăng cường cho mặt trận, làm nhiệm vụ cung cấp, tiếp tế.

Vào trung tuần tháng 9-1950, Bác lên đường đi chiến dịch biên giới. Trước lúc Bác lên đường, tôi được gặp Bác tại Bản Khay, Tuyên Quang. Bác giao nhiệm vụ cho chúng tôi ở lại hậu phương làm mọi việc có thể làm để phục vụ cho tiền phương, trước hết là tổ chức và động viên công nhân sản xuất nhiều vũ khí, phương tiện, kịp thời phục vụ mặt trận. Tôi được các anh đi cùng Bác kể lại chuyến đi này của Bác hết sức vất vả. Đi trong gió núi và mưa ngàn, trèo đèo, lội suối, qua Chợ Chu, Bắc Cạn, đến huyện Lam Sơn, vượt đèo Khau Liêu, sang Quảng Uyên, tới Nà Lan đến Đông Khê. Trong cuốn "Vừa đi đường vừa kể chuyện", có viết: "Phần thì để giữ bí mật, phần thì không muốn phiền đồng bào, mỗi tối chúng tôi thường đóng quân ở một ngôi đình, ngôi chùa, hoặc một cái lán bỏ hoang. Mấy đồng lá cây, phủ thêm mấy tấm bạt, ở giữa đốt bếp lửa, là thành "hành doanh" của đội "phụ tử binh" chúng tôi".

Trong lúc Bác đi chiến dịch, ở hậu phương, chúng tôi quyết tìm mọi biện pháp làm đúng lời Bác dặn. Ngoài việc phát động trong công nhân đợt thi đua "Tất cả cho chiến dịch", sản xuất nhanh, thiếu quần áo, thuốc men, quân trang, quân dụng để gửi ra chiến trường. Tổng Liên đoàn còn tổ chức phát động công nhân trong lòng địch tiếp tục phá hoại máy móc, phương tiện, quyết không để cung cấp cho binh lính của chúng ở mặt trận. Chỉ trong một thời gian ngắn kể từ ngày phát động, chúng tôi đã nhận được từ các cơ sở những bản báo cáo thành tích của công nhân trong việc phá hoại tài sản của địch. Từ Hồng Gai, công đoàn báo về, trong cuộc phá hoại, địch thiệt hại hơn 131 triệu đồng. Công đoàn Hải Phòng báo lên, công

nhân phá hoại một chiếc tàu và một sà lan của địch thiệt hại 147.400 đồng. Công nhân tỉnh Nam Định, trong tuần lễ phối hợp với chiến dịch biên giới, đến các kho tàng của địch thiệt hại một trăm triệu đồng. Tại Thuận Hoá, công nhân hoả xa phá cầu, làm cho tàu hoả của địch chở vũ khí đi qua nhào cả xuống sông. Giao thông giữa Huế và Quảng Trị bị cắt đứt trong ba ngày, không cho địch thực hiện kế hoạch càn quét. Trong lúc tiếng súng nổ giòn ở biên giới phía bắc, tại Nam Bộ, hàng nghìn công nhân, học sinh và đồng bào tập trung trước cửa hàng Ôлимпích (Olympic) ở đường Saxêlô (Chaseloup) mít tinh phản đối thực dân Pháp đàn áp dã man công nhân và nhân dân thành phố. Còi báo động rúc inh ỏi trên các đường phố. Bọn cảnh binh địch tức tốc được huy động đến xả súng vào đồng bào. Nhiều công nhân chết và hàng trăm người bị bắt cho lên xe đưa về bót tra tấn. Lập tức, công nhân các hãng Đềnanh (Denin), Upêvin (Upévil), Amprinôxa (Imprimioci), Sidéch (Sidec), Đraga (Đragases) và nhiều hãng khác tuyên bố cương quyết trả thù cho đồng đội đã ngã xuống. Một phong trào đấu tranh dấy lên sôi sục của công nhân các hãng Satích (Satic), Epphen (Eiffel), hãng Ga-ra (Garage) Lê Huy Cường, cùng công nhân hãng thuốc lá Mitác, hãng Sôđa (Soda) và nhiều hãng khác. Thành phố Sài Gòn rung chuyển trước cao trào đấu tranh như nước vỡ bờ của công nhân. Nhiều công nhân hoả xa Sài Gòn bắt con gà sống chặt đứt cổ, hứng máu truyền nhau uống và thề rằng: "Chúng ta sống, bọn khát máu thực dân phải chết". Ngày nay, có dịp ngồi đọc những báo cáo của công đoàn Nam Bộ cuối năm 1950, tôi thấy hiện lên những trận đấu tranh sinh tử giữa những người mất nước và những kẻ cướp nước. Chết oanh liệt của nòi giống Hồng Lạc xen trong chất bi tráng, tạo nên hào khí Việt Nam, mà những trang "cảo thơm" ấy sẽ còn nhiều người lần giở đọc trước đèn.

Được sự phối hợp chặt chẽ giữa các chiến trường cả nước, giữa tiền phương và hậu phương, có cách đánh hợp lý sự chỉ đạo tác chiến trực tiếp của Bác và Bộ Tổng tư

lệnh, sau gần một tháng, kể từ trận đánh mở màn Đông Khê, chiến dịch biên giới kết thúc thắng lợi bằng việc tiêu diệt binh đoàn Sác tông. Phối hợp cùng chiến dịch biên giới, quân và dân Tây Bắc liên tục tiến công địch, buộc chúng phải rút khỏi Lào Cai và Sa Pa. Trên mặt trận Thái Nguyên, bọn địch thua "vắt chân lên cổ" mà chạy. Thấy bốn bề trống không, chúng hoang mang, bỏ việc chiếm Hoà Bình. Cuối tháng 10-1950, toàn bộ dải biên giới Việt - Trung dài 750 cây số sạch bóng quân xâm lược. Khúc khai hoàn ca chiến thắng vang lừng một dải biên thùy. Trong niềm vui háo hức, ngày 14-10-1950, Bác gửi thư tới đồng bào Cao-Bắc-Lạng. Thư Bác là một bản tổng kết chiến dịch mà nguyên do làm nên chiến công lẫy lừng là ở tinh thần hăng hái của đồng bào Việt Bắc tham gia kháng chiến, vì bộ đội cụ Hồ dũng cảm vô song, vì quân, dân, chính, đảng đoàn kết một lòng, vì Chính phủ ta rất kiên quyết. Hình ảnh nhân dân vùng biên giới không quản đường sá xa xôi, trèo đèo lội suối, ăn đói, nằm sương, còng lưng đẩy xe thồ lên dốc, căng sức cuốc đất mở đường cho bộ đội hành quân đã được Bác nêu trong thư, thể hiện sự hy sinh quên mình của nhân dân trong cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc.

Chiến dịch tuy kết thúc, nhưng đằng sau nó còn biết bao việc phải giải quyết và quan tâm. Hình ảnh Cụ già đầu đội mũ cát, mặc quần nâu áo vải, khăn mặt vắt vai, tay chống gậy, băng rùng lội suối, đi thăm anh chị em thương binh, bệnh binh, gây xúc động mạnh đối với mọi người. Anh chị em nhận điều thuốc, hộp sữa từ tay Bác trao mà không cầm được nước mắt. Tấm lòng nhân đạo cao cả của Bác còn biểu hiện ở sự quan tâm đến tù binh địch. Nhiều binh lính địch chắc còn in đậm trong ký ức hình ảnh một Cụ già vào thăm trại tù binh. Cụ nói chuyện với họ bằng tiếng Pháp như người Pháp nói. Qua họ, Cụ muốn nói với nhân dân Pháp về nguyện vọng hoà bình của nhân dân ta và phân tích chính sách khoan hồng của Chính phủ đối với các tù binh. Thấy một viên sĩ quan Pháp run lên vì lạnh, Bác cởi ngay chiếc áo mình đang mặc khoác vào người anh ta, làm anh ta không cầm được nước mắt,

đã bật lên tiếng khóc. Ngày xưa, Napôlêông bắt được tù binh, đã mang họ ta bãi biển bắn chết hàng nghìn người. Đó là con người ác độc. Ngày nay, Bác Hồ lại có chính sách đối xử nhân đạo với các tù binh. Lòng vị tha của Bác đã cảm hoá được muôn người.

Hoàn thành xong nhiệm vụ chỉ đạo chiến dịch biên giới, Bác trở về "Phủ Chủ tịch" ở Tuyên Quang. Trên đường về, đồng bào các dân tộc đón Bác trong tình cảm của những đứa con đối với một người cha. Nhớ lại lúc trên đường ra trận, Bác vừa đi vừa kể cho anh em nghe về "Chinh phụ ngâm" và "Truyện Kiều". Giờ đây, trên đường về, thơ "Chinh phụ ngâm" và "Kiều" lại được Bác ngâm lên giữa nơi núi rừng trùng điệp.

Tính từ khi Bác đi chiến dịch đến lúc trở về mất gần hai tháng. Về tới "Phủ Chủ tịch", Bác nhận được tin buồn: Người anh ruột của Bác là ông Nguyễn Sinh Khiêm đã mất tại quê hương Kim Liên ngày 25-8-1950. Nhận được tin ấy, chúng tôi đến chia sẻ nỗi buồn cùng Bác, thấp nén hương kính cẩn nghiêng mình trước vong linh người đã khuất. Ngày 9-11-1950, Bác viết một bức thư gửi họ Nguyễn Sinh ở Nghệ An. Trong thư, Bác nói vì việc nước nặng nề, đường sá lại xa cách, nên Bác không thể về trông nom khi ông Khiêm ốm đau, cũng như không thể về lo liệu khi ông Khiêm mất. Vì vậy, trước linh hồn ông, Bác xin bà con quê hương tha thứ cho một người con đã hy sinh tình nhà vì phải lo việc nước. Sau này, khi hoà bình lập lại, tôi có dịp về thăm quê Bác, được bà con nói rằng, bức thư của Bác thể hiện sâu đậm tình nhà, nghĩa nước.

Những ngày sau chiến dịch biên giới, Bác tiếp tục điều hành bộ máy kháng chiến. Với nếp sống như xưa, sau mỗi ngày làm việc, Bác vui chơi thể thao, đánh bóng chuyền cùng anh em, rồi vác cuốc trồng cây, trồng rau. Nếp sống kháng chiến rất đẹp của Bác được Bác thể hiện đầy đủ trong một bài thơ viết bằng chữ Hán mà anh Xuân Thủy đã dịch sang tiếng Việt:

Đường non khách tới hoa đầy,

Rừng sâu quân đến, tung bay chim ngàn.

Việc quân, việc nước đã bàn,

Xách bương, dắt trẻ ra vườn tưới rau.

Chẳng mấy chốc năm 1950 kết thúc. Cuộc kháng chiến của dân tộc bước sang năm thứ 5 (ở Nam Bộ là năm thứ 6). Bác nhắc chúng tôi tổng kết công tác trong năm, nhớ rút ra kinh nghiệm nhằm làm tốt hơn cho năm sau. Nhân kỷ niệm ngày toàn quốc kháng chiến, Bác viết thư gửi đồng bào, chiến sĩ cả nước. Trong thư, Bác so sánh cuộc kháng chiến ngày nay với cuộc kháng chiến chống quân Nguyên, quân Minh ngày xưa. Bác viết rằng, ngày xưa quân giặc ở bên cạnh nước ta và rất hùng mạnh. Nước ta lúc ấy người ít, sức yếu, nhưng nhờ đoàn kết, hăng hái, tổ tiên ta đã chiến thắng quân thù. Còn ngày nay, chúng ta đánh quân thù từ xa lại, người ta đông hơn trước, sức ta mạnh hơn, cố kết cùng nhau và có mối liên hệ với nhân dân thế giới, cho nên chúng ta chắc chắn rằng kháng chiến nhất định thắng lợi, lũ thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ sẽ phải chuốc lấy thất bại đau đớn như quân Nguyên, quân Minh. Bác dặn chúng ta: Cuộc kháng chiến đã vượt qua 4 năm gian nan cực khổ, thắng lợi đang xích lại gần. Nhưng chớ vì thắng mà kiêu căng, chủ quan, khinh địch. Bài học Bác nêu lên: Càng gần đến ngày thua, càng quấy mạnh, như con thú dữ, liều mạng xông vào đánh ta. Vì vậy, chúng ta phải chuẩn bị tốt, cảnh giác tốt, sẵn sàng đối phó với những khó khăn mới.

Bước sang năm 1951, toàn Đảng lao vào chuẩn bị cho Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ hai sắp họp. Để tiến tới Đại hội, ngay từ nửa cuối năm 1949, Trung ương Đảng đã tiến hành một số công việc có liên quan đến công tác Đảng: Ban Chấp hành Trung ương họp trong các ngày 21, 22 và 23-6-1950, quyết định triệu tập Đại hội toàn quốc lần thứ hai của Đảng và đề nghị Đại hội xem xét việc đưa Đảng ra công

khai và lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam. Sau đó, đến tháng 7-1950, Trung ương ra thông cáo do anh Trường Chinh, Tổng Bí thư của Đảng, ký về việc đề nghị đổi tên Đảng. Thông cáo nêu rằng, cuối năm 1945, Đảng Cộng sản Đông Dương rút vào hoạt động bí mật và tuyên bố "tự giải tán". Song trên thực tế, Đảng vẫn tồn tại và lãnh đạo toàn dân kháng chiến kiến quốc. Ngày nay, tình hình biến chuyển mau lẹ, Đảng cần ra công khai để tập hợp công nhân lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Đã đến lúc cần phải có một chính đảng mạnh mẽ, lãnh đạo các tầng lớp nhân dân lao động và dân tộc chiến đấu chống bọn đế quốc xâm lược và xây dựng một nước Việt Nam mới, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội. Lúc ấy, có đồng chí thắc mắc tại sao Trung ương lại đổi tên "Đảng Cộng sản" thành "Đảng Lao động"? Làm như vậy liệu còn "chất cộng sản" nữa không? Thông cáo của Trung ương giải thích dù lấy tên gì đi nữa, mục đích và nội dung căn bản hoạt động của Đảng là lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng, nguyên tắc tổ chức của Đảng vẫn là dân chủ tập trung và quy luật phát triển của Đảng vẫn là phê bình và tự phê bình. Thông cáo giải thích sau khi Đảng ra công khai với tên "Đảng Lao động", Hồ Chủ tịch và các đồng chí lãnh đạo công khai tuyên bố đứng trong Đảng, để có danh chính ngôn thuận hơn. Việc Hồ Chủ tịch là lãnh tụ công khai của Đảng có ảnh hưởng rất lớn trong và ngoài nước. Thông cáo kết luận việc Đảng ta lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam trong lúc này là cần thiết và có lợi. Sau này, nếu có điều kiện thuận lợi Đảng Lao động Việt Nam lại có thể lấy tên "Đảng Cộng sản". Đó là ý kiến của Trung ương về vấn đề đổi tên Đảng. Tôi nhớ hồi ấy, các tổ chức cơ sở Đảng thảo luận rất nhiều về việc Đảng đổi tên. Có ngày, chúng tôi nhận được hàng chục bức thư của các cấp bộ Đảng và đảng viên nói về vấn đề này. Tiếp theo thông cáo đề nghị đổi tên Đảng và Chỉ thị về việc tạm ngừng kết nạp đảng viên mới trong cả nước. Chỉ thị giải thích trong mấy năm gần đây, Đảng ta phát triển quá nhanh. Chỉ trong 2 năm 1948 và 1949, đã kết nạp 50 vạn đảng viên mới. Trong số những đảng viên mới được kết nạp, có rất nhiều đồng chí trung thành, hăng hái.

Tiếc rằng, bên cạnh đó, một số tổ chức cơ sở Đảng đã đưa vào Đảng những người không xứng đáng, không đủ tiêu chuẩn. Do quan niệm phát triển Đảng không đúng, nên kết nạp lụp chụp, cầu thả. Hiện tượng này được chứng tỏ trong các cuộc chiến đấu với địch, một số đảng viên tỏ ra tiêu cực, cầu an, không thi hành nghị quyết của Đảng. Thậm chí có cả những phần tử đầu cơ, lợi dụng Đảng để mưu lợi ích riêng cho mình. Ở một vài nơi, đã khám phá ra những tên tay sai chui vào Đảng để phá hoại. Để làm trong sạch hàng ngũ của Đảng, kiện toàn tổ chức và chuẩn bị cho Đảng ra hoạt động công khai, Trung ương quyết định tạm ngừng việc kết nạp đảng viên mới trong cả nước. Tuy nói "tạm ngừng kết nạp", nhưng trong Chỉ thị lưu ý các cấp bộ Đảng theo dõi chặt chẽ những chiến sĩ công nông trong phong trào thi đua tỏ ra đặc biệt hăng hái, những chiến sĩ vệ quốc quân, bộ đội địa phương, dân quân du kích xung phong gan dạ, lập chiến công đặc biệt ngoài mặt trận vẫn có thể kết nạp được, nhưng phải do Tỉnh uỷ chuẩn y.

Cùng với Chỉ thị tạm ngừng kết nạp đảng trong cả nước, Trung ương còn mở hai cuộc vận động lớn: đào tạo cán bộ, học tập lý luận, phê bình và tự phê bình. Đó là những công việc mà Trung ương đã chuẩn bị trước khi bước vào Đại hội. Tại Đại hội trù bị, Bác có đến dự và nói rõ mục đích, tính chất và nội dung của Đại hội Đảng lần này. Anh Trường Chinh phân tích nội dung bản báo cáo mà anh sẽ trình bày tại Đại hội. Ngày 18-1-1951, tôi được chỉ định đọc báo cáo. Báo cáo của tôi chủ yếu tập trung nói về công tác mặt trận và công tác công đoàn trong hoàn cảnh cuộc kháng chiến đang ở giai đoạn gay go quyết liệt. Trình bày xong báo cáo, Bác đến gặp tôi, nói rằng báo cáo cần tập trung phân tích sự cần thiết thống nhất Mặt trận Việt Minh và Mặt trận Liên Việt làm một. Dựa vào ý kiến chỉ đạo của Bác, tôi đã bỏ ra mấy đêm tập trung sửa lại báo cáo để chuẩn bị trình bày tại Đại hội chính thức. Sau báo cáo của tôi, các tổ hợp thảo luận. Nội dung thảo luận đề cập nhiều vấn đề, như lịch sử cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc ta khi Pháp sang đến

lúc đó có thể chia thành mấy giai đoạn? Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam có một nhiệm vụ chiến lược hay hai nhiệm vụ chiến lược? Đánh giá về giai cấp địa chủ còn có khả năng phản đế hay trung lập? Cùng với đế quốc, giai cấp địa chủ phong kiến có thể là kẻ thù của cách mạng không? Nếu là kẻ thù có nên xếp ngang với đế quốc không? Đã đến lúc tiến hành cải cách ruộng đất chưa? Vấn đề quốc tế cộng sản tuyên bố giải tán vào năm 1943, vậy tư tưởng của nó còn giá trị chỉ đạo phong trào cộng sản và công nhân quốc tế không? Đại hội trù bị còn thảo luận vấn đề Điều lệ Đảng, trong đó, tranh luận sôi nổi nhất là vấn đề Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, hay Đảng chỉ là của giai cấp công nhân? Trong khi thảo luận vấn đề này, có đồng chí đề nghị ghi vào Điều lệ rằng, Đảng Lao động Việt Nam là "Đảng của giai cấp công nhân, nó đại biểu cho quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động". Một không khí thảo luận dân chủ diễn ra sôi nổi tại Hội nghị trù bị.

Đại hội chính thức họp tại Bản Khay, xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang, từ ngày 11 đến ngày 19-2-1951. Dự Đại hội có 158 đại biểu chính thức và 53 đại biểu dự khuyết thay mặt cho trên 76 vạn đảng viên của đảng bộ Việt - Miên - Lào. Các đồng chí ở Nam Bộ ra dự Đại hội thật vất vả vì phải đi dưới làn bom đạn của địch. Song khi đến Việt Bắc được gặp Bác và các đồng chí Trung ương, ai nấy như khoẻ ra, quên cả mệt nhọc lúc đi đường. Đồng chí đại diện của Đảng Lào, đại diện Đảng bộ Miên đến dự Đại hội trong niềm tin tưởng vào sức mạnh đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương.

Buổi sáng ngày 11, Đại hội nghe đồng chí Tôn Đức Thắng đọc diễn văn khai mạc. Buổi chiều, Bác đọc "Báo cáo chính trị". Tiếp đó là báo cáo "Bàn về cách mạng Việt Nam" của đồng chí Trường Chinh, "Báo cáo về Tổ chức và Điều lệ Đảng Lao động Việt Nam" của đồng chí Lê Văn Lương, báo cáo về "Củng cố khối đại đoàn kết" do tôi trình bày, báo cáo về "Mấy vấn đề tất yếu của chính quyền dân chủ nhân

dân Việt Nam" của đồng chí Phạm Văn Đồng, báo cáo về "Xây dựng quân đội nhân dân" của đồng chí Võ Nguyên Giáp, báo cáo về "Kinh tế tài chính" của đồng chí Nguyễn Lương Bằng, báo cáo về "Xây dựng văn nghệ nhân dân Việt Nam" của đồng chí Tố Hữu cùng nhiều báo cáo bổ sung khác. Đại hội coi báo cáo của Bác và báo cáo của anh Trường Chinh là những văn kiện quan trọng, đã nêu những vấn đề lý luận và chỉ đạo thực tiễn về đường lối của cách mạng Việt Nam. Báo cáo của Bác khẳng định chủ trương kháng chiến lâu dài là đúng. Ngay từ đầu, chiến lược của ta đã thắng chiến lược của địch, vì địch âm mưu đánh chớp nhoáng, ta lại chủ trương đánh lâu dài. Địch âm mưu chia rẽ, ta nêu khẩu hiệu đoàn kết toàn dân. Lực lượng quân sự giữa ta và địch so le lúc đầu, thế mạnh nghiêng về địch nhưng càng đánh, thế mạnh dần dần chuyển sang ta. Bác nói: "Chúng ta quả quyết trả lời những người lừng chùng và bi quan rằng:

Nay tuy châu chấu đá voi

Nhưng mai voi sẽ bị lòi ruột ra.

Sự thật đã chứng tỏ rằng "voi" thực dân đã bắt đầu lòi ruột, mà bộ đội ta đã trưởng thành như con hổ oai hùng". Khi Bác nhắc lại những khó khăn mà Đảng ta đã phải trải qua sau khi Cách mạng tháng Tám thành công và giải thích chủ trương của Đảng lúc đó tuyên bố tự giải tán, sự thật là rút vào bí mật, là đúng, thì có đồng chí đứng lên nói rằng, nếu Đảng không tuyên bố giải tán vào cuối năm 1945, nay chẳng phải tuyên bố ra công khai. Có lẽ đồng chí này chưa thông về chủ trương giải tán Đảng, mặc dù chỉ là danh nghĩa. Bác đã nói rõ lúc đó Đảng phải quyết đoán mau chóng, phải dùng những phương pháp đau đớn để cứu vãn tình thế. Lúc bấy giờ, nước ta độc lập chưa đầy một tháng, thì ở phía nam, quân Anh kéo đến. Chúng mượn tiếng tước vũ khí của Nhật, kỳ thực là giúp thực dân Pháp mưu cướp lại nước ta. Phía bắc, quân Tưởng âm âm kéo sang. Bên ngoài, chúng mượn tiếng tước bỏ vũ khí quân Nhật, kỳ thực muốn tiêu diệt Đảng ta, phá Việt Minh, đánh đổ

chính quyền cách mạng, lập chính phủ phản động. Đứng trước tình hình gay go ấy, Đảng phải dùng mọi cách để sống còn, hoạt động và phát triển. Việc tuyên bố giải tán Đảng cũng là kế giấu kín tổ chức, che mắt quân thù. Tiếc rằng, có đồng chí chưa thông trước việc làm có tính toán của Bác. Tôi nhớ, lúc Đại hội giải lao, đồng chí này đứng ở góc nhà trong lúc mọi người ra sàn nhảy sạp. Thấy vậy, Bác vỗ vai, kéo tay đồng chí đó ra nhảy cùng Bác. Cử chỉ độ lượng và thân mật của Bác làm cho đồng chí này cảm động. Tại Đại hội, đồng chí đại biểu Đảng bộ Lào phát biểu những lời cảm động, khẳng định Đảng Cộng sản Đông Dương đã nắm chính quyền. Vì vậy, lãnh tụ của Đảng, của giai cấp cũng là lãnh tụ của dân tộc. Đồng chí đại biểu Đảng bộ Miên khẳng định con đường tiến lên của Miên là cách mạng dân chủ mới.

Sau hơn một tuần làm việc, Đại hội quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai, lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam, thông qua Chính cương, Điều lệ, Tuyên ngôn, khẳng định Đảng Lao động Việt Nam là chính Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam theo những tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin. Đại hội quyết định ở Lào, Miên sẽ thành lập những tổ chức cách mạng thích hợp với hoàn cảnh cụ thể của hai nước đó. Đảng ta có nhiệm vụ giúp đỡ các đồng chí trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, giành thắng lợi cuối cùng. Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương mới gồm 20 đồng chí. Trong tổng số 147 lá phiếu hợp lệ, Bác trúng tỷ lệ 100%. Bộ Chính trị do Trung ương bầu ra gồm có Bác làm Chủ tịch Đảng, anh Trường Chinh làm Tổng Bí thư của Đảng và các uỷ viên: Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh, Hoàng Quốc Việt và một uỷ viên dự khuyết là anh Lê Văn Lương.

Sau Đại hội, các đại biểu trở về địa phương, cơ quan, đơn vị để tuyên truyền, phổ biến các nghị quyết của Đại hội. Cuối tháng 2-1951, từ Tuyên Quang, Bác lên Bắc Cạn để phổ biến nghị quyết. Hôm ấy, các đồng chí trong Tỉnh uỷ Bắc Cạn và các

cán bộ chủ chốt tập trung ngay tại Huyện uỷ Bạch Thông để nghe Bác nói chuyện. Mặc dù đây là một cuộc họp bí mật không được thông báo trước rằng Bác đến, mà chỉ nói "đại biểu Trung ương về báo cáo nghị quyết mới của Đại hội", song không hiểu vì sao, bà con các dân tộc tập trung đông tới 500 người tại huyện Bạch Thông đón "vị đại diện Trung ương". Nhiều cụ lão nông người Dao, người Tày, người Nùng khệ nệ mang những củ sắn to để biếu "vị đại diện Trung ương". Có cụ còn quả quyết "vị đại diện Trung ương nhất định là một cụ già râu tóc bạc phơ, đôi mắt sáng quắc...". Trước lúc "vị đại diện Trung ương" đến, Tỉnh uỷ đã thu thập ý kiến xem ai có hỏi gì "vị đại diện Trung ương" không? Tương ít, hoá ra những gần 100 câu hỏi. Khi "vị đại diện Trung ương" đến, mọi người rất tinh, từ xa đã "phát hiện" ra Bác Hồ. Họ mới nói với nhau: "Đã bảo mà, tôi đoán trúng mà"; "Tôi biết từ hôm qua"... Ai cũng làm như mình đoán giỏi và biết trước. Sự thực, đó chính là tình cảm của đồng bào đối với Bác. Bác càng đến gần, tiếng reo hò càng vang to:

- Bác Hồ muôn năm!

- Bác Hồ muôn năm!

Ai cũng cố giành giật lấy chỗ ngồi trên cùng để được nhìn thấy rõ Bác. Hàng ngũ lúc này không còn chỉnh tề như trước nữa. Những hàng dây chằng ngang làm giới hạn bị đứt tung. Ban tổ chức cuộc nói chuyện đành bất lực. Khi lòng dân đã ngưỡng mộ vị lãnh tụ lỗi lạc của mình, thì không một bức tường nào có thể ngăn cách họ với Bác. Đứng trước rừng người đó, Bác giơ tay ra hiệu cho mọi người im lặng, rồi nói: "Xin đồng bào trật tự, kéo địch nó nghe thấy, nó sẽ bắn đại bác vào chúng ta". Rồi Bác nhìn hàng dây ngăn, bảo các đồng chí làm nhiệm vụ trật tự: "Các chú gỡ nó đi, làm như vậy là ngăn cách giữa chúng ta với nhau". Vừa nói, Bác vừa tự tay nhổ cọc và cuốn dây lại. Bác không lên lễ đài, mà đứng sát với nhân dân để nói chuyện:

- Các cụ, các đồng chí và đồng bào đã nghe tin về Đại hội Đảng vừa họp chưa?

- Thưa Bác, có:

Bác tiếp:

- Đại hội Đảng họp lần này nhằm đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi và kiến quốc thành công. Mong đồng bào cùng Đảng và Chính phủ cố gắng phấn đấu đẩy nhanh cuộc kháng chiến mau đến thắng lợi. Đồng bào có quyết tâm không?

- Thưa Bác, quyết tâm!

Bác hỏi:

- Có đồng chí, đồng bào nào hỏi gì không?

Một đồng chí người Dao hỏi:

- Thưa Bác, xin Bác nói cho chúng cháu rõ tôn chỉ, mục đích, nhiệm vụ của Đảng Lao động Việt Nam là gì ạ?

Bác cười nhẹ nhàng:

- Cháu có phải là cán bộ tuyên huấn không?

Mọi người cười vui:

- Thưa Bác, đúng đấy ạ!

Bác gật đầu, giải thích:

- Đảng Lao động Việt Nam lúc này có nhiệm vụ đoàn kết toàn dân, phụng sự Tổ quốc, quyết tâm đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, bảo vệ nền độc lập, xoá bỏ di tích phong kiến, thực hiện người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân làm nền cho chủ nghĩa xã hội sau này.

Bác nói xong, đồng bào các dân tộc mang sắn, khoai, chuối đến biếu Bác. Họ xúm xít chung quanh Bác như muốn ngắm nghía mãi khuôn mặt rạng rỡ và phong sương của Bác. Có cụ nói bằng tiếng Dao, thật xúc động:

- Boong làu pỉ noọng toong phjac mươc. Slông căn bầu mì lãng, tán mì mần mì phươc. Slương căn xiên kì giá chươc, pú ơi ...

Sau này, anh Nông Quốc Chấn dịch câu đó ra tiếng Kinh:

- Chúng ta anh chị em bưng rau xanh. Không có gì biếu nhau, chỉ có sản cùng khoai. Yêu nhau xin đừng chối, Cụ ơi ...

Trời chiều, Bác tạm biệt đồng bào, khuất dần sau những lùm cây. Đồng bào quyến luyến trông theo bóng Bác. Trên trời, những đám mây bàng lãng lờ trôi. Chim chóc gọi nhau về tổ. Trời biên giới mù sương. Cái rét vừa đậm, vừa ngọt nơi biên thùy không làm nguội lạnh được tấm lòng đầm ấm, thân thương của đồng bào các dân ta đối với Bác.

Từ Bắc Cạn, Bác trở về Tuyên Quang. Tại Tuyên Quang, Bác gọi tôi lên, nói rằng, nhiệm vụ lúc này là nhanh chóng biến Nghị quyết của Đại hội Đảng thành việc làm. Vì vậy, Bác giao cho tôi cùng các anh Tôn Đức Thắng và Xuân Thủy lo tổ chức Đại hội hợp nhất Mặt trận Việt Minh và Mặt trận Liên Việt lại. Thực ra, việc hợp nhất hai mặt trận này đã được Bác và Trung ương chủ trương từ năm 1948. Ngay từ năm ấy, Ban vận động thống nhất Việt Minh - Liên Việt đã được thành lập. Một trong những công việc mà Ban vận động đã làm là xúc tiến việc lấy ý kiến các cơ quan, đoàn thể, quân, dân, chính, đảng, các vị nhân sĩ, trí thức, các đồng chí phụ trách các bộ, các ngành.... Việc làm này chứng tỏ tính chất dân chủ rộng rãi của Mặt trận. Sau gần ba năm trưng cầu ý kiến, hầu hết các bức thư gửi lên Trung ương đều tán thành việc thống nhất Việt Minh - Liên Việt. Quả xanh dần dần chín. Công việc chuẩn bị đã đầy đủ. Vì vậy, ngày 3-3-1951, tại một địa điểm ở Việt Bắc, Đại hội toàn quốc thống nhất Việt Minh - Liên Việt đã khai mạc. Hơn 200 đại biểu các đoàn thể, các giới, các ngành, quân đội đã về dự Đại hội. Trên những gương mặt sạm đen vì nắng gió cùng khói bụi chiến chinh, ấy vậy mà ai nấy tràn đầy niềm phấn khởi. Có cụ đi bộ mấy ngày ròng, từ Liên khu ba, Liên khu bốn về Việt

Bác, vậy mà vẫn tươi tắn, khoẻ mạnh. Lễ chào cờ được tiến hành nghiêm trang khi đoàn nhạc binh cử Quốc ca và bài “Hồn tử sĩ”. Cả Đại hội vỗ tay không ngớt khi Bác bước lên nói chuyện. Với một tình cảm chân thành, sự ưu ái đặc biệt đối với khối đại đoàn kết toàn dân, Bác nói: Đại hội thống nhất Việt Minh – Liên Việt khai mạc làm tôi vô cùng sung sướng. “Lòng sung sướng ấy là chung của cả toàn dân, của cả Đại hội, nhưng riêng cho tôi là một sự sung sướng không thể tả. Một người đã cùng các vị tranh đấu trong bấy nhiêu năm cho khối đại đoàn kết toàn dân, hôm nay trông thấy rừng cây đại đoàn kết ấy đã nở hoa kết quả và gốc rễ nó đang ăn sâu lan rộng khắp toàn dân, và nó có một cái tương lai, “trường xuân bất lão””. Ngắm nhìn khuôn mặt phong sương và đôi mắt sáng ngời của Bác, chúng tôi, những người dự Đại hội, thật sự vui lòng khi được thấy sức khoẻ dồi dào của vị lãnh tụ tối cao của dân tộc, người đề xướng thành lập Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt, đã dìu dắt nhân dân đoàn kết chiến đấu đập tan xích xiềng của 80 năm nô lệ, thành lập ra Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á, lãnh đạo cuộc kháng chiến trường kỳ, bảo vệ vững chắc nền độc lập và tự do của Tổ quốc. Sự có mặt của Bác tại Đại hội là một bảo đảm cho Đại hội thành công. Bác nói xong, cả Đại hội đứng dậy vỗ tay hồi lâu và hô vang: "Hồ Chủ tịch muôn năm!". Đáp lại lời hô của Đại hội, Bác cũng hô lớn: "Việt Nam đại đoàn kết muôn năm!". Tiếng hô, lời đáp vang vọng núi rừng, làm nổi lên không khí rất náo nhiệt. Các đại biểu đồng thanh nhất trí đề nghị Bác chủ tọa Đại hội, Bác vui vẻ nhận lời. Dưới sự chủ tọa của Bác, Đại hội đã nghe hàng chục bản tham luận. Đại biểu Liên khu Việt Bắc nói về vấn đề dân tộc miền núi. Ý kiến của cụ Nguyễn Xuân Luyện, đại biểu Liên Việt Liên khu bốn, nêu kinh nghiệm tổ chức đại hội nhân dân coi đó là một hình thức mới mẻ và thích hợp, thể hiện tinh thần dân chủ cũng như nhiệm vụ của người công dân trong kháng chiến kiến quốc. Linh mục Vũ Xuân Kỳ, đại biểu công giáo Liên khu ba, với giọng đằm thắm, xúc động từ đáy lòng, nói rằng, "khi thấy Hồ Chủ tịch là thấy cả một chính sách đại đoàn kết, quảng đại, khéo léo của nhân dân ta từ xưa tới

nay". Người công giáo toàn tòng ấy nói rồi ngược lên nhìn Bác, một cái nhìn cảm phục và dân trọng biết bao. Ý kiến của chị Hồ Thị Minh, đại biểu Nam Bộ được Đại hội xem như một câu chuyện kể về phong trào đấu tranh của học sinh và sinh viên Nam Bộ mà chất liệu thực của nó sinh động như những trang huyền thoại của lòng hy sinh vì nước, lòng ngưỡng mộ sâu sắc đối với vị Cha già kính yêu của dân tộc. Chị kể rằng, hằng năm, cứ tới ngày 19-5, Hội học sinh Nam Bộ thường kỷ niệm sinh nhật Bác bằng hình thức toàn thể mặc y phục trắng đi đại hội, đọc tiểu sử của Người, trong khi đó, Bảo Đại về đến Sài Gòn ngày 11-6-1949, bị sáu nghìn học sinh tẩy chay. Họ xé những tờ giấy mời trước mặt nhà chức trách thực dân, từ chối việc đón tiếp "vị cựu hoàng đế". Sự "tra đũa" của nhà chức trách đối với học sinh được thể hiện bằng những cuộn dây trói chân, trói tay họ lại rồi mang đi làm nhục. Càng hèn hạ và đê tiện, Chính phủ bù nhìn ra lệnh đóng cửa nhiều trường. Làn sóng căm phẫn trào dâng như nước sông Sài Gòn. Hàng nghìn người biểu tình phản đối đàn áp. Bọn chiến binh Pháp và cảnh binh bắn vào đoàn biểu tình, xả vòi phun nước vào những tà áo trắng, áo xanh. Anh Trần Văn Ôn, một học sinh yêu nước bị bắn chết trong đám biểu tình. Cả Sài Gòn rơi lệ nhớ thương anh. Hàng đoàn học sinh, công nhân, công chức, anh em xe xích lô, thổ mộ... nối nhau đưa anh về nơi an nghỉ cuối cùng. Học sinh Mỹ Tho đi bộ 70 cây số suốt đêm đến Sài Gòn để kịp đưa tang anh. Sài Gòn sục sôi. Lưỡi dao của thực dân xia vào đồng bào, đồng chí nhưc nhói không làm nhụt đi nghĩa khí dân tộc. Đó là bản anh hùng ca chiến trận được tạo nên từ cái nền vững chắc: Chủ nghĩa yêu nước. Một đồng chí đại diện Liên đoàn thanh niên nhắc đến câu nói của Bác: "Thanh niên là tương lai của dân tộc". Muốn vậy, nhiệm vụ của chúng ta là cần dốc sức xây dựng thế hệ thanh niên Hồ Chí Minh bền vững như bức tường thành, có sức chịu đựng như cây tùng, cây bách mùa đông. Quên làm sao được ý kiến của thượng toạ Phạm Thế Long, đại biểu Phật giáo cứu quốc Liên khu ba, một vị chân tu yêu nước. Vị thượng toạ tụng kinh niệm Phật ngay trong Đại hội cầu cho những thanh niên tăng

ni đã cởi áo cà sa, xông ra tiền tuyến, sánh vai trong chiến hào cùng anh bộ đội Cụ Hồ. Vị thượng toạ nói rằng, phật tử mà xung trận giết giặc đâu có phạm vào giới sát của Thích Ca Mâu Ni. Thượng toạ kể rằng, trong cuộc đời Thích Ca đã có lần ngài giết một bọn cướp bể, cứu lũ người lái buôn, thế mà Ngài vẫn thành Phật. Giết giặc để cứu dân, cứu nước, giết một, cứu mười, như thế thì không phạm giới. Nhân danh nhà Phật, thượng toạ hô lớn: Nguyên đoàn kết chặt chẽ với toàn dân, ủng hộ Chính phủ kháng chiến Hồ Chí Minh để Chính phủ lái con thuyền Việt Nam tới bến bờ hạnh phúc. Anh Hoài Thanh, đại biểu Hội Văn nghệ Việt Nam, cho rằng, trong vườn hoa khối đại đoàn kết toàn dân có tiếng thơ, tiếng đàn, tiếng hát, khúc nhạc dạo đầu của buổi bình minh trong thời đại mới. Rừng hoa ngát hương ấy, có tiếng nói trong như tiếng chim của các em thiếu nhi khi các em gọi Bác:

Bác Hồ ơi!

Cháu là em bé phương xa

Theo anh vệ quốc xa nhà từ lâu,

Cháu qua sông Đuống,, sông Cầu

Phủ Thông, Đèo Khách, An Châu, Lũng Vài..

Có tiếng nói của các cụ phụ lão:

Vượt suối trèo non tôi đến đây

Gặp anh về nghỉ dưới chân mây,

Chúc nhau mạnh khoẻ rồi ra trận

Mau sức càng hăng để đánh Tây.

Có tiếng gọi của lương giáo đoàn kết:

Đôi ta chung bến chung thuyền

Đừng rằng lương giáo mà quên chung dòng.

Có tiếng nói thân thương của miền Bắc, xen tiếng nói đậm thắm miền Trung cùng tiếng nói chân chất miền Nam. Có tiếng nói miền tự do và tiếng nói vùng tạm bị chiếm.

Anh Hoài Thanh giờ lên trước Đại hội hàng trăm bài thơ kháng chiến mà anh sưu tầm được qua những chuyến đi công tác xuống các cơ quan, đoàn thể, đơn vị quân đội.

Nhịp điệu kháng chiến là nhịp điệu văn nghệ. Tiếng nói của văn nghệ là tiếng nói kháng chiến. Đánh giặc, giữ nước, toàn dân hướng về vị Cha già kính yêu, một lòng tin tưởng ở tay lái vững vàng của Người, như trong tiếng hò già gạo vút lên từ đáy lòng cuộc chiến đấu gian khổ ở Bình Trị Thiên:

Cụ Hồ với dân như chân với tay

Như cây với cối, như cội với cành.

Thi đua đốc một lòng thành

Để đáp tấm lòng của Cụ thương dân.

Anh Hoài Thanh vừa dứt, một cụ già tóc bạc như cước, tay chống gậy, đứng lên xin phát biểu. Nhìn ra mới biết đó là cụ Thi Sơn, trong Hội Liên Việt Liên khu ba. Cụ vuốt râu, nói nhẹ nhàng: "Kính thưa Hồ Chủ tịch, thưa các vị, năm nay là năm con Mèo, mọi người nên nhớ vì nó là cái mốc thống nhất Việt Minh - Liên Việt toàn quốc. Tôi nghĩ rằng, Việt Minh là Việt Minh, Liên Việt là Liên Việt. Nhưng lấy sự mật thiết tương quan mà nói thì Việt Minh là Liên Việt mà Liên Việt là Việt Minh. Tuy một mà hai, tuy hai mà một. Việt Minh là đội tiên phong. Liên Việt là đội hậu bị. Quân hậu bị không có đội tiên phong cũng không xong. Đội tiên phong không có quân hậu bị cũng không được. Việc thống nhất này là một trang lịch sử oanh liệt của dân tộc ta, trang đời oanh liệt.

Các đại biểu công nhân, nông dân, trí thức, phụ nữ phát biểu với lòng quyết tâm phụng sự kháng chiến. Sự cam kết của mọi giới, mọi ngành là cùng nhau góp những viên gạch xây dựng lâu đài đoàn kết, xây dựng quả núi Thái Sơn đại đoàn kết. Anh Trường Chinh thay mặt Đảng Lao động Việt Nam đọc một bài phát biểu quan trọng, nêu rõ Hồ Chủ tịch đề xướng chính sách đại đoàn kết, một chính sách đã được kiểm nghiệm qua không gian và thời gian, càng ngày càng thấy đúng. Chính sách đại đoàn kết của Người là quang minh chính đại rộng và sâu, là sự liên minh bền chắc giữa công nhân, nông dân với thân hào, thân sĩ, đoàn thể và giai cấp. Sự liên minh ấy là cội nguồn dẫn đến mọi thắng lợi cho cách mạng Việt Nam.

Là một người dự Đại hội, tôi được chứng kiến bầu không khí thân mật, đầm ấm, chan hoà, cởi mở, giữa Bác và "rừng người đoàn kết". Những phút giải lao, những đêm Đại hội, Bác luôn luôn gần gũi, chăm sóc các đại biểu, tạo nên tình người, tình đời, ân cần, đầm ấm. Ông Trần Hồng Việt, đại biểu Liên khu Việt Bắc, nói với Hồ Chủ tịch rằng: "Tôi thật sung sướng và cảm động khi được Cụ tới dự Đại hội. Cụ mạnh khoẻ và vui tươi là dấu hiệu của những thắng lợi lớn trong những ngày sắp tới. Bởi vậy, tôi muốn hô lên: Hồ Chủ tịch Muôn năm và cầu mong Người sẽ mãi không già". Cụ Sở Báo Thiên, đại biểu Hà Nội, khi vừa tới Đại hội, đã được Bác đến thăm. Sau này, cụ kể lại: "Năm ấy Cụ Hồ 61 tuổi. Song Người vẫn biểu hiện một tinh thần "khoẻ vì nước" bằng những cử chỉ vui vẻ, mạnh khoẻ, khiến tôi không dám nhận mình là già dù răng đã long, tóc đã bạc". Cụ tin tưởng vững chắc vào sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân và hy vọng ngày thắng lợi hoàn toàn không còn xa, nữa. Lúc ấy, đồng bào Thủ đô sẽ lại đón Bác về trong vòng ôm của Tổ quốc. Chị Nguyễn Thị Thục Viên gặp tôi nói rằng, khi được gặp Bác, mọi thắc mắc đều tiêu tan. Bác đã tạo nên bầu không khí dân tộc đầm ấm, làm cho những người muốn quay lưng lại cũng phải xoay mình, không nỡ lòng mà rẽ sang đường khác. Các đại biểu được gặp Bác, Bác được gặp các đại biểu. Các đại biểu tin

tưởng vào chính sách đại đoàn kết của Bác, Bác sung sướng thấy chính sách đại đoàn kết đã khai hoa kết quả:

Cùng nhau sum họp một nhà

Áy là nghĩa nặng áy là tình sâu.

Một vị đại biểu nông dân cứu quốc, sau khi được nói chuyện với Bác, đã ghi dòng thơ cảm tưởng đầy xúc động:

Mặt nhìn mặt càng thêm tươi

Bên lời vạn phúc bên lời hàn huyên.

Sự hàn huyên ấy diễn ra từng phút, từng giờ, ngay trong "khu rừng Đại hội" mà ở đó được dựng lên một dãy "phố" với những "toà nhà tranh tre" có phòng triển lãm, phòng chiếu phim, nhà ăn, bệnh xá, nhà tắm... Hôm 6-3-1951, ngày thứ tư của Đại hội, trong lúc các đại biểu đang nghỉ ngơi, vui chơi sau một ngày họp căng thẳng, thì Bác đến. Thấy Bác, ai nấy chạy xầm đến. Tiếng gọi nhau: "Bác Hồ đến, Bác Hồ đến" lan truyền nhanh chóng. Một vị đại biểu có mặt hôm ấy, kể lại: "Trong khoảnh khắc, chúng tôi đã có mặt bên Bác. Ai nấy đều vui mừng. Một nguồn tin tươi mới, một thể hệ vui khoẻ hiện ra. Từ ngày kháng chiến toàn quốc tới nay, chắc chưa bao giờ có một quang cảnh đoàn kết, thân ái, vui mừng như hôm gặp Bác". Bác nói chuyện với các vị đại biểu về các chiến dịch Biên giới, Trung du, về tình hình thế giới, trong nước. Cuối cùng, Bác bảo một đồng chí thanh niên đứng gần đây đi lấy cho Bác mấy chiếc gậy. Mọi người chưa rõ Bác làm gì. Khi đồng chí thanh niên mang gậy đến, Bác cầm bó gậy, rồi đưa cho một cụ chiếc gậy:

- Xin cụ bẻ cho.

Cụ già bẻ gãy chiếc gậy.

Bác đưa số gậy còn lại cho đồng chí thanh niên:

- Chú bẻ cả bó đi.

Đồng chí thanh niên bẻ mãi mà không gãy. Bác lấy bó gãy và nói:

- Một chiếc gãy, sức yếu như cựa đây bẻ phăng. Một bó gãy, sức lực lưỡng như đồng chí này không bẻ nổi.

Mọi người hiểu ý Bác, cười nói rất vui. Phải nói rằng, suốt những ngày Đại hội, lúc nào các đại biểu cũng vui vẻ. Cái vui cười trong kháng chiến khác với các vui cười trong hoà bình. Một vị đại biểu tâm sự rằng, cái vui cười của Đại hội làm vị đó nhớ tới cuộc chiến đấu ở Mátxcova. Khi bọn Hítle đã tiến quân đến sát Thủ đô mà trong thành vẫn diễn kịch "Hăm lét" của Séchxpia. Đó là niềm lạc quan của những người kháng chiến, khi nhân dân vùng lên đấu tranh đòi trả lại màu sắc cho dân tộc, cho quê hương, niềm lạc quan chứa chan hy vọng. Niềm lạc quan tin tưởng là sức mạnh tinh thần, sức mạnh ấy được Bác đúc kết trong hai câu thơ của nhà văn Lỗ Tấn mà Bác đã đọc tại Đại hội:

Ngược mắt xem khinh nghìn lực sĩ

Cúi đầu làm ngựa các nhi đồng.

Sau một tuần lễ căng sức làm việc, Đại hội bế mạc vào ngày 7-3-1951, thông qua Nghị quyết thống nhất Việt Minh - Liên Việt thành Mặt trận dân tộc thống nhất và duy nhất của cả nước, lấy tên là Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam, gọi tắt là Mặt trận Liên Việt. 54 vị trúng cử Ban Chấp hành Trung ương Ủy ban Liên Việt toàn quốc. Đại hội nhất trí bầu Bác làm Chủ tịch danh dự và đồng chí Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch Mặt trận Liên Việt. Trước khi bế mạc, Đại hội nhất trí thông qua thư gửi lên Bác:

“Chủ tịch là bó đuốc soi đường của dân tộc, là hiện thân của khối đại đoàn kết toàn dân và cũng là linh hồn của cuộc Đại hội thống nhất Việt Minh - Liên Việt này.

Thực vậy, Chủ tịch đã gây nên lực lượng đoàn kết toàn dân vô cùng mạnh mẽ để đánh tan quân thù, giải phóng dân tộc. Chủ tịch đã sáng lập nên Mặt trận Việt Minh năm 1941, Hội Liên Việt năm 1946 và thống nhất hai tổ chức ấy thành một khối duy nhất ngày nay.

Đại hội này, Chủ tịch tới dự, tham gia Chủ tịch đoàn, cho huấn thị, làm mọi người vô cùng phấn khởi và thêm tin tưởng ở tương lai của dân tộc. Nhất là Chủ tịch lại tham gia các cuộc vui chơi, làm cho không khí hội trường tươi sáng hẳn lên.

Đại hội thành công rực rỡ ấy là nhờ sự có mặt của Chủ tịch.

Toàn thể Đại hội suy tôn Chủ tịch làm Chủ tịch danh dự của Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam.

Và để tỏ lòng biết ơn, Đại hội xin kính dâng Chủ tịch tám chân dung của Người với bốn chữ: Lãnh tụ tối cao.

Các đại biểu trong Đại hội đều nguyện:

- Thực hiện mọi chỉ thị của Chủ tịch nhất là chỉ thị về mùa thắng lợi năm nay.
- Làm cho toàn dân ngày thêm đoàn kết chặt chẽ đặng hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ, tự do, phú cường và bảo vệ hoà bình thế giới.

Kính chúc Chủ tịch trường thọ".

Sự thành công của Đại hội ghi nhận dấu ấn chính trị không thể phai mờ. Nét đặc sắc không ngờ tới là trong hoàn cảnh kháng chiến, mọi cái còn phải theo khuôn phép “mệnh lệnh”, vậy mà Đại hội lại thể hiện một tinh thần dân chủ tuyệt vời, mọi người đều có quyền tranh luận, phát biểu chính kiến của mình, tất cả đều phải nhằm đi tới mục tiêu:

Nay chung Nam Bắc một nhà

Cùng nhau đoàn kết để mà đánh Tây.

Bác rất vui mừng về thành công của Đại hội.

Tổ chức xong Đại hội thống nhất Việt Minh – Liên Việt, chúng tôi lại lao vào tổ chức Ban Mặt trận của Trung ương Đảng theo đề nghị của Bác và anh Trường Chinh. Ngày 10-4-1951, Hội nghị Đảng đoàn Mặt trận Trung ương họp bàn vấn đề tổ chức Ban Mặt trận của Trung ương Đảng. Hội nghị định nhiệm vụ của Ban Mặt trận Trung ương là theo dõi, nghiên cứu, giúp Trung ương Đảng đôn đốc việc thực hiện chính sách mặt trận của Đảng trong cả nước. Trong cuộc họp ngày 10-6-1951, tôi được các đồng chí cử làm Trưởng ban Mặt trận Trung ương Đảng và anh Xuân Thủy được cử làm thư ký của Ban.

Nhân đà thắng lợi sau chiến thắng biên giới, Bác và Trung ương chủ trương mở rộng mối quan hệ với các nước anh em. Một hôm, Bác gọi tôi đến, nói rằng, nhân dân Trung Quốc anh em vừa được giải phóng hoàn toàn, bắt đầu bước vào xây dựng đất nước. Còn nhân dân Triều Tiên anh em đang chiến đấu ác liệt chống đế quốc Mỹ xâm lược Bác muốn cử một đoàn đại biểu của ta sang thăm Trung Quốc và Triều Tiên nhằm góp phần cổ vũ nhân dân Trung Quốc anh em trong công cuộc xây dựng lại đất nước và nhân dân Triều Tiên anh em chiến đấu giải phóng Tổ quốc. Cuộc đi thăm của ta còn nhằm mục tiêu thắt chặt tình hữu nghị giữa nhân dân ba nước Việt - Trung - Triều cùng nhau trao đổi, cùng nhau học tập kinh nghiệm, góp phần đẩy mạnh cao trào chống chủ nghĩa đế quốc xâm lược châu Á. Bác còn nói đại ý: Chúng ta hãy coi trọng công tác quốc tế như công tác trong nước. Bác giao cho tôi làm trưởng đoàn, còn các thành viên trong đoàn do tôi lựa chọn. Nhưng Bác dặn đây là đoàn đại biểu có tính chất mặt trận - nhân dân, nên thành phần cần có công nhân, nông dân, quân đội, trí thức, phụ nữ, thiếu niên... Tôi vâng lời Bác dặn, bắt tay ngay vào soạn thảo kế hoạch và chọn người cho chuyên đi. Chỉ vài ngày sau kể từ khi Bác giao nhiệm vụ, tôi đã lập xong danh sách các

thành viên trong đoàn: cụ Phạm Bá Trục, đại biểu Quốc hội; anh Phạm Văn Hạnh, đại biểu công nhân; anh Nguyễn Mạnh Hồng, đại biểu nông dân; anh Dũng Mã, trung đoàn phó trung đoàn 165 thuộc sư đoàn 312, đại biểu quân đội; anh Tôn Thất Tùng, đại biểu các nhà khoa học; anh Hoài Thanh, đại biểu giới văn nghệ; anh Nguyễn Văn Chi, chiến sĩ bộc lộc, thương binh; cụ Hứa Văn Khải, lão du kích người Cao Bằng; chị Triệu Thị Soi, nữ dân công gương mẫu, người dân tộc thiểu số, em Nguyễn Mạnh Hà, 16 tuổi, thiếu sinh quân; em Nguyễn Ngọc Sơn, 15 tuổi, thiếu sinh quân và anh Tạ Quang Đạm, thư ký của đoàn. Như vậy, tất cả có 13 người. Danh sách được gửi lên Bác. Bác đồng ý. Tôi nhanh chóng triệu tập các thành viên trong đoàn lại để nói rõ mục đích yêu cầu chuyến đi và những công việc cần thiết phải chuẩn bị gấp. Khi tôi nói Triều Tiên đang đánh nhau to, ai có ngại sang đó không, thì tất cả trong đoàn đều nói đại ý rằng, nếu chúng tôi sợ đế quốc, chúng tôi đã chẳng theo kháng chiến. Thế là yên tâm rồi. Mọi người hồ hởi sẵn sàng lên đường ai nấy trở về gấp rút chuẩn bị cho chuyến đi. Riêng tôi, mọi công việc lo chung cho đoàn, còn phải họp cơ quan Ban Mặt trận của Đảng và cơ quan Tổng liên đoàn để bàn giao nhiệm vụ cho anh em ở nhà trong những ngày xa vắng. Ban Mặt trận của Đảng do anh Tôn Đức Thắng và anh Xuân Thủy tạm thời phụ trách. Trước khi lên đường, tôi tranh thủ đi gặp nhà tôi lúc ấy đang công tác đột xuất ở Thái Nguyên. Tôi nói với Bảy rằng, trong chuyến đi xa này, không ai có thể đoán chắc mình còn sống hay chết, vì Triều Tiên đang chiến đấu ác liệt với Mỹ. Nhưng đã là một chiến sĩ vâng lệnh lãnh tụ tối cao của dân tộc để làm nhiệm vụ quốc tế, dù có phải hy sinh cũng không được chùn bước. Bảy biết tính tôi rất thích xông pha đến những nơi khó khăn, nóng bỏng, nên không có ý kiến gì, chỉ khuyên tôi giữ gìn sức khỏe và chúc tôi lên đường bình an. Tôi khuyên Bảy ở lại cố gắng công tác và chăm sóc con. Đêm ấy, chúng tôi trần trọc năm canh, không sao ngủ được. Tôi cố lục trong trí nhớ xem có vấn đề gì cần dặn lại vợ không. Khi tôi nói hòm tài liệu này, gói công văn kia để chỗ này, chỗ nọ, nếu tôi không về nữa sẽ trao

cho ai, cho ai, thì Bảy lấy tay che mồm tôi lại: "Thôi, anh đừng nói nữa, làm như anh sắp phải xa lìa cái thế giới này. Người xưa có câu: Nói lời trần trời lúc lên đường là điều chẳng lành. Xin anh đừng nói nữa, hãy ngủ lấy sức để đi". Tôi biết Bảy đang lo nghĩ về tôi, nên tôi càng tìm cách động viên, an ủi vợ. Sáng hôm sau, tôi chia tay Bảy để về Tuyên Quang. Bảy tiễn tôi trên đoạn đường dài. Trời mùa hè ở miền sơn cước không nóng gay gắt như ở miền xuôi, vậy mà trong lòng lại như lửa đốt. Tiếng hú của người đi rừng từ vách núi vọng đến, tiếng chim xào xạc, tiếng gió ngàn reo, tiếng rống của đàn trâu đang gặm cỏ bên sườn núi, tất cả tạo thành âm thanh hỗn hợp, gợi lên một nỗi buồn man mác chen trong niềm vui chan hoà. Vui vì được Bác tin tưởng giao nhiệm vụ, còn buồn vì nhớ quê hương, đất nước đang kháng chiến, lại thương vợ cùng con phải vất vả, lặn lội bồng bế nhau dưới làn bom đạn mỗi khi giặc đến vây lùng. Dừng dằng mãi mà vẫn không sao dứt ra được. Nhưng mọi cái đều có giới hạn. Đã đến lúc phải chia tay Bảy. Tôi nắm chặt cổ tay người con gái xinh đẹp miền núi Tản, sông Đà, xúc động: "Anh phải đi thôi. Chúc em và các con ở lại bình an". Rồi không kịp để cho Bảy nói lời tạm biệt, tôi đã rảo bước. Khi ngoảnh lại, vẫn thấy Bảy đứng đấy, đang lấy khăn lau nước mắt. Trời Thái Nguyên hôm ấy tràn ngập ánh nắng chói chang.

Sau một thời gian ngắn chuẩn bị sắp xếp tài liệu, tặng phẩm, hành lý, ngày 3-7-1951, phái đoàn lên đường. Khi xe sắp chuyển bánh, bỗng có tin: "Bác đến! Bác đến!". Bác đến thật, bắt tay rất chặt từng người, kiểm tra hành lý của chúng tôi xem đủ chưa và ân cần dặn bảo những điều cần thiết khi ra nước ngoài. Vấn đề mà Bác chốt lại là cố gắng giữ mối quan hệ tốt đẹp với nhân dân các nước, coi đó là phẩm chất người cán bộ khi làm nhiệm vụ quốc tế. Cuộc gặp gỡ giữa Bác và chúng tôi chỉ diễn ra trong vài phút. Bác không muốn để chúng tôi phải bịn rịn trong lúc chia tay, nên giục chúng tôi lên đường sớm. Bác nói: "Các chú đi thôi, kéo muộn. Chúc các chú đoàn kết, thân ái, thành công!". Thay mặt anh em trong đoàn, tôi chúc Bác

ở lại mạnh khoẻ, lãnh đạo cuộc kháng chiến thắng lợi. Bác nói vui "Chú Việt bao giờ cũng trịnh trọng". Câu nói của Bác tự nhiên làm mọi người cười vui, phá tan cái không khí lưu luyến lúc chia tay. Bác cũng cười, một nụ cười đôn hậu.

Chúng tôi đi bằng ô tô từ Sơn Dương, Tuyên Quang đến biên giới Việt - Trung. Vượt qua biên giới Việt - Trung, chúng tôi tiếp tục đi đến Nam Ninh, Quảng Châu bằng xe camiong và xe gíp. Tại những nơi đây, chúng tôi đến thăm Biện sự xứ của ta. Biện sự xứ lúc ấy được xem như một cơ quan ngoại giao bán chính thức đại diện cho Chính phủ ta ở Quảng Châu. Chúng tôi cũng đến thăm trường thiếu sinh và khu học xá của Việt Nam tại Quảng Tây. Bà con Việt kiều ở Quảng Châu nghe tin chúng tôi đến, vui mừng khôn xiết, đón tiếp chúng tôi rất nồng hậu. Khi được chúng tôi thông báo những thắng lợi của Việt Nam trong kháng chiến, đặc biệt chiến thắng Biên giới, nhiều người vui mừng ứa nước mắt. Bà con hỏi thăm sức khoẻ của Bác. Chúng tôi nói Bác mạnh khoẻ, đang cùng Trung ương lãnh đạo toàn dân đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi. Nghe nói vậy, ai nấy náo nức một niềm vui. Khi chia tay chúng tôi, nhiều bà con gửi thư về nước, góp được 2 triệu 15 vạn nhân dân tệ cùng một chiếc nhẫn vàng, nhờ chúng tôi chuyển về nước tặng các đồng chí thương binh. Chúng tôi gửi lại bà con số tiền, vàng cùng tặng phẩm, nhờ giữ hộ, khi trở về sẽ ghé qua lấy, còn giờ đây đang trên đường đi, không thể mang những thứ đó theo.

Rời Nam Ninh, chúng tôi đến Bắc Kinh bằng tàu hoả. Trước lúc rời Nam Ninh, tôi tranh thủ họp đoàn lại để lấy ý kiến chung về cách ăn mặc khi đến Bắc Kinh. Sau những ý kiến thảo luận sôi nổi không phân "thắng bại" về cách ăn mặc, cuối cùng, đoàn giao cho đoàn trưởng toàn quyền quyết định. Tôi đề nghị nên mặc áo ka ki vàng nhạt, sơ mi cổ hở kiểu đảng tông và đầu đội mũ nồi. Riêng những đồng chí bộ đội mặc quân phục. Mọi người đồng ý. chị Soi hỏi tôi: "Thế còn em nên mặc thế nào?". Tôi nói: "Tuỳ chị. Nhưng cố gắng mang tính chất duyên dáng của người

phụ nữ Việt Nam". Theo cuốn hồi ký "*Đường vào khoa học của tôi*", anh Tôn Thất Tùng kể rằng, chúng tôi đến Bắc Kinh vào ngày 28-7-1951. Nhưng theo bản báo cáo gốc của chúng tôi với Bác ngay sau khi chúng tôi về nước, mà đồng chí Đức Vương suu tầm được, thì chúng tôi đến Bắc Kinh vào ngày 23-7-1951. Buổi đón tiếp phái đoàn chúng tôi được diễn ra trọng thể tại Bắc Kinh. Các ông Lý Thê Tâm và Quách Mạt Nhược ôm hôn thăm thiết chúng tôi và đọc diễn văn chào mừng. Tại Bắc Kinh, chúng tôi được đại diện Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chính phủ Trung ương, Hội chính trị Hiệp thương Trung ương tiếp thân mật; được bạn cho đi thăm một số cơ sở sản xuất, làng mạc, công trình kiến thiết, cơ quan văn hoá xã hội và các cuộc triển lãm. Tại các cơ sở đến thăm, chúng tôi có dịp tiếp xúc với các tổ chức công hội, nông hội, quân đội, thanh niên, phụ nữ, các nhà văn nghệ, nhà khoa học, gặp gỡ các nhà báo Trung Quốc và các nhà báo nước ngoài đang ở Trung Quốc. Đi đâu chúng tôi cũng được đón tiếp thân mật như những người bạn chiến đấu ở tiền phương trở về. Bác sĩ Tùng tranh thủ mọi thời gian đến thăm các bệnh viện và tiếp xúc với giới y học Trung Quốc. Tôi biết bác sĩ là người nóng lòng muốn bầy ngành y tế kháng chiến của Việt Nam lên, vì lúc ấy các thầy thuốc và phương tiện chữa bệnh của ta còn rất thiếu thốn. Báo sĩ đề nghị xin gặp một số người mở xẻ có tiếng ở Bắc Kinh để cùng nhau trao đổi về chuyên môn. Hơn chục nhà phẫu thuật nổi tiếng đã gặp và trao đổi cùng bác sĩ. Trung Quốc là một nước lớn, nên đến năm 1950 đã có 43 trường đại học y khoa. Qua cuộc trao đổi giữa chúng tôi với các tổ chức và các tầng lớp nhân dân Bắc Kinh, chúng tôi đã làm cho nước bạn hiểu về cuộc kháng chiến của ta hơn và qua đó, chúng tôi cũng hiểu được bạn hơn. Đó là kết quả bước đầu của cuộc hành trình ngoại giao.

Rời Bắc Kinh, chúng tôi đến thăm Thiên Tân và Thẩm Dương. Tại những địa phương này, phái đoàn ta tổ chức mấy cuộc toạ đàm để trao đổi kinh nghiệm chiến

đấu và xây dựng đất nước. Anh Hoài Thanh tổ chức nói chuyện văn nghệ kháng chiến của Việt Nam, anh Tôn Thất Tùng trao đổi kinh nghiệm xây dựng ngành y tế kháng chiến, các đồng chí quân đội kể chuyện anh bộ đội Cụ Hồ... Những buổi nói chuyện đó hoàn toàn bổ ích vì qua đó bạn hiểu ta hơn.

Theo kế hoạch đã định, phái đoàn sau khi thăm Bắc Kinh, Thiên Tân và Thẩm Dương, cần tranh thủ sang thăm Triều Tiên. Dự định của tôi sau khi thăm Triều Tiên sẽ trở về tiếp tục thăm Trung Quốc. Sở dĩ bố trí xen kẽ thế này, vì theo nhận định chung, Mỹ có thể phong tỏa sông Áp Lục, khó qua, cần tranh thủ đi trước. Trong lúc chờ sự thu xếp của các đồng chí Trung Quốc và Triều Tiên, chúng tôi tranh thủ bó lại hành lý cho gọn, chắc, vì sang đến Triều Tiên rất có thể phải cùng với bạn hành quân chiến đấu, rồi họp đoàn lại nghiên cứu đất nước Triều Tiên trên bản đồ để ít nhất cũng hình dung được những con đường mà chúng tôi sẽ đi. Khi mọi việc đã chuẩn bị xong, ai nấy nai nịt gọn gàng, sẵn sàng lên đường thì ngày 10-8-1951, chúng tôi nhận được mật báo phải đi An Đông ngay, để chuẩn bị qua Triều Tiên. Chỉ sau vài phút kể từ khi nhận được mật báo, chúng tôi đã lên đường. Tất cả đều chuẩn bị tốt và ý thức sẵn sàng. Trên đường đi tới An Dương gặp nhiều trắc trở, đời mưa to gió lớn, đường lầy lội khó đi. Trong đoàn có cụ Hứa Văn Khải, sức yếu, song lúc nào cũng cố gắng. Cụ bảo: "Không phải lo gì cho chúng tôi. Các anh đi được, chúng tôi cũng đi được". Câu nói của cụ làm tôi yên tâm.

Ngày 17-8-1951, chúng tôi quyết định vượt sông Áp Lục, biên giới Trung - Triều để sang đất Triều Tiên. Khi tới bờ sông, mặt trời đứng bóng. Đây là con sông khá rộng, nước sâu, có một chiếc cầu dài, mà phần cầu bên Triều Tiên đã bị bom Mỹ ném, đổ sập xuống nước từ bao giờ. Một chiếc ca nô không lớn đưa chúng tôi qua sông. Hai bên bờ sông, có rất nhiều súng cao xạ. Cũng may trong lúc vượt sông không thấy máy bay Mỹ đến quấy phá. Chúng tôi qua sông vào lúc 13 giờ. Các bạn Triều Tiên mặc những bộ quần áo mới, mang hoa và cờ đón chúng tôi ở Sinidu,

trước mặt An Đông. Trong giây phút đầu tiên gặp mặt, các đồng chí Triều Tiên hỏi: "Các đồng chí đi đường có khoẻ không?" Tôi nói: "Rất khoẻ". Nghe nói vậy, bạn mừng lắm. Anh Hoài Thanh đọc hai câu thơ:

Phút đầu trên đất Triều Tiên

Tình yêu đã nở trong niềm hân hoan.

Câu thơ càng làm cho ta và bạn xích lại gần nhau. Tất cả chúng tôi đều muốn biến lời dạy của Bác: "Phải xây dựng tình hữu nghị thật tốt với bạn" thành những việc làm cụ thể, những lời thơ tiếng hát, câu động viên...

Khi chúng tôi đến thăm Triều Tiên, đâu đâu cũng thấy tinh thần chiến đấu hăng hái của nhân dân. Đế quốc Mỹ càng hung hãn, quân và dân Triều Tiên càng đánh hăng. Như chúng ta đã biết, khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, Mỹ chiếm đóng Nam Triều Tiên từ vĩ tuyến 38. Trong khi đó, tại miền Bắc Triều Tiên, Chính phủ cách mạng do đồng chí Kim Nhật Thành lãnh đạo, ra đời. Sau khi được giải phóng khỏi ách phát xít Nhật, nhân dân Bắc Triều Tiên bắt tay vào xây dựng cuộc sống mới. Tháng 5-1948, Nam Triều Tiên tiến hành những cuộc bầu cử riêng rẽ do Mỹ chi phối. Tháng 8 năm ấy, một Chính phủ tay sai của Mỹ được thành lập, đứng đầu là Lý Thừa Vãn. Nhưng nhân dân Triều Tiên quyết không để đất nước bị chia cắt mãi. Họ cương quyết đấu tranh cho sự thống nhất đất nước. Việc thành lập mặt trận nhân dân thống nhất trong phạm vi cả nước là một bước tiến quan trọng trên con đường đấu tranh của nhân dân. Tháng 6-1949, ra đời Mặt trận dân chủ ái quốc thống nhất Triều Tiên, bao gồm 72 tổ chức xã hội và đảng phái chính trị tham gia. Lực lượng lãnh đạo Mặt trận ấy là Đảng Lao động Triều Tiên. Nhưng do sự ngoan cố của Mỹ, công cuộc thống nhất Triều Tiên vẫn chưa thực hiện được. Trước tình hình đó, nhân dân Triều Tiên phải tự định đoạt lấy vận mệnh của mình. Tháng 6-1950, quân đội cách mạng Triều Tiên thực hiện việc xoá bỏ vĩ tuyến 38, thì Tổng thống Mỹ Hari Truman nhanh chóng tiếp tay cho Lý Thừa Vãn đánh trả

quyết liệt nhân dân Triều Tiên. Thế là công cuộc lao động hòa bình của nhân dân Triều Tiên bị chiến tranh gián đoạn. Tướng Đơglát Mác Actơ, chỉ huy các lực lượng quân sự Mỹ ở Triều Tiên, ra lệnh cho quân đội tiến công Bắc Triều Tiên, phá hoại rất nhiều làng mạc, nhà máy, trường học, bệnh viện... của Bắc Triều Tiên. Nhiều thị trấn, làng mạc bị phá hủy hoàn toàn. Cuộc chiến đấu dũng cảm của nhân dân Triều Tiên giành độc lập kéo dài hơn 3 năm và được sự ủng hộ về tinh thần, vật chất của Liên Xô, Trung Quốc và các lực lượng dân chủ, hoà bình thế giới. Vì vậy, mặc dù có quân đội và vũ khí hiện đại, đế quốc Mỹ vẫn không thể thắng được nhân dân Triều Tiên anh em. Cuộc chiến tranh kết thúc vào tháng 7-1953, khi hiệp định đình chiến được ký kết, hai bên trở về nguyên trạng. Trong cuộc chiến tranh Triều Tiên Mỹ tốn 22 tỷ đô la, 88 nghìn người chết và 115 nghìn lính Mỹ bị thương. Đó là bức tranh tổng quát về cuộc chiến tranh Triều Tiên từ năm 1950 đến năm 1953.

Sau khi sang tới bờ bên kia sông Áp Lục, chúng tôi dừng lại Sinidu vài giờ, rồi tranh thủ đi tiếp, vì theo bạn cho biết, tại khu vực này, máy bay Mỹ oanh tạc dữ lắm. Tối 17-8-1951, chúng tôi rời Sinidu, lên đường đi Bình Nhưỡng. Từ Sinidu đến Bình Nhưỡng dài 200 cây số. Trên đường đi, chúng tôi mấy lần bị máy bay Mỹ oanh tạc. Các đồng chí bộ đội và các em thiếu sinh quân trong đoàn đã gan dạ, dũng cảm nằm đè lên để bảo vệ chúng tôi, Chị Soi, người phụ nữ duy nhất trong đoàn, rất nhanh nhẹn trong việc ẩn nấp. Nhưng cũng phải nói rằng, bạn có tinh thần trách nhiệm rất cao, khi máy bay Mỹ nhào tới, bạn phân công nhau, người thì bắn trả, người đưa chúng tôi vào hầm ẩn nấp an toàn. Chính vì vừa đi vừa tránh bom đạn Mỹ, nên đoạn đường 200 cây số, chúng tôi phải đi trong ba đêm liền. Trên đoạn đường từ Sinidu đến Bình Nhưỡng, chúng tôi dừng chân tại một huyện lỵ gọi là Bắc Xuyên. Huyện lỵ Bắc Xuyên có con sông Thanh Xuyên. Sông rộng, nhưng có lẽ không sâu, nên phà bị mắc cạn. Hai bên bờ sông, những chiếc xe ô tô

lớn, nhỏ nối đuôi nhau để chờ sang sông dài tới hàng trăm mét. Chốc chốc lại có chiếc commăngca lách lên để được đi trước. Nhưng nào có đi được, vì chưa có phà, làm cho hai bên bờ, xe ứ lại rất lộn xộn. Chưa thể qua sông, nên chúng tôi phải nghỉ lại trong một ngôi nhà gần bờ sông Thanh Xuyên. Đang đêm, máy bay Mỹ đến oanh tạc rất dữ. Những tia chớp lòe, những cột khói đen ngịt bốc lên mù mịt một khoảng trời. Trong đoàn có mấy người suýt bị trúng thương vì đạn nổ cạnh. Thực ra, chúng tôi rất lo, vì trên những chiếc camiong chờ sang phà đầy ắp đạn pháo. Nếu bom Mỹ nổ trúng sẽ nổ theo lối dây chuyền, lúc ấy chưa biết số phận mọi người chúng tôi sẽ ra sao. Sáng hôm sau, nước lên, phà đưa chúng tôi qua sông. Vì là khách quốc tế, nên chúng tôi được ưu tiên đi trước, chứ nếu xếp hàng theo trình tự, có lẽ cũng phải mất vài giờ. Qua sông Thanh Xuyên, ai nấy thở phào nhẹ nhõm. Từ Bắc Xuyên, chúng tôi đến An Châu, một thị trấn nhỏ bị bom Mỹ phá huỷ hoàn toàn. Khi chúng tôi đến, những chiếc máy bay Mỹ vẫn lượn lờ trên bầu trời An Châu, như nhòm ngó để rồi trút bom. Từ An Châu, chúng tôi đến Môrambom, một địa phương gần Bình Nhưỡng. Ở Môrambom tới 3 tuần lễ, chúng tôi được tiếp xúc với các giới, các ngành từ trong nội thành Bình Nhưỡng ra. Trong các buổi trao đổi, bạn luôn luôn nhắc đến cuộc kháng chiến của ta dưới sự lãnh đạo của Bác. Bạn xúc động nói rằng, sự có mặt của các đồng chí Việt Nam trong lúc đang có chiến sự là niềm cổ vũ to lớn đối với nhân dân Triều Tiên. Điều này chứng tỏ thiện chí của chúng ta đối với bạn đang chiến đấu.

Tại Môrambom, chúng tôi được các bạn Triều Tiên trao đổi những kinh nghiệm sản xuất công nghiệp, nông nghiệp. Anh Hoài Thanh chăm chú sưu tầm những tác phẩm văn nghệ phản ánh cuộc chiến đấu của nhân dân Triều Tiên. Bác sĩ Tôn Thất Tùng say mê tìm hiểu ngành y tế Triều Tiên phục vụ chiến đấu. Đồng chí Lukíttsun, Thứ trưởng Bộ Y tế Triều Tiên cho chúng tôi biết, khi xảy ra chiến tranh, Triều Tiên có 1500 bác sĩ, có trường đại học y khoa, sinh viên vừa học vừa

phục vụ tiền tuyến. Điều mà tôi thấy anh Tùng rất tâm đắc là ở Triều Tiên các bác sĩ thường chữa những vết thương bị giòi bằng ê te khá hiệu nghiệm.

Tuy ở Môrambom, nhưng đoàn chưa có dịp vào thăm Bình Nhưỡng. Khi tôi đề nghị cho đi thăm Bình Nhưỡng, các đồng chí Triều Tiên hơi ngại vì mấy ngày hôm đó, Mỹ ném bom Bình Nhưỡng hết sức ác liệt. Có thể nói, không giờ nào trên bầu trời Bình Nhưỡng lại vắng máy bay Mỹ. Kể cũng nguy hiểm thật. Trước tình hình đó, tôi họp đoàn lại, quyết định những đồng chí nào khoẻ thì đi. Sáng sớm 20-8-1951, bảy đồng chí trong đoàn quyết định vào Bình Nhưỡng. Từ Môrambom đến Bình Nhưỡng đi trong một giờ. Đến Bình Nhưỡng, trời vừa sáng. Bình minh mùa thu ở Bình Nhưỡng chao ôi đẹp làm sao. Bầu trời xanh, ánh mặt trời hồng hồng toả ra thẳng tia nắng rọi qua làn sương nhẹ, trông như mình đang đi đến cõi thần tiên. Những cây bạch dương cao vút, thẳng tắp, lá trắng làn sương mai, lại được những tia nắng chiếu vào, nhìn lên thấy lấp lánh. Qua những vọng gác ở cửa ô, chúng tôi tiến vào thành phố. Đau xót thay, trong thành phố dường như không có một ngôi nhà nào nguyên vẹn. Nhìn cảnh tượng này mới thấy hết tính chất ác liệt của chiến tranh tàn phá. Trên các đường phố, người rất ít vì phần lớn đã sơ tán ra ngoại thành. Thỉnh thoảng thấy một vài cửa hàng bán lật vặt. Bên cạnh đó là những hồ cá nhân có nắp và những hầm trú ẩn. Người hướng dẫn nói với chúng tôi rằng, Bình Nhưỡng trong những ngày này không lúc nào bọn Mỹ để cho yên. Bạn rất lo cho chúng tôi, cứ giục chúng tôi rảo bước kéo những con "quạ sắt" sắp sà xuống bắn phá. Tôi nói với các đồng chí Triều Tiên rằng, đừng lo nhiều cho chúng tôi. Nếu cần, chúng tôi sẽ cầm súng chiến đấu. Chiến đấu để giải phóng Triều Tiên cũng được coi như chiến đấu để giải phóng Việt Nam. Hy sinh trên mảnh đất Triều Tiên vì một lý tưởng chung chống đế quốc cũng được xem như hy sinh trên mảnh đất Tổ quốc mình. Bạn rất cảm động trước những lời nồng nàn đó. Khi chúng tôi tới một ngã tư, bỗng còi báo động rú lên từng hồi. Còn chưa dứt, súng đã nổ. Bom Mỹ

trút xuống. Đạn pháo của bộ đội Triều Tiên bắn lên như mưa bay trên bầu trời, làm cho những máy bay phản lực Mỹ vội vã trút bom bừa bãi xuống, rồi chuồn thẳng, để lại những vệt trắng trên trời xanh. Điều làm chúng tôi hết sức cảm phục là nhân dân rất bình tĩnh, không hề lộ vẻ hoang mang, dao động. Các bạn Triều Tiên đưa chúng tôi đến thăm các cơ quan mà lúc ấy chỉ thấy chông chơ những cột gạch và những thanh sắt cong queo. Đồng chí hướng dẫn nói: "Đây nguyên là trụ sở Bộ Ngoại giao, đây nguyên là trường đại học, đây nguyên là nhà máy...". Tất cả đều bị bom Mỹ làm đổ sập. Khi chúng tôi chuẩn bị rời thành phố trở lại Môrambom, máy bay Mỹ lại vượt tới trút bom. Thêm mấy ngôi nhà nữa bị sập. Cũng như lần trước, chúng "cẩn trộm" rất nhanh rời lại xéo thẳng, để lại những vệt khói trắng dài trên bầu trời xanh. Trở lại Môrambom, chúng tôi được các bạn Triều Tiên đón tiếp trong tình cảm của những người cùng chung chiến hào chống đế quốc, có đại diện của Trung ương Đảng, Chính phủ, Mặt trận dân chủ, Nhân dân uỷ viên hội tối cao, đại diện các cơ quan, đoàn thể, nhân sĩ, trí thức, anh hùng lao động, đại diện quân đội, các em thiếu nhi... Trong hoàn cảnh chiến đấu ác liệt, vậy mà các đồng chí Triều Tiên đã 4 lần tập trung trong những căn hầm phòng không, dự mít tinh chào mừng đoàn. Trong lời chào mừng, các bạn Triều Tiên coi chuyển đi của chúng tôi là niềm cổ vũ to lớn đối với cuộc chiến đấu chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Triều Tiên. Trong lời đáp, tôi chuyển lời chúc của Hồ Chủ tịch tới nhân dân Triều Tiên trong cuộc chiến đấu chống Mỹ, khẳng định với các bạn Triều Tiên rằng, nhân dân Việt Nam nguyện kề vai sát cánh với nhân dân Triều Tiên, tay cầm tay, lòng hiếu lòng, vượt lên khó khăn, kiên quyết giành thắng lợi. Tiếp lời chúng tôi, các bạn Triều Tiên cảm động nói rằng các đồng chí Việt Nam đã vượt bao khó khăn vất vả, mang đến cho nhân dân Triều Tiên niềm tự hào trong cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược. Chúng tôi đã tổ chức những đêm thơ, đêm nhạc, ngâm lên những vần thơ về cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp cũng như cuộc chiến đấu của nhân dân Triều Tiên chống đế quốc Mỹ và

hát lên những bài hát về tình hữu nghị Việt Nam - Triều Tiên đời đời tươi thắm như hoa nở mùa xuân mà Bác Hồ vẫn thường nói. Những ngày này báo chí, đài phát thanh liên tiếp phổ biến tin tức về hoạt động của đoàn, đăng bài phỏng vấn chúng tôi và giới thiệu cuộc kháng chiến của Việt Nam. Anh Quang Đạm, thư ký viết rất nhanh, tổng hợp giỏi, biết nhiều thứ tiếng, đã đáp ứng đầy đủ mọi yêu cầu của bạn như viết bài đăng báo, trả lời phỏng vấn...

Ngày 18-9-1951, chúng tôi rời Môrambom. Hôm đoàn lên đường sao bịn rịn. Chiến tranh là thế, vậy mà các bạn Triều Tiên vẫn mang đàn, sáo đến chia tay chúng tôi. Các bạn nói rằng, Triều Tiên và Việt Nam hãy vui lên cùng lời ca tiếng hát vì chiến thắng đang ở trước mặt. Bạn trao tặng đoàn những tặng phẩm tượng trưng cho tình hữu nghị Triều - Việt. Chúng tôi cài lên áo bạn những chiếc huy hiệu Bác Hồ, và trao tay bạn những kỷ niệm kháng chiến của Việt Nam. Anh Hoài Thanh xúc động đọc hai câu thơ:

Xa nhau giữ mãi ân tình

Muôn sông núi nối chúng mình với nhau.

Trên đường về, đoàn ghé vào thăm một đơn vị chí nguyện quân Trung Quốc, thuộc quân đoàn 38, đang làm nhiệm vụ giúp Triều chống Mỹ, đóng sâu trong núi đá. Có lẽ Mỹ đánh hơi thấy chỗ đóng quân của đơn vị, nên ném bom xuống cả ngày lẫn đêm. Khi trở ra, trời tối, xe gíp phải bật đèn mà đi. Vòng vèo trên đường núi, tưởng an toàn nào ngờ bọn Mỹ ma quỷ vẫn phát hiện thấy. Một máy bay bỏ nhào trút xuống đoàn xe chúng tôi chum bom, rất may là không trúng.

Rời đơn vị chí nguyện quân Trung Quốc, chúng tôi đến thăm một sư đoàn quân giải phóng Triều Tiên đang làm nhiệm vụ canh giữ bầu trời của Tổ quốc mình. Khi tới doanh trại, bộ đội Triều Tiên sắp hàng thẳng bồng súng chào trông rất nghiêm trang. Trong buổi gặp mặt chan chứa tình đoàn kết chiến đấu này, tôi kể cho các

bạn Triều Tiên nghe những trận đánh của quân đội nhân dân Việt Nam vào quân đội Pháp tại vùng biên giới phía bắc Việt Nam. Hình ảnh chiến đấu của anh bộ đội Cụ Hồ vừa trí tuệ, vừa dũng mãnh đã làm cho quân đội thực dân phải kinh hồn bạt vía, đã được các bạn Triều Tiên chăm chú lắng nghe. Các bạn Triều Tiên thông báo cho chúng tôi biết tình hình chiến sự đang diễn ra và những chiến công to lớn của bộ đội Triều Tiên giáng trả bọn Mỹ những đòn chí chết. Bạn tiễn chúng tôi bằng những phát súng chào trang trọng. Chúng tôi tạm biệt bạn bằng những lời chúc chiến thắng.

Trên đường về An Châu và Tân Nghĩa Châu, chúng tôi được bạn bố trí cho đi thăm một xã tên là Quách Cốc. Đến nơi, thấy hiện lên hình ảnh người nông dân sừng đeo lưng, vai vác cuốc ra đồng. Giặc đến, họ đánh, giặc đi, họ cấy cày. Đó là một hình ảnh đẹp, một tâm hồn đẹp, một ý tưởng đẹp của những người dân chân chất Triều Tiên.

Đến An Châu vào sáng 20 và Tân Nghĩa Châu vào đêm 21-9-1951. Trời hôm ấy không trăng sao, hơi se lạnh, ai nấy thắm mệt. Sáng 22-9-1951, chúng tôi rời Triều Tiên để trở lại Trung Quốc. Các bạn Triều Tiên tay cầm cờ, hoa tiễn chúng tôi đến tận bờ sông Áp Lục. Bạn chúc chúng tôi trở về Việt Nam bình yên, chúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta mau giành thắng lợi. Chúng tôi chúc bạn chiến thắng giòn giã tên trùm đế quốc vẫn huênh hoang là chúa tể của muôn loài. Lưu luyến mãi tới lúc mặt trời gần đứng bóng, chúng tôi mới sang qua sông được.

Ô tô của các bạn Trung Quốc đưa chúng tôi chạy thẳng đến An Đông và từ An Đông chúng tôi đến Bắc Kinh. Tại Bắc Kinh, đoàn có thêm các đồng chí Vũ Đình Hoè, Nguyễn Thị Thục Viên... vừa ở trong nước sang. Ngày 1-10-1951, chúng tôi được bạn mời tham dự lễ quốc khánh nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa anh em. Dự lễ quốc khánh xong, tôi bạn ở lại Bắc Kinh giải quyết một số công việc trong

Đại sứ quán ta, nên không đi thăm tiếp các nơi khác của Trung Quốc. Tháng 11-1951, chúng tôi tham dự Đại hội Liên hiệp công đoàn thế giới họp tại Bắc Kinh. Tại Đại hội, chúng tôi lên án hành động can thiệp ngày càng trắng trợn của đế quốc Mỹ vào Việt Nam, tiếp tay cho thực dân Pháp nhả đạn vào nhân dân Việt Nam, lao sâu vào con đường xâm lược Đông Dương. Qua bài phát biểu của chúng tôi, bầu bạn năm châu càng hiểu ta hơn, thông cảm với ta và cùng ta lên án bọn xâm lược. Anh chị em trong đoàn tiếp tục đi thăm một số nơi của Trung Quốc, lên khu Đông Bắc, thăm thành phố Thẩm Dương cùng hai thành phố kỹ nghệ Phú Thuận và An Sơn. Xuống Hoa Đông, thăm Thượng Hải và công trình thủy lợi Hoài Hạ, dự cuộc mít tinh lớn của hai vạn nhân dân thành phố thuộc khu Hoài Hạ chào mừng đoàn, rồi qua khu Trung Nam, thăm Vũ Hán, Quảng Châu, Hành Dương, Quế Lâm, Nam Ninh. Về Quảng Đông thăm hai xã thuộc huyện Trung Sơn nổi tiếng về làm công tác tuyên truyền, giáo dục nhân dân.

Đoàn xe đưa chúng tôi rời khỏi Trung Quốc vào ngày 13-12-1951. Khi qua nuốt sườn núi gần Bằng Tường, xe camiong chở các thành bên trong đoàn lao xuống núi. Xe lộn vòng. Những người ngồi trong xe không còn biết trời đất đâu nữa. Đến khi tỉnh dậy, thấy mọi người đang xúm xít quanh mình để xoa bóp, cho uống thuốc. Thật là hú vía. Trong số những người bị đau, có lẽ anh Vũ Đình Hoà là nặng nhất. Anh Tôn Thất Tùng kể rằng, khi xe lộn vòng, tay anh vẫn giữ chắc xà cột, trong đó có các chủng về bệnh dại, bệnh thương hàn, bệnh dịch tả, bệnh đậu mùa nhà Bộ Y tế nhờ anh xin về. Anh kiên quyết giữ những thứ đó đến cùng, không để rời tay. Thật là một người thầy thuốc đầy tinh thần trách nhiệm với nhân dân, lương tâm của anh hết sức trong sáng.

Sau hơn 6 tháng hành trình trên một đoạn đường dài hai vạn cây số bằng đủ mọi phương tiện, thăm nhiều nơi ở Trung Quốc và Triều Tiên, ngày 13-12-1951, phái đoàn rời khỏi cột mốc biên giới Việt - Trung để về nước. Bao ngày xa cách, hôm

nay trở về Tổ quốc, lại được nhìn thấy rừng núi xanh cùng dòng sông, nguồn suối đầy chất thơ của quê hương, được nhìn thấy bóng dáng người con gái Việt Nam thấp thoáng trên nương, ẩn hiện qua những kẽ lá rung rinh. Nhưng điều vui sướng nhất là thấy cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam đang âm ỉ chuyển động. Bác và các đồng chí trong Bộ Chính trị cùng đồng bào, đồng chí đón chúng tôi trong tình cảm mặn mà của quê hương đối với những người con đã bao ngày ở xa Tổ quốc. Tôi gặp lại nhà tôi và các cháu. Nhà tôi mạnh khỏe, các cháu ngoan. Sau này, khi một cháu nữa ra đời, tôi đã bàn với nhà tôi đặt tên cháu là Hạ Thanh Xuyên để kỷ niệm những ngày bị mắc kẹt ở sông Thanh Xuyên của Triều Tiên.

Nghỉ ngơi ít ngày để lấy lại sức khỏe, tôi xin gặp Bác và các anh trong Bộ Chính trị để báo cáo kết quả chuyến đi. Qua chuyến đi này, nhân dân Trung Quốc và nhân dân Triều Tiên càng có cảm tình nồng hậu đối với cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam. Tình hữu nghị Việt - Trung - Triều được thắt chặt một bước. Qua những lần tiếp xúc, bạn hiểu rõ sự cố kết cùng nhau giữ nước của nhân dân Việt Nam trong Mặt trận Liên Việt dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Kinh nghiệm về cuộc kháng chiến của nhân dân ba nước được trao đổi thành những bài học quý, đặc biệt là kinh nghiệm chống máy bay Mỹ oanh tạc và kinh nghiệm chữa bệnh theo phương pháp Philatốp. Cuộc đi thăm này đã mang mối tình của nhân dân Việt Nam và của Bác đến với nhân dân Trung Quốc và Triều Tiên bằng những lời nói chân thành, những cuộc tiếp xúc, những tấm ảnh Bác, kỷ niệm chương của Bác, những sách báo, tặng phẩm... Tình cảm của bạn đối với nhân dân ta không chỉ bằng lời, mà còn được biểu hiện bằng sự ủng hộ những hòm thuốc chữa bệnh, dụng cụ y tế, sản phẩm kỹ nghệ và nông nghiệp, quần áo, quân trang, quân dụng. Một hình ảnh hết sức cảm kích là quân đội nhân dân Triều Tiên có nhờ chúng tôi chuyển đến Hồ Chủ tịch một khẩu súng tiêu liên do công binh xưởng Triều Tiên chế tạo, một loại súng đã phát huy hiệu lực khá mạnh tiêu diệt nhiều địch. Khi

chúng tôi trao súng lên Bác, Bác cảm động nói đây là "một biểu hiện của sự tiếp sức chiến đấu của bạn cho chúng ta". Qua cuộc đi thăm này, chúng tôi thấy rõ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Bác có uy tín lớn trên trường quốc tế. Bác đánh giá cao chuyến đi. Bác nói: "Đây là chuyến đi của tình hữu nghị anh em Việt - Trung - Triều chiến đấu và chiến thắng". Tôi họp đoàn phân công anh chị em về các địa phương báo cáo cho đồng bào, chiến sĩ biết về Trung Quốc và Triều Tiên. Cụ Hứa Văn Khải và chị Triệu Thị Soi về nói chuyện ở Cao Bằng, anh Dũng Mã đến nói chuyện ở một số đơn vị quân đội... Riêng bác sĩ Tôn Thất Tùng phải về gấp phòng thí nghiệm để kịp nuôi mấy thứ vi trùng giống của bạn tặng.

Xuân Nhâm Thìn (1952) đến sớm trên núi rừng Việt Bắc. Ngồi suy ngẫm tư tưởng của Bác qua "thơ chúc Tết", chúng ta càng thêm tin tưởng vào cuộc kháng chiến nhất định thắng lợi:

Xuân này, Xuân năm Thìn

Kháng chiến vừa 6 năm

Trường kỳ và gian khổ

Chắc thắng trăm phần trăm.

Muốn vậy:

Chiến sĩ thì giết giặc

Đồng bào thì tặng gia.

Hai nhiệm vụ mà Bác nêu trở thành mục tiêu thắng lợi của cuộc kháng chiến. Trong một cuộc gặp mặt đầu năm với chúng tôi, Bác nói, đế quốc Mỹ ngày càng bám sát Việt Nam. Vì vậy, bên cạnh việc tập trung đánh Pháp, còn phải đề thi giờ nghiên cứu Mỹ. Bác yêu cầu tôi báo cáo cho Bác biết về hoạt động của giai cấp

công nhân và công đoàn phục vụ kháng chiến. Sau khi nghe tôi báo cáo xong, Bác bảo cần phối hợp với các ngành chuẩn bị mở Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc. Trở về cơ quan, tôi bàn bạc ngay với anh Trần Danh Tuyên cùng nhau phác thảo kế hoạch lựa chọn người đi dự Đại hội trong phạm vi công nhân. Lúc này, đồng chí Tôn Đức Thắng làm Trưởng ban Thi đua Trung ương. Nhưng linh hồn của phong trào thi đua yêu nước lại là Bác. Để tổ chức được Đại hội, cần có sự phối hợp của nhiều ngành, trong đó có quân đội ta. Vì vậy, chúng tôi đã tổ chức những cuộc họp liên tịch để bàn bạc công việc chung. Khi công việc chuẩn bị xong xuôi, chúng tôi báo cáo xin ý kiến Bác cho mở Đại hội. Bác đồng ý chỉ hỏi một câu: "Các chú thu xếp nơi ăn chốn ở cho các đại biểu thế nào rồi?". Chúng tôi thưa với Bác là đã chuẩn bị khá chu đáo. Bác khen: "Thế thì tốt. Nhưng tôi phải đi kiểm tra xem". Ngay chiều hôm đó, Bác đến thăm nơi ăn chốn ở của các đại biểu về dự Đại hội. Tin Bác sắp đến truyền nhanh trong các đại biểu. Các đại biểu đứng ngồi không yên tại khu đòi cộ để ngóng Bác. Bỗng có tiếng reo:

- Bác đến, Bác đến!

Tiếng hô "Bác Hồ muôn năm!" cùng những tiếng vỗ tay vang ran núi rừng. Bác xuống ngựa, giơ tay ra hiệu cho mọi người, ý nói đừng nên làm ồn, cần giữ bí mật. Bác đi nhanh về phía dãy nhà tranh, nơi ăn, ngủ của các đại biểu. Lúc ấy trời đã bắt đầu nóng, Bác kéo chiếc khăn mặt thấm mồ hôi. Đôi dép cao su của Bác phủ đầy bụi đường. Chiếc mũ cát Bác đội cũng lấm tẩm những hạt bụi đỏ bám vào. Phong độ Bác hết sức nhanh nhẹn, chứng tỏ Bác còn khỏe. Đồng chí phụ trách việc đón tiếp mời Bác vào nhà khách uống nước. Nhưng Bác lại đi thẳng xuống nhà ăn, nhà bếp, nhà ngủ của các đại biểu. Khi vào đến nhà ngủ, Bác thấy có đại biểu đang nằm trên giường. Bác đoán chắc đồng chí đó mệt, nên lấy tay ra hiệu cho mọi người im lặng, rồi quay ra. Gặp ai, Bác cũng thăm hỏi ân cần:

- Cô làm gì ở đây? - Bác hỏi một chị đang đứng trong nhà bếp.

- Thưa Bác, cháu làm cấp dưỡng.
- Đừng nói làm cấp dưỡng mà nói là nấu ăn phục vụ đại biểu.
- Còn chú? – Bác hỏi một thanh niên đứng bên cạnh bếp.
- Thưa Bác, cháu chuyên lo việc củi đóm phục vụ nhà bếp ạ!
- Tốt! Nhưng nhớ đừng phá rừng đấy nhé.

Mọi người muốn chụp ảnh chung với Bác. Bác đứng ra sắp xếp hàng ngũ, người thấp đứng trước, người cao đứng sau. Bác nói: "Cao sau thấp trước, tất cả ngược lên". Câu nói của Bác gây tiếng cười giòn tan, sáng khoái nơi núi rừng Việt Bắc. Sắp xếp xong, Bác đứng vào hàng, rồi bảo đồng chí nhiếp ảnh chụp. Có người đứng cạnh Bác nhưng lại hơi cách xa. Bác kéo tay đồng chí đó lại đứng cho sát vào nhau.

Chụp ảnh xong, Bác cùng ăn cơm với các đại biểu. Cuối bữa ăn, Bác bảo mọi người:

- Các cô các chú nhớ sau khi ăn xong nên xếp bát đĩa cho gọn, thứ nào ra thứ ấy, không nên xếp lộn xộn, gây vất vả cho các chị nuôi.

Ăn cơm xong, nghỉ một lát, Bác cùng các đại biểu ra bãi cỏ xanh liên hoan. Hôm ấy là cuối tháng, trời không trăng, nhưng đầy sao. Những ánh sao lấp lánh hiện rõ trên bầu trời xanh. Lá rừng xào xạc, gió thổi từng cơn mát rượi. Ánh lửa đốt lên sáng bập bùng. Chung quanh ánh lửa hồng, mọi người quây quần bên Bác múa ca rộn ràng. Anh là bộ đội, chị là dân công, già, trẻ, gái, trai, người Kinh, người Thổ, công nhân, nông dân, tất cả đều có chung niềm vui vì được quây quần quanh Bác. Bác bắt nhịp cho mọi người hát. Mọi người hát theo nhịp Bác.

Điệp khúc kháng chiến nổi lên theo nhịp tay của vị Cha già dân tộc.

Đại hội liên hoan anh hùng, chiến sĩ thi đua lần thứ nhất khai mạc vào tối 30-4-1952. 154 đại biểu đại diện cho công, nông, binh, trí thức trong cả nước về dự Đại hội. Phiên họp sáng 1-5-1952, Bác đến nói chuyện với Đại hội. Khi Bác bước vào, cả hội trường đứng dậy vỗ tay hoan hô Bác. Bác nêu mục đích thi đua nhằm chuẩn bị chuyển sang tổng phản công để kháng chiến thắng lợi, kiến quốc thành công, hoàn thành dân chủ mới, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Bác khen ngợi bộ đội ta thi đua khá, thể hiện ở những trận thắng liên tiếp trước mặt và sau lưng địch. Các ngành khác đang khởi sắc. Bác mong các ngành thi đua đã khá, nay cần cố gắng thêm. Những ngành còn kém phải cố gắng để theo kịp phong trào. Bác nêu nội dung thi đua, với nhân dân thì ra sức tăng gia sản xuất và tiết kiệm, với bộ đội thì luyện tập giỏi, diệt nhiều địch, khắc phục khó khăn, chấp hành mệnh lệnh, làm tròn nhiệm vụ. Bác dạy cách thi đua, trong bộ đội thì phát huy quân sự dân chủ, với các ngành thì nâng cao kỹ thuật, gom góp sáng kiến, rút kinh nghiệm, tổng kết kinh nghiệm, trao đổi và phổ biến kinh nghiệm. Bác nêu hình ảnh sáng kiến và kinh nghiệm cũng như những con suối nhỏ chảy vào sông to, những sông to chảy vào bể cả. Bác nói rằng, trí khôn, sáng kiến, học hỏi, tiến bộ và tinh thần hy sinh của người ta không có giới hạn, nó cứ tiến mãi. Vì vậy, mức thi đua cũng không thể giới hạn, nó cứ tiến lên mãi. Thi đua là một biểu hiện của yêu nước một cách thiết thực nhất. Đánh giá lòng yêu nước bằng thi đua là chính xác nhất. Những người thi đua là những người yêu nước nhất, những người tiêu biểu của nhân dân, người con hiếu của Tổ quốc. Bác nhắc lại khẩu hiệu của thi đua là:

Người người thi đua,

Ngành ngành thi đua

Ta nhất định thắng,

Địch nhất định thua.

Câu nói của Bác thực sâu sắc, ý nghĩa làm sao. Nhưng lại được biểu hiện bằng những ngôn từ giản dị, dễ hiểu, dễ nhớ, nên khi Bác vừa nói xong chúng tôi đã thuộc lòng.

Sau lời phát biểu của Bác, nhiều đồng chí lần lượt đọc báo cáo điển hình. Anh Ngô Gia Khảm được báo cáo đầu tiên. Nhìn khuôn mặt anh với những nét nhăn nheo, vá vúi, hậu quả của những đợt thí điểm sản xuất thuốc nổ, làm tất cả chúng tôi đã không cầm được nước mắt. Gương mặt anh là sự tái hiện của những ngày của năm 1944 làm lũi, âm thầm cùng vài anh em sản xuất vũ khí. Lúc ấy, công binh xưởng của các anh nghèo nàn làm sao. Một chiếc máy tiện cũ, bộ chày cối để tán thuốc, chiếc lò nấu gang bên cái bể thụt, một gian nhà cát làm khuôn đúc. Phương tiện thiếu thốn, lại phải ăn cơm nắm muối vừng để "thụt thụt kéo bể" nấu gang đúc vỏ lựu đạn. Vất vả, thiếu thốn, đói khổ là thế, nhưng người anh hùng ấy không một lời rên rỉ, kêu ca. Cần mẫn làm việc như con ong, cái kiến. Thất bại một lần, làm lại một lần, thất bại hai lần, làm lại hai lần... Sự kiên nhẫn đưa anh đến thành công. Quả lựu đạn đầu tiên do anh sản xuất đã được trao cho bộ đội và các anh bộ đội đã dùng nó giết được 11 tên phát xít Nhật tại chiến khu Hoàng Hoa Thám. Từ đây, anh càng say sưa sản xuất vũ khí phục vụ kháng chiến. Quá trình thử nghiệm, nhiều lần bị thương, máu mồm máu mũi ộc cả ra, mắt mờ, da mặt trên má, trên tay bị cháy xém loang lổ... Người cháu của Ngô Gia Tự là như vậy đó.

Anh Khảm báo cáo xong, Bác đến bên cạnh ôm hôn anh, rồi nói với Đại hội rằng, đây là một tấm gương đầy tinh thần trách nhiệm, có ý chí cao, tận tâm phục vụ kháng chiến, phục vụ nhân dân. Một dân tộc mà có nhiều người như Khảm thì một thằng Pháp, chứ mười thằng Pháp, chúng ta cũng đánh thắng.

Sau Ngô Gia Khảm, các anh Trần Đại Nghĩa, Hoàng Hanh, La Văn Cầu... lần lượt lên báo cáo. Đại hội đã bầu ra ba anh hùng lao động: Ngô Gia Khảm, Trần Đại Nghĩa, Hoàng Hanh và bốn anh hùng quân đội Cù Chính Lan (truy tặng), La Văn

Cầu, Nguyễn Thị Chiên và Nguyễn Quốc Trị. Bảy bông hoa nở đầu tiên trong vườn hoa kháng chiến hương thơm ngào ngạt. Bác đến bắt tay và ôm hôn các anh hùng và nói đại ý: Hiện nay chúng ta mới có 7 anh hùng và trên 100 chiến sĩ thi đua. Con số này rồi đây sẽ tăng lên hàng vạn, hàng triệu. Kháng chiến nhất định thắng lợi vì nhân dân ta có tinh thần yêu nước, vì quân đội ta quyết chiến quyết thắng, vì chúng ta có những anh hùng và chiến sĩ thi đua. Càng gần thắng lợi, gian nan càng nhiều, càng khó khăn, gian nan càng phải thi đua, càng thi đua, kháng chiến càng mau thắng lợi. Bác mong các anh hùng và chiến sĩ thi đua đã cố gắng, cần cố gắng mãi, tránh sự tự kiêu tự đại, vì bệnh này nguy hiểm hơn kẻ thù đế quốc.

Thực hiện lời dạy của Bác cần nhân điển hình thi đua, ngày 13-8-1952, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam quyết định phát động phong trào thi đua lao động với tinh thần Ngô Gia Khảm. Khi hiệu lệnh thi đua phát ra, phong trào được triển khai nhanh chóng xuống các cơ sở sản xuất. Qua phong trào thi đua Ngô Gia Khảm, công đoàn đã tập hợp đông đảo lực lượng công nhân làm việc có năng suất cao, phục vụ kháng chiến. Công nhân ngành giao thông thi đua bảo đảm giao thông thông suốt, làm mới hàng nghìn cây số đường bộ, bắc trên 1000 chiếc cầu. Trong chiến dịch Tây Bắc, Tổng Liên đoàn huy động gần 20 vạn công nhân làm nhiệm vụ phục vụ chiến dịch. Hàng nghìn tấn hàng được vận chuyển ra chiến trường, phục vụ bộ đội đánh thắng. Sức sống của phong trào được tập hợp trong các báo cáo gửi lên Bác. Bác vui mừng trước những thành tích mới của công nhân. Báo *Nhân Dân* thời gian này liên tiếp đăng bài "Của Bác" (CB) biểu dương tinh thần thi đua của công nhân. Qua những bài báo, Bác biểu dương chị Nguyễn Thị Đ, chiến sĩ thi đua ngành giao thông hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Dịch bắt chị, tra khảo tới mức thổ huyết, băng huyết, nhưng chị vẫn nêu cao tinh thần "hy sinh nào quản chi thân phận mình". Một hôm, nhân lúc trong đồn địch lộn xộn, chị Đ bỏ trốn. Vừa bò, vừa

chạy đến ao rau muống, chị ngâm mình dưới ao suốt một ngày để tránh địch. Chờ đêm tối, chị mò lên, tìm về cơ sở, Bác viết về chị Đ bằng những vần thơ hùng tráng:

Máy phen chìm, nổi, lênh đênh,

Mà lòng kháng chiến trung trinh không sờn.

Anh Nguyễn Văn Thường, chiến sĩ thi đua, người đã được gặp Bác tại Đại hội anh hùng, chiến sĩ thi đua, được Bác biểu dương trên báo Đảng, với những chiến công bắc cầu thông đường. Bác viết: "Anh Thường thật xứng đáng với danh hiệu "chiến sĩ lao động" toàn quốc". Hình ảnh cô Mao, chú Đoan... bình dị, chân chất, "hiền như củ khoai", vậy mà lại nổi lên như những trang sáng chói của chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong phong trào thi đua yêu nước, được Bác nêu gương trên báo Đảng. Trong một cuộc họp của Bộ Chính trị từ ngày 24 đến ngày 25-9-1952, Bác nêu yêu cầu cán bộ cấp cao cần viết bài cổ động phong trào thi đua, gửi đăng báo Đảng, coi đó là một trong những mục tiêu chính trị của Trung ương. Những bài báo cổ động thi đua, theo Bác nên viết ngắn, gọn, cụ thể, dễ hiểu, không nói nguyên tắc, mà nên đi thẳng vào vấn đề chủ chốt nhất. Không chỉ viết bài đăng báo cổ vũ cho thi đua, Bác còn tranh thủ đến thăm các nhà máy, công binh xưởng. "Trại Kiến Thiết" (sau này mang tên nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo) là một trong những cơ sở được Bác về thăm. Đến trại Kiến Thiết, Bác đi thẳng vào nhà ăn kiểm tra việc phục vụ công nhân ăn uống, sau mới xuống các phân xưởng. Bác hỏi công nhân: "Ở đây các cô các chú có thi đua không?". Rồi Bác giải thích về thi đua không phải là ganh đua, mà mỗi người phải gắng sức làm việc. Người công nhân bây giờ phải làm chủ xí nghiệp, đạt năng suất cao, không thể làm theo kiểu "ăn cơm chùa đánh chuông chùa". Đạo ấy, một số thanh niên của Trại Kiến Thiết muốn "bay nhảy" ra chiến trường, muốn lập công nơi khói bụi chiến binh, muốn chết ở bãi chiến trường, chứ không muốn ở lại trại để sản xuất. Anh Nguyễn Lương Bằng,

người phụ trách về mặt tinh thần của nhà máy, báo cáo lên Bác về tư tưởng không đúng này. Bác liền viết thư về trại, khuyên nhủ công nhân trẻ không nên "đứng núi này trông núi nọ", làm việc gì và làm ở đâu để

u là phục vụ nhân dân, phải yên tâm công tác theo sự phân công của cách mạng. Thư Bác đã thức tỉnh lòng người. Tất cả đều kính dâng lên Bác lòng quyết tâm thi đua lập công ở hậu phương, coi đó như chiến công ở tiền phương. Từ đấy, phong trào thi đua của trại càng sôi nổi. Công đoàn viết thư báo cáo lên Bác. Bác đọc thư, mừng lắm, tự tay đánh máy vài dòng gửi về đồng viên anh em:

“Bác rất vui lòng nhận được thư của công đoàn. Bác biết các cô các chú có tiến bộ. Bác mong mọi người cố gắng thêm để tiến bộ nhiều, tiến bộ mãi.

Chào thân ái và quyết thắng,

Hồ Chí Minh".

Cuộc kháng chiến bước vào năm thứ tám, thì hiệu kèn tổng phản công đang chuẩn bị thổi. Tháng giêng năm 1953, Hội nghị lần thứ tư của Trung ương Đảng họp. Tại Hội nghị, Bác đọc một bản báo cáo quan trọng, nhận định toàn bộ cục diện chiến tranh từ đầu năm 1952, rồi đi tới kết luận rằng: "Từ nay cuộc chiến tranh giữa ta với địch sẽ gay go, phức tạp hơn". Để đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn, Bác nhấn mạnh đến việc lãnh đạo kháng chiến và chính sách quân sự, đồng thời phát động phong trào thi đua giết giặc lập công mới. Thực hiện chỉ thị của Bác và Trung ương, toàn dân và toàn quân ra sức chuẩn bị cho đông- xuân 1953-1954 thắng lợi. Tháng 9-1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp bàn về chủ trương tác chiến đông xuân, khẳng định sự đúng đắn của phương hướng chiến lược mà Hội nghị lần thứ tư của Trung ương Đảng đã vạch ra. Tại Hội nghị, Bác kết luận: "Phương hướng chiến lược không thay đổi", đánh địch trên cả hai mặt trận chính diện và sau lưng, phối hợp trên phạm vi cả nước và phối hợp trên toàn Đông Dương. Sự chỉ

đạo chiến tranh tài tình của Đảng và của Bác đã mang lại thắng lợi cho ta trong cuộc tiến công chiến lược đông xuân 1953-1954. Tháng 10-1953, địch mở chiến dịch Hải Âu (Mouette) đánh lớn vào Tây Nam Ninh Bình và ven biển Thanh Hoá. Phó Tổng thống Mỹ R.Níchxon đích thân đến chợ Ghềnh thuộc Ninh Bình để hòa hoãn tiếp sức cho quân Pháp. Nhưng chúng đã vấp phải sức chống cự rất quyết liệt của bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương, buộc phải rút quân, để lại trên 4000 xác chết.

Sau chiến thắng Hải Âu, bộ đội ta hành quân lên Tây Bắc và tiến sang Trung Lào. Trước nguy cơ đổ vỡ, địch nhảy dù xuống Điện Biên Phủ. Bộ đội chủ lực của ta gấp rút hành quân lên Lai Châu, nhằm cắt đứt đường Lai Châu - Điện Biên Phủ, không cho chúng liên lạc với nhau. Lúc này, chúng quyết định xây dựng Điện Biên Phủ thành một pháo đài kiên cố, sẵn sàng tiêu diệt bộ đội ta. Bác và Bộ Chính trị họp bàn và quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Các đại đoàn hùng mạnh lần lượt hành quân lên Điện Biên Phủ, trong khi đó ở hậu phương, chúng tôi tổ chức và huy động một lực lượng lớn công nhân, nông dân sẵn sàng phục vụ chiến dịch. Khẩu hiệu "Hậu phương thi đua với tiền phương" được đẩy lên sôi nổi chưa từng thấy. Để có đường cho xe cơ giới và pháo binh, công nhân cầu đường phối hợp với các đơn vị dân công khác và công binh làm việc suốt ngày đêm dưới làn bom địch, làm mới và sửa chữa được nhiều tuyến đường quan trọng từ các ngã lên Tây Bắc, từ Tuần Giáo vào Điện Biên Phủ, từ Thanh Hoá lên Điện Biên Phủ. Các phương tiện vận tải được huy động triệt để. Hàng vạn xe đạp thồ, cùng thuyền, ca nô, ô tô của công đoàn vận tải được huy động cho chiến dịch, tính chung trong cả chiến dịch, các cấp công đoàn đã huy động được gần 21.000 xe đạp thồ, 11.800 thuyền mảng, ca nô, 500 ngựa thồ, hơn 260 nghìn dân công phục vụ chiến dịch. Công nhân lái xe ô tô vận chuyển được 4.488.000 tấn/km ra tiền tuyến. Phong trào "tăng chuyên, vượt cung, bảo đảm trọng tải, tiết kiệm xăng dầu, đưa hàng về đích sớm"

được công nhân lái xe hưởng ứng. Tất cả những thành tích đó đều được tập hợp báo cáo lên Bác. Tháng 12-1953, Bác gửi thư khen ngợi cán bộ cung cấp và dân công:

"Thu đông năm nay, các cô các chú lại ra tiền tuyến... để cùng bộ đội giết giặc giải phóng đồng bào ta.

Bác gửi lời thăm các cô các chú và mong các cô các chú ra sức thi đua:

- Chịu đựng gian khổ.
- Vượt mọi khó khăn.
- Giúp sức bộ đội, tranh nhiều thắng lợi.
- Hoàn thành nhiệm vụ vượt mức.

Đồng thời các cô các chú phải giữ vững chính sách của Đảng và Chính phủ.

Bác chờ thành tích của các cô các chú để khen thưởng.

Chào thân ái và quyết thắng.

Hồ Chí Minh"

Công cuộc chuẩn bị cho chiến dịch Điện Biên Phủ được chuẩn bị rất khẩn trương từ cuối năm 1953. Bác chỉ thị đây là "chiến dịch rất quan trọng không những về quân sự mà cả về chính trị, không những đối với trong nước mà đối với quốc tế. Vì vậy, toàn quân, toàn dân, toàn Đảng phải tập trung hoàn thành cho kỳ được". Trung ương Đảng và Bác quyết định thành lập Đảng uỷ và Bộ chỉ huy mặt trận do anh Văn (Đại tướng Võ Nguyên Giáp) trực tiếp làm Bí thư và chỉ huy trưởng. Anh Tô (Phạm Văn Đồng) được chỉ định là Chủ tịch hội đồng cung cấp cho mặt trận. Chúng tôi được Bác phân công huy động lực lượng, phương tiện phục vụ tiền tuyến và động viên hậu phương. Ngày 22-12-1953, Bác trao cờ "Quyết chiến quyết

thắng" cho quân đội, động viên bộ đội thi đua giết giặc, lập công. Khi công việc chuẩn bị đã xong, ngày 11-8-1954, Bác gửi thư động viên bộ đội vào trận:

“Các chú sắp ra mặt trận. Nhiệm vụ các chú lần này rất to lớn, khó khăn, nhưng rất vinh quang... Bác tin chắc rằng các chú sẽ phát huy thắng lợi vừa qua, quyết tâm vượt mọi khó khăn gian khổ để làm tròn nhiệm vụ vẻ vang sắp tới”.

Ngày 13-3-1954, quân ta nổ súng, chiến dịch Điện Biên Phủ bắt đầu. Từ khi chuẩn bị đến khi kết thúc chiến dịch, Bác thường xuyên chỉ đạo và theo dõi sát. Trong những ngày chiến dịch, Bác đóng "đại bản doanh" tại xã Hồng Thái, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Khi chiến dịch sắp kết thúc, Bác chuyển về làng Hản cũng thuộc huyện Sơn Dương. Khi thắng lợi hoàn toàn, Bác chuyển ra ở Văn Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Tuy ở Việt Bắc, song mọi diễn biến cả về phía ta và phía địch, Bác nắm rất vững. Tại Việt Bắc, tháng 8-1954, nhà báo Bócsét có hỏi Bác về tình hình Điện Biên Phủ. Bác đặt ngựa chiếc mũ lên bàn, chỉ vào đáy mũ, nói: "Đây là Điện Biên Phủ, thung lũng có núi bao bọc chung quanh". Sau đó, Bác vòng tay theo vành mũ, nói tiếp: "Quân viễn chinh Pháp ở dưới thung lũng này, chúng tôi từ trên núi ở chung quanh bao vây chúng. Chúng nhất định không thể thoát được". Thực tiễn Điện Biên Phủ đã chứng minh cho nhận định của Bác là hoàn toàn đúng.

Sau 55 ngày đêm chiến đấu liên tục, hết sức mưu trí, hết sức oanh liệt, hết sức dũng cảm, chiến đấu với tinh thần "người trước ngã người sau tiến", ngày 7-5-1954, tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ bị tiêu diệt hoàn toàn. Lá cờ “Quyết chiến quyết thắng" của Bác phất cao và tung bay trên bầu trời Điện Biên Phủ. Tin thắng trận bay về Việt Bắc, Bác và chúng tôi cứ ôm nhau mừng rơi nước mắt. Bác liền viết thư cho cán bộ và chiến sĩ mặt trận Điện Biên Phủ, báo tin khao quân. Tin vui thắng trận Điện Biên Phủ làm cho nguồn thơ trong Bác lại chảy dạt dào. Bác làm

những bài thơ ca ngợi chiến dịch: "Thế là quân ta đã toàn thắng. Toàn thắng là vì rất cố gắng". Trong bài "Nava chinh phục ngăm" Bác viết:

*Thua trời đất nổi cơn gió bụi
Khiến Nava nhiều nỗi trăn chuyên,
Thua to ở trận Điện Biên,
Vì ai kế hoạch mà nên nỗi này.
Cút về Tây tằm lòng xấu hổ,
Xấu hổ này biết đổ ai đây
Bước chân lên chiếc tàu bay
Bước đi mỗi bước giây giây lại dừng.
Quân kháng chiến tưởng chừng dễ xước,
Nào ngờ Na hết sức chủ quan,
Hơn hai mươi một tiểu đoàn,
Chỉ trong một trận tan hoang toi bời.
Thôi, Na hãy cút về nước mẹ.
Quyền chỉ huy để lại Salăng.
N. đi S. lại lãng nhãng
Thằng đi, thằng ở, chẳng thằng nào hơn.*

Trong một bài báo, Bác viết: "Xưa kia vua Pháp là Napoléon đã gặp một Điện Biên Phủ ở Mạc Tư Khoa (năm 1812) và một Điện Biên Phủ khác ở Oatéclo (năm 1815)". Bọn chúng không biết rút kinh nghiệm nên lại có Điện Biên Phủ ở Việt Nam.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng. Trong những ngày thủ đô sắp giải phóng, tôi xin phép Bác cho vào nội thành Hà Nội để tổ chức công nhân đấu tranh giữ máy lại, quyết không cho Pháp mang đi. Bác bảo tôi ở lại họp Hội nghị Trung ương. Công việc này có thể cử đồng chí khác đi. Chúng tôi gài một đội công tác công nhân vào thành Hà Nội làm nhiệm vụ vận động công nhân giữ máy lại. Công việc này làm có kết quả tốt. Từ trong thành báo ra: Ngày 9, 10-9-1954, chủ Nhà máy điện Bờ Hồ định mang hết máy búa, máy đặt cột đèn, máy đo sức điện, cần cầu đi Hải Phòng rồi chuyển vào Nam Bộ, nhưng công nhân đã đấu tranh giữ lại. Ở Sở xe lửa, chủ định chở than đi Hải Phòng, công nhân không chịu. Ngày 21-9-1954, chủ còn định chở đi 2 toa dụng cụ, công nhân đấu tranh giữ lại. Trong các ngày 27, 28-9-1954, tên chủ lại định đem 3 tàu đi Hải Phòng, công nhân phản đối và cử đại biểu đấu tranh giữ lại được. Còn công nhân bưu điện ở ngay tại sở suốt nửa tháng để bảo vệ công sở, v.v ... Nhờ có "cuộc vận động ngầm", nên công nhân đã giác ngộ giữ lại được nhiều máy móc quan trọng, để đến khi chúng ta về thủ đô, có thể tận dụng nó để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Sau 8 năm xa Hà Nội, nay do thắng lợi của cuộc kháng chiến, Bác, Trung ương, Chính Phủ và các cơ quan, đoàn thể vui mừng trở về thủ đô. Trên đường về thủ đô, ngày 19-9-1954, Bác đến thăm Đại đoàn quân Tiên phong đang tập kết ở Phú Thọ chuẩn bị về tiếp quản Hà Nội. Trên sườn núi Nghĩa, dưới mái đền Hùng, cán bộ và chiến sĩ quây quần nghe Bác nói chuyện. Với giọng ấm áp, Bác nói: "Bác cháu ta gặp nhau ở đây tuy tình cờ nhưng lại rất có ý nghĩa. Ngày xưa các vua Hùng đã có công dựng nước, ngày nay Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước. Trải qua bao thời đại đấu tranh, ông cha ta mới giữ được thủ đô. Tám, chín năm qua, do quân ta kiên quyết kháng chiến nên mới có thắng lợi trở về Hà Nội. Vì thế, các chú được

Trung ương và Chính phủ giao cho nhiệm vụ tiếp quản thủ đô là được nhận một vinh dự rất lớn".

Được Bác động viên, cổ vũ, Đại đoàn quân Tiên phong cùng các đơn vị bộ đội khác, từ các ngã đường Việt Bắc, trung du và đồng bằng hăng hái tiến về Hà Nội. Sáng 10-10-1954, đại quân ta từ các ngã gồm bộ binh, pháo binh, cơ giới, mở cuộc hành quân lịch sử vào Hà Nội. Thủ đô hoàn toàn giải phóng.

Ngày 10-10-1954, Bác về đến Hà Nội, Bác kêu gọi đồng bào hãy ra sức giữ gìn trật tự trị an, nhanh chóng ổn định sản xuất và đời sống. Điều mong muốn của Bác là mọi người hãy đưa hết tài đức ra để khôi phục thủ đô và xây dựng nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập và dân chủ.

Ngày 12-10-1954, Hội đồng Chính phủ do Bác chủ tọa, đã họp phiên đầu tiên tại Hà Nội, sau tám năm xa cách thủ đô đi kháng chiến.

Ngày 16-10-1954, tại Phủ Chủ tịch, Bác tiếp các đại biểu nhân dân Hà Nội đến chào Bác.

Ngày 25-10-1954, Bác triệu tập chúng tôi đến họp Bộ Chính trị, bàn về tình hình và đề ra nhiệm vụ mới, chuẩn bị cho Đại hội Mặt trận Liên Việt, phân công phụ trách công tác của các uỷ viên Bộ Chính trị trong tình hình mới. Tại cuộc họp, Bác nêu một số vấn đề cấp bách để củng cố miền Bắc và chiêu cố miền Nam. Bác còn nói sẽ cử một đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ đi thăm Trung Quốc và Liên Xô...

Sáng ngày 1-1-1955, 25 vạn đồng bào Hà Nội thuộc đủ các tầng lớp họp mít tinh tại quảng trường Ba Đình lịch sử, chào mừng Trung ương Đảng, Chính phủ và Bác trở về thủ đô sau 8 năm kháng chiến. Hôm ấy, tôi cũng được vinh dự cùng Bác và các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước đứng trên lễ đài. Tại buổi lễ, Bác chúc đồng bào năm mới vui vẻ, mạnh khoẻ, cố gắng và tiến bộ. Bác nêu nhiệm vụ sắp tới mà đồng bào cả nước cần chung vai gánh vác. Đây là một sự kiện chính trị

trọng đại. Nó kết thúc một thời kỳ chiến đấu oanh liệt và hy sinh của dân tộc ta chống lũ sói cầy thực dân. Nó mở ra một trang sử mới hết sức huy hoàng.

Tôi muốn dừng ở đây những dòng hồi ký về Bác. Sau này, nếu có điều kiện, tôi sẽ viết tiếp những kỷ niệm về Bác trong những ngày xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống mỹ cứu nước.

Chúng ta đã viết nhiều về Bác. Nhưng vẫn cảm thấy thiếu. Thiếu vì sự nghiệp của Bác hết sức lớn lao, trong khi đó, chúng ta vẫn chưa phản ánh được đầy đủ. Thiếu vì tư tưởng của Bác lớn lao, song trình độ của chúng ta còn thấp, chưa phân tích được hết. Nhưng tôi nghĩ rằng, chúng ta không chỉ nói về Bác, mà điều quan trọng là chúng ta đã làm được gì theo lời Bác dạy. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thắng lợi là một dấu mốc nói rằng chúng ta đã thực hiện xuất sắc lời dạy của Bác: "Không có gì quý hơn độc lập, tự do". Khi cả nước bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã trải qua biết bao thử nghiệm, tìm tòi thất bại và thành công đan xen nhau, tất cả đều nhằm mục tiêu dân giàu nước mạnh.

Trong những ngày này, trên tay tôi thường nâng niu bộ sách "Hồ Chí Minh toàn tập". Đọc các trước tác của Bác, tôi thấy đều gói ghém trong dòng tư tưởng nhất quán: ĐỘC LẬP, TỰ DO, HẠNH PHÚC. Sáu chữ ấy thiêng liêng làm sao, nó chứa chan nghĩa nước, ôm ấp tình đời, tình người. Bác nói rằng, giành độc lập là mục tiêu số một. Nhưng khi mục tiêu số một đạt được rồi, mục tiêu số hai: Tự do, hạnh phúc lại trở thành số một. Bác nói: "Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì". Đầu năm 1946, trong bài phát biểu tại cuộc họp đầu tiên của Ủy ban Nghiên cứu kế hoạch kiến quốc, Bác nhấn mạnh: "Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết có giá trị của tự do, độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ". Từ sau ngày nước nhà độc lập, lúc nào Bác cũng căn dặn cán bộ phải hết sức chăm lo đến đời sống của nhân dân. Bác nói: "Nếu dân đói

Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi... Nếu dân đói, rét, dốt, bệnh thì chính sách của ta dù có hay mấy cũng không thực hiện được". Đó là những lời ân tình của Bác đối với nước, với dân.

Lời nói của Bác có được thực hiện hay không, điều này còn phụ thuộc vào lương tâm, nhận thức, hành động, trách nhiệm của mỗi người đối với xã hội. Làm sao, mỗi con người đều có lương tâm gom góp phần mình vào xây dựng xã hội tương lai. Đó là chuẩn mực của đạo đức mà Bác đã dạy chúng ta và chỉ có chuẩn mực ấy mới có thể đưa chúng ta tới chủ nghĩa xã hội, ấm no, hạnh phúc.